Th.S PHẠM NGỌC THẮM

Bồi dưỡng năng lực Tập làm văn 9






NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ThS. PHẠM NGỌC THẮM

BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC

TẬP LÀM VĂN

9

Biên soạn theo chương trình mới của Bộ Giáo dục & Đào tạo



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lời tựa

Văn chương mang đến cho tâm hồn và nhân cách con người nhiều cái hay, cái đẹp kì diệu, cái sáng lấp lánh... Thông qua những nhân vật với những sự kiện, những cuộc đời trong trang văn, học sinh có thể liên hệ tới đời sống xã hội xung quanh mình để từ đó tìm cho mình những cách ứng xử tuyệt vời, tinh tế, khéo léo và hợp lí với cuộc sống. Khả năng cảm nhận, giải thích, phân tích cái hay, cái đẹp của tác phẩm văn học là một trong những kĩ năng quan trọng giúp các em học sinh học giỏi môn Ngữ văn.

Văn học là một bộ môn nghệ thuật rất khó. Mong muốn học giỏi môn Ngữ văn là mong muốn tha thiết, chính đáng của những người học Văn. Muốn học giỏi bộ môn kì diệu này, các em cần phải nuôi dưỡng lòng mê say và cần phải có phương pháp học tập một cách khoa học, đúng đắn để không ngừng nâng cao kiến thức, hiểu biết và khả năng tư duy của mình.

Trong chương trình Ngữ văn Trung học cơ sở, song song với việc giải mã các văn bản *tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, điều hành* trong giờ đọc – hiểu văn bản, các em sẽ được học cách tạo lập các kiểu văn bản này trong giờ Tập làm văn. Việc chia tách các kiểu văn bản nhằm giúp học sinh nắm được các phương thức biểu đạt *tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, điều hành,* với các thao tác chính như *kể, tả, biểu cảm, lập luận, thuyết minh* cũng như sự đan xen, kết hợp giữa các thao tác này trong khi tạo lập văn bản. Với quan điểm chú trọng tới việc rèn luyện, nâng cao kĩ năng thực hành, tạo lập văn bản nói và viết tiếng Việt, môn Tập làm văn đã xây dựng nội dung theo cấu trúc đồng tâm, có lặp lại (nâng cao) ở các lớp khác nhau.

Với phương châm đề cao việc luyện tập kĩ năng thực hành nên thời lượng dành cho môn *Tập làm văn* trong chương trình Ngữ văn mới có sự thay đổi lớn (tăng 10% so với chương trình cải cách giáo dục cũ và chiếm khoảng 33% tổng số giờ của môn Ngữ văn).

Trên tay các em là quyển sách ***BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TẬP LÀM VĂN 9.*** Trong quyển sách này, chúng tôi chú ý biên soạn đáp ứng trọng tâm các yêu cầu về kĩ năng và yêu cầu về kiến thức cần có cho các em khi học môn Ngữ văn nói chung và môn Tập làm văn nói riêng. Quyển sách này cũng được chú ý biên soạn nhiều bài văn củng cố, mở rộng – nâng cao kiến thức, kĩ năng và tổ chức hệ thống đề bài để "học" luôn đi đôi với "hành". Những đề bài mở rộng và nâng cao trong quyển sách này không quá khó và luôn gắn với các bài học trong sách giáo khoa, luôn gắn với khả năng tiếp nhận của các em.

Với nội dung khá phong phú, đa dạng như vậy, chúng tôi hi vọng cuốn sách sẽ bổ ích đối với các em học sinh. Những bài văn trong quyển sách này, dù là văn mẫu, các em cũng chỉ nên dùng để tham khảo, không nên phụ thuộc vào các bài văn mẫu đó. Những kinh nghiệm rút ra được khi đọc các bài tham khảo kết hợp với năng lực sáng tạo của tư duy sẽ giúp các em viết được những đoạn văn hay, làm được những bài văn hay.

Bể học là mênh mông, vô tận. Chúng tôi khát khao, mong mỏi các em vượt khó để vươn lên học giỏi bộ môn Ngữ văn.

Mặc dù chúng tôi đã có nhiều cố gắng trong khi biên soạn, song cuốn sách có thể còn thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của bạn đọc gần xa để khi tái bản, cuốn sách sẽ được hoàn thiện hơn.

Chúc các em có nhiều hoài bão, khát vọng, học giỏi, đạt được nhiều thành tích trên con đường học tập hôm nay và con đường nghiên cứu khoa học trong tương lai.

Tác giả

PHẦN I NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

Đề: Bình luận câu tục ngữ: *Cái nết đánh chết cái đẹp.*

Bài làm

Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.

Đó là một trong những kinh nghiệm sống thực tế mà người đời truyền lại cho con cháu đời sau. Khi đánh giá sự vật, chúng ta chú ý đến chất liệu tạo ra đồ vật. Còn khi nhận xét một con người, ông cha ta cho rằng: *Cái nết đánh chết cái đẹp.*

Chúng ta nhìn nhận lời nhắn nhủ này như thế nào và có ý kiến ra sao, giữa hai vấn đề "cái nết" và "cái đẹp"?

Trước hết, chúng ta cần hiểu rõ ý nghĩa của câu tục ngữ qua hai hình ảnh mang nội dung đối lập: "Cái nết" là nết na, phẩm cách, đức hạnh của con người, là nét đẹp về nhân cách, về tâm hồn. Nét đẹp đó không phơi bày một cách hào nhoáng, mà ẩn kín bên trong. Còn "cái đẹp" là vẻ rực rỡ hấp dẫn quyến rũ bề ngoài. Chúng ta có thể hiểu đó là vẻ bóng bẩy bên ngoài.

Câu tục ngữ cho rằng: tư cách, phẩm chất đạo đức có sức mạnh "đánh chết", tiêu diệt hình thức lòe loẹt phô trương bên ngoài. Tư cách của con người có giá trị bền vững, dài lâu hơn vẻ đẹp son phấn, màu mè bên ngoài. Cũng như chất liệu tạo ra đồ vật có giá trị cao hơn lớp nước sơn, bao bì che bọc bên ngoài. Như vậy, lời tục ngữ ấy đề cao, coi trọng tư cách, phẩm chất hơn dáng vẻ bảnh bao bên ngoài. Cũng ca ngợi đức độ con người, ca dao xưa có câu:

Người trồng cây hạnh người chơi
Ta trồng cây đức để đời về sau.

Người xưa khuyên chúng ta "trồng cây đức" có nghĩa là ra công, cố sức rèn luyện tư cách luôn đàng hoàng, đứng đắn.

Trở lại vấn đề, câu tục ngữ khẳng định phẩm giá con người tồn tại vĩnh viễn còn vẻ hào nhoáng bóng bẩy bề ngoài sẽ bị tiêu diệt. Đó là suy nghĩ đúng. Bởi vì con người được quý mến là do họ có tư cách. Họ quan hệ đối xử hòa nhã với người chung quanh. Họ không làm điều gì có hại đến tính mạng, tài sản của kẻ khác. Ngược lại, những kẻ mất tư cách, kém đạo đức, thường gây tai họa cho người lân cận. Khi câu tục ngữ khẳng định "cái nết đánh chết cái đẹp" thì cái đẹp đang hấp hối kia chính là cái xấu đội lốt cái đẹp. Cái đẹp giả tạo phù du không thể tồn tại mãi với thời gian. Cái đẹp hình thức đó không thể chống chọi

lại cái nết cao cả, vĩnh cửu. Vì muốn có được cái nết cao đẹp, con người phải khổ luyện, tập tành bền lâu, dai dẳng, kiên trì mới có được. Còn cái đẹp bề ngoài chỉ cần vật chất, tiền tài, trong phút chốc có thể tạo nên. Muốn có mái tốc uốn cong, trang sức đẹp đề phục vụ dạ hội, người ta vào tiệm uốn tóc trong thời gian ngắn. Nhưng muốn có được mái tóc dài óng ả mượt mà, ta phải dưỡng mái tóc mấy năm trời. Bảo vệ cái nết, tôn vinh đạo đức, tục ngữ có câu:

Có đức mặc sức mà ăn.

Cái đức vĩnh viễn "ăn" mãi vẫn còn, đó là cái "nết" quý báu của con người. Tuy nhiên, coi trọng cái nết mà loại trừ, lánh xa cái đẹp là điều làm chúng ta cảm thấy băn khoăn, vì chưa thỏa đáng. Một người hoàn thiện phải hội đủ hai phần: phẩm chất, tư cách, đạo đức và dáng vẻ hình thức bên ngoài. Cái đẹp bên trong và dáng dấp bề ngoài phải hài hòa, gắn bó nhau. Người có tư cách đàng hoàng không thể ăn mặc xốc xếch, nói năng cộc cằn. Cũng như một món hàng chất lượng cao thì phải được chế tạo bởi chất liệu tốt và được đóng gói trong bao bì có màu sắc đẹp, kiểu dáng tinh tế. Vì vậy, con người mới dùng kem, phấn làm đẹp dung nhan, trang trí nội thất làm đẹp phòng họp, phòng khách. Những chậu hoa, bức màn màu sắc rực rỡ để làm đẹp môi trường sống. Như vậy con người cũng nên để cho "cái đẹp" được sống mãi với thời gian. Khi người đời nói: *Người đẹp vì lụa, lúa tốt vì phân* thì họ cũng công nhận cái đẹp cũng cần thiết cho con người lắm. Hình thức cũng góp phần làm hoàn chỉnh nội dung. Cái đẹp cũng làm cho cái nết tồn tại dài lâu, lại có giá trị cao.

Câu tục ngữ có tác dụng giáo dục người đời cố công rèn luyện tư cách phẩm chất. Đó là căn bản, nguồn gốc hình thành con người toàn diện. Do vậy, khi còn nhỏ được cắp sách đến trường lớp, được ở bên cạnh mẹ cha, chúng ta kiên trì rèn luyện tư cách phẩm chất. Trước hết chúng ta phải là trò ngoan, con thảo hiền, bạn thân thiết hòa nhã. Trong lớp, chúng ta chăm chỉ học tập, sẵn sàng giúp bạn, đoàn kết trong học tập, công tác. Quan hệ chân thành với các bạn trong lớp, trong trường. Ở nhà, chúng ta luôn vâng lời dạy bảo của mẹ cha, anh, chị. Đối với hàng xóm, láng giềng thì thật thà, trung thực. Chúng ta có ý thức và thực hiện đúng câu:

Tiên học lễ, hậu học văn.

Nghĩa là chúng ta luôn lắng nghe lời khuyên dạy về đạo đức, nhân cách của các bậc thầy cô. Mai sau trưởng thành được gia nhập cuộc sống cộng đồng, chúng ta sẽ là người có phẩm chất đạo đức tốt. Chúng

ta sẽ được xã hội phân công công việc hợp khả năng, góp phần làm giàu cuộc sống chung. Bác Hồ có nói: "Có tài mà không có đức là người vô dụng. Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó.". Để không bị rơi vào loại người "vô dụng", chúng ta cần bồi dưỡng, rèn luyện tư cách đạo đức để trở thành con người vừa có tài, vừa có đức. Con người là vậy. Còn đồ vật cũng thế. Nếu một món hàng được chế tạo bằng chất liệu tốt thì phải được đặt trong bao bì đẹp mới đủ sức hấp dẫn khách hàng.

Câu tục ngữ cô đọng, chỉ có sáu tiếng, nhưng đằng sau nó là một kinh nghiệm sống thực tế. Phẩm chất tư cách là cái gốc hình thành một con người, và dáng vẻ bề ngoài cũng góp phần cấu tạo hoàn chỉnh một con người. Người xưa nói "cái nết na" tiêu diệt "cái đẹp" khi cái đẹp đó là cái đẹp phù phiếm, giả tạo. Cái đẹp chân chính, cái đẹp đích thực hỗ trợ cho cái nết được hoàn chỉnh, thì cái đẹp ấy rất đáng nâng niu, gìn giữ. Tuy nhiên, con người cũng đừng bao giờ để cái vẻ hào nhoáng rực rỡ bên ngoài cám dỗ rồi đánh mất cái giá trị đạo đức làm người.

Đề: Nhân dân ta thường nhắc nhở nhau: *Có công mài sắt, có ngày nên kim*. Hãy trình bày ý kiến của em về câu tục ngữ đó.

Bài làm

Không một thắng lợi nào mà không gặp những khó khăn, thử thách, không một thành công nào mà không phải bước qua bom đạn, chông gai. Cái chính là con người có kiên trì, có quyết tâm vượt qua hay không? Hiểu được điều đó, từ ngàn xưa nhân dân ta đã nhắc nhở nhau: *Có công mài sắt, có ngày nên kim.*

Câu tục ngữ ấy cho đến hôm nay vẫn còn là một kinh nghiệm rèn luyện bản thân vô cùng quý giá.

Câu tục ngữ thật ngắn gọn, hàm súc mà ý nghĩa của nó thật lớn lao. Với hình ảnh ẩn dụ đặc sắc, ông cha ta đã khuyên chúng ta phải biết kiên trì, chịu thương chịu khó thì làm công việc gì cũng đạt hiệu quả cao. Không phải việc gì dù dễ đến đâu chúng ta cũng gặt hái kết quả ngay được. Có công thì mới có quả. Có chịu khó rèn luyện thì chúng ta mới vượt qua gian lao thử thách để hoàn thành công việc được giao.

Vâng, câu tục ngữ là một chân lí sáng ngời, là một chiếc gương để mọi người tự rèn luyện. Chân lí được đúc kết qua quá trình lao động sản xuất gian khổ của nhân dân ta. Có đặt vấn đề vào thực tế cuộc sống của chúng ta hôm nay mới có thể thấu hiểu được cái tinh tế của người xưa.

Mỗi học sinh phải trải qua thời gian "mài đũng quần" trên ghế nhà trường suốt mười mấy năm mới có thể đủ tri thức bước vào cuộc sống. Trong cuộc sống, chúng ta phải không ngừng rèn luyện, tự học thì mới thành tài. Một người phải rèn luyện trong khó khăn, lao động chăm chỉ, lao động cần cù mới có được tay nghề cao và làm ra được những sản phẩm tốt, làm giàu cho xã hội. Nhưng sự rèn luyện ấy không phải lúc nào cũng gặp thuận lợi hoàn toàn, cái chính là chúng ta phải biết làm chủ ý chí, nghị lực của mình để vượt qua những khó khăn ấy. Tự rèn luyện nhưng chúng ta cũng phải tự đề ra phương pháp hợp lí. Rèn luyện không có nghĩa là khổ luyện. Rèn luyện phải biết kết hợp giữa những ưu điểm sẵn có của mình và những điều học tập của người khác, biến mặt yếu thành mặt mạnh. Được như vậy, chúng ta phải tiến dần từng bước, tìm cách khắc phục mọi khó khăn. Người học sinh muốn giỏi toàn diện thì không được nản lòng trước những bài toán hiểm hóc, bài văn khó làm. Hơn nữa, trong cuộc sống chúng ta, tương lai luôn ở phía trước, hiện tại luôn cận kề bên ta nhắc ta không chỉ lúc nào cũng mơ đến một ngày mai tốt đẹp mà phải luyện rèn từ hôm nay. Nói tóm lại, muốn gặt hái được kết quả mỹ mãn, chúng ta phải kiên nhẫn từng bước một như câu tục ngữ:

Có chí thì nên.

Thế nhưng, trong thực tế cuộc sống, bên cạnh những tấm gương tốt, còn có những kẻ ngại khó, ngại khổ, nhất là trong giới học sinh chúng ta, còn nhiều bạn nản lòng trước bài toán khó, chùn bước trước bài sử, bài văn dài hoặc coi thường những bài học đơn giản. Không thiếu những bạn có quyết tâm ban đầu nhưng khi đối đầu với khó khăn thì bỏ cuộc. Có người còn quan niệm rằng mình đã đủ tài nên buông xuôi phần rèn luyện, coi thường những ưu điểm của kẻ khác. Và nghiêm trọng hơn cả trong xã hội còn khó khăn hôm nay, có bạn coi thường việc học và cho đó là không cần thiết, không chịu "mài sắt". Liệu những người đó có đạt được kết quả như mình mong ước hay không? Chúng ta hãy nhớ, một thiên tài có một phần trăm là năng khiếu còn chín mươi chín phần trăm còn lại là lao động và rèn luyện. Biết bao nhà bác học trên thế giới lúc nhỏ gặp biết bao trở ngại, nhưng bằng quyết tâm và sự kiên trì họ đã vượt qua tất cả để thành đạt trong cuộc đời và cống hiến cho nhân loại những công trình vô giá. Họ đã thành công như mình mong ước.

Ích lợi của việc rèn luyện kiên trì là như thế đấy! Là một học sinh dưới mái trường xã hội chủ nghĩa, chúng ta không chỉ rèn luyện cho

mình mà còn góp phần xây dựng cho đất nước mai sau. Đất nước ta hôm nay còn rất nhiều gian khổ, dân tộc ta còn thua kém, thiệt thòi so với các nước, các dân tộc khác. Vì vậy, mỗi con người trong chúng ta lại càng phải hiểu rõ và làm theo lời khuyên của ông bà: "Có công mài sắt, có ngày nên kim", chúng ta không được cho phép mình lùi bước trước khó khăn và phải hiểu đó là trách nhiệm là nghĩa vụ đối với Tổ quốc.

Vậy chúng ta phải rèn luyện như thế nào để đạt kết quả tốt? Theo em muốn đạt kết quả tốt trong học tập cũng như trong lao động sản xuất, trước hết, chúng ta phải luôn luôn khiêm tốn, nhắc nhở bản thân phải luôn học hỏi. Chúng ta không có quyền nản lòng trước công việc khó khăn, không được nản lòng trước gian nan. Hãy luôn nhớ đến sự nhẫn nại của ông cha ta trong lao động sản xuất. Hãy nhớ đến những thành quả lao động mà cha anh chúng ta đã gặt hái mà nhắc nhở mình rằng: "Có công mài sắt, có ngày nên kim".

Câu tục ngữ là một bài học đối với tất cả mọi người. Đó là một lời khuyên rất chân tình, sâu sắc với những ai còn nóng nảy, hấp tấp trong công việc và tăng thêm quyết tâm cho những ai có ý chí muốn phấn đấu vươn lên. Là học sinh, em luôn coi câu tục ngữ là phương châm, là tấm gương để tự rèn luyện bản thân trở thành con người có ích cho chính mình và cho xã hội như lời Bác Hồ đã khuyên:

Sống ở trên đời người cũng vậy
Gian nan rèn luyện mới thành công.

(Nghe tiếng giã gạo)

Đề: Nói chuyện với học sinh, Hồ Chủ tịch đã dạy: *Có tài mà không có đức là người vô dụng. Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó.* Em hãy bàn luận về lời dạy đó.

Bài làm

Bác Hồ – vị Cha già muôn kính vàn yêu của dân tộc, luôn quan tâm đến việc rèn luyện nhân cách cho trẻ, đặc biệt là lứa tuổi học sinh. Trong một lần nói chuyện với học sinh, Bác đã dạy: *Có tài mà không có đức là người vô dụng. Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó.*

Lời dạy của Bác đã khắc sâu trong tâm hồn trí tuệ thế hệ trẻ, trụ lại mãi với thời gian. Cho đến bây giờ lời dạy của Bác vẫn vang vọng trong tâm hồn mọi người. Muốn hiểu rõ ý nghĩa lời dạy của Bác, trước hết ta phải hiểu khái niệm *đức* và *tài.* Theo em, nói về tài là nói về mặt trí tuệ, kiến thức, kinh nghiệm và năng lực. *Tài* là khả năng hoàn

thành nhiệm vụ với kết quả cao, giải quyết tốt mọi khó khăn xảy ra và luôn sáng tạo trong việc làm. *Đức* là đạo đức, là tinh thần hết lòng phục vụ nhân dân, là cần kiệm liêm chính, dũng cảm khắc phục mọi khó khăn, chịu đựng gian khổ và luôn luôn sống với phương châm: *Mỗi người vì mọi người.*

Từ khái niệm *tài* và *đức*, từ yêu cầu của cuộc sống, Bác đã đưa ra kết luận: *Có tài mà không có đức là người vô dụng.* Một con người có tài mà không có đức thì con người đó không có ích cho cuộc sống. Trong thực tế cuộc sống và trong văn học em điều thấy lời dạy của Bác hoàn toàn đúng, nó thể hiện cách đánh giá đúng chân giá trị của con người. Có tài, có hiểu biết, có kinh nghiệm nhưng lại không mang sự hiểu biết đó phục vụ nhân dân, làm đẹp giàu cho đất nước thì cái tài đó hoàn toàn vô ích. Một người có tài mà chỉ thu vén cho lợi ích cá nhân thì người đó cũng trở thành vô dụng mà thôi! Mặt khác, con người có tài mà làm việc xấu, trái với đạo đức, trái với lương tâm thì không những chỉ là vô ích mà còn có hại, cái tài ở đây không đáng được trân trọng nữa. Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đất nước ta còn gặp rất nhiều khó khăn. Nó đòi hỏi phải có nhiều người có tài, có đức. Song người có tài chỉ nghĩ đến lợi ích cá nhân, không mang sự hiểu biết và kinh nghiệm của mình để tạo ra của cải cho đất nước, thì những con người đó đều là vô ích, cái tài của họ đáng bỏ đi... Thực tiễn cho thấy con người có tài năng càng cao mà không có đạo đức thì tác hại của nó thật to lớn. Một người có tài, trong khi đất nước đang gặp khó khăn, đang cần họ mà họ lại thu vén cá nhân thì họ không những đã không góp phần làm đẹp cho đất nước mà có khi còn mang lại những thiệt hại to lớn cho đất nước... Bác nói *Có tài mà không có đức là người vô dụng* thật không sai chút nào!

Trong thực tế, từ xưa tới nay đạo đức là phẩm chất không thể thiếu được đối với mỗi người. Đạo đức, tính cách con người là cái quý nhất. Mất đạo đức, con người khác nào loài vật! Song, không có tài năng thì con người làm việc cũng rất khó khăn, chật vật. Tài năng giúp cho chúng ta hoàn thành tốt mọi công việc. Có đức, muốn phục vụ tốt cho đất nước nhưng tài năng không có thì họ không đạt được những ý muốn của mình. Nhiều khi vì không có tài năng, họ đã làm hỏng việc và làm hại cả đến sự nghiệp chung. Một người cán bộ quản lí hợp tác xã có tinh thần, có chí và trách nhiệm cao nhưng tài năng kém sẽ làm cho công việc lúng túng, sai sót và vất vả... Trong một nhà máy, người lãnh đạo sống mẫu mực nhưng không có tài thì nhà máy sẽ làm ăn

thua lỗ và dẫn đến bờ vực phá sản. Quả thật, ngoài đạo đức, tài năng cũng là một vấn đề rất cần thiết, nó phục vụ cho chính cuộc sống của chúng ta. Vì vậy, *tài* luôn luôn đi với *đức*, một con người có *đức* chưa đủ mà còn phải có cả tài năng và khi chúng ta rèn luyện thì phải rèn luyện cả *đức* lẫn *tài*.

Rõ ràng *đức* và *tài* là hai mặt không thể thiếu được trong phẩm chất của con người lao động kiểu mới. Hai mặt này không loại trừ nhau mà bổ sung cho nhau, tạo nên phẩm chất của con người phát triển toàn diện. Từ xa xưa các cụ đã thường nói: *Tiên học lễ,* điều trước tiên đối với con người phải là vấn đề đạo đức. Vấn đề đó là gốc, là yếu tố quyết định, *tài* là biểu hiện cụ thể của *đức*, không có khái niệm đạo đức chung chung, tách rời hiệu quả làm việc...

Vì vậy *tài* và *đức* phải hài hòa trong phẩm chất của con người lao động kiểu mới, giúp họ làm giàu đẹp cho quê hương và đất nước. Anh Hồ Giáo là một hình ảnh điển hình. Anh tận tụy, say mê với công việc, đem hết tài năng, sức lực của mình vào công việc lai tạo giống bò cho đất nước. Đó là hình ảnh anh thanh niên trong tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long. Anh đã chọn cho mình công việc cống hiến thầm lặng cho đất nước mặc dù phải xa cuộc sống của con người đô thị, chịu cái giá rét, cô đơn trên ngọn núi cao hai nghìn sáu trăm mét. Với lòng say mê nghề nghiệp, anh đưa những hiểu biết những kinh nghiệm áp dụng vào việc làm, góp phần không nhỏ vào công việc chiến đấu bảo vệ đồng quê xanh tươi của Tổ quốc... Đó cũng chính là hình ảnh cô kĩ sư trẻ đã dám rời bỏ cuộc sống thành thị, dám dứt bỏ mối tình đầu mà cô cho là nhạt nhẽo để đến với vùng rừng núi xa xôi, hẻo lánh, đem hết tài năng và sức lực để phục vụ nhân dân và đất nước... Họ là những hình ảnh con người lao động kiểu mới có tài và có đức. Những hình ảnh trên một lần nữa khẳng định được tính đúng đắn trong lời dạy của Bác. Những con người có tài, có đức đều là những con người có ích cho đất nước và cho xã hội. Hình ảnh những con người đó đáng kính trọng và đáng mến biết bao!

Bác Hồ là một tấm gương sáng về tài và đức. Với lời dạy trên, Bác muốn nói với thế hệ trẻ rằng: Con người có ý nghĩa nhất đối với cuộc sống là con người được tu dưỡng, rèn luyện toàn diện cả về tài và đức. Một nhân cách toàn diện, cao đẹp là sự kết hợp hài hòa giữa tài năng và phẩm chất đạo đức... Lời dạy của Bác là kim chỉ nam cho mọi hoạt động rèn luyện của thế hệ trẻ, tạo nên những chuyển biến về chất trong sự nghiệp giáo dục và đào tạo chúng ta... Lời dạy đó vừa có ý

nghĩa lí luận, vừa có giá trị thực tiễn nên đã vạch ra được phương hướng tu dưỡng cho mọi người là phải rèn luyện cả tài lẫn đức để trở thành một con người toàn diện.

Tuy Bác Hồ đã đi xa nhưng lời dạy của Bác về tài và đức vẫn vang vọng cho đến tận bây giờ và ngàn đời sau: tài, đức phải được kết hợp hài hòa để tạo nên nhân cách con người mới. Thực hiện lời dạy của Bác Hồ, em thấy mình phải ra sức trao dồi, rèn luyện cả đức lẫn tài để trở thành người lao động toàn diện, có ích cho đất nước, cho cuộc sống.

***Đề:* Ngày trước, trong xử thế, có người cho rằng:**

Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau.

Em hãy giải thích ý nghĩa của câu tục ngữ đó. Em có tán thành cách xử thế đó không? Vì sao?

Bài làm

Nếu là con chim chiếc lá
Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh
Lẽ nào vay mà không có trả
Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình.

(Tố Hữu)

Với những câu thơ trên nhà thơ Tố Hữu nêu lên quan niệm của mình, sống là cống hiến. Đông đảo thanh niên ta lâu nay, đặc biệt là trong thời kì chống Mỹ cứu nước cũng đã dấy lên phong trào thi đua *đi bất cứ nơi đâu, làm bất cứ việc gì mà Tổ quốc cần.* Các anh đã xung phong gương mẫu sẵn sàng lao đến những điểm nóng, điểm gian khổ nhất, những công việc nặng nề khó khăn nhất và cũng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình.

Lẽ sống cao đẹp này hoàn toàn trái ngược với câu tục ngữ quen thuộc *Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau.*

Câu tục ngữ đó có giá trị như một lời khuyên nhủ răn dạy hay một lời phê phán thói khôn ranh thủ lợi.

Chúng ta hiểu và tiếp nhận câu tục ngữ này như thế nào?

Nghĩa đen của câu này là khi được mời đi ăn cỗ thì đi trước mọi người để giành lấy miếng ngon. Đến trước sẽ được ăn trước các món ăn nóng sốt và đầy đủ không lo ai tranh giành. Nhưng khi nào lội nước thì phải đi sau, nhường cái khó khăn nguy hiểm lại cho người khác. Đi sau chắc chắn sẽ biết rõ chỗ cạn chỗ sâu, không khi nào phải sa xuống hố cả.

Ai cũng biết câu tục ngữ không bao giờ dừng lại ở nghĩa đen cả. Bởi vậy, ta dễ dàng nắm bắt ngay nghĩa bóng. Câu này ý nói khi hưởng quyền lợi thì tranh thủ để đến nhanh nhất, trước nhất để khỏi mất phần nhưng trước khó khăn, gian khổ, nguy hiểm thì tụt lại sau nhường cho người khác làm trước.

Như thế câu tục ngữ này nói về vấn đề hưởng thụ và cống hiến. Cụ thể hơn, câu này phản ánh và phê phán một cách sống khôn ranh, thực dụng xưa nay trong xã hội.

Điều đó chúng ta cần phải khẳng định là câu này chỉ đúng khi dùng với mục đích phê phán nhằm chê bai chỉ trích thói khôn vặt láu cá, một lối sống thực dụng chỉ chăm lo vào việc thủ lợi riêng cho mình.

Nhưng nếu được dùng làm một lời khuyên bảo, răn dạy về một cách sống thì câu này hoàn toàn sai trái. Chúng ta không sao chấp nhận được ý nghĩa đó. Vì sao? Ai cũng biết tục ngữ là túi khôn của cha ông ta, là lời hay, ý đẹp, cỏ lạ, hoa thơm tư tưởng từ ngàn xưa lắng đọng, đúc kết lại nhằm nêu ra những bài học có ý nghĩa sâu sắc về lẽ sống ở đời, về đạo lí làm người, nhất định là không thể cổ vũ cho lối sống thấp hèn như thế. Do đó mà câu tục ngữ chỉ có mục đích phê phán.

Ai lại không tán thành thái độ phê phán cách sống *Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau*. Đó chính là lối xử thế của những người chỉ biết có quyền lợi cá nhân của mình nên sẵn sàng lấy đó làm xuất phát điểm để hành động. Không bao giờ họ chịu mở mắt ra, nới tầm suy nghĩ ra để nghĩ đến người khác, mở rộng lòng ra để quan tâm đến người khác. Họ là hạng người tự tư tự lợi, vị kỉ, hèn kém chỉ biết có hưởng thụ không hề nghĩ đến cống hiến, chỉ biết nhận chứ không biết cho. Trước một nhiệm vụ khó khăn họ sẵn sàng lẩn tránh, không chút ý thức trách nhiệm nào cả. Đó là những kẻ *Ăn thì ăn những miếng ngon, Làm thì chọn việc cỏn con mà làm* vì tôn thờ chủ nghĩa cá nhân nên họ cố vun vén, giành giật quyền lợi, bổng lộc về riêng cho mình. Số người ấy thời nào cũng có nhưng không nhiều bởi lẽ nếu xưa nay ai cũng *Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau* cả thì chúng ta làm sao có được một cuộc sống như ngày hôm nay.

Lối sống ranh ma, khôn vặt vừa phân tích trên hoàn toàn đối lập với đạo đức xã hội chủ nghĩa của chúng ta ngày nay. Sống trong xã hội mới này chúng ta mỗi người đều là thành viên nghĩa là đều có trách nhiệm phải đóng góp công sức để xây dựng cuộc sống xã hội mới ngày càng một tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn. Với lẽ sống cao đẹp "*mỗi người*

vì mọi người, mọi người vì mỗi người" khi đời sống của xã hội được nâng cao lên thì đời sống mỗi cá nhân cũng được nâng cao.

Hiểu được ý nghĩa sâu sắc của câu tục ngữ này, ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, chúng ta phải ra sức rèn luyện phấn đấu để có được một lối sống vị tha, cao đẹp, biết nhận nhưng cũng biết cho, biết hưởng thụ nhưng cũng sẵn sàng cống hiến. Là cán bộ, là đảng viên, là đoàn viên, hơn ai hết, chúng ta phải tâm niệm lời dạy của người xưa *lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ* và sẵn sàng làm theo lời Bác dạy: *Đảng viên đi trước làng nước đi sau.*

Tóm lại, hai quan niệm sống *Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau* và *lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ* đối lập nhau hoàn toàn. Chúng ta không thể nào chấp nhận thái độ sống ích kỉ, cá nhân vụ lợi. Nói theo nhà thơ Thanh Hải, mỗi con người chúng ta phải làm một *mùa xuân nho nhỏ* cống hiến sức lực và cuộc đời của mình để góp phần làm nên mùa xuân chung của đất nước và của toàn dân tộc.

Đề: Nhân dân ta thường khuyên nhau:

Nhiễu điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng.
(Ca dao)

Hãy bình luận câu ca dao trên.

Bài làm

Từ nghìn xưa, nhân dân ta đã khẳng định dân tộc Việt Nam là anh em ruột thịt với nhau, là đồng bào nghĩa là cùng sinh ra từ một bọc trứng của mẹ Âu Cơ. Do đó, phải thương yêu đùm bọc lẫn nhau.

Truyền thống cao cả và tốt đẹp ấy còn được biểu hiện trong câu ca dao gợi cảm:

Nhiễu điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước phải thương nhau cùng.

Ta thử tìm hiểu ý nghĩa và giá trị của câu ca dao này như thế nào?

Trước hết, từ câu ca dao ấy hiện lên một hình ảnh khá đẹp: Tấm nhiễu điều bao phủ lấy phía ngoài chiếc giá gương trải qua bao ngày này tháng kia hứng chịu biết bao bụi bặm bẩn nhơ của cuộc đời để chiếc gương phía trong hoài sáng trong ngời chiếu. Tác giả vô danh ở đây đã mượn hình ảnh đẹp đẽ, gợi cảm ấy để ngầm so sánh với tấm lòng rộng mở sẵn sàng chở che, bao bọc lẫn nhau của nhân dân cả nước ta. Câu ca dao phản ánh một nguyện vọng, tình cảm của mỗi con

người Việt Nam trong mọi hoàn cảnh đều phải đoàn kết *Lá lành đùm lá rách* một lòng giúp đỡ lẫn nhau để cùng nhau vươn lên trong cuộc sống.

Mỗi người Việt Nam dầu ở miền xuôi hay miền ngược, đồng bằng hay cao nguyên, rừng núi cũng đều có mối quan hệ là *người trong một nước. Người trong một nước* tuy khác nhau về nguồn gốc, hoàn cảnh và điều kiện sống riêng biệt nhưng bên trên những cái khác nhau đó, mọi người vẫn có nhiều cái giống nhau, chung với nhau làm nên tình nghĩa. Chung Tổ quốc ấy là tình đồng bào. Chung xóm làng, thôn ấp ấy là tình đồng cảnh. Chung một mục đích lí tưởng sống ấy là tình đồng chí. Chung một nghề nghiệp ấy là tình đồng nghiệp. Chung một họ hàng ấy là tình đồng tông...

Vượt lên trên các khác biệt nhỏ, vì sự giống nhau của một điều chung lớn hơn, người ta biết thương yêu, đỡ đần đoàn kết nhau. Trong thôn ấp, mối quan hệ tình làng nghĩa xóm thắt chặt mọi người lại với nhau thể hiện bằng lòng thương yêu, sự tương trợ lẫn nhau mỗi khi tối lửa tắt đèn. Tinh thần đoàn kết của nhân dân ta đâu thể gói gọn trong lũy tre thôn ấp mà còn được biểu hiện rộng rãi vượt qua phạm vi cả nước, qua mối quan hệ trao đổi về vật chất lẫn tinh thần. Một hạt gạo, một tấm áo đầy nghĩa tình của địa phương này gửi đến địa phương khác khi biết đồng bào của mình nơi đó bị thiên tai, hoạn nạn đang lâm phải cảnh màn trời chiếu đất đều thắm thiết biết bao tình cảm *nhiễu điều giá gương*. Đặc biệt, mỗi khi đất nước có họa ngoại xâm, mọi tầng lớp nhân ta ở mọi miền đều xông lên tận tâm, tận lực góp cả sức người sức của để giữ gìn từng ngọn rau tấc đất của cha ông. Các cuộc kháng chiến chống giặc thù xâm lược từ nghìn xưa đến nay đã cho thấy tinh thần đoàn kết một lòng của nhân dân ta. Tình đất nước nghĩa đồng bào mỗi khi nước nhà gặp cơn nguy biến được phát huy thắm đượm hơn lúc nào hết. Có thương yêu nhau người ta mới cảm thấy đau đớn xót xa trước cảnh đồng bào mình bị giặc thù tàn hại hay trước sự lầm than của đồng bào mình trong xiềng xích gông cùm của bọn chúng. Chính trong hoàn cảnh ấy, lòng yêu nước, yêu đồng bào được khơi lên phát huy thành cao trào thể hiện mạnh mẽ bằng hành động cụ thể là góp sức dẫn đến chiến đấu và chiến thắng kẻ thù. Tinh thần đoàn kết của nhân dân ta nói theo Bác Hồ đó là một báu vật được gìn giữ truyền đời có sức phát huy tác dụng vượt cả không gian và thời gian.

Lúc nào cũng vậy, tình thương yêu đoàn kết giữa người trong một nước ấy không phải chỉ có lời nói đầu môi cuối lưỡi hay chỉ là ước mơ

cho nhau được một đời sống vật chất và tinh thần sung túc ấm no mà phải được biểu lộ ra bằng hành động hay việc làm cụ thể và thiết thực. Chính các hành động hay việc làm cụ thể thiết thực ấy làm cho tình yêu thương đoàn kết thắm thiết và cao quý hơn bội phần.

Đất nước Việt Nam có ba miền nhưng vẫn là một. Cần liên kết gắn bó nhau, giúp đỡ nhau từng bước cùng đi lên vững chắc. Khi biết miền nào gặp phải việc không hay nhân dân ở các miền còn lại với tinh thần: *Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ* sẽ cảm thấy xót xa trong cảnh *máu chảy ruột mềm* từ đó mở lòng ra để góp sức người sức của tương trợ đồng bào mình, đặc biệt khi quê hương bị giặc ngoại xâm lấn tàn hại, thì chính tình yêu thương đoàn kết của người trong một nước với nhau là cơ sở phát sinh lòng yêu nước, lòng căm hận giặc thù biểu hiện cụ thể thành bão giông, sấm sét quét sạch bọn chúng ra khỏi bờ cõi của cha ông. Trong các thời kì đất nước bị ngoại bang xâm chiếm người Việt Nam trước cảnh khổ chung của người dân mất nước đều có một niềm mong ước chung là quê nhà sớm được giải phóng, do đó, đã thương yêu lẫn nhau, bảo vệ nhau, đoàn kết với nhau, đó đâu chỉ là đòi hỏi tình cảm *nhiễu điều giá gương* mà còn là yêu cầu sống còn trước sự ức hiếp đe dọa của kẻ thù chung.

Thế nhưng, trong xã hội không phải không có một ít người cả đời chỉ nghĩ đến lợi ích riêng của mình. Họ có thể sống phè phỡn trên sự thiếu đói của bao nhiêu người khác mà vẫn không chút gì xao động. Đó là biểu hiện của lối sống ích kỉ, đáng phê phán.

Theo em, câu ca dao trên đã ra đời từ nghìn xưa ngay từ lúc dân tộc mình phải đương đầu với nhiều kẻ thù, đối phó với nhiều tai họa. Do đó, cha ông ta đã tổng hợp biết bao kinh nghiệm sống phong phú qua biết bao năm lao động cực nhọc và đấu tranh bền bỉ cật lực thành câu hát truyền đời. Còn bao câu hát nữa cũng có tác dụng khuyên răn kêu gọi như thế:

Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Hay:

Khôn ngoan đối đáp người ngoài
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.

Hơn lúc nào hết, mỗi người Việt Nam hiện nay trong giai đoạn phải vượt khó khăn gian khổ để xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh cần phải suy nghĩ là hành động theo lời nhắn nhủ của câu ca dao mà chúng ta vừa phân tích.

Đề: **Hãy bình luận câu tục ngữ "*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*".**

Bài làm

Tiếng Việt êm đềm theo làn điệu dân ca, véo von theo tiếng sáo trúc của chú mục đồng vắt vẻo trên lưng trâu và vô cùng sâu sắc, thấm thía trong từng câu ca dao, tục ngữ mà ông cha ta truyền lại. "*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*" là một ví dụ trong kho tàng tục ngữ Việt Nam đã được đúc kết và mài giũa suốt bao thế hệ cha ông chúng ta.

Vậy với "*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*", các bậc tiền bối muốn nhắn nhủ chúng ta điều gì?

Là học sinh, chúng ta ai cũng biết "*mực*" đơn giản là một chất lỏng, có màu (thường là màu đen) dùng để viết, vẽ hay in ấn. Như chúng ta đã biết, "*mực*" đóng vai trò vô cùng quan trọng trên con đường học vấn của mỗi chúng ta. Dưới ngòi bút tài hoa, điêu luyện của các nhà văn, nhà thơ,... với màu mực đen quyến rũ, bao kiệt tác văn học đã ra đời để lại cho nhân loại những ấn tượng sâu đậm, gieo vào lòng người những dư âm không thể phai mờ. Hay những con số thông minh dưới màu mực đen nghiêm trang như muốn nói lên sự chính xác tuyệt đối của mình. Và còn nữa, những nét vẽ như rồng bay phượng múa của các họa sĩ ngày càng trở nên bay bướm hơn, có hồn hơn dưới màu mực đen đam mê... tô điểm cho cuộc sống thêm phần hấp dẫn.

Nhưng hãy cẩn thận, nếu bạn quá lạm dụng, hoặc sơ ý thì "*mực*" sẽ bôi đen các tác phẩm của bạn cũng như chính bản thân bạn. Chẳng thế mà cha ông ta đã khuyến cáo "*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*". Có nghĩa là hãy cảnh giác với mực, và tốt hơn hết là hãy tránh xa nó kẻo có ngày "*khôn ba năm, dại một giờ*". Ví như chiếc áo trắng tinh của các cô cậu học trò nếu để sơ ý dính vào thì hỡi ôi làm sao mà gột cho trắng lại như xưa!

Xét về mặt này, "*Gần mực thì đen*" quả là một lời cảnh tỉnh.

Nhưng suy rộng ra, "*mực*" còn đồng nghĩa với màu đen: chả thế mà có câu "*Tối đen như mực*". Màu đen ở đây không còn mang ý nghĩa đơn thuần là màu đen của mực mà nó mang một ý nghĩa khác tượng trưng hơn nhiều – Màu đen đó chính là màu đen của môi trường sống quanh ta: màu đen của những lời nói, hành động, cử chỉ thiếu văn hóa, màu đen của sách báo, phim ảnh nhảm nhí, đồi trụy làm ô uế thuần phong Mỹ tục và truyền thống văn hóa dân tộc, gây hậu quả không tốt cho con người và xã hội mà chúng ta đang sống. Nếu môi trường sống hàng ngày của một con người hay cụ thể hơn là một học sinh nhuộm màu

đen hãi hùng đó thì học sinh này sẽ ra sao? Dù anh ta có ý thức được bản thân mình thì liệu anh ta có không bị ảnh hưởng? Hoặc giả quan điểm về cuộc sống của anh ta còn chưa rõ ràng liệu anh ta có thể trở thành một ánh sáng hào quang chói lọi hay sẽ trở thành màu đen còn hãi hùng hơn cái màu đen của thuở ban sơ?

Còn *"đèn"* trong *"gần đèn thì sáng"* hiểu đơn giản là một vật thể phát ra ánh sáng như đèn cầy, đèn dầu, đèn điện... Nơi nào có ánh sáng của đèn thì tất cả mọi vật đều rõ ràng, minh bạch.

Và khi màn đêm buông xuống, trời *"tối đen như mực"* thì ánh đèn càng trở nên huyền diệu, lung linh. Nó phát ra những tia rực rỡ chiếu sáng khắp một vùng xung quanh.

Con người cũng vậy, một tâm hồn trẻ thơ cũng ví như đêm đen được ánh đèn soi tỏ những tinh tú của tâm hồn đáng yêu cũng như sự non nớt, ngây thơ để sớm có sự định hướng hoàn thiện.

Vậy, phải chăng ánh *"đèn"* ở đây, ngược lại với giọt *"mực"* ở trên đồng nghĩa với bạn bè có những hành động, lời nói, cử chỉ tốt; là những sách báo, phim ảnh, thông tin bổ ích có giá trị?

Đúng vậy, ảnh hưởng của những điều này rất quan trọng đối với việc hình thành và phát triển tính cách của mỗi con người, đặc biệt là đối với lứa tuổi học sinh trong sáng ngây thơ. Nếu chúng ta được nuôi dưỡng, chăm sóc và rèn luyện trong một môi trường trong sáng lành mạnh; được cha mẹ, thầy cô thường xuyên chỉ dẫn, khuyên răn chúng ta điều hay lẽ thiệt và làm gương cho ta; ắt hẳn ta sẽ noi theo để trở thành con ngoan, trò giỏi, thành người có ích cho xã hội. Và biết đâu sẽ có người còn trở thành những ánh *"đèn"* tỏa sáng trong đêm, những ngọn hải đăng dẫn đường trên biển hay là những ngôi sao hôm sáng rực trên bầu trời phương Bắc.

Mặt khác, khi một học sinh có những người bạn tốt, được thường xuyên tiếp xúc với sách báo, phim ảnh,... bổ ích – mặc dù ban đầu người ấy chưa tốt, nhưng theo thời gian, cùng với những lời khuyên đúng đắn của bạn bè, được sự quan tâm thường xuyên và giáo dục của thầy cô, nhà trường và xã hội cũng như nhận thức được nhiều điều bổ ích, lí thú qua sách vở, báo chí, thấy được cái hay qua phim ảnh và môi trường xung quanh – học sinh đó sẽ trở nên thay đổi tốt hơn lên.

Vậy *"Gần đèn thì sáng"* quả là một lời khuyên vô giá. Trong trường hợp này cha mẹ, thầy cô, bạn bè, nhà trường,... hay nói cách khác môi trường sống tốt đẹp chính là ngọn đèn luôn tỏa ra những ánh hào quang làm cho vạn vật và con người quanh họ trở nên sáng tươi rực rỡ.

Đề: Giải thích câu tục ngữ "*Uống nước nhớ nguồn*".

Bài làm

Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống đạo lí vô cùng tốt đẹp. Trong truyền thống đạo lí đó, chữ *nhân* được đặt lên hàng đầu. Một khía cạnh của nhân nghĩa là lòng biết ơn – thứ tình cảm cao quý thiêng liêng. Người xưa rất coi trọng việc giáo dục đạo đức cho con cháu. Biết bao bài học lớn lao, sâu sắc đã được gửi gắm vào ca dao, tục ngữ, nhưng lời ru mộc mạc mà chan chứa nghĩa tình. Câu tục ngữ: *"Uống nước nhớ nguồn"* cũng nằm trong mạch đạo lí truyền thống tốt đẹp ấy.

Mượn một hình ảnh giản dị để gửi gắm một triết lí sống sâu xa, đó là cách thể hiện quen thuộc của người xưa. Không đao to, búa lớn, cứ rủ rỉ ngọt ngào mà thấm thía, lòng biết ơn được nhắc tới trong một hoàn cảnh khác nhau. Khi bắt đầu bữa cơm mới ngạt ngào hương vị đồng quê, người lao động nhắn nhủ:

Ai ơi bưng bát cơm đầy,
Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần.

Lúc giơ tay hái một trái cây chín mọng trên cành lại nhớ đến *kẻ trồng cây*. Lúc sung sướng uống từng ngụm nước mát lành vẫn không quên nhắc nhau phải *nhớ nguồn.*

Nghĩa đen của câu tục ngữ ở trên không dừng lại ở đó. Cao hơn, sâu hơn, nó nhắc nhở chúng ta phải trân trọng, biết ơn những người đi trước đã đổ mồ hôi, nước mắt và cả máu xương để đem lại thành quả tốt đẹp mà chúng ta đang hưởng thụ.

Ông cha ta suốt mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước đã đổ mồ hôi xương máu để hôm nay con cháu được sống dưới bầu trời độc lập, tự do. Cha mẹ sinh thành ra ta, nuôi ta khôn lớn, công lao ấy cao tựa Thái Sơn. Thầy cô dạy dỗ ta nên người có ích cho xã hội, ơn nghĩa ấy lớn như biển rộng.

Rồi chén cơm ta ăn, tấm áo ta mặc, cuốn sách ta học... là thành quả lao động của bao người ngày đêm miệt mài trên đồng ruộng, trong xưởng máy, làm ra của cải phục vụ xã hội. Kết quả sáng tạo không ngừng ấy chính là nguồn nước vô tận mà chúng ta đang được thừa hưởng. Chúng ta phải biết trân trọng và biết ơn cái mạch nguồn trong trẻo đó.

Lòng biết ơn là cơ sở của đạo làm người. Một xã hội chỉ thực sự tốt đẹp khi nó được xây dựng vững vàng trên nền tảng đạo lí. Trên khắp đất nước ta, lòng biết ơn thể hiện ở các đình miếu, chùa chiền thờ phụng các bậc tiền bối có công mở nước và giữ nước, ở các dịp lễ hội

như giỗ tổ Hùng Vương, Hai Bà Trưng, Thánh Gióng, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, Hồ Chí Minh... Công lao của các vị anh hùng dân tộc luôn được nhân dân ta nhắc nhở, tưởng niệm với lòng thành kính và biết ơn sâu sắc.

Trong mỗi gia đình, bàn thờ tổ tiên, ông bà đã được đặt ở nơi trang trọng nhất cũng là biểu hiện của tình cảm *Uống nước nhớ nguồn*. Chính sự kế thừa và phát huy truyền thống của các thế hệ hôm nay đã tạo nên sức sống muôn đời của non sông đất nước Việt Nam.

Hiện nay, trong cả nước đang dấy lên phong trào đền ơn đáp nghĩa đối với thương binh, liệt sĩ, những bà mẹ anh hùng, những gia đình có công với cách mạng. Đảng và Nhà nước cùng toàn dân thực sự quan tâm, chăm sóc các đối tượng chính sách. Thương binh được học nghề, được trợ vốn làm ăn; các gia đình liệt sĩ, các mẹ Việt Nam anh hùng được tặng nhà tình nghĩa, được các cơ quan, đoàn thể phụng dưỡng, săn sóc tận tình. Rồi những cuộc hành quân về chiến trường xưa tìm hài cốt đồng đội, những nghĩa trang liệt sĩ đẹp đẽ với đài Tổ quốc ghi công uy nghiêm, sừng sững luôn nhắc nhở mọi người, mọi thế hệ hãy nhớ ơn các liệt sĩ, đã hi sinh anh dũng vì độc lập, tự do... Không thể nào kể hết những biểu hiện sinh động, phong phú của đạo lí *Uống nước nhớ nguồn* của dân tộc ta.

Nhưng không đơn giản là chúng ta chỉ *uống nước* mà còn có nhiệm vụ bảo vệ và bổ sung cho cái *nguồn* nước dân tộc bất diệt ấy. Có như vậy mới phát huy được tinh hoa, truyền thống tốt đẹp mà tổ tiên ta để lại.

Trong hoàn cảnh mới của đất nước, người *uống nước* vừa là người hưởng thụ vừa là người có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với thế hệ sau. Có như vậy, đất nước ta mới giàu mạnh.

Lòng biết ơn không phải tự nhiên mà có. Nó là kết quả quá trình rèn luyện phấn đấu lâu dài của mỗi con người. Thuở ấu thơ, chúng ta đã được nghe lời ru thấm đượm ân tình của bà, của mẹ: *Con người có tổ có tông, Như cây có cội như sông có nguồn; Công cha nghĩa mẹ ơn thầy, Sống sao cho bõ những ngày ước ao...* Cứ như thế, từng chút một, theo thời gian, lòng biết ơn lớn dần lên và thấm sâu vào máu thịt mỗi người.

Ở độ tuổi học sinh, chúng ta chưa làm ra của cải vật chất cho xã hội. Do đó, hãy bày tỏ lòng biết ơn chân thành đối với cha mẹ, thầy cô bằng chính lời nói, việc làm hàng ngày của mình. Phấn đấu trở thành trò giỏi, con ngoan là cách đền đáp công ơn thiết thực nhất. Câu tục ngữ *Uống nước nhớ nguồn* là bài học đạo lí cho mỗi chúng ta.

Đề: Hãy bàn luận về câu tục ngữ: *Con hơn cha là nhà có phúc.*

Bài làm

Mối quan hệ giữa cha và con trong một gia đình, giữa thế hệ trước và thế hệ sau trong một xã hội là vấn đề bức thiết được mọi thời đại, mọi dân tộc chăm lo giải quyết. Từ xưa, nhân dân ta đã đúc kết được những kinh nghiệm quý báu đó. Câu tục ngữ *Con hơn cha là nhà có phúc* là một trong những câu tiêu biểu và có ý nghĩa sâu sắc.

Câu tục ngữ rất ngắn gọn nhưng nội dung ý nghĩa phong phú. *Con* và *cha* ở đây ngoài việc nêu mối quan hệ máu thịt trong gia đình, còn có ý nghĩa tượng trưng cho thế hệ trước và thế hệ kế cận trong xã hội. Do đó *nhà* ngoài nghĩa đen là một gia đình, còn có nghĩa rộng là đất nước, dân tộc. Và *hơn* ở đây là hơn về mặt năng lực, hơn về trình độ, hơn về cách sống, cách làm ăn. Cách diễn đạt của câu tục ngữ mang tính khẳng định rõ rệt. Con phải hơn cha thì nhà mới ấm no sung sướng; thế hệ sau phải hơn thế hệ trước thì xã hội mới tiến bộ, dân tộc mới hạnh phúc, phồn vinh.

Trước tiên, ta thấy câu tục ngữ đã khái quát được một vấn đề xã hội hoàn toàn đúng. Con hơn cha, thế hệ sau hơn thế hệ trước là một hiện tượng phù hợp với quy luật phát triển của xã hội. Trong cuộc sống, mỗi thế hệ đều học tập quá khứ và tích lũy thêm những kinh nghiệm của thế hệ trước và cứ như thế xã hội phát triển không ngừng. Trong lịch sử phát triển, xã hội loài người đã trải qua nhiều giai đoạn, từ thô sơ mông muội tiến dần lên văn minh như hiện nay. Quá trình phát triển đó đã khẳng định thế hệ sau ngày càng tiến bộ hơn thế hệ trước, chỉ bằng thế hệ trước thôi thì xã hội sẽ như thế nào? Chắc chắn xã hội sẽ dẫm chân tại chỗ, thời gian trước như thế nào, thời gian sau vẫn y nguyên như vậy và xã hội loài người vẫn chìm trong tối tăm lạc hậu mà thôi. Còn nếu thế hệ sau lại kém thế hệ trước? Một tai họa sẽ đến, xã hội loài người vẫn chìm trong tối tăm lạc hậu mà thôi, loài người sẽ lùi dần về thời kì đồ đá cũ. Trong một gia đình như vậy, con giỏi hơn cha tức là con đã học tập hết được những kinh nghiệm do cha truyền dạy và đúc kết thêm được những kinh nghiệm của bản thân mình. Con hơn cha như vậy thì con sẽ lao động tốt hơn cha, làm việc hiệu quả hơn cha và do đó cuộc sống của gia đình sẽ ấm no hơn, hạnh phúc hơn. Trái lại, nếu con kém cha thì chẳng những con không làm được gì hơn cha mà những thành quả cha làm được cũng có nguy cơ bị con phá tan. Rõ ràng nội dung câu tục ngữ là một chân lí phù hợp với

sự phát triển của xã hội loài người nói chung, phù hợp với thực tế từng gia đình nói riêng.

Như vậy câu tục ngữ đã khẳng định một chân lí để làm bài học cho mọi người, mọi thời. Có lẽ bài học đó là: muốn nhà có phúc thì phải làm cho con hơn cha, muốn xã hội phồn vinh thì phải làm cho thế hệ sau giỏi hơn thế hệ trước. Để đạt được điều đó, cha phải dạy bảo, rèn luyện con, đồng thời khuyến khích, động viên con nỗ lực phát triển. Nói rộng ra trong xã hội, thế hệ đi trước phải chăm lo giáo dục thế hệ kế cận, thế hệ tương lai, đồng thời phải tin tưởng, giúp đỡ thế hệ kế cận, thế hệ tương lai suy nghĩ, sáng tạo. Mặt khác thế hệ sau phải trân trọng học tập, tiếp thu những kiến thức, kinh nghiệm và toàn bộ kho tàng văn hóa của thế hệ cha, đồng thời phát huy tính chủ động sáng tạo để nâng cao, bổ sung và phát triển những kiến thức, kinh nghiệm của các thế hệ trước. Rõ ràng câu tục ngữ đã là bài học sâu sắc cho mọi thế hệ, thế hệ cha anh và thế hệ con em trong việc làm *con hơn cha* để *nhà* có hạnh phúc.

Do có ý nghĩa lớn lao như vậy nên câu tục ngữ đã được lưu truyền từ nhiều đời nay và có tác dụng to lớn đến từng gia đình và đến toàn xã hội ta trong kì lịch sử. Hiện tượng cha mẹ hi sinh tất cả cho con, chịu vất vả gian lao để con được học hành, để con khôn lớn hơn mình là hiện tượng phổ biến trong các gia đình Việt Nam. Hiện tượng con cái trong nhà chăm chỉ học tập rèn luyện theo lời khuyên bảo dạy dỗ của bố mẹ để nối nghiệp nhà, để làm vẻ vang cho dòng họ cũng không hiếm ở khắp nơi. Rộng ra trong phạm vi cả nước và toàn xã hội, ngay từ ngày xưa, việc chăm lo bồi dưỡng cho thế hệ trẻ, thế hệ kế cận cũng được đặt ra thường xuyên và cấp thiết. Nếu không có điều đó thì làm sao trong triều Trần, các thế hệ kế tiếp nhau ba lần đánh thắng được giặc Nguyên hùng mạnh. Và liên tiếp các thời đại về sau, các thế hệ sau đã kế thừa và phát huy được trí tuệ và kinh nghiệm của thế hệ trước, liên tiếp đánh đuổi kẻ thù ngoại xâm, giữ vững bờ cõi và xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh hơn. Ngày nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, theo lí tưởng của Bác Hồ việc chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau được đặt ra một cách đồng bộ và toàn diện hơn mọi thời kì trước đây. Ngày nay, thế hệ cha anh đã vừa là tấm gương chói sáng về tinh thần chiến đấu, lao động để bảo vệ và xây dựng đất nước, vừa hết lòng chăm lo giáo dục bồi dưỡng thế hệ mai sau để thế hệ mai sau có đủ sức đủ tài tiếp tục sự nghiệp cách mạng mà mình đã suốt đời

theo đuổi. Và các thế hệ kế cận cũng không phụ lòng tin của lớp người đi trước đã đi và đã lập được những chiến công thần kì trong cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc và trong sự nghiệp xây dựng đất nước ngày càng ấm no hạnh phúc. Có được điều đó, phải chăng ít nhiều do câu tục ngữ đã thấm vào nếp nghĩ, nếp làm của các thế hệ chúng ta.

Tóm lại, câu tục ngữ đã là một hạt ngọc quí trong kho tàng kho báu các kinh nghiệm sống và chiến đấu của các dân tộc ta. Câu tục ngữ cũng như cả kho tàng kinh nghiệm quí đó đã giúp dân tộc ta sống, tồn tại và phát triển trước trăm ngàn khó khăn và thử thách. Học tập vốn quí của người xưa, chúng ta quyết tâm làm hết sức mình để *con hơn cha,* để thế hệ sau trưởng thành hơn thế hệ trước, để đất nước xã hội chủ nghĩa muôn quí ngàn yêu của chúng ta ngày càng giàu mạnh hơn, dân tộc bất diệt của chúng ta ngày càng giàu mạnh hơn, dân tộc bất diệt của chúng ta ngày càng hạnh phúc tự do.

***Đề:* Từ bài *Bàn luận về phép học* của La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp, hãy nêu suy nghĩ về mối quan hệ giữa *học* và *hành*.**

Bài làm

Dường như thời đại vẻ vang nào cũng gắn bó với những tên tuổi sáng chói về tài năng và đức độ. Vua Quang Trung đã làm nên những chiến công vĩ đại: đánh đổ hai tập đoàn gây nội chiến nồi da xáo thịt lâu dài trong lịch sử là Trịnh - Nguyễn; đập tan hai mươi vạn quân Thanh vừa mới chiếm đóng ở Thăng Long... Nhà vua có một người quân sư thật tuyệt vời là La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp. Con người "thiên tư sáng suốt, học rộng hiểu sâu này" đã từng từ quan triều Lê nhưng hết lòng phò giúp Tây Sơn để xây dựng sự nghiệp kinh bang tế thế.

Bàn luận về phép học là phần trích bài tấu của Nguyễn Thiếp gửi vua Quang Trung trình bày về mục đích của việc học. Học là để làm người có đạo đức; học là để tự làm giàu trí thức cho mình, góp phần làm hưng thịnh đất nước chứ không phải là cầu danh lợi như lũ tiểu nhân mạt hạng.

Tác giả khẳng định muốn học tốt phải có phương pháp, học cho rộng nhưng phải nắm cho gọn. Đặc biệt muốn học tốt, muốn là quốc sĩ trong thiên hạ thì học phải đi đôi với hành.

Không phải đợi đến thời La Sơn Phu Tử thì vấn đề *học* và *hành* mới được đặt ra. Biết bao nhiêu những người con ưu tú của dân tộc Việt Nam trước đó đã dùng sở học của mình để giúp ích cho đời, cho nước,

cho dân. Hầu hết những áng văn của các bậc anh hùng vĩ đại trong quá khứ dân tộc Việt Nam đều có sức nặng, đều là những thiên cổ hùng văn tham gia vào công cuộc dựng nước và giữ nước rất hiệu quả.

Văn chương của Lí Công Uẩn trong *Chiếu dời đô* chẳng phải là để triều đình và dân chúng thực hiện một hành động "dời non lấp bể"? Đó là việc đưa thủ đô từ nơi hiểm trở chốn Hoa Lư ra Thăng Long nơi địa thế của trung tâm, bốn bề đều có thế "rồng cuộn hổ ngồi" để mở ra những trang vàng chói lọi cho đất nước độc lập tự chủ, cho những chiến công.

Học vấn cao rộng của Trần Quốc Tuấn đã giúp Ngài soạn *Binh thư yếu lược*, giúp Ngài viết *Hịch tướng sĩ* để tập hợp quân dân trong trận sống mãi với quân thù. Phải chăng quân Nguyên bị dìm dưới những lớp sóng Bạch Đằng chỉ nhờ có gươm đao và mưu chước thần diệu trong trận đánh? Truy tìm sâu xa hơn chiến công của nhà Trần có nguồn gốc từ *Binh thư yếu lược* từ lời tâm sự gan ruột của vị tướng văn võ song toàn.

Nguyễn Trãi đâu chỉ là một nhà thơ, một văn hào vĩ đại. Học vấn uyên thâm của ông là dùng để phục vụ nước phục vụ dân. Ông đã tự ví mình như cây tùng sống thật lâu để có cội rễ bền chắc, làm rường cột chống đỡ cho ngôi nhà của quốc gia. Cây tùng ấy muốn hóa thân để làm thứ thuốc trường sinh như "phục linh, hổ phách". Mục đích là:

Dành, còn để trợ dân này!

Ngay ở Nam Quan, cha già Nguyễn Phi Khanh đã khuyên người con trai của mình "Con là người có tài, con hãy trở về giúp nước giúp dân, đánh đuổi quân thù, rửa nhục cho nước như thế mới là đại hiếu".

Dùng thực học của mình, Nguyễn Trãi đã dâng *Bình Ngô sách* cho Lê Lợi ở Lam Sơn và từ đó ông trở thành vị quân sư, là linh hồn của cuộc kháng chiến chống quân Minh mười năm *"nếm mật nằm gai"*.

Sau khi dồn giặc tới thành Đông Quan, Nguyễn Trãi đã dùng văn chương của mình để đánh gục ý chí của địch chứ không đánh vào thành trì. Kết quả mười vạn quân trong thành đã cởi áo giáp ra hàng. Chính vì những lá thư gửi vào thành giặc có sức công phá như vậy cho nên người đời sau đã gọi thứ văn chương ấy *"có sức mạnh hơn mười vạn hùng binh"*.

Học để thành tài, rồi dùng cái tài ấy mà giúp ích cho đời là con đường của những học sĩ chân chính. Những người có học đích thực là những kẻ sĩ luôn cần thiết cho nước nhà. Dù nhiều lúc có bị o ép không thể cho tung bay đôi cánh chim bằng do hoàn cảnh nhưng những trí thức chân chính luôn tìm được chỗ hành đạo có ích cho đời.

Chu Văn An dâng sớ chém những tên mọt dân hại nước không được chấp nhận đã lui về đào tạo những nhân tài cho mai sau. Ông đã thực hành cái điều học của mình và trở thành "người thầy của muôn đời", thành tổ sư nghề giáo của người Việt.

Tên tuổi của Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Trường Tộ sau này cũng không đi sai lệch cái quỹ đạo của những con người có thực học và không hề cơ hội chủ nghĩa.

Việc học gắn bó với hành thực ra là vấn đề của lí thuyết và thực tiễn. Rất nhiều người đã cực đoan cho rằng "trăm hay không bằng tay quen" đề cao chủ nghĩa kinh nghiệm. Thực ra càng tiến tới xã hội văn minh, con người cần phải tiếp thu nền tảng tri thức lí thuyết rất sâu sắc lúc ấy mới thực hành tốt và thành công.

Từ những điều thực hành người ta đã biết cái ưu cái khuyết để rồi cải biến để rồi làm tiền đề cho lí thuyết mới. Cứ vậy hai mặt "học" và "hành" tác động biện chứng qua lại để làm biến đổi thế giới chúng ta.

Chúng ta rất tâm đắc với việc dùng hình ảnh so sánh của người xưa mà La Sơn Phu Tử lấy nó để nói về ý nghĩa của việc học: *"Ngọc không mài không thành đồ vật, người không học không biết rõ đạo"*.

Cách giải thích chữ *"đạo"* của tác giả thật giản dị mà thấu đáo. Nó đâu trừu tượng, xa xôi: *"Đạo là lẽ đối xử hàng ngày giữa mọi người"*. Cái học ngày xưa thường nghiêng về "tam cương ngũ thường" nhưng hiện nay có thể hiểu cái "đạo" mà sự học đeo đuổi chính là vốn học vấn mà loài người đã tích lũy hàng ngàn năm trên tất cả những vấn đề nhằm đem tới văn minh, văn hóa...

Càng nhiều trí thức chân chính, trí thức chính hiệu thì *"triều đình ngay ngắn, thiên hạ thịnh trị"*. Thật đúng! Càng nhiều hiền tài có học có hành thì quốc gia ấy mới nở mặt nở mày với nhân loại. Cường quốc không lấy tiêu chí từ dân đông, nước rộng. Nó phải lấy cái cốt tử là dân trí, là người có học. Tài sản quý giá nhất của một dân tộc là đây.

Học với hành nghĩa rất to lớn để xác định cái giá trị có thật hay giả của kẻ trí thức.

Lối học không có "hành" chỉ để đào tạo ra một lũ "nịnh thần" làm suy đồi nền triều chính dẫn đến nước mất nhà tan. Học không hành là "lối học hình thức" với mục đích là "hòng cầu danh lợi". Đó là lối học định hướng tới những nhân cách đồi bại, tới những mục đích tầm thường thậm chí ích kỉ hại dân.

Bác Hồ từng khuyên thiếu niên: *"Học tập tốt, lao động tốt"* cũng là muốn gắn học với hành. Không học những điều vô bổ nhảm nhí chẳng đem tới một ý nghĩa gì cho cuộc sống nhân dân.

Những người học kết hợp với hành trong quá khứ thường là những bậc minh quân, hiền thần đóng góp tài năng và đạo đức để dựng xây, giữ gìn đất nước.

Trong thời đại của khoa học kĩ thuật phát triển như vũ bão, việc học và hành càng được đặt ra một cách thật sự nghiêm túc và có chiều sâu. Những trí thức lớn thời kì hiện đại không chỉ có lòng yêu nước! Họ là những nhà chuyên môn có thực tài biết kết hợp với trái tim giàu nhiệt huyết muốn cống hiến cho đất nước, họ đã ghi danh, ghi công mình không nhỏ với lịch sử thời hiện đại.

Sau khi nước nhà được độc lập 1945, có không biết bao nhiêu trí thức đang phú quý vinh hoa ở nước ngoài đã lần lượt về cống hiến cho đất nước. Thật khó hình dung được chính quyền non trẻ do Hồ Chủ tịch lãnh đạo thời ấy sẽ giải quyết những vấn đề cụ thể của chiến tranh và hòa bình như thế nào nếu thiếu những trí thức.

Nhà chế tạo vũ khí Trần Đại Nghĩa đã chế những vũ khí có sức công phá những lô cốt kiên cố nhất của giặc. Bác sĩ Tôn Thất Tùng đã mổ vết thương cho những người lính bằng những dụng cụ thật thô sơ. Bác sĩ Đặng Văn Ngữ đã từ bỏ những danh vọng và uy tín của mình ở Nhật Bản băng rừng về Việt Bắc và dùng những thân cây ngô để chế tạo thuốc kháng sinh - một dược phẩm hết sức quan trọng cho cuộc kháng chiến mỗi lúc một gay go.

Những họa sĩ như Tô Ngọc Vân, Nguyễn Sáng; những nhà văn, nhà thơ như Nguyễn Tuân, Xuân Diệu; những nhạc sĩ như Văn Cao, Lưu Hữu Phước... Tất cả đã rời "tháp ngà" nghệ thuật để cùng xương cùng thịt với nhân dân mình.

Vai trò của tầng lớp trí thức chân chính ấy là không thể phủ nhận trong cái thuở dân chủ cộng hòa buổi đầu của nhà nước dân chủ Việt Nam.

"Học với hành" tạo nên những trí thức chân chính, tạo nên sự hòa hợp giữa chuyên môn và nhân cách.

Thật đáng xấu hổ cho những bằng cấp giả trang hiện nay. Nhiều người đi học chỉ vì cái bằng... giả để cơ hội, để vì quyền lợi ích kỉ của cá nhân trên đường thăng quan tiến chức! Những kẻ cơ hội này đang coi mục đích cuối cùng là làm giàu trên mồ hôi và nước mắt nhân dân. Thật nghịch lí là rất nhiều kẻ bây giờ có nhiều bằng cấp nhưng không có "học". Vì cái "ngụy học" này sẽ thực hành những điều làm nghèo đất

nước, vơ vét túi tham cho mình mỗi lúc một đầy. Lũ người này đã có lúc nghĩ rằng làm giàu là cứu cánh.

Những kẻ có học và biết hành chân chính có thể có mục đích làm giàu nhưng không phải làm giàu bằng mọi giá. Họ phải tạo dựng nền kinh tế nhân văn, mang bộ mặt con người...

Các doanh nhân trẻ Việt Nam đang hướng tới: Doanh nghiệp mạnh, giàu có nhưng kèm theo là hiệu quả. Hiệu quả cho gia đình, cho xã hội, cho dân, cho nước. Doanh nhân phải giỏi làm giàu nhưng đồng thời phải có trái tim yêu nước. Vấn đề thứ ba là sản phẩm phải tốt, nhiều lợi nhuận, kèm theo đó là cạnh tranh quốc tế, là quốc sĩ, là tự hào dân tộc, là nền kinh tế quốc gia vững bền. Những ai học và hành thực chất đều là những người có TẦM và TÂM. Họ làm giàu nhưng có những hoạt động xã hội xuất sắc vì dân vì nước.

Với La Sơn Phu Tử, người có học và biết hành là nguyên khí quốc gia. Những kẻ làm hư hỏng rường mối quốc gia là những kẻ không có thực học, dĩ nhiên "hành" là những tính toán ích kỉ, vụ lợi...

Dư luận xã hội bấy lâu nay đang nhức nhối về lối học hình thức. Trường nào lớp nào cũng mong có điểm thành tích số học sinh khá giỏi thật cao, đậu tốt nghiệp thật cao nhưng thực tế lại là những điều đáng buồn. Có bao nhiêu người ham học, lấy chuyện học là mục đích để sau này dùng nó cho cuộc đời mình, cho gia đình và cho xã hội?

Có bao nhiêu hòn ngọc không được mài giũa mà mỗi ngày mỗi tối đi? Thật đáng trách cho nhiều học sinh vào trường chỉ để lo quậy phá đua đòi. Chưa có đủ trình độ học vấn tối thiểu phổ thông thì lấy gì mà thi thố với đời trong tương lai. Muốn "hành" phải "học" thật nghiêm túc trước đã.

Học và hành, học phải đi đôi với hành; học thật nghiêm túc để sau này phục vụ sự nghiệp cuộc đời cho mình và cho xã hội... là những vấn đề thời nào cũng phải đặt ra. Tuy nhiên, trong thời đại hôm nay có rất nhiều những thực tế trớ trêu, việc học lại và nghiền ngẫm bài *Bàn luận về phép học* của La Sơn Phu Tử thật sự có ích.

Đề: **Nhân dân ta thường nhắc nhở nhau: *Không thầy đố mày làm nên.* Nhưng có lúc lại khẳng định: *Học thầy không tày học bạn.* Hai câu tục ngữ có chỗ nào mâu thuẫn nhau? Ở mỗi câu tục ngữ có điểm nào đúng, điểm nào chưa đúng? Theo em, nên hiểu vấn đề *học thầy* và *học bạn* như thế nào cho đúng?**

Bài làm

Từ xưa đến nay nhân dân ta vẫn gìn giữ nâng niu truyền thống tôn sư trọng đạo, luôn học thuộc lòng câu ca dao:

Muốn sang thì bắc cầu kiều
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.

Bởi vì chính người thầy đã hướng dẫn, uốn nắn chúng ta trở nên người hữu ích cho xã hội. Khẳng định mạnh mẽ vai trò và tác dụng của người thầy, tục ngữ ta có câu:

Không thầy đố mày làm nên.

Trong khi đó, chính tục ngữ cũng lại có câu:

Học thầy không tày học bạn.

Vậy quan niệm trong hai câu tục ngữ trên có gì mâu thuẫn nhau hay có gì chưa thỏa đáng? Và người học sinh chúng ta nên hiểu việc *học thầy* và *học bạn* như thế nào cho đúng?

Qua câu tục ngữ: *Không thầy đố mầy làm nên,* ông bà chúng ta đề cao vai trò, vị trí tác dụng quyết định tuyệt đối của người thầy giáo đối với học sinh. Không có sự giáo dục uốn nắn của thầy thì chúng ta sẽ không bao giờ làm nên bất cứ việc gì cả.

Ngược lại, câu tục ngữ sau cùng không hoàn toàn phủ nhận vai trò của người thầy giáo nhưng lại quá đề cao vai trò của bạn bè trong quá trình học tập rèn luyện nên cho rằng học bạn là có kết quả hơn học thầy.

Như vậy xét cho cùng, hai câu tục ngữ trên không hề mâu thuẫn nhau vì đều đề cập vai trò của người thầy giáo trong sự nghiệp đào tạo giáo dục con người nhưng có khác nhau ở mức độ: câu đầu quá đề cao, câu sau lại coi nhẹ vai trò và tác dụng đó.

Đúng là cả hai câu tục ngữ đều nhìn nhận vấn đề chưa được thỏa đáng. Cho rằng *Không thầy đố mày làm nên* là coi người thầy giáo có vai trò quyết định tuyệt đối trong quá trình học tập, trong sự rèn luyện thành người của người học sinh thì đúng là quá đáng. Tuy người thầy giáo có vai trò rất lớn trong sự thành đạt của học trò mình nhưng không phải là quyết định tất cả. Chính nhờ thầy là bậc đàn anh đi trước truyền đạt lại mà học trò là người đi sau mới có được các kiến thức mới mẻ, mới hiểu ra bao điều hay lẽ phải, hướng dẫn học trò từng bước đi lên vững chắc hơn. Nhưng chỉ có sự làm việc của người thầy thôi thì chưa đủ. Bên cạnh sự tận tâm hướng dẫn của thầy đòi hỏi phải có sự nỗ lực chủ quan của trò. Người thầy dù có hết lòng hết sức và truyền đạt hay cách mấy mà trò thiếu ý thức, không chịu cố gắng học

tập thì cũng không sao làm nên được. Hơn nữa, chỉ học ở trường thôi chưa đủ. Học trò còn phải học hỏi thêm ở cuộc sống ngoài xã hội, trong gia đình và cả bạn bè nữa.

Trái lại, nếu ta khẳng định: *Học thầy không tày học bạn* thì đúng là quá hạ thấp vai trò người thầy và quá đề cao vai trò của bạn bè trong quá trình tiếp thu kiến thức và rèn luyện. Đúng ra, bạn bè chỉ có thể đóng vai trò giúp đỡ hỗ trợ, trao đổi thêm để cùng tiến bộ chứ không *tày* thì không ổn, là quá đáng. Vả lại, bạn bè chỉ giúp đỡ được nhau khi có sự hướng dẫn bảo ban của thầy giáo, khi bạn bè biết yêu thương thông cảm và đoàn kết với nhau, có cùng chí hướng, cùng quyết tâm nỗ lực đi lên. Khi ấy, *học bạn* mới mong có kết quả được. Trong việc học tập của mọi người đâu phải bất cứ lúc nào hay bất cứ ai cũng có thể gặp được bạn tốt sẵn sàng giúp đỡ mình một cách chân thành vô tư. Thành ra coi nhẹ vai trò tác dụng của người thầy giáo và quá đề cao việc học tập ở bạn bè và kết luận rằng học bạn có kết quả hơn học thầy là không chính xác.

Thấu suốt ý nghĩa của hai câu tục ngữ trên ta không thể tán thành câu nào, bỏ qua câu nào. Phải biết khéo léo vận dụng cả hai câu vào quá trình học tập của mình. Cả hai câu tục ngữ trên sẽ bổ sung cho nhau về mặt ý nghĩa và đem lại cho ta những bài học bổ ích trong việc rèn luyện đi lên của mình. Ta phải xác định vai trò của người thầy giáo đối với việc hướng dẫn dạy dỗ chúng ta công lao thật to lớn. Muốn làm nên, nghĩa là thành đạt, chủ yếu là ta phải học ở thầy, nhưng về phía bản thân phải có sự nỗ lực phấn đấu không ngừng và đồng thời cũng phải biết học hỏi thêm ở thực tế cuộc sống ở gia đình và đặc biệt là ở bè bạn, những người luôn gần gũi sát cánh bên ta trong việc học tập. Phải làm sao tạo được tình đoàn kết tương thân tương ái trong bạn bè để hỗ trợ giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và trong rèn luyện. Có như vậy mới mong đạt được kết quả tốt đẹp được.

Tóm lại, cả hai câu tục ngữ trên nếu đứng riêng ra thì mỗi câu đều không được đúng hoàn toàn và nhìn bề ngoài có vẻ mâu thuẫn nhau. Nhưng nếu chúng đi cùng với nhau thì chúng ta sẽ nhận được từ chúng một lời khuyên đầy đủ nhất. Phải coi trọng việc học thầy đồng thời cũng phải kính trọng thầy đúng theo tinh thần tôn sư trọng đạo của cha ông: *Nhất tự vi sư, bán tự vi sư.* Bên cạnh đó, cũng phải biết thương yêu, đoàn kết, khiêm nhường học hỏi ở bè bạn, cùng giúp đỡ nhau tiến bộ.

Đề: Trong bức thư gửi học sinh nhân ngày khai trường năm học đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám 1945, Bác Hồ có viết: *"Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em".* Em hiểu lời dạy đó như thế nào?

Bài làm

Nhân dân ta vốn có truyền thống hiếu học, học để làm người, học để giúp đời, giúp nước... Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, nước nhà độc lập, việc học tập càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Vì thế, ngay trong năm học đầu tiên dưới chế độ mới, Bác Hồ gửi thư cho học sinh đã có những lời căn dặn:

"Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em".

Lời dạy ấy có nghĩa là gì?

Trong lời dặn dò trên đây, Bác Hồ đã nêu bật mối quan hệ và tác dụng to lớn của việc học tập đối với tiền đồ đất nước.

Thế nào là một đất nước vẻ vang? Nói chung, một đất nước muốn được vẻ vang thì trước hết phải là một đất nước độc lập, giàu mạnh. Đất nước nô lệ thì không thể vẻ vang. Nhưng muốn giữ nền độc lập thì phải có nền quốc phòng vững mạnh, thì phải có nền kinh tế vững mạnh, phát triển.

Ta thường nói nước mạnh, dân giàu. Đó là hai điều song song tồn tại của một đất nước phát triển. Dân có giàu nước mới mạnh. Nói dân giàu tức là nói nhân dân được ấm no đầy đủ về đời sống vật chất, được hưởng các quyền tự do dân chủ về mặt tinh thần, được học hành để mở mang trí tuệ, có một đời sống văn hóa tiến bộ, một nếp sống xã hội văn minh lành mạnh.

Một đất nước như thế sẽ được các dân tộc khác trên thế giới yêu mến, kính trọng, một đất nước như thế gọi là đất nước vẻ vang.

Bác Hồ lại nói: "dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu" nghĩa là như thế nào? Nói như vậy, Bác Hồ có ý nhấn mạnh đến sự phấn đấu để đưa nước nhà lên ngang tầm những đất nước giàu mạnh và tiên tiến trên thế giới. Muốn thế, ngoài việc phải có một nền kinh tế vào loại giàu mạnh, Việt Nam

còn phải có một nền khoa học kĩ thuật tiên tiến, một nền văn hóa tiên tiến, không những có thể tiếp nhận được tinh hoa của nhân loại mà còn góp phần mình vào phát triển chung của nhân loại.

Đó là cái đích phải đạt tới mà Bác Hồ đã đặt ra cho nhân dân ta ngay sau ngày đất nước vừa thoát vòng nô lệ. Đó cũng là mục tiêu phấn đấu cuối cùng mà dân tộc ta hằng ấp ủ qua mấy chục năm không ngừng lao động và chiến đấu cho tới ngày nay.

Vì sao tất cả những điều đó lại "chính là nhờ phần lớn ở công học tập của các em"?

Đất nước Việt Nam ta đã trải qua cả ngàn năm chế độ phong kiến và gần trăm năm thuộc địa rồi liên tục chiến tranh. Nhân dân ta đứng trước một gia tài vừa nghèo nàn vừa lạc hậu. Trong khi đó trên thế giới, khoa học kĩ thuật có những bước tiến khổng lồ, mọi mặt đời sống cũng nhảy vọt, so với những nước tiên tiến, ta đi chậm hơn đến hàng trăm năm. Muốn đuổi kịp họ, ta không cách nào khác ngoài con đường học tập, học cách mà người ta đã làm, học thật nhanh để rút ngắn dần khoảng cách giữa ta với họ. Muốn có quốc phòng vững mạnh, thì chỉ con người chưa đủ, phải có khoa học kĩ thuật. Nói đến kinh tế, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp là nói đến kĩ thuật, vì đồng ruộng mênh mông, tài nguyên vô tận, không thể tự nhiên tạo ra nhiều sản phẩm. Đời sống văn hóa cũng chỉ có thể phát triển trên cơ sở một nền kinh tế không ngừng phát triển.

Để có kĩ thuật phải có khoa học. Muốn nắm được khoa học và kĩ thuật tiên tiến thì phải có kiến thức cơ bản, phải có văn hóa. Không ai có thể thấy điều ấy cho ta. Nếu không học, không có kiến thức, làm sao mà củng cố được quốc phòng, phát triển được kinh tế, nâng cao được văn hóa?

Khi Bác Hồ nói: "Chính là nhờ phần lớn ở công học tập của các em" là Bác còn nhấn mạnh đến vai trò tương lai của thế hệ thanh thiếu niên. Cách mạng mới thành công, cuộc chiến đấu để giữ nước đang gian khổ, nhưng mười, mười lăm năm sau thế hệ học sinh hôm nay sẽ là người chủ của đất nước, là lực lượng chủ yếu để dựng nước, phát triển kinh tế và mở mang văn hóa. Vì thế, nhiệm vụ của người đang ngồi trên ghế nhà trường càng trở nên quan trọng và nặng nề. Bác vĩ đại vì Bác không chỉ lo cho cuộc chiến đấu trước mắt mà còn nghĩ đến tương lai lâu dài của đất nước.

Mỗi chúng ta cần hiểu sâu lời dạy của Bác để ra sức rèn luyện, phấn đấu trong những ngày còn ngồi trên ghế nhà trường. Từ lời dạy

chân tình và tha thiết của Bác, chúng ta phải thấy hết trách nhiệm của người học sinh trong việc học tập. Để học tập tốt, trước hết chúng ta phải xác định đúng đắn mục đích và động cơ học tập: học tập để nắm vững kiến thức văn hóa, khoa học nhằm làm cho đất nước và dân tộc giàu mạnh, hùng cường. Muốn vậy, phải phấn đấu kiên trì, vượt qua mọi trở ngại, khắc phục mọi khó khăn để học tập đạt kết quả cao nhất. Phải có phương pháp học tập tốt. Kết hợp chặt chẽ học với hành. Phải học cho toàn diện, không phải chỉ biết có học chữ mà phải biết học làm người, phấn đấu trở thành con người mới xã hội chủ nghĩa.

Cuộc chiến đấu giữ nước của nhân dân ta phải qua ba mươi năm mới giành được thắng lợi hoàn toàn. Trước mắt chúng ta có vô vàn khó khăn. Để đi tới một tương lai tươi sáng cho Tổ quốc trở nên vẻ vang, cho dân tộc Việt Nam bước tới đài vinh quang để sánh vai các cường quốc năm châu như lòng Bác Hồ hằng mong ước, chúng ta phải gắng sức học tập, học tập không ngừng.

Đề: **Trong "Thư gửi cho học sinh nhân ngày khai trường tháng 9 năm 1945", Bác Hồ có viết: "Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em." Em hãy bình luận lời thư ấy.**

Bài làm

Trên đầu tóc Bác sương ghi
Chắc đôi sợi đã bạc vì chúng con.

Lời thơ của Xuân Diệu mang nặng tâm hồn thương kính Bác chỉ vì suốt đời, Bác luôn nghĩ đến hạnh phúc của con cháu, nghĩ đến sự hùng mạnh của dân tộc, của Tổ quốc.

Điều ấy đã chứng tỏ và thời điểm nóng bỏng nhất, lúc nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới ra đời, dù bận trăm công nghìn việc trong những ngày đầu xây dựng chính quyền, Bác không quên lứa tuổi măng non, những người chủ tương lai của đất nước.

Bằng cả tấm lòng của người Bác, người Ông, Bác đã gửi thư động viên thầy và trò trong năm học đầy ý nghĩa. Bức thư có đoạn: *"Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em."*

Lời thư ngắn nhưng khẳng định một vấn đề mấu chốt của dân tộc, đất nước trong cộng đồng thế giới. Bác đã khẳng định dân tộc Việt Nam, Tổ quốc Việt Nam "*cao bằng người nào thấp thua ai*" ngang hàng với các nước hùng mạnh trên thế giới tùy thuộc vào việc tìm hiểu và ứng dụng kiến thức của loài người, của những con người nhỏ tuổi.

Muốn thấy rõ nhận định ấy đúng hay sai, chúng ta cần tìm hiểu các "*cường quốc*" là những nước hùng mạnh và tự chủ về mọi mặt. Từ chính trị, quân sự, kinh tế... đến văn hóa, nghệ thuật đều ổn định, phong phú, giàu có... và ngày một phát triển. Với những giá trị vững chắc cả về thể chất lẫn tinh thần, phần đất có giới hạn chứa đựng một tập thể người có cùng màu da, huyết thống; có cùng phong tục tập quán kia đã tự khẳng định vị trí hàng đầu thật vững chắc của mình trong cộng đồng nhân loại. Và rõ ràng, không dễ dàng gì trong việc xây dựng nền tảng cho vị trí đáng quí ấy. Bất cứ lúc nào, trong hoàn cảnh sống nào, đã là một cường quốc, họ cũng tự mình quyết định lấy số phận của mình; ngang hàng với những đất nước, dân tộc khác trong việc giải quyết những bất đồng chính trị, quân sự, kinh tế..., lẫn những vấn đề nhỏ nhoi khác mà không hề bị chèn ép, bắt buộc, không hề "*lép vế*" bởi cái nghèo nàn, lạc hậu, chậm tiến của dân tộc mình.

Dân có giàu, có cuộc sống sung túc thì nước mới mạnh, mới bảo vệ có hiệu quả vùng đất thiêng liêng với những phong tục tập quán, những truyền thống, tính cách tốt đẹp riêng. Lúc ấy ta mới có quyền khẳng định sự có mặt đầy ý nghĩa của mình bên cạnh các dân tộc khác trên hành tinh này; lúc ấy ta mới có quyền đua chen với các dân tộc văn minh tiến bộ khác trong việc tìm kiếm khoa học, các tài nguyên thiên nhiên ở những vùng đất chưa thuộc quyền của một ai, hoặc ở những hành tinh xa xôi khác.

Ai chẳng muốn có vị trí xứng đáng ấy! Nhưng nó không thể là món quà trời ban cho chúng ta mà do con người tạo ra từ cuộc sống hiện thực.

Trong cuộc sống, để khám phá và chinh phục những bí mật của thiên nhiên, con người không chỉ cần có sức mạnh thể chất. Lúc ấy, trí tuệ, óc sáng tạo, "*chất xám*" của con người giữ vai trò quan trọng. Muốn có những thứ ấy, điều kiện quyết định cho sự tiến bộ mỗi người cần phải học.

Học chính là thao tác tìm hiểu, lặp đi lặp lại thật chính xác những kiến thức khoa học của nhân loại. Không chỉ hiểu sâu sắc, chính xác kho tàng lí thuyết mà còn học tập, còn thực hành, nghĩa là phải biết

vận dụng những lí thuyết ấy để sáng tạo ra của cải vật chất. Như thế *"học tập"* quả là công phu, không thể một sớm một chiều, đôi ba năm hay nóng vội mà đạt được kết quả.

Để có được định luật về *"sức đẩy của nước"*, *"sức hút của quả đất"*, dù nhận ra chúng trong hoàn cảnh hết sức tình cờ, nhưng Ac-si-mét lẫn Niu-tơn đều mất một khoảng thời gian dài suy nghĩ, ưu tư về chúng.

Để trở thành nhà bác học, nhà thơ nổi tiếng... Lê Quý Đôn, Nguyễn Khuyến... đã miệt mài đèn sách. *"Có công mài sắt, có ngày nên kim"* là châm ngôn của việc học tập vậy.

Nhưng, như chúng ta đã tìm hiểu ở trên, cường quốc không chỉ đọng lại ở lĩnh vực học tập và sáng tạo khoa học tự nhiên. Phải học ở mọi lĩnh vực, mọi ngành: khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học quân sự...

Lịch sử dân tộc ta, của loài người giúp chúng ta nhận ra tầm quan trọng của việc học tập ấy.

Từ thế kỉ thứ X trở về trước, dân tộc ta phải chịu sự đô hộ của tập đoàn phong kiến thống trị Trung Hoa, phải chăng vì dân tộc ta chưa có một nền tảng học tập, hoặc chưa được khai tâm, mở trí đúng nghĩa? Hay đang học tập văn minh khoa học của tập đoàn thống trị, tìm cách biến chúng thành cái riêng của mình, để rồi tới thời Ngô Quyền, Lí Thường Kiệt mới tạo được, mới mở ra thời tự chủ *"Nam Quốc sơn hà Nam đế cư"*? Bảy thế kỉ tự chủ và phục hưng, dân tộc ta đã tạo ra được thế đứng vững chắc với các nước phương Đông.

Nhưng việc *"học tập"* ở các nước phương Tây đã bước qua giai đoạn mới. Nhờ học tập mà họ biết chế tạo ra máy nổ... thì triều đình phong kiến nhà Nguyễn lại theo lối học từ chương, thi hành chính sách bế quan tỏa cảng... để rồi chịu thần phục thực dân Pháp.

Nhìn ra thế giới, các nước như Mỹ, Liên Xô (cũ), Anh, Pháp, Đức, Nhật... trở thành cường quốc, là nhờ học, không ngừng nâng cao dân trí mà trước hết chú trọng đúng mức đến việc học tập.

Như thế có thể thấy *"công học tập"* mà Bác đề cập tới trong lời thư chân tình, ngắn gọn đóng vai trò trong sự phát triển của đất nước như thế nào rồi. Lời thư giúp mỗi học sinh nhận ra bổn phận và trách nhiệm của mình, trong thời kì đang sống nhờ vào gia đình và xã hội. Nó mở ra cho mỗi người tầm nhìn rộng lớn, bao quát hơn để nỗ lực hơn trong việc tìm hiểu và ứng dụng kiến thức khoa học. Hiểu câu nói như vậy chúng ta lại càng thấy tấm lòng của Bác đối với thế hệ măng non.

Bác mong con cháu mau khôn lớn
Nối gót ông cha bước kịp mình.
(Tố Hữu)

Xã hội chúng ta đang sống có nhiều giai cấp, nhiều chủ thuyết nên càng có nhiều quan niệm về cường quốc và học tập khác nhau.

Dưới chế độ phong kiến tư bản, chỉ có một số người mới thực sự được học tập. Được học tập xong, họ mang sự hiểu biết và trí sáng tạo vào cuộc sống của kẻ tôi đòi. Họ say mê nghiên cứu, tìm kiếm, sáng tạo những cái mới, giúp tập đoàn thống trị có đầy đủ sức mạnh để chinh phục các nước khác. Quan niệm ấy đã được chứng minh khá rõ ràng, trung thực trong lịch sử các nước phương Tây như Anh, Pháp, Tây Ban Nha... từ thế kỉ XVIII. Cho tới cuối thế kỉ thứ XX này, họ vẫn còn chiếm một số đất đai của người châu Phi, Mỹ La tinh, châu Á bằng những hiệp ước bất bình đẳng giữa một cường quốc và nước chậm tiến.

Riêng bản thân những người cố gắng rèn luyện để thành các nhà phát minh, bác học tài giỏi thì vẫn không ít người mang tinh thần dân tộc quá khích, hoặc chỉ biết nghĩ đến hạnh phúc cho bản thân và gia đình mình.

Ngày nay, quan niệm về *"học tập"* và *"cường quốc"* như thế là ngược với xu hướng tiến bộ nếu không muốn nói là ngược với đạo đức của loài người.

Hiến chương Liên Hợp Quốc có ghi rõ mọi dân tộc đều có quyền được hưởng tự do, độc lập; có quyền mưu cầu hạnh phúc, quyền sống như nhau. Như thế *"học tập"* để đưa đất nước thành cường quốc không có nghĩa là nghĩ đến việc mang mọi tiềm năng xâm chiếm đất nước khác.

Cả nhân loại đang lo sợ về sự tiến bộ nhanh chóng của ngành khoa học nghiên cứu và chế tạo vũ khí giết người hàng loạt. Tiên đoán nỗi hãi hùng sẽ xảy đến cho những người vô tội và để cảnh tỉnh những ai còn vui cười trên nỗi đau của kẻ khác, một nhà tư tưởng phương Tây đã nhận định: *"Khoa học mà không có lương tri thì chỉ là sự tàn phá của tâm hồn"*. Bởi vậy, con người không chỉ học tập các kiến thức khoa học mà còn cả về đạo đức, tình thương.

Học tập giờ đây không còn mang mục đích làm cho đất nước hùng mạnh để trở thành người chủ bóc lột một dân tộc khác mà để dân tộc mình cùng với cả loài người được sống trong hòa bình, hạnh phúc.

Thực hiện quan niệm sống ấy quả thật khó khăn, nhưng loài người tiến bộ đang nỗ lực vươn tới. Riêng chúng ta, mục tiêu hạnh phúc, và

hòa bình đang ở trước mắt. Để đạt được mục tiêu ấy, không chỉ cần cù, nhẫn nại mà phải biết học theo nguyên lí giáo dục: *"Học đi đôi với hành, lí thuyết kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội"* bằng phương pháp giáo dục *"Thầy chủ đạo trò chủ động"*.

Thư của Bác mang nghệ thuật khái quát nhưng thật sâu sắc. Đó là lời động viên chân tình để thế hệ trẻ vươn lên.

Ngày trước, ông cha ta đã:

Sống vững chãi bốn ngàn năm sừng sững
Lưng đeo gươm, tay mềm mại bút hoa.

(Huy Cận)

Chúng ta đã tự hào với những Lê Quý Đôn, Nguyễn Trãi,... làm rạng danh dân tộc thì hôm nay chúng ta cũng có quyền tự hào với những Tôn Thất Tùng, Đặng Thái Sơn, Lê Bá Khánh Trình... Em đang học những tấm gương gần gũi ấy, đang nỗ lực vượt qua những khó khăn hiện nay, cố gắng tập trung nghe giảng, ghi chép và làm bài đầy đủ..., cố gắng vươn tới trên con đường hướng dẫn của thầy cô bằng chính đôi chân của mình, bằng phương châm: *"học đến tận nơi, hỏi đến tận gốc, hiểu thật thông suốt, hành thật chu đáo"* để khỏi hổ thẹn với lương tâm mình.

Đề: **Hồ Chủ tịch có dạy: *"Học với hành phải đi đôi. Học mà không hành thì học vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy"*. Em hiểu lời dạy trên như thế nào?**

Bài làm

Nhân dân ta từ xưa đến nay thường nói về việc học bằng một từ đầy ý nghĩa: "Học hành". Trong từ ấy có hai khái niệm khá rõ ràng "học" và "hành".

Để nói rõ mối quan hệ giữa hai khái niệm ấy, có lần, nhân nói chuyện với học sinh, Bác Hồ đã căn dặn: "Học với hành phải đi đôi. Học mà không hành thì học vô ích. Hành mà không học thì hành không trôi chảy".

Đó là một lời dạy chí lí, một phương châm học tập hoàn toàn đúng đắn cho mỗi học sinh chúng ta.

Trước hết ta cần phải hiểu rõ hai khái niệm "học" và "hành". "Học" là nghiên cứu, tiếp thu tri thức, khoa học kĩ thuật của loài người. Ta có thể học trong sách vở, học ở thầy, học ở trường và học ngay trong cuộc sống. "Hành" là thực hành, biết vận dụng lí thuyết đã học để phục vụ

cho cuộc sống. Bác nói: "Học mà không hành thì học vô ích" tức là không biết dùng cái đã học để phục vụ và nâng cao đời sống, những tri thức đã tiếp thu được hoàn toàn trở thành vô ích: Ngược lại "hành" mà không "học" cũng rất khó khăn, sẽ gặp nhiều trở ngại, rất khó thành công.

Tại sao Bác nói "Học với hành phải đi đôi"? Bởi vì "học mà không hành thì học vô ích" mà "hành mà không học thì hành không trôi chảy". Cả hai việc học và hành phải đồng thời bổ sung cho nhau, có ích cho nhau, cùng quan trọng cho nhau.

Vì sao "học mà không hành thì học vô ích" vì mục đích của học chính là để hành. Học một kiến thức là để đem nó ra ứng dụng trong đời sống, chứ không phải học để mà học, để trở thành cái túi đựng chữ. Cái túi dù cho có đầy chữ đẹp, đầy lời hay cũng chỉ là cái túi không ích gì cho ai.

Bác nói "hành mà không học thì hành không trôi chảy" là nói đến mục đích sau cùng của học nhưng đồng thời cũng nói đến một phương châm học tập: học kết hợp với hành, vừa học vừa hành. Bất kì kiến thức nào cũng phải được thực hành, vừa để kiểm tra lại vừa để chuẩn bị cho đời sống xã hội sau này.

Tuy nhiên cũng đừng coi trọng việc "hành" quá đáng, đưa "hành" lên hàng đầu, bởi vì Bác đã nói rõ "hành mà không học thì hành không trôi chảy". Kiến thức của loài người không phải từ trời rơi xuống mà chính là những kinh nghiệm thực tiễn đã được so sánh, đánh giá, chọn lọc, kế thừa và trở thành lí thuyết được nhiều người chấp nhận. Lí thuyết giúp ta tránh được sự mò mẫm đi lại con đường cũ. Ngày nay, khoa học càng ngày càng tiến bộ, càng phức tạp, nếu không học thì không những hành không trôi chảy mà còn không hành được nữa, không biết gì để mà hành.

Học và hành là hai mặt đồng thời của quá trình học tập, ta không coi nhẹ mặt nào. Lời dạy của Bác Hồ đã đề ra một phương châm đúng đắn cho việc giáo dục thế hệ trẻ. Ta lắng nghe lời giảng của thầy cô, nhưng đồng thời cũng phải làm các bài tập, biết vận dụng những kiến thức để đi vào cuộc sống.

Từ xưa đến nay, không ít người đọc "thiên kinh vạn quyển" nhưng lại không giải quyết được một việc rất tầm thường. Đó là vì họ đã không kết hợp được học và hành. Với kinh nghiệm của bao lớp người đi trước kết hợp với lời dạy của Bác, ngày nay học sinh chúng ta phải biết kết hợp "học với hành" thì mới thực sự trở thành người có ích cho xã hội sau này.

Đề: Bác Hồ đã dạy thiếu niên nhi đồng: *"Học tập tốt, lao động tốt"*. Em hiểu lời dạy trên thế nào và đã làm gì để thể hiện lời dạy đó?

Bài làm

Ai yêu các nhi đồng
Bằng Bác Hồ Chí Minh.

Câu thơ trên viết về tình cảm của Bác với các cháu thiếu niên nhi đồng. Yêu các cháu hơn ai hết, Bác dạy các cháu năm điều để rèn luyện toàn diện, sống quãng đời tuổi thơ thật ý nghĩa. Mỗi người, nhất là các cháu thiếu niên nhi đồng cần hiểu đúng và hiểu rõ từng điều Bác dạy để công tác thiếu niên nhi đồng đạt kết quả tốt. Bài viết này chỉ xin nói tới điều thứ hai: *"Học tập tốt, lao động tốt"* trong năm điều Bác dạy nói trên.

Trong điều hai Bác nói hai nội dung. Nội dung đầu nói về học tập tốt. Cần hiểu thế nào là học tập tốt? Muốn học tốt cần phải có nhận thức đúng về việc học tập. Tuổi thiếu niên nhi đồng là tuổi học. Học tập là quyền lợi và nhiệm vụ, nhiệm vụ chính. Học tập tốt không chỉ khẳng định phẩm chất tốt của học sinh - những cháu ngoan của Bác Hồ mà quan trọng hơn là vì tương lai của đất nước. Trong bức thư gửi các cháu học sinh nhân ngày khai trường đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Bác có viết: *"Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em"*.

Hôm nay ngồi trên ghế nhà trường ngày mai lớn lên là *"chủ nhân"* của đất nước. Do vậy học là để làm chủ đất nước, đất nước tươi đẹp của dân tộc văn minh. Không nhận thức đúng nhiệm vụ học tập việc học trong nhà trường mới sẽ khó có kết quả. Có nhận thức đúng chưa đủ! Học tập tốt là phải có phương pháp học tập khoa học. Thực hiện tốt nội quy nề nếp học tập của trường: Đi học đều, học *Bài làm* bài đầy đủ. Biết học ở trường, ở nhà, ở ngoài xã hội. Biết học thầy, học bạn, học nhân dân. Mỗi môn học có đặc điểm riêng nên phải có phương pháp học từng bộ môn một. Mỗi học sinh có điều kiện hoàn cảnh riêng nên phải có thời gian biểu học tập. Để học có hiệu suất cao, phải có góc học tập ở gia đình. Người học tốt, kết quả học tập phải cao, đồng thời phải vận dụng kiến thức đã học vào thực tế để củng cố và mở rộng tri thức của mình. Trong thực tế, những học sinh đoạt giải các kì thi toán, vật lí, tin học quốc tế của nước ta là những học sinh học tập tốt.

Nội dung sau trong điều này Bác nêu lên là: Lao động tốt. Lao động là quyền lợi, nghĩa vụ của mỗi người. Công việc lao động, chủ yếu trong đời người là khi trưởng thành, còn trẻ và có sức khỏe. Ở tuổi thiếu niên nhi đồng, học tập là lao động. Nội dung lao động, Bác nói ở đây là các em tham gia vào những công việc nhỏ, vừa để làm quen với lao động vừa góp sức làm cho xã hội tốt đẹp hơn. Bác Hồ kính yêu có viết:

Tuổi nhỏ làm việc nhỏ
Tùy theo sức của mình...

Lao động tốt là tham gia những việc nhỏ trong quy định của trường học. Làm trực nhật, trồng cây, lao động thí nghiệm thực hành, lao động hướng nghiệp, lao động công ích xã hội. Lao động tốt là tích cực chủ động tham gia các công việc phụ trong gia đình: Làm vệ sinh nhà cửa, nấu ăn, chăm sóc vườn tược. Một thiếu niên lao động tốt là biết lao động có kết quả cao. Trong lao động, đảm bảo an toàn tuyệt đối, đồng thời biết vận dụng kiến thức đã học làm cho năng suất lao động cao hơn.

Trong điều dạy thứ hai có hai nội dung: Học tập tốt, lao động tốt. Hai nội dung này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Học tập tốt sẽ có kiến thức tốt giúp cho việc lao động tốt hơn. Ngược lại, lao động tốt có kinh nghiệm, vốn sống thực tế giúp cho việc học tập sâu sắc kết quả cao hơn. Cả hai nội dung đều quan trọng và đều phải thực hiện tốt. Thực hiện tốt cả hai điều là chuẩn bị tốt cho tương lai của mình.

"Học tập tốt, lao động tốt" là một trong năm điều Bác Hồ dạy thiếu niên nhi đồng. Thực hiện điều này, đòi hỏi nỗ lực lớn bởi việc học, lao động để có tri thức tốt cho ngày mai không phải là việc dễ dàng. Tuy nhiên, cần hiểu rằng phải thực hiện tất cả năm điều Bác dạy mới phát triển toàn diện, mới xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ.

Đề: Trong *"Thư gửi học sinh toàn quốc nhân dịp Tết Nguyên Đán"* (năm 1946), Bác Hồ viết: *"Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội"*.
Em hiểu và suy nghĩ gì về tuổi trẻ Việt Nam, tuổi trẻ Thành phố Hồ Chí Minh và tuổi trẻ của mình?

Bài làm

Mùa xuân đến, thiên nhiên như bừng tỉnh dậy sau giấc ngủ kéo dài. Cây cối đâm chồi nẩy lộc, hoa đưa hương và kết thành những trái ngọt lành. Tạo hóa thật ý nhị khi xếp mùa xuân là mùa bắt đầu của một năm cũng như tuổi trẻ là tuổi khởi đầu của cuộc đời. Mùa xuân là

mùa tươi đẹp nhất trong bốn mùa và tuổi trẻ cũng là tuổi tươi đẹp nhất trong cuộc đời. Có lẽ mùa xuân và tuổi trẻ là hiện thân của sức sống sôi nổi, mãnh liệt và nồng cháy cho nên trong *Thư gửi học sinh toàn quốc nhân dịp Tết Nguyên Đán năm 1946*, Bác Hồ đã viết:

"Một năm là khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội".

Lời Bác dạy làm tuổi trẻ chúng ta phải suy nghĩ nhiều; tuổi trẻ chúng ta phải làm gì để xứng đáng là mùa xuân của xã hội?

Mùa xuân - mùa khởi đầu của một năm - là một mùa rất đẹp. Không khí mùa xuân vui tươi đầm ấm, nắng xuân lên làm ửng hồng má em bé thơ ngây, làm ấm lại những cõi lòng lạnh giá của người già cả.

Tuổi trẻ - tuổi khởi đầu của cuộc đời là tuổi tươi đẹp nhất. Tuổi trẻ có bao nhiêu hoài bão lớn lao, có bao nhiêu ước mơ bay bổng, có bao nhiêu hành động dũng cảm phi thường. Và trong xã hội ta ngày nay tuổi trẻ chính là tương lai của Tổ quốc, tuổi trẻ chính là đầu tàu kéo cả con tàu đất nước đi lên. Vinh dự thay cho tuổi trẻ được Tổ quốc trao cho vận mệnh của dân tộc. Hãy nhìn xem, trên mọi mặt trận gay go quyết liệt từ mặt trận chống kẻ thù đến mặt trận xây dựng con người mới, xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đâu đâu ta cũng thấy bóng dáng hiên ngang đẹp đẽ của những con người - tuổi trẻ. Trên những mặt trận đó, tuổi trẻ chiến đấu anh dũng tuyệt vời, họ dám nghĩ, dám làm, dám đấu tranh chống lại những nếp sống cũ, những suy nghĩ cũ, bắt những cái cũ đó phải đổi mới, phải công nhận và phải hòa mình vào cái mới, để chiến đấu cùng một chiến hào với cái mới của họ là hiện thân, là đại diện.

Tuổi trẻ Việt Nam có truyền thống yêu nước nồng nàn, căm thù giặc sâu sắc. Trong lao động, tuổi trẻ Việt Nam vốn cần cù, sáng tạo, và có tinh thần vì tập thể, đặt lợi ích của tập thể lên trên tất cả. Trong đấu tranh cách mạng, tuổi trẻ Việt Nam luôn luôn nêu cao tinh thần bất khuất, dù trên chiến trường hay trong nhà tù của địch. Không bao giờ tuổi trẻ Việt Nam chịu hàng phục kẻ thù của mình, dù đầu có phải rơi, thân có phải chịu bao nhiêu cực hình đau đớn. Chị Nguyễn Thị Minh Khai, chị Võ Thị Sáu, Lê Thị Hồng Gấm, anh Nguyễn Văn Trỗi và những anh, những chị khác đã hi sinh vì mùa xuân của xã hội. Trước cái chết, anh chị chẳng hề run sợ vẫn cài hoa lên mái tóc của mình như chị Võ Thị Sáu; vẫn hiên ngang ngẩng cao đầu tố cáo tội ác của bọn xâm lược và tay sai như anh Trỗi - người công nhân thợ điện của thành phố Sài Gòn – người con yêu quý của đất nước. Các anh, các

chị ra đi không hề hối tiếc, không để lại gì cho riêng mình cả, chỉ để lại cho chúng ta nỗi thương tiếc không nguôi và một quyết tâm trả thù mạnh mẽ. Các anh chị không hề hối tiếc vì tuổi trẻ của các anh chị đã hiến dâng hoàn toàn cho Cách mạng, cho Tổ quốc, cho nhân dân.

Trong kháng chiến chống Mỹ, tuổi trẻ Việt Nam đã nối tiếp truyền thống của những người đi trước, quyết tâm quét sạch bọn xâm lược ra khỏi đất nước thân yêu của mình, không để cho chúng một giây phút ngừng nghỉ, yên bình trên mảnh đất chúng xâm lược, mảnh đất đã thấm máu đào của bao đồng chí thân yêu. Hình tượng anh giải phóng quân là hình ảnh tượng trưng cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, tuổi trẻ Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ.

Những năm tháng chiến đấu dầu sôi lửa bỏng đã qua, tuổi trẻ Việt Nam lại bước vào thời kì mới, bước vào cuộc chiến đấu mới - cuộc chiến đấu trên mặt trận lao động sản xuất, ở miền Nam có thêm mặt trận xây dựng con người mới và mặt trận văn hóa văn nghệ. Trên những mặt trận này, cuộc chiến đấu cũng không kém phần gay go, quyết liệt và tuổi trẻ lại vẫn là những chiến sĩ đi đầu, xông xáo và những nơi khó khăn gian khổ nhất, đạp lên mọi trở ngại, mọi thành kiến cổ hủ quyết hoàn thành sứ mệnh của mình. Là người đi tiên phong mở đường; trên những công trường mới, nông trường mới, tuổi trẻ Việt Nam - những người con trên khắp mọi miền đất nước đang say sưa lao vào cuộc sống lao động lành mạnh, họ coi thường mọi khó khăn thiên nhiên, quyết bắt thiên nhiên phải phục vụ cho đời sống của con người:

Bạt núi đồi, ta moi đất làm gang,
Ngăn thác dữ ta bắt sông làm điện.

(Tố Hữu)

Tuổi trẻ Việt Nam đang đi lên với nhịp sống hào hùng, với dáng đi bay nhảy. Đúng là không có gì có thể cản trở được tuổi trẻ nếu tuổi trẻ không tự cản trở mình.

Hòa với không khí sôi nổi của tuổi trẻ cả nước, tuổi trẻ Thành phố Hồ Chí Minh cũng đang bước tới trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội với những bước đi khỏe mạnh, vững chãi. Trên những khu kinh tế mới, những công trường, nông trường, nhà máy, đâu đâu ta cũng thấy không khí lao động sôi nổi, rừng rực của tuổi trẻ. Tuổi trẻ Thành phố Hồ Chí Minh hăng say lao động, thi đua trở thành những bàn tay vàng, những đôi chân bạc của thành phố. Thi đua trong những phong trào văn nghệ làm vui cuộc sống lao động của mình.

Trên công trường thủy điện Trị An, trên dàn khoan khai thác dầu khí Vũng Tàu, tuổi trẻ Thành phố Hồ Chí Minh đang sát cánh lao động cùng với tuổi trẻ của cả nước đưa đất nước Việt Nam muôn vàn yêu quý trở thành một nước tiên tiến, văn minh, sánh cùng với các nước anh em và bè bạn khắp năm châu như Bác Hồ kính yêu của chúng ta hằng mong ước.

Sống trong không khí lao động sôi nổi của cả nước, em thấy tuổi trẻ của mình không thể tách rời khỏi tuổi trẻ của cả nước được. Tuổi trẻ của em cũng phải để xây dựng Tổ quốc như bao bạn trẻ khác. Tuổi trẻ của em cũng phải lao động sôi nổi để xây dựng thành phố em xứng đáng với tên vàng Hồ Chí Minh. Lấy khẩu hiệu *"Đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên"* làm phương châm hành động của mình. Đâu cũng là quê hương nên tuổi trẻ của em không có nghĩa là chỉ xây dựng thành phố của mình mà là xây dựng cả đất nước, biến cả đất nước thành mùa xuân rực rỡ. Sẵn sàng đi bất cứ nơi đâu, đến bất cứ chân trời góc biển nào mà Tổ quốc cần.

Với truyền thống yêu nước thiết tha, tuổi trẻ Việt Nam đang sát cánh nhau đi lên, đang trưởng thành dần trong cuộc sống lao động đẹp đẽ sôi nổi. Tuổi trẻ Việt Nam đang từng bước hoàn thành sứ mệnh thiêng liêng của mình là làm cho dân giàu nước mạnh. Cùng với tuổi trẻ thế giới và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới, tuổi trẻ Việt Nam đang đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, chống lại vũ khí hạt nhân, vũ khí hóa học đang đe dọa hòa bình của toàn thế giới. Là một thanh niên mang chung sứ mệnh của tuổi trẻ Việt Nam, em không cho phép mình tụt lại đằng sau, không cho phép mình sống một cuộc đời ủ rũ, chỉ ôm khư khư cái "tôi" vị kỉ đáng khinh, không cho phép mình sống tẻ nhạt, mòn mỏi như cây liễu ven sông. Em nguyện sát cánh cùng bao bạn trẻ Việt Nam và thế giới chiến đấu cho ấm no, hòa bình, tự do, cho mỗi em thơ đều được đến trường, cho mỗi cụ già đều được ôm cháu trong tay, cho mỗi lứa đôi đều được chung sống bên nhau đến trọn đời.

***Đề:* Bình luận và chứng minh ý kiến: "Triết lí nhân nghĩa của Nguyễn Trãi thực ra là lòng yêu nước thương dân".**

Bài làm

Năm 1980, nhiều nước trên thế giới kỉ niệm ngày sinh của Nguyễn Trãi. Đó là một vinh dự vô cùng lớn lao của đất nước Việt Nam về con

người vĩ đại ấy. Nguyễn Trãi vừa là anh hùng dân tộc vừa là nhà văn, nhà thơ ưu tú. Người luôn đề cao tư tưởng nhân nghĩa với lòng yêu nước thương dân. Do đó, có ý kiến nhận xét: *"Triết lí nhân nghĩa của Nguyễn Trãi thực ra là lòng yêu nước thương dân"*.

Triết lí nhân nghĩa của Nguyễn Trãi dựa trên khái niệm về đạo Nho, nghĩa là nói về tình thương của người quân tử trong xã hội. Theo triết lí Khổng Mạnh thì chỉ có quân tử mới có nhân nghĩa. Nhưng ở đây, tư tưởng của Nguyễn Trãi lớn lao, cao hơn một bậc so với thời đại bấy giờ, nó là một tư tưởng vô cùng lớn lao được thể hiện bởi nhà cải cách vĩ đại. Ông áp dụng triết lí nhân nghĩa cho toàn thể nhân dân chứ không gói gọn trong phạm vi nhỏ hẹp của người quân tử.

Đưa triết lí này đến nhân dân, Nguyễn Trãi đã bộc lộ nguyện vọng thiết tha của mình là các nhà cầm quyền phải lấy nhân nghĩa đối xử với nhân dân, tạo cho họ có cơ hội để sống hạnh phúc, ấm no. Hành động đó bộc lộ một điều chắc chắn trong tâm tư Nguyễn Trãi: đó là tấm lòng yêu nước thương dân vô hạn. Có như thế, ông mới có thể dũng cảm đi ngược dòng lịch sử cất lên tiếng nói vì quyền lợi của người dân. Trong suốt cuộc đời ông và trong những áng thơ văn bất hủ luôn có bóng hình những người dân lầm than, cơ cực. Chính vì thế, lời nhận xét trên đã khẳng định thêm một lần nữa sự vĩ đại trong con người Nguyễn Trãi. Nói về nhân nghĩa, trước hết Nguyễn Trãi định nghĩa:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.

Nguyễn Trãi không nói *"điều"* hay *"sự"* mà là *"Việc nhân nghĩa"*. Đối với ông, nhân nghĩa phải được thực hiện bằng hành động cụ thể, thiết thực nhằm cải biến và đem lại cho nhân dân cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Nguyễn Trãi đã đứng trên lập trường nhân dân để thấy rõ ước mơ, nguyện vọng của người lao động mong những chính sách của Nhà nước trở thành hiện thực. Làm như thế chỉ vì một mục đích đơn giản mà Nguyễn Trãi đã định nghĩa: *"cốt ở yên dân"*. Người dân không mơ ước gì hơn là cuộc sống trong cảnh thái bình, yên ả. Cho nên bổn phận của kẻ chăn dân là phải làm cho dân được yên. Để giữ lấy ước mơ tha thiết ấy, Nguyễn Trãi khẳng định: *"Quân điếu phạt trước lo trừ bạo"*. *"Quân"* phải biết chiến đấu trừng phạt kẻ ác để bảo vệ nhân dân, đem lại *"nhân nghĩa"* cho muôn người.

Sở dĩ tác giả hiểu được điều đó là nhờ sống gần gũi, hòa hợp với nhân dân, đứng trên lập trường nhân dân. Nguyễn Trãi đã trở thành

một nhà cải cách vĩ đại, ông đã đưa tư tưởng nhân nghĩa trở thành tư tưởng nhân dân. Gần gũi bên nhân dân, Nguyễn Trãi luôn trông thấy những cảnh đau lòng do bọn giặc độc ác gây ra:

Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ.

Bao giờ, Nguyễn Trãi cũng nói về nhân dân, một điều mà hầu như không có một vị quan, nhất là quan cao cấp đề cập đến. Vì thế, Nguyễn Trãi vô cùng đau xót trước cảnh người dân bị tàn hại vô tội. Ông thương khóc cho *"dân đen"* bị nướng thui *"trên ngọn lửa hung tàn"*, đau lòng khi cả những *"con đỏ"* cũng bị chôn vùi dưới *"hầm tai vạ"*. Ông luôn luôn trông thấy nhân dân đang rên xiết dưới gót giày quân giặc, cả những *"kẻ góa bụa khốn cùng"* cũng làm ông đau đớn. Tình thương yêu dân của ông thật vô cùng bao la. Họ là một phần xương máu, tâm can của người anh hùng vĩ đại.

Bên cạnh tình yêu dân tha thiết, ở Nguyễn Trãi còn nổi bật tình yêu nước sâu sắc. Đất nước có ý nghĩa vô cùng thiêng liêng, cao cả, được trời đất sắp đặt phân chia:

Từ Triệu, Đinh, Lí, Trần, bao đời gây nền độc lập
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.

"Gây nền độc lập", *"xưng đế một phương"*... là ý chí tự lập, tự cường của *"Đại Việt"*. Ông không phủ định quyền làm đế của các nước khác nhưng khẳng định nước Việt Nam cũng có đế vương thay trời hành đạo. Ông tôn trọng nền độc lập của các quốc gia nhưng sẵn sàng đấu tranh bảo vệ tự do của đất nước mình. Ông mang niềm tự hào về đất nước bởi lòng yêu nước của ông thật bao la. Ông quý trọng từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc đã sản sinh nuôi dưỡng nên mình. Ông yêu nước và thương dân tha thiết. Tấm lòng ưu ái của Ức Trai dào dạt, cuồn cuộn:

Bui một tấc lòng ưu ái cũ,
Đêm ngày cuồn cuộn nước triều Đông.
(Quốc âm thi tập)

Mở đầu *Bình Ngô đại cáo* là hai chữ *"yên dân"*, và kết thúc áng thiên cổ hùng văn là câu: *"Muôn thuở nền thái bình thịnh trị"*.

Lời nhận xét trên là một ý kiến khái quát nhưng có giá trị rất cao về con người Nguyễn Trãi. Nó là thước đo tầm vĩ đại trong tư tưởng Nguyễn Trãi. Một mặt, ông luôn đứng trên lập trường nhân dân, lo lắng vì cuộc sống của người lao động. Triết lí nhân nghĩa của Nguyễn Trãi là một tư tưởng vô cùng vĩ đại, vằng vặc như sao Khuê trên bầu trời Đại Việt. Lời nhận xét làm ta tự hào về Nguyễn Trãi, càng lúc

càng thêm kính phục ông và cả niềm tự hào về Tổ quốc, nơi đã sản sinh ra bao anh hùng kiệt xuất như ông.

Trải qua bao nhiêu năm đấu tranh, nước Việt Nam đang bước đi trên con đường xây dựng. Như Nguyễn Trãi đã nói: *"Song hào kiệt đời nào cũng có"*. Đất nước hôm nay không thiếu những nhân tài nhưng thiết nghĩ, tất cả đều phải học tập ở tấm gương đức độ của Nguyễn Trãi. Được như thế, nhân dân Việt Nam sẽ no ấm hơn và chắc chắn đất nước sẽ được xây dựng *"đàng hoàng hơn, to đẹp hơn"*.

Đề: Macxim Gorki nói: *"Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống"*. Trình bày suy nghĩ của em về câu nói đó.

Bài làm

Nếu ví tri thức nhân loại như một đại dương mênh mông thì sự hiểu biết của mỗi con người chỉ như muối bỏ bể. Trên chặng hành trình kiếm tìm biển kiến thức vô tận, con người sẽ tự lớn dần lên để từ một cá thể nhỏ nhoi mà tạo được tiếng nói cho riêng mình, làm phong phú thêm cho đời sống. Sách là phương tiện trung gian đưa con người tiếp cận dễ dàng và nhanh chóng nhất với nguồn tri thức ấy. Mỗi trang sách có thể chứa đựng những điều có giá trị truyền đạt từ vạn năm. Mỗi quyển sách có thể mang trong lòng nó những kiến thức làm nên giá trị muôn đời. Thế nên, khi nhận định về tầm quan trọng của sách, nhà văn M. Gorki đã nói: *"Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống"*. Nhân loại tìm đến sách để dưỡng nuôi *"con đường sống"* cho mình và cho đời ví như hạt muối nhỏ nhoi nhưng đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành cả một đại dương rộng lớn.

Một hôm nào mở mắt ra, ta thấy thế giới quanh ta thật kì lạ. Tại sao sau cơn mưa trời không chỉ ánh lên một vẻ xanh mà còn lung linh bảy sắc cầu vồng? Tại sao những ngôi sao trên trời chỉ thắp sáng về đêm? Hành trình một đời người phải trải qua kể từ lúc mới được sinh ra?... Tất cả những điều mang tầm vóc vĩ mô như vũ trụ cho đến những điều thuộc về cái vi mô như tâm hồn con người, ta đều tìm thấy ở sách. Ngàn năm trước, ngàn năm sau, sách đã tồn tại như một nhân vật trung gian kết nối không gian, thời gian, kết nối nhân loại, để dù một đất nước Việt Nam nhỏ bé, ta vẫn hiểu đời sống của con người tận vùng Bắc Âu, để từ hôm nay quá khứ vẫn hiện về trong ta một thời hào hùng trong lịch sử nước nhà. Qua sách, nhân loại không chỉ hiểu biết mà còn đồng cảm nhau hơn vì mang điều đã đọc mà cứ như được

sống tận nơi, nhìn tận mắt. Không chỉ đơn thuần là "của kho vô tận" để con người đặt, để mà sách còn là người bạn chí cốt, nơi kí thác những tâm sự thầm kín riêng tư, để rồi qua đó ta càng hiểu thêm khí chất tuyệt vời từ tâm hồn lãnh tụ. Anh Thạc, chị Thùy gửi vào trang giấy những tâm tình thời chiến tranh khiến ngày nay cả một thế hệ thanh niên phải nghiêng mình cảm phục. Chính vì thế, dù ở thời đại nào, sách vẫn là một nhân tố quan trọng đưa nhân loại đến gần nhau hơn trong sự hiểu biết chung về thời, mọi người, mọi cảnh huống.

Nguồn kiến thức mà sách mang đến cho con người là vô tận. Sách tổng hòa mọi kiến thức từ những lĩnh vực khác nhau. Đọc sách khoa học để hiểu nhân loại đã tiến bộ như thế nào từ sự xuất hiện đầu tiên của lửa, để cùng thích thú với những phát minh bậc thầy nhưng lại qua những bắt gặp hết sức ngẫu nhiên của Ac-si-met, Niu-tơn. Tìm hiểu sách xã hội để khám phá ra sự phong phú vô tận từ nền văn hóa của mọi quốc gia, hiểu được hình thế sông núi mà thiên nhiên hữu ý hay vô tình tạo dựng. Say sưa cùng những trang sách văn học để trở nên đồng cảm với nhân loại hơn trong chặng hành trình lớn lên của một con người, vận động của một tâm hồn, đấu tranh vì những khát vọng... Có tồn tại chăng nền văn minh nhân loại nếu không có sách? Không có sách, lượng kiến thức khổng lồ được chuyển tải đi đâu và làm sao ta tiếp nhận? Không có sách, con người sẽ bồi dưỡng tri thức của mình bằng cách nào? Hậu quả nếu không có sách sẽ là sự ra đời của lạc hậu và ngu dốt, con người không thể tự lớn lên (về mặt tri thức) thì lấy đâu khả năng làm chủ vận mệnh của bản thân và đất nước? Chính vì thế mà hãy tìm đến sách, vì *"nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống"*.

"Sách chắp cánh cho trí tuệ và tâm hồn bằng tình yêu đối với con người và thế giới" (M. Gorki). Sách không chỉ tác động vào tri thức mà còn là thức ăn tinh thần nuôi dưỡng tâm hồn con người, nhân lên sự hiểu biết của chúng ta về cả cái khách quan bên ngoài lẫn cái chủ quan bên trong. Vì thế nhân loại ngày một giàu có hơn về mặt kiến thức, tinh tế hơn về tinh thần. "Yêu sách" không chỉ là thái độ đối với sách mà còn phải phát huy được những giá trị đích đáng mà sách mang đến cho con người. Một con người bình thường có thể đọc hơn ngàn quyển sách trong đời và cũng tiếp nhận từng ấy kiến thức từ nhiều lĩnh vực khác nhau. Nhưng kiến thức chỉ có được qua tư duy của con người. Cuộc đời ngoài kia đang vỗ sóng, anh sẽ khẳng định được gì nếu chỉ ngồi một nơi mà tiếp nhận kiến thức? Đọc sách không chỉ là một sự tự

hưởng thụ cho mình mà hãy xem nó đã đem lại gì có ích cho anh, đã đưa anh đến với cuộc đời như thế nào, và liệu anh sẽ làm được gì hơn cho đời (hay ít nhất cho mình) từ những trang sách ấy? Sách cũng như một kho báu, nó sẽ chìm lẫn vào lớp bụi thời gian hay mang những tinh hoa mà cống hiến cho đời là tùy vào thái độ của người đọc nó. Đọc là một chuyện, vận dụng vào đời sống lại là một chuyện khác, có lẽ chẳng ai muốn làm Đôn Ki-hô-tê nhà "quý tộc tài ba" xứ Man-tra xem đời như cuốn sách để rồi mê đắm vào những giấc mơ vô dụng, hão huyền. Hãy đặt cuốn sách lên trên cuộc đời chứ đừng đặt cuộc đời bên trong trang sách, nghĩa là vận dụng kiến thức ta có được từ những trang sách vào thực tế sôi động và phong phú ngoài kia. Thực tiễn mới là nơi ta sống, kiến thức từ sách sẽ là phù sa làm giàu có cho dòng chảy cuộc đời.

Nhưng có điều, không phải quyển sách nào cũng *"mở ra trước mắt ta những chân trời mới"*, không phải bất cứ loại sách nào cũng là bạn tốt của con người. Loại sách vô giá trị chỉ nhằm vào mục đích xuyên tạc cuộc sống, đẩy con người vào u mê, ngu muội. Đọc sách nhiều nhưng biết gạn lọc cũng là một thái độ đúng đắn khi tiếp cận với nguồn tri thức nhân loại. Đó phải là những quyển sách mang lại cho ta một điều tốt đẹp gắn với con người và cuộc sống, nó phải nhân rộng kiến thức và tầm nhìn của mỗi cá nhân giữa đời rộng lớn, nó phải "ca tụng tình thương, lòng bác ái, sự công bình, nó làm cho người gần người hơn" (Nam Cao)... Chỉ khi ấy, sách mới luôn là hành trang tinh thần của con người trên quá trình dựng xây cuộc sống.

"Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống". Suốt đời, Gorki đã miệt mài đọc sách để tự bồi dưỡng cho mình một nguồn kiến thức dồi dào, những điều không trải qua trong đời thực ít nhiều ông đều tìm thấy sự trải nghiệm qua trang sách. Đâu phải ngẫu nhiên Gorki trở thành nhà văn bậc thầy của giai cấp vô sản. Đâu phải ngẫu nhiên Bác Hồ tìm thấy được con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Người. Tất cả đều từ sách... Có thể cả đời người cũng không đủ nắm bắt toàn vẹn kiến thức nhân loại, có thể đi trọn cuộc đời cũng không thể đọc qua một vạn quyển sách, nhưng bề dày kiến thức đâu phải có được đo đếm từ số lượng sách đọc qua. Điều quan trọng là ta đã đọc như thế nào để biến những kiến thức im lặng trên trang sách phải trỗi dậy mà tạo lập lấy *"con đường sống"* cho ta, cho người và cho đời vốn luôn ẩn tàng biết bao điều mới lạ!

Đề: Giải thích câu nói của nhà văn Macxim Gorki: *"Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống"*.

Bài làm

Ai cũng có một tuổi thơ gắn cùng bao kỉ niệm vui buồn cùng bao bạn bè. Nhà văn Macxim Gorki cũng vậy. Những kí ức về những năm tháng xa xôi ấy của ông không phải là những trò chơi, những ngọt ngào êm ấm. Khác mọi người bình thường, đó là những chuỗi ngày khốn khổ. Gorki vất vả tự nuôi thân sau hạnh phúc ngắn ngủi bên cạnh bà ngoại và đắm mình vào sách.

Đã là người, có ai sống mà không muốn có một sự nâng đỡ, an ủi, có bạn bè và ước mơ, phấn đấu, dù chỉ một lần trong đời. Và người bạn đáng yêu ấy là sách. Sách xứng đáng gọi là người bạn tốt vô ngần, sách tốt không bao giờ phản bội, sách cho mà không khi nào đòi nhận lại. Sách giúp con người khốn khổ những giây phút sung sướng thư thái. Nó vô tư vậy đó! Sách là kho tàng kiến thức mà loài người tổng hợp từ cổ chí kim: sách còn thể hiện những ước mơ cao đẹp vươn tới cái chân thiện Mỹ của con người nên những trang sách ẩn chứa một chân trời cao rộng kì diệu. Nơi đó, con người có thể tìm được chính mình và những người khác, nơi đó con người nhận ra cái sai cái đúng, nơi đó con người không chỉ đi tới bằng hai chân mà vươn lên bằng cả trái tim và tâm hồn, nơi đó "một cuộc sống khác" mở ra trước mắt, cuộc sống đẹp và đáng vươn tới hơn sự tầm thường vốn có của cuộc đời. Nơi đó, con người thực sự chiến thắng cái độc ác, giả dối để sống với chính mình. Ghéc-xa đã từng nói "Sách là di huấn về tinh thần của thế hệ này đối với thế hệ khác". Nhìn rộng ra ta hiểu rằng: nếu không có sách - người bạn tinh thần thì cũng không có văn hào Macxim Gorki. Chính nhà văn đã viết: *"Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có kiến thức mới là con đường sống"*. Và con người sẽ có cảm giác hân hoan mỗi khi "Mở sách ra đọc và thấy một cuộc sống khác trước mắt mới thú vị làm sao".

Không phải ngẫu nhiên Xmailôx đã nói rằng: *"Sách là người bạn tốt nhất của tuổi già, đồng thời là người chỉ dẫn tốt nhất của tuổi trẻ"*. Vượt qua thời gian và không gian, sách đến mọi nơi cùng ánh sáng tinh thần soi khắp. Sách chính là sợi dây nối bền vững, chính xác giữa thế hệ sau và thế hệ trước. Trong cuộc sống, sách là món ăn tinh thần không thể thay thế được.

"Sách mở ra trước mắt tôi những chân trời mới" (Gorki). Và có sự khao khát, sự thôi thúc khám phá những lí thú của đời nơi trang giấy, trong cuộc sống, khiến con người nhận thức rõ được ý nghĩa cuộc sống của mình và gắng vươn lên.

Con người sống với ước mơ và thực tại. Nhưng ước mơ và sự nuôi dưỡng nó nằm lặng lẽ nơi sách. Chính vì vậy *"Đọc sách là cách học tốt nhất"* (Puskin). Ở mỗi trang sách, ta có thể học được cái tốt cái hay nhưng quan trọng hơn cả là mỗi con người đều có thể học cách làm người một cách hoàn thiện hơn. Điều này không có nghĩa là sách nào cũng tuyệt, cũng đáng học hết. Có những kẻ do muốn kiếm lời đã cho xuất bản những loại sách xấu, kém văn hóa. Khi đọc, ta không những không tiếp thu được bất cứ điều bổ ích nào mà còn bị tiêm nhiễm nội dung xấu, thấp hèn. Những loại sách này thường viết về lối sống bản thân tầm thường hoặc bôi bác ý nghĩa cuộc sống, con người. Vì vậy lựa sách để đọc cũng là một điều rất quan trọng.

"Điều ta biết có giới hạn, đều ta chưa biết là vô hạn" (Laplace) và sách chân chính sẽ giúp chúng ta mở mang kiến thức, làm đẹp suy nghĩ con người. Chính trong quá trình vận động tư duy ấy, ta sẽ trưởng thành từng bước. Sách hay và bất diệt, bắt được nhịp thở bất tử đó, con người có thể vươn tới những gì cao đẹp nhất. Chưa có vĩ nhân hoặc người sống có mục đích, lí tưởng nào lại phủ nhận vai trò của sách trong đời mình. Nhưng những người càng uyên bác càng thích đọc sách, không phải chỉ thuần túy là "khám phá chân trời mới" mà trên trang giấy con người vẫn tìm thấy cái gì để tin yêu dù hiện thực còn có điều chua xót.

Câu viết về sách của văn hào Gorki trên đây luôn là chân lí không thể đổi dời. Riêng đối với bản thân em, sách có ý nghĩa đặc biệt. Nó là niềm vui của tuổi thơ và người chỉ dẫn cho em trong nhận thức. Sách mang lại nụ cười vui vẻ nhất là truyện cổ tích, sách khiến em suy nghĩ về mình, mọi người xung quanh và nhân cách con người. Sách tập cho em biết khóc trước nỗi đau kẻ khác, biết cười trước hạnh phúc người không quen. Đọc sách tức là ngồi trên phi thuyền bay nhanh như ánh sáng, vượt qua khoảng dài về thời gian. Em hiểu được rằng đến với sách là càng đến gần với đồng loại và chính mình. Nếu sống mà không đọc sách thì giống như người lạc lõng trên hoang mạc tinh thần.

Đề: Khuyên mọi người chăm chỉ lao động, tục ngữ có câu:

Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ.

Đồng thời lại có câu:

Giàu đâu những kẻ ngủ trưa,
Sang đâu những kẻ say sưa tối ngày.

Em hãy giải thích ý nghĩa các câu tục ngữ trên và lấy dẫn chứng để chứng minh.

Bài làm

Mỗi chúng ta đều có thể tìm thấy ở trong kho tàng tục ngữ Việt Nam những kinh nghiệm phong phú về nhiều mặt của cuộc sống. Về thái độ đối với lao động, tục ngữ khuyên nhủ chúng ta:

Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ.

Đồng thời lại có câu:

Giàu đâu những kẻ ngủ trưa,
Sang đâu những kẻ say sưa tối ngày.

Ở câu tục ngữ thứ nhất, người xưa đã dùng hình ảnh ẩn dụ (so sánh ngầm, lấy một bộ phận nói lên toàn thể). Hình ảnh bàn tay tượng trưng cho con người. Tay dùng để lao động, để làm việc. "*Tay làm*" nói con người chăm chỉ, "*tay quai*" chỉ con người lười biếng, không chịu làm việc. *Hàm* và *miệng* giúp con người ăn uống. Hình ảnh hàm và miệng ở đây tượng trưng cho cuộc sống của con người. "*Hàm nhai*" ý nói có ăn, có thu nhập để sống. "*Tay quai miệng trễ*" ý nói là nếu không chịu lao động, nếu lười biếng thì không có cái ăn, không có thu nhập để sống, cuộc sống khổ sở, thiếu thốn.

Câu tục ngữ khuyên chúng ta phải chăm chỉ lao động, cần cù chịu khó làm ra của cải vật chất, dùng bàn tay khối óc, không ngại gian khổ, sớm khuya, một nắng hai sương để cho cuộc đời chẳng những có ăn, no đủ mà ngày càng khá giả, tốt đẹp. Câu tục ngữ cũng phê phán thói chây lười, không chịu lao động được chăng hay chớ, tùy tiện nên đời sống khổ sở, đói rách, thiếu thốn. Người xưa quan niệm rất đúng đắn về lao động. Biết rằng lao động là vất vả, gian khổ nhưng cũng thật tốt đẹp, cao quý. Họ quan niệm:

Có làm thì mới có ăn,
Không dưng ai dễ đem phần tới cho.

Ở câu tục ngữ thứ hai, người xưa đã thẳng thắn phê phán thói lười biếng. *Ngủ trưa*: ngủ ngày, ngủ dậy muộn, không biết quý trọng thời gian, ngại khổ, trốn tránh công việc, say sưa rượu chè tối ngày sẽ chịu

hậu quả chẳng những không mong gì giàu sang, no đủ mà còn phải chịu chật vật, khốn khó do thói lười biếng tạo nên.

Hai câu tục ngữ nêu lên một chân lí giản đơn của đời sống con người. Có làm thì mới có ăn, mới mong no đủ, mới có thể giàu có. Ngược lại thói lười biếng sẽ dẫn đến hậu quả chẳng những miếng ăn, cuộc sống hàng ngày cũng không có, không đủ chứ đừng mong gì cuộc sống giàu sang, no đủ. Ý nghĩ giàu sang của những người lười biếng chỉ là một sự viển vông. Người xưa khẳng định sự cần thiết phải lao động, mà phải lao động chăm chỉ nữa.

Thực tế muôn đời nay đã chứng minh chân lí đúng đắn đó, khẳng định sự cần thiết của kinh nghiệm đó.

Trên ruộng đồng, người nông dân cuốc bẫm cày sâu, thức dậy từ lúc *"trời còn tang tảng rạng đông"*, làm ngay cả lúc ban trưa và đến tối mịt mới về, quanh năm đầu tắt mặt tối, một nắng hai sương mới mong có mùa thu hoạch tốt, có đời sống no đủ, khá giả. Bài ca lao động gian khó, bài ca tình yêu là một cặp song song trong giai điệu cuộc sống của họ, là nét đẹp, nét thơ mộng trong cuộc đời của họ. Một ngày lao động vất vả, *"mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày"* đã đem đến cho người nông dân buổi chiều khói bếp thơm nồng, buổi tối cả nhà quây quần quanh mâm cơm vui vẻ và hơn thế một cuộc sống no đủ, dài lâu, nhà ngói cây mít... Họ luôn luôn hiểu rằng:

Công lênh chẳng quản bao lâu,
Ngày nay nước bạc, ngày sau cơm vàng.

Người công nhân chăm chỉ bám máy, bám xưởng, có tay nghề giỏi, có năng suất cao thì mới có lương cao, được thưởng nhiều và mới có cuộc sống sung túc.

Người thợ thủ công cũng vậy. Họ suốt đời gắn bó, tận tụy với nghề, chăm chỉ, cần mẫn, kiên trì, khéo tay nên đã tìm được nhiều sản phẩm, có thu nhập cao và cuộc sống đầy đủ. Ngược lại nếu người nông dân mà lười biếng lao động, không biết quý trọng thời gian thì sự thất bát mùa màng là chắc chắn. Đất đai không được cày sâu, chăm bón sẽ xấu, cỏ mọc sẽ cao. Đấy là chưa nói đến hậu quả tai hại do sâu bọ phá hoại. Kẻ làm thợ cũng vậy, lười biếng sẽ không thể có nhiều sản phẩm và chắc chắn là lương thưởng sẽ ít, cuộc sống sẽ vô cùng khó khăn. Bất cứ ai, bất cứ làm nghề gì, việc gì cũng thế, nếu chây lười thì sẽ chịu hậu quả là cuộc sống khốn khó mà thôi.

Lao động là cần thiết, là vẻ vang, là cao quý bởi nó đem lại đời sống tốt đẹp cho con người, bảo đảm cuộc sống đầy đủ về vật chất,

thoải mái, khỏe khoắn về tinh thần. Lao động vì thế là đạo đức, là phẩm chất của bất cứ người nào trong xã hội, là thước đo tình cảm và năng lực của con người. Thái độ đối với lao động cũng chính là cách nhìn nhận đúng đắn về bản chất của con người. Chỉ có những người chăm chỉ lao động, yêu quý lao động mới có thể có tình cảm chân thành, đúng đắn trong các quan hệ của cuộc sống. Những kẻ lười biếng, ham mê chơi bời, rượu chè là kẻ xấu, cần tránh xa.

Các câu tục ngữ trên qua thời gian càng khẳng định sự đúng đắn của kinh nghiệm sống quý báu và cần thiết mà người xưa đã để lại, khuyên nhủ chúng ta. Ngày nay, khi con người đã tiến rất xa trên con đường giải phóng sức lao động, sáng tạo ra nhiều của cải vật chất, sự chăm chỉ lao động, có thái độ đúng đắn với lao động, tránh thói lười biếng vẫn thật là cần thiết, bởi ý nghĩa của nó không chỉ giúp con người theo kịp sự tiến bộ của khoa học, xây dựng cuộc sống mới trên nền tảng kinh tế xã hội, mà cần thiết hơn là giáo dục đạo đức, phẩm chất của con người trước yêu cầu và thử thách lớn lao hơn của đời sống.

Đề: **Trong lời di chúc, Bác Hồ viết: *"Tôi để lại muôn vàn tình thương yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng"*. Dựa vào những tác phẩm đã học hoặc đã đọc cũng như những mẩu chuyện trong thực tế, em hãy chứng minh rằng Bác Hồ đã dành cho toàn dân ta, đặc biệt là thiếu niên, nhi đồng một tình thương yêu bao la, sâu nặng.**

Bài làm

"Bác Hồ - Người là tình yêu thiết tha nhất trong lòng dân và trong trái tim nhân loại". Đó là tiếng hát ngợi ca của nhân dân ta khi nhắc tới Bác Hồ kính yêu - một con người hiện thân cho những gì cao đẹp nhất của dân tộc. Nói tới Bác Hồ là nói tới tấm lòng nhân ái bao la, tình yêu thương vô bờ của Bác đối với nhân dân đất nước. Cho đến những ngày cuối cùng trước lúc đi xa. Bác vẫn còn để lại trên cõi đời này muôn vàn tình thương yêu cho dân tộc. Tấm lòng yêu thương ấy đã trở thành nguồn đề tài phong phú cho cả một phong trào thơ ca viết về Bác.

Tình thương yêu của Bác thật rộng lớn bao la. Tình cảm ấy đã bao trùm lên non sông đất nước, lên mọi kiếp người, đến cỏ cây hoa lá cũng được sưởi ấm bởi tình thương của Bác. Nhà thơ Tố Hữu, một trong những nhà thơ Việt Nam viết về Bác nhiều nhất đã khái quát trong bài thơ *Bác ơi!*:

Bác ơi, tim Bác mênh mông thế!
Ôm cả non sông, mọi kiếp người.

Quả đúng như vậy, trái tim chan chứa yêu thương của Bác đã từng ôm chặt vào lòng tất cả quê hương đất Việt. Ta nhớ lại những chặng đường gian khổ mà Bác đã phải trải qua để đưa đất nước Việt Nam tới ngày vinh quang chiến thắng. Ấy là buổi đầu ra đi tìm đường cứu nước, người trai đất Việt này chỉ có hai bàn tay trắng với trái tim rực lửa yêu nước và ý chí quyết tâm tìm đường cứu nước. Bác Hồ đã phải trải qua trăm ngàn công việc vất vả, khó nhọc trong buổi đầu ấy:

Từ đó người đi những phút đầu
Lênh đênh bốn biển, một con tàu
Cuộc đời sóng gió. Trong than bụi
Tay đốt lò, lau chảo, thái rau.

(Tố Hữu)

Và đây nữa, một hình ảnh đẹp đẽ biết bao, khi Bác cúi xuống hôn nắm đất nơi địa đầu Tổ quốc sau bao nhiêu năm xa cách. Đó là biểu hiện sâu sắc của tình yêu quê hương đất nước đã được Chế Lan Viên khắc họa:

Kìa bóng Bác đang hôn lên hòn đất
Lắng nghe trong màu hồng hình đất nước phôi thai.

(Chế Lan Viên - *Người đi tìm hình của nước*)

Yêu đất nước Việt Nam bao nhiêu, Bác càng thương con người Việt Nam bấy nhiêu những người dân sống kiếp người cùng khổ, cơ cực "cảnh cơ hàn trời đất tối tăm". Trái tim chan chứa yêu thương của Bác đã ôm cả "mọi kiếp người". Bác dành cho tất cả mọi tầng lớp nhân dân, từ em thơ đến các cụ già, từ các anh bộ đội đang vững tay súng nơi chiến trường đến chị nông dân đang cầm chắc tay cày nơi hậu phương mọi tình cảm yêu thương trìu mến nhất. Vẫn là nỗi lòng của Tố Hữu khi viết về Bác:

Bác sống như trời đất của ta
Yêu từng ngọn cỏ, mỗi nhành hoa
Tự do cho mỗi đời nô lệ
Sữa để em thơ, lụa tặng già.

(Bác ơi!)

Quan tâm đến các em, Bác vẫn thường viết thư, gửi quà, động viên, khuyến khích các em chăm ngoan học giỏi. Cảm động biết bao khi chúng ta nghe thơ Bác:

Ai yêu các nhi đồng
Bằng Bác Hồ Chí Minh.

Và: *Trẻ em như búp trên cành*
Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan.

Thế đấy, so với tấm lòng yêu thương bao la của Bác, thì viết về Bác bao nhiêu cũng là chưa đủ, bao nhiêu cũng như là thiếu:

Ôi vẫn còn đây của các em
Chồng thư mới mở Bác đang xem
Chắc Người thương lắm lòng con trẻ
Nên để bâng khuâng gió động rèm.

(Tố Hữu - *Theo chân Bác*)

Qua thơ ca viết về Bác, ta càng thấy rõ hơn tình thương yêu chan chứa, mênh mông mà Bác đã dành cho đất nước và con người Việt Nam. Và cũng qua đó, ta thấy thêm lòng tin yêu kính trọng vô bờ của nhân dân ta với Bác.

Bác đã ra đi mãi mãi, những tình thương yêu của Bác dành cho dân tộc Việt Nam vẫn mãi mãi trường tồn. Lăng Bác uy nghi còn đó. Cám ơn nhà thơ Viễn Phương trong bài *Viếng lăng Bác* đã nói hộ tình cảm của những người con Việt Nam với Bác:

Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây...

Giờ đây, đứng trước chân dung Bác, ta kính cẩn nghiêng mình thấm thía:

Cháu thề phấn đấu suốt đời
Như lời Bác dạy, nên người Bác mong.

(Thanh Hải)

Đề: **Nhiều người còn chưa hiểu rõ thế nào là *"học đi đôi với hành"* và vì sao ta rất cần phải *"theo điều học mà làm"* như lời La Sơn Phu Tử trong bài *Bàn luận về phép học*. Hãy viết một bài văn nghị luận để giải đáp những thắc mắc nêu trên.**

Bài làm

Một trong những điều trọng yếu của phương pháp học tập là *"Học đi đôi với hành"*. Nguyên lí ấy đã được ông cha ta nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Trong bài tấu *Bàn luận về phép học* gửi vua Quang Trung, La Sơn Phu Tử cũng có viết, cần phải *"theo điều học mà làm"*. Tuy vậy, nhiều người trong chúng ta còn chưa hiểu rõ, hiểu một cách đầy đủ nguyên lí ấy, chân lí ấy.

Vậy, thế nào là *"học đi đôi với hành"*? Thế nào là *"theo điều học mà làm?"*. Học là học tập, học văn hóa, ngoại ngữ,... học lí thuyết về khoa học kĩ thuật... Hành là hành động, là hoạt động. Học đi đôi với hành có nghĩa là vừa học văn hóa, lí thuyết vừa tập tành, vận dụng; lấy lí thuyết soi sáng thực hành, lấy thực hành củng cố lí thuyết; học tập phải gắn liền với sản xuất, với các hoạt động khác, nhất là hoạt động xã hội. *"Theo điều học mà làm"* có nghĩa là biến những kiến thức đã học được thành kĩ năng kĩ xảo, vận dụng những điều đã học được để làm ăn, phải biết làm theo những điều đã học để phục vụ lao động sản xuất, để ứng dụng vào cuộc sống. Đúng như cụ Phan Bội Châu đã chỉ rõ: *"Học là bắt chước, học là cầu cho biết, học là để mà làm"*.

Tại sao phải *"học đi đôi với hành"*? Tại sao lại phải *"theo điều học mà làm"*? Không học chay, học vẹt, học lí thuyết suông. Không thể học sáo rỗng, có thể đọc thiên kinh vạn quyển, *"chữ chứa đầy bụng"*, nhưng khi bước vào đời thì ngu ngơ, rỗng tuếch, trở thành kẻ *"thầy dở, thợ dốt"*. Vì không *"học đi đôi với hành"*, vì không biết *"theo điều học mà làm"* nên nhiều người *"đua học hình thức cầu danh lợi"* như La Sơn đã chê trách. Cho nên học tập phải thiết thực và hữu ích.

Học luận lí là để bồi dưỡng phẩm hạnh, để trở thành con ngoan, trò giỏi, người công dân tốt. Học các môn khoa học xã hội nhân văn không chỉ để có những hiểu biết, những kiến thức về văn, sử, địa,... mà còn để bồi dưỡng tâm hồn,... Học ngoại ngữ phải tập nói, tập dịch, để đọc sách, để có thêm một công cụ mà làm ăn, mà tiến thủ, chứ đâu phải là để nói một vài câu tiếng Tây, tiếng Tàu, tiếng Anh, tiếng Nhật... cho oai! Nước ta đang trên đường hội nhập và phát triển, cho nên *"học đi đôi với hành"*, *"theo điều học mà làm"* là những phương châm giúp chúng ta cải tiến phương pháp học tập. Các môn khoa học tự nhiên là cực kì quan trọng, sẽ trang bị cho thanh thiếu nhi bao kiến thức khoa học, kĩ thuật hiện đại. Phòng thư viện, phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn, nhất là phòng máy tính,... đã và đang được xây dựng, phát triển ở các trường tiểu học, trường phổ thông trên phạm vi cả nước đã cho thấy việc *"học đi đôi với hành"* *"theo điều học mà làm"* được ngành giáo dục và xã hội quan tâm, coi trọng như thế nào. Các phong trào mang tính xã hội rộng lớn của học sinh, sinh viên những năm gần đây như *"phong trào tình nguyện"*, đóng góp quỹ từ thiện xóa đói giảm nghèo, giúp những người khuyết tật, những nạn nhân chiến tranh... không chỉ thể hiện tình tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, mà còn cho thấy trường học đã gắn liền với cuộc sống xã hội,

phương châm *"học đi đôi với hành"* được hàng chục triệu thầy cô giáo và học sinh nhiệt liệt quán triệt, hưởng ứng.

Những hoạt động như cắm trại, tham quan, du lịch, sưu tầm văn học dân gian ở quê hương mình; những việc làm như trồng hoa, trồng cây, làm sạch trường, đẹp lớp,... là vô cùng thiết thực, đúng là *"theo điều học mà làm"*. Quét nhà, lau nhà, nấu cơm, giặt quần áo trong gia đình là những công việc giúp tuổi trẻ trở nên tháo vát, khéo léo, biết yêu thương đỡ đần bố mẹ, sớm hình thành những đức tính tốt đẹp như siêng năng cần cù, yêu lao động và biết quý trọng người lao động.

"Học đi đôi với hành", biết *"theo điều học mà làm"* là rất thiết thực, bổ ích. Nhờ đó mà lí thuyết được khắc sâu, lí thuyết được thực hành soi sáng, vừa học vừa tập, vừa ôn vừa luyện, nên dễ hiểu, dễ nhớ. Học đi đôi với hành hướng học sinh, sinh viên biết tìm tòi, nghiên cứu, phát minh. Trong những kì thi *"tuổi trẻ sáng tạo"*, ta thấy tuổi trẻ Việt Nam đã biết *"theo điều học mà làm"*, có nhiều phát minh, ứng dụng trong lĩnh vực tin học và công nghệ thể hiện tài năng, trí tuệ Việt Nam.

"Học đi đôi với hành", *"theo điều học mà làm"* là phương châm, phương pháp giúp học sinh phát huy tinh thần chủ động, năng động trong học tập, sớm xác định được mục tiêu học tập đúng đắn. Học để mở mang tầm hiểu biết, để trở thành người lao động có kĩ thuật, có khoa học để phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hiện tượng *"Học giả mà bằng thật"*, mua bán bằng giả hiện nay đâu chỉ là hội chứng chạy theo bằng cấp, hư danh mà còn phản ánh một sự thật trong xã hội ta là nhiều người chưa hiểu *"học đi đôi với hành"*, *"theo điều học mà làm"*.

Con đường học tập đi tới tương lai của tuổi trẻ Việt Nam vô cùng tươi sáng và rộng mở. *"Học đi đôi với hành"*, *"theo điều học mà làm"*, là những bài học thiết thực, bổ ích đối với chúng ta. Những lời Bác Hồ viết trong *Thư Trung thu* - 1952, ngày nay đọc lại ta càng thấy thấm thía:

Mong các cháu cố gắng
Thi đua học và hành;
Tuổi nhỏ làm việc nhỏ,
Tùy theo sức của mình.
Để tham gia kháng chiến
Để gìn giữ hòa bình.
Các cháu hãy xứng đáng
Cháu Bác Hồ Chí Minh.

Đề: **Hãy làm sáng tỏ câu tục ngữ:** ***Có công mài sắt có ngày nên kim.***

Bài làm

Tục ngữ là trí khôn muôn đời của nhân dân. Mỗi câu tục ngữ là một bài học lớn. Một trong những bài học ấy được đúc kết trong câu tục ngữ hàm súc:

Có công mài sắt có ngày nên kim.

Câu tục ngữ đã nêu lên một chân lí lớn bằng những hình ảnh tượng trưng đầy sức thuyết phục. Sắt là một thứ kim loại cứng thế nhưng mài mãi cũng sẽ thành cây kim nhỏ. Đó là một sự kiên trì, cố gắng phi thường. Từ một thỏi sắt to trở thành cái kim nhỏ phải tốn bao công sức, mồ hôi mới có được. Mới nghĩ đến, ta đã thấy ngại ngùng. Chẳng ai hơi đâu ngồi kì công mài sắt thành kim như thế. Công việc này tưởng như khó khăn không thể làm nổi. Thế mà vẫn có người không quản gian lao, không sợ công phu, vẫn gắng sức làm cho kì được. Cho nên cây kim dù rất nhỏ bé, không đáng gì nhưng nó là thành quả của biết bao sự cố gắng, kiên trì nhẫn nại. Nghĩa đen của câu tục ngữ chỉ là việc mài sắt thành kim, nhưng nếu suy ra nghĩa bóng thì thật là rộng. Đó là một lời khuyên, một bài học mà ông cha ta đã đúc kết từ ngàn đời truyền lại cho con cháu hôm nay và mai sau. Đó là lời răn dạy: Có sự kiên trì nhẫn nại và quyết tâm lớn thì việc gì cũng làm xong cho dù việc đó rất khó khăn, tưởng như không thể hoàn thành được.

Bác Hồ từng dạy:

Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên.

Cũng là nói về tinh thần không ngại khó.

Qua lời Bác dạy ta càng hiểu thêm về sức mạnh của lòng kiên trì, bền bỉ. Có quyết tâm lớn thì việc gì cũng làm được, cho dù đó là việc "đào núi và lấp biển".

Trong cuộc sống của chúng ta có biết bao tấm gương tiêu biểu đã "mài sắt" để cho ngày "nên kim". Tấm gương ấy không đâu xa lạ, đó chính là Bác Hồ – Người Cha của dân tộc. Đất nước ta được hòa bình tự do như ngày hôm nay chính là một phần nhờ ở lòng kiên trì, bền chí của Bác. Khi còn là chàng thanh niên trẻ tuổi, Bác từ biệt mọi người ra đi tìm đường cứu nước. Ở nơi đất khách quê người, Bác đã làm

mọi việc để kiếm sống: làm phụ bếp trên tàu, làm người cào tuyết giữa mùa đông giá lạnh ở châu Âu...

Có nhớ chăng hơi gió rét thành Ba-lê
Một viên gạch hồng Bác chống lại cả một mùa băng giá
Và sương mù thành Luân Đôn, ngươi còn nhớ
Giọt mồ hôi Người nhỏ giữa đêm khuya.

(Chế Lan Viên – *Người đi tìm hình của nước*)

Biết bao nhiêu vất vả cực nhọc, Bác chẳng sờn lòng, Bác kiên trì đi đến tất cả các nước, các dân tộc trên thế giới để tìm hiểu con đường giải phóng dân tộc của họ. Cuối cùng, sự kiên nhẫn của Bác đã được đền đáp xứng đáng. Người đã tìm thấy con đường cho dân tộc thoát khỏi nô lệ lầm than.

Tấm gương Bác Hồ chói sáng và rực rỡ, trước hết là ở chỗ "Có công mài sắt có ngày nên kim".

Gần gũi với chúng ta không ít những tấm gương sáng đáng khâm phục. Nhà thơ Nguyễn Khuyến nổi tiếng là "Nhà thơ của làng cảnh Việt Nam". Những sáng tác của ông là kết quả của một sự rèn luyện không ngừng, không biết mệt mỏi "lao tâm khổ tứ". Thiên tài không thể một sáng một chiều mà thành công được. Một nhà văn phương Tây đã khẳng định: "Thiên tài là một sự kiên nhẫn lâu dài". Quả đúng như vậy. Để trở thành một nhà thơ lớn, Nguyễn Khuyến đã trải qua cuộc sống nghèo khổ, túng thiếu. Theo giai thoại: Ông nhà nghèo, mỗi buổi sớm đến trường phải mang theo một cái giậm để sau buổi bình văn đi bắt cá. Quê ông vốn là đồng chiêm trũng nên cá rất nhiều. Có những buổi sớm mùa đông giá lạnh, thầy đồ vẫn thấy anh học trò nghèo lam lũ dưới ao sâu. Tối về nhà, không có đèn, anh học trò nghèo Nguyễn Khuyến đã theo cách người xưa bắt đom đóm nhốt vào vỏ trứng hoặc tận dụng ánh sáng để đọc sách. Tài năng của Nguyễn Khuyến không chỉ là ở trí thông minh mà còn ở sự kiên trì, lòng quyết tâm cao.

Một tấm gương nữa rất gần gũi với chúng ta đó là anh Nguyễn Ngọc Kí. Anh bị liệt hai tay nhưng mong ước đến trường vẫn luôn thôi thúc anh. Thế là anh bắt đầu tập viết bằng chân. Những nét chữ đầu tiên thật là khó nhưng anh không chịu nản chí và bây giờ anh đã trở thành một nhà giáo ưu tú, được các em học sinh yêu quí, kính trọng. Anh còn là một cây bút quen thuộc với chúng ta.

Trong lao động, tấm gương của nhà bác học Lương Định Của là một bằng chứng hùng hồn. Để lai tạo một giống lúa mới có năng suất cao,

có khả năng chống rầy tốt, ông phải làm việc vô cùng vất vả, khó nhọc. Hàng ngày, từ tờ mờ đất, ông đã lội ruộng bì bõm nghiên cứu, thử nghiệm đến tối mịt mới về. Qua nhiều vụ lúa, một ruộng lúa mới được tạo thành. Chính sự kiên nhẫn bền bỉ ông đã đem no ấm đến cuộc đời.

Trên thế giới, không ai là không biết nhà bác học người Pháp Pi-e Quy-ri và Ma-ri Quy-ri. Họ đã kì công trong bốn năm trời lọc đi lọc lại tám tấn bã quặng để tìm một phần mười gam chất phóng xạ uradium. Thế mới biết, muốn tìm ra một nguyên tố hóa học cũng đòi hỏi sự bền bỉ, kiên trì mãnh liệt.

Không chỉ học tập những con người nổi tiếng, mà tấm gương của những người lao động xung quanh mình cũng rất đáng tuyên dương. Ở huyện em, mọi người đều yêu quí chị Lan. Chị bị liệt tay phải và một chân. Tuy phải viết bằng tay trái và đi lại khó khăn song chị là học sinh giỏi toàn diện, vừa rồi hai tác phẩm chị đã viết được xuất bản gây tiếng vang lớn. Em nghĩ chị cũng là tấm gương của lòng kiên trì đáng để chúng ta học tập.

Qua tấm gương trên, em thấy mình còn phải cố gắng nhiều, trước hết là lòng kiên trì nhẫn nại, không quản khó khăn vất vả để trở thành người công dân tốt. Đó là bước mở đầu của quá trình hình thành nhân cách con người. Là một đứa con trong gia đình, em phải học tập tốt để xứng đáng với lòng tin yêu của cha mẹ. Là một công dân của đất nước, em phải cố gắng tu dưỡng nhiều để trở thành chủ nhân của tương lai.

Lời khuyên răn của ông cha luôn đúng đắn, thiết thực. Nó sẽ có ý nghĩa lớn hơn khi ta thực hiện tốt lời dạy dỗ.

Đề: **Ai cũng biết tàn phá rừng là tự thắt cổ mình, vì sự tàn phá đó chính là sự tàn phá môi trường sinh thái. Em hãy giải thích và chứng minh điều đó để những người có hành động phá rừng hiểu việc làm sai lầm của họ. Từ đó, họ có ý thức tốt hơn trong việc bảo vệ rừng.**

Bài làm

Từ khi có trái đất, loài người đã sinh sống được nhờ môi trường thiên nhiên xung quanh mình, bầu không khí trong lành, nguồn nước mát và đặc biệt là màu xanh kì diệu của muôn ngàn cây lá khác nhau. Vì vậy, nhân dân ta đã có câu "Rừng vàng, biển bạc" để khẳng định giá trị của rừng và biển. Trong bài luận văn nhỏ này, ta thử bàn bạc, tìm hiểu về rừng và nạn phá rừng sẽ dẫn đến điều gì?

Một số người không biết rằng tàn phá rừng chính là tự thắt cổ mình vì sự tàn phá đó chính là sự tàn phá môi trường sinh thái, tàn phá môi trường sống của chính mình. Từ xưa đến nay, rừng, lá phổi xanh của con người có vai trò rất quan trọng để duy trì sự sống, để người hít thở sử dụng nhưng hiện nay, nạn phá rừng đang là nỗi lo cho các nhà sinh thái.

Trong thực tế, ai cũng biết rừng là nơi cung cấp nguyên liệu làm giấy, xây dựng nhà cửa và vật dụng trong gia đình. Rừng còn là kho dược liệu vô giá mà thiên nhiên đã ban tặng cho con người. Rừng là nơi sinh sống, trú ngụ cho biết bao loài động vật, côn trùng khác, là nơi tạo ra... vô số các loại quý hiếm. Rừng phục vụ cho du lịch, là nơi nghỉ mát, nơi cắm trại lí tưởng cho mọi người... Rừng cần cho cuộc sống biết nhường nào.

Nhưng quan trọng hơn hết, rừng chính là môi trường sinh thái, là môi trường sống cho loài người. Các quá trình quang hợp của cây xanh liên tục xảy ra, cây hít khí cacbonic vào để rồi tạo ra khí oxi, một thứ khí rất cần thiết cho cuộc sống. Đơn giản hơn, rừng chính là một "nhà máy lọc bụi tối tân nhất" mà chưa có một nhà máy nào trên thế giới có thể sánh nổi. Rừng điều tiết khí hậu. Rừng là lá chắn vững chắc nhất, là rào cản đầu tiên trước mọi biến động thiên tai. Rừng cản lũ, cản lụt, rừng chống sa mạc hóa, rừng ngăn cát lấn đất, rừng giữ đất, giữ nước... Khi đã hiểu được vai trò của rừng đối với môi trường sinh thái, ta mới cảm nhận được hậu quả tai hại của việc tàn phá rừng. Có thích thú gì đâu khi đứng trên một mảnh đất mà xưa kia đã từng là rừng hiện giờ đang bị ánh lửa mặt trời thiêu đốt. Có sung sướng gì đâu khi phải bước chân trên sa mạc cát nóng rát cháy cả đôi chân, đôi môi thì khô khốc đắng cả miệng, khắp nơi chỉ có gió và cát bay mịt mù. Lúc ấy, sao mà thèm... một mảng xanh mát, một bóng râm, một dòng nước trong để có thể dừng chân nghỉ ngơi. Hoặc cảm giác chán chường khi thấy một ngọn núi toàn là đá (có cây đâu mà giữ đất). Nguy hiểm hơn cả là vấn đề khí thở. Hàng ngày, trên thế giới có biết bao nhà máy thải khí độc vào bầu khí quyển, biết bao bụi bặm trên các đường phố, biết bao con người đang chia nhau từng hớp không khí ô nhiễm dưới cái nắng chang chang, xung quanh chẳng có một tí bóng râm nào, chỉ toàn là khối bê-tông xám xịt, cao ngất, che lấp cả bầu trời. Nếu vắng bóng rừng một khoảng thời gian dài, thì cả trái đất sẽ khô cứng lại, và cả nhân loại sẽ chết dần chết mòn. Lúc ấy, dầu nhà cao cửa rộng, dẫu bạc vàng chất

đống, con người chỉ mong một cánh rừng xanh tốt mà lòng tiếc nuối, xót xa khi nghĩ đến cánh rừng bạt ngàn xưa kia. Rừng còn để chống thiên tai, bây giờ mất rừng rồi mọi tai họa trước kia ít gây thiệt hại, nay bỗng chốc trở thành đại họa. Lũ lụt, sa mạc hóa, hạn hán, bão lụt xảy ra khắp nơi. Ở nước ta, lũ lụt và bão hoành hành ở khắp nơi, nguyên do cũng tại phá rừng.

Thêm vào đó, thú rừng chẳng còn nơi sinh sống, tràn xuống thành thị, gây biết bao tai họa. Nếu thiếu rừng, thì còn gì là kho thuốc vô tận của thiên nhiên, lấy gì làm nguyên vật liệu để phục vụ cho các ngành sản xuất, lấy đâu làm chỗ nghỉ ngơi...

Trước hiểm họa đó, con người phải làm gì? S.O.S báo động toàn thế giới: Đã đến lúc ta phải bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái.

Hội nghị quốc tế thượng đỉnh năm qua họp cũng chỉ bàn về một vấn đề duy nhất: bảo vệ môi trường. Ủy ban bảo vệ môi trường thế giới đã kêu gọi các quốc gia trên thế giới cùng hợp tác để bảo vệ môi trường sinh thái bằng nhiều cách khác nhau.

Đó là vấn đề chung của toàn nhân loại. Riêng cá nhân ta, ta phải làm gì? Quá rõ: giảm tối thiểu việc khai thác rừng, ngăn chặn triệt để việc phá rừng bừa bãi, thực hiện tốt hơn việc bảo vệ rừng...

Không quá trễ để ta thực hiện nhiệm vụ bảo vệ rừng. Nhưng cũng không sớm để báo động về việc các cánh rừng đang biến mất khỏi trái đất. Chúng ta phải cùng nhau bảo vệ rừng, không thể để nước đến chân mới nhảy, lúc đó đã là quá muộn, con người đã tự giết mình.

Đề: **Nhân dân ta xưa có câu:**

Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi non.

Dựa vào lịch sử đấu tranh bảo vệ đất nước và lao động xây dựng đất nước của nhân dân ta để chứng minh sự đúng đắn của câu ca dao trên.

Bài làm

Tục ngữ, ca dao là kho tàng kinh nghiệm vô cùng quý báu nói về tình cảm, về kinh nghiệm sản xuất, đấu tranh xây dựng đất nước và bảo vệ đất nước. Một trong những kinh nghiệm được ca dao ghi lại nói về sức mạnh của sự đoàn kết.

Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Đọc câu ca dao trên, ta thấy ý nghĩa của nó thật là sâu sắc. Một cây sẽ yếu ớt mỏng manh trước cuồng phong bão táp. Nhiều cây chen chúc, sát cánh bên nhau sẽ tạo ra khóm cây, rừng cây vững chãi, gió lay chẳng đổ, bão rung chẳng rời. Từ hình ảnh thiên nhiên, ta liên tưởng đến cuộc sống của con người. Đó chính là sự tập hợp ý chí, sức lực, hành động của nhiều người tạo thành sức mạnh tổng hợp, làm nên những thành công lớn mà cá nhân hoặc tập thể nhỏ không thể làm được.

Lịch sử giữ nước và dựng nước của dân tộc ta từ ngàn xưa đến nay là nguồn gốc của bài học ấy và cũng là sự chứng minh hùng hồn cho bài học ấy.

Từ xa xưa, những người thổ dân đã biết đoàn kết sống thành bộ tộc để bảo vệ đất đai, chống lại thú rừng. Trong cuộc chiến đấu chống ngoại xâm, xây dựng khối đoàn kết vững chắc là cực kì quan trọng. Nếu biết đoàn kết, chúng ta sẽ tiêu diệt được nhiều kẻ thù. Như ở đời nhà Trần, quân dân ta đã đoàn kết tiêu diệt quân Nguyên - Mông. Thời đó quân Nguyên rất mạnh, chúng ta đã từng tuyên bố "Vó ngựa Mông Cổ đi đến đâu, cỏ không mọc được tới đó". Triều đình nhà Trần đã mở hội nghị Diên Hồng, khơi dậy tinh thần đoàn kết của các tầng lớp nhân dân. Miền xuôi cũng như miền ngược, già cũng như trẻ, gái cũng như trai, đều chung một ý chí chống giặc ngoại xâm. Nhỏ tuổi như Trần Quốc Toản cũng cầm quân ra trận và lập được nhiều chiến công. Cuối cùng, dù thế giặc mạnh như chẻ tre nhưng quân dân ta vẫn đánh đuổi được 50 vạn quân xâm lược Nguyên – Mông ra khỏi bờ cõi nước ta.

Đến đời nhà Lê, Lê Lợi đã kêu gọi những anh hùng có chí khí cùng đứng lên dựng cờ tụ nghĩa. Ông tập hợp dưới lá cờ của mình mọi người dân yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, đoàn kết chặt chẽ "Tướng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông chén rượu ngọt ngào". Vì có tinh thần đoàn kết suốt mười năm kháng chiến, đoàn quân của ông đã thắng trận trở về giữa niềm hân hoan vui mừng của nhân dân. Và Nguyễn Huệ, người anh hùng áo vải mà em khâm phục, cũng đoàn kết tập hợp nghĩa quân. Những người nông dân, những người trí thức, những tướng sĩ... đều cùng một lòng với minh chủ đánh đuổi quân Thanh khỏi biên giới, đem lại cuộc sống thanh bình cho nhân dân.

Trong cuộc kháng chiến trường kì chống Pháp, Bác Hồ đã kêu gọi toàn dân, toàn quân đoàn kết một lòng, nhất tề đứng lên giết giặc cứu nước. Khối đoàn kết toàn dân góp phần làm nên thắng lợi vẻ vang của cuộc kháng chiến chín năm thần thánh.

Nếu cuộc kháng chiến chống Pháp khẳng định tinh thần đoàn kết của nhân dân ta thì cuộc kháng chiến chống Mỹ là một bản anh hùng ca đáng tự hào về khối đoàn kết dân tộc. Đương đầu với nửa triệu giặc Mỹ xâm lược có pháo đài bay, có hàng rào điện tử, nhân dân hai miền Nam Bắc nước ta đã xây dựng khối đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam và trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam làm nên thắng lợi vẻ vang, kết thúc hơn 20 năm kháng chiến chống Mỹ bằng chiến dịch Hồ Chí Minh 1975 vang dội lịch sử, chấn động địa cầu.

Không những tinh thần đoàn kết đem lại những thắng lợi vĩ đại trong chiến đấu, mà còn đem lại những thành công to lớn trong lao động sản xuất. Ngắm nhìn những con đê hùng vĩ hai bên bờ sông Hồng, ta thật ngạc nhiên trước sức mạnh của người xưa. Cho đến mùa mưa, nước sông Hồng đỏ ngầu, gầm réo, hung hăng muốn tràn vào làng mạc phố xá, nhưng làm sao vượt qua được con đê vừa dài, vừa rộng, vừa cao. Ai đã đắp nên những con đê ấy? Không riêng ai cả. Hàng chục triệu, trăm triệu con người đã dùng bàn tay bé nhỏ với công cụ lao động thô sơ, đắp từ thuở xưa và tiếp tục đắp suốt ba, bốn ngàn năm nay. Đó chính là một công trình tuyệt vời của sức mạnh đoàn kết.

Ngày nay, do không chỉ biết đoàn kết nhân dân trong nước mà còn biết hợp tác quốc tế, nhân dân ta đã xây dựng được ngành công nghiệp dầu khí Vũng Tàu, các nông trường cà phê, cao su... Nhân dân ta cũng đã và đang hoàn thành những công trình xây dựng to lớn: nhà máy thủy điện Sông Đà, đường dây tải điện 500KV Bắc Nam mang ánh sáng đến mọi miền quê hẻo lánh. Rồi cầu Thăng Long sừng sững, thủy điện Trị An đồ sộ... và còn biết bao nhiêu công trình to lớn khác đã, đang và sẽ mọc lên như muốn nói với các bạn năm châu rằng: đất nước chúng tôi tuy nhỏ bé nhưng luôn đoàn kết với nhau và tranh thủ sự đoàn kết quốc tế để xây dựng một nước Việt Nam giàu đẹp, phồn vinh sánh kịp các nước tiên tiến trên thế giới.

Tóm lại, trải qua hàng mấy chục thế kỉ, câu ca dao của cha ông ta vẫn là một chân lí không gì lay chuyển được. Đó là một trong những bài học sâu sắc nhất mà nhân dân Việt Nam đã rút ra qua cuộc sống hàng ngàn năm của mình. Em càng hiểu sâu sắc vì sao Bác Hồ lại căn dặn thế hệ sau:

Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết
Thành công, thành công, đại thành công.

Đề: Đồng chí Phạm Văn Đồng nói: "Trong xã hội loài người, cái đáng quý nhất là lao động, người đáng quý nhất là người lao động". Em hãy giải thích và bình luận câu trên.

Bài làm

Khẳng định ý nghĩa và giá trị chung của lao động và người lao động, đồng chí Phạm Văn Đồng nói: "Trong xã hội loài người, cái đáng quý nhất là lao động, người đáng quý nhất là người lao động".

Vậy lao động là gì? Lao động là hình thức hoạt động bằng chân tay hay tinh thần, tạo ra những sản phẩm có ích cho xã hội. Ví dụ như các cô các chú công nhân làm việc trong nhà máy, hầm mỏ... để sản xuất ra các mặt hàng công nghiệp như vải vóc, bàn ghế, xe đạp hay than đá, dầu mỏ...; các bác nông dân ngày đêm miệt mài nơi đồng ruộng để làm ra hạt gạo, củ khoai; các nhà bác học, các nhà nghiên cứu say mê ở phòng thí nghiệm, viện nghiên cứu tìm ra các giống lúa mới, các dây chuyền công nghệ mới... để góp phần tăng năng suất lao động. Như vậy, về cơ bản là có hai hình thức lao động: lao động chân tay và lao động trí óc. Trong chế độ cũ, chế độ người bóc lột người, có kẻ giàu và người nghèo. Kẻ giàu thì "ngồi mát ăn bát vàng", còn người nghèo thì phải làm thuê cho người giàu. Trong chế độ mới, chế độ xã hội chủ nghĩa thì lao động là quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi người, ai làm nhiều hưởng nhiều, ai làm ít hưởng ít.

Lao động là cái đáng quý nhất bởi lao động đã sáng tạo ra xã hội loài người. Phải qua quá trình lao động lâu dài và bền bỉ mà từ loài vượn đã tiến hóa thành loài người như ngày nay. Lao động là nguồn sống, là nguồn sáng tạo ra mọi giá trị của xã hội. Nhà thơ Hoàng Trung Thông đã nói rất hay về giá trị to lớn của sức lao động:

Bàn tay ta làm nên tất cả
Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.

(Bài ca vỡ đất)

Trước năm 1945, nước ta xơ xác, tiêu điều, nghèo nàn và lạc hậu. Nhưng nhờ sự lãnh đạo của Đảng, nhờ sức lao động cần cù của nhân dân ta mà biết bao công trường, nhà máy, trường học... mọc lên, người dân từ mức chưa đủ ăn nay đã no ấm. Chỉ có trong lao động, qua môi trường lao động, con người mới rèn luyện, hoàn thiện và phát triển nhân cách. Chỉ có hòa vào cuộc sống lam lũ vất vả của người nông dân, ta mới thấm thía giá trị của lao động, biết quý trọng, biết tiết kiệm thành quả lao động và biết yêu thương hơn những con người "một nắng hai sương" trên đồng ruộng.

Người lao động là người đáng quý nhất vì người lao động là người làm ra mọi của cải nuôi sống cả xã hội. Ta có bát cơm ăn, ta có manh áo mặc, ta có sách vở để học tập..., tất cả những thứ đó đều do người lao động làm ra. Cũng chính vì thế mà người lao động là chủ nhân của mọi sáng tạo ra giá trị xã hội. Và người lao động còn đáng quý ở nhiều đức tính tốt đẹp. Ai cũng đã từng đọc tục ngữ, ca dao, qua những áng văn chương ấy ta học được ở người lao động đức tính cần cù, chăm chỉ:

Cày đồng đang buổi ban trưa
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.

Ta học được ở họ tinh thần lạc quan:

Chớ than phận khó ai ơi
Còn da: lông mọc, còn chồi: nảy cây.

Ta học được ở họ những cảm xúc thẩm mỹ tinh tế:

Hỡi cô tát nước bên đàng
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi?

Lao động là đáng quý. Người lao động là người đáng quý. Không có lao động sang hèn. Người lao động, từ chị lao công đến nhà bác học đều là những người đáng kính trọng. Người đáng chê trách là người lười lao động, không lao động, ỷ lại, ăn bám. Hiểu được như vậy nên chúng ta sẵn sàng làm bất cứ việc gì, lao động chân tay hay trí óc, đồng ruộng, nhà máy, hầm mỏ hay bệnh viện, cơ quan nghiên cứu... chúng ta lao động vì tương lai giàu mạnh của đất nước ta.

"Trong xã hội loài người, cái đáng quý nhất là lao động, người đáng quý nhất là người lao động", câu nói của đồng chí Phạm Văn Đồng thực sự là chân lí. Nó khẳng định vai trò, đề cao, tôn vinh giá trị của lao động và người lao động.

Đề: Tục ngữ có câu: *Lời nói gói vàng.* Đồng thời lại có câu: *Lời nói chẳng mất tiền mua - Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.*
Em hiểu các câu tục ngữ trên như thế nào? Từ ý nghĩa của các câu tục ngữ trên em rút ra bài học gì cho bản thân?

Bài làm

Bàn về tác dụng, giá trị của lời nói, tục ngữ có câu: "Lời nói gói vàng". Khuyên răn người đời cần thận trọng khi nói năng, dân gian lại có câu:

Lời nói chẳng mất tiền mua
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.

Vì sao dân gian lại đề cao vai trò tác dụng của lời nói đến như vậy? Muốn lời nói của mình như "gói vàng" làm "cho vừa lòng nhau" thì ta phải làm gì?

Trong đời sống, lời nói là phương tiện để biểu hiện tư tưởng, tình cảm của con người. Lời nói là chiếc cầu giao tiếp quan trọng bậc nhất giữa cá nhân này với cá nhân khác, giữa cộng đồng này với cộng đồng kia. Qua cách ăn nói của một người, ta sẽ hiểu con người ấy như thế nào:

Đất tốt trồng cây rườm rà
Những người thanh lịch nói ra dịu dàng.
Đất rắn trồng cây khẳng khiu
Những người thô tục nói điều phàm phu.

Cho nên tục ngữ khuyên người ta phải "Học ăn học nói, học gói, học mở", "Ăn phải nhai, nói phải nghĩ", vì nếu là lời nói hay thì đó là "Lời nói gói vàng", ngược lại nếu lời nói dở thì "Lời nói đọi máu" tức lời nói dễ gây mất lòng, mất đoàn kết, có khi thù oán nhau.

"Lời nói gói vàng", "vàng" là đồ vật quí, là thứ tài sản có giá trị, thường dùng để trang sức. So sánh "lời nói" với "gói vàng" là dân gian đánh giá rất cao tác dụng giá trị của lời nói: lời nói quí như vàng. Thế nhưng ở câu tục ngữ sau, dân gian lại cho rằng: "Lời nói chẳng mất tiền mua". "Chẳng mất tiền mua" vì ai cũng có lời nói. Nhưng ta phải hiểu lời nói ở đây là lời nói thật, nói đúng, lời khen, lời nhận xét, đánh giá chính xác, có như thế thì mới "vừa lòng nhau" được và mới quí như vàng được. Ví dụ: một người làm một việc khó, ta dùng lời lẽ khích lệ động viên, người đó như được tiếp thêm sức mạnh sẽ cố gắng mà làm xong việc, nhưng nếu ta lại dùng lời lẽ khích bác, châm chọc là lời nói dở, là "lời nói đọi máu". Mà theo như Tuân Tử – một nhà triết học cổ Trung Quốc, thì "Lời nói hay, giúp người, ấm hơn vải lụa. Lời nói dở, hại người, đau như gươm giáo". Lời nói dở là lời nói xấu, nói sai sự thật, nói hỗn... sẽ dễ làm người nghe tức giận, thậm chí gây ra oán thù. Lời nói dở cũng là lời nói bên ngoài thì trau chuốt, màu mè mà bên trong lại có ý đồ xấu. Đó là những lời nịnh hót rất dễ làm người ta mù quáng. Cũng vậy, lời nói hay không chỉ là những lời khen, khích lệ động viên mà còn là những lời nói đúng, nói thẳng, vạch ra sự thật. Ví dụ tôi có người bạn mắc khuyết điểm, tôi dùng lời lẽ phân tích vạch ra khuyết điểm ấy. Bạn tôi nhận ra và sửa chữa, từ đó mà tiến bộ.

Để "nói cho vừa lòng nhau", người ta phải "lựa lời". "Lựa" là chọn lựa, tức phải chọn lời nói đúng. Nói thật, hợp tình hợp lí, tránh nói sai, nói không đúng. Hiểu rộng ra là còn chọn cả người để nói, nói ở đâu,

nói khi nào, nói cái gì, nói như thế nào. Trong giờ kiểm tra, tôi có hai người bạn mở tài liệu. Tùy tính từng người mà tôi góp ý kiên quyết hay nhẹ nhàng, đó là tôi đã chọn người để nói. Tôi không góp ý chỗ đông người để bạn khỏi xấu hổ, đó là tôi đã chọn nơi nói. Tôi không nói khi bạn đang buồn hay đang tức giận, đó là tôi chọn lúc nói... Tôi nói ra, bạn tôi tiếp thu hứa sẽ sửa chữa. Thế là bạn tôi mừng vì có người bạn thân là tôi, còn tôi cũng vui vì bạn tôi hiểu tôi. Đúng là "vừa lòng nhau". "Vừa lòng nhau" vì tôi đã "lựa lời".

Hai câu tục ngữ trên đã để lại cho chúng ta bài học luôn nói đúng, nói thực, không nói khoác, nói sai. Đồng thời phải chú ý chọn đối tượng để nói, nơi nói, lúc nói. Một điều rất dễ nhận thấy là ai cũng thích người ăn nói đúng mực, văn minh, lịch sự. Do vậy, chúng ta tránh nói tục, chửi bậy... cũng là một cách làm "cho vừa lòng nhau", tức vừa lòng bố mẹ, thầy cô, bạn bè.

Đề: Hãy bình luận câu tục ngữ: *Uống nước nhớ nguồn.*

Bài làm

Uống nước nhớ nguồn.

Đó là bài học giáo dục về nhân cách làm người của cha ông ta, thể hiện sâu sắc truyền thống đạo lí của người Việt Nam: luôn trân trọng, biết ơn người đi trước.

"Uống nước" ở đây được hiểu theo nghĩa bóng là sự thừa hưởng thành quả lao động hoặc thành quả đấu tranh của người đi trước, thế hệ trước. "Nguồn" nếu hiểu theo nghĩa đen là nơi xuất phát dòng nước; hiểu theo nghĩa bóng, chỉ những người đi trước, những người làm ra thành quả nào đó, người ta phải nhớ ơn và đền ơn xứng đáng những người đã đem lại thành quả cho mình đang hưởng.

Như một quy luật, trong tự nhiên hay xã hội, không có hiện tượng nào mà không có nguồn gốc. Đất nước Việt Nam hôm nay có được là nhờ tổ tiên từ mấy ngàn năm trước dựng nước và giữ nước. Cha mẹ sinh ra ta. Thầy cô giáo dạy ta học hành. Ta trưởng thành lớn khôn nhờ có nguồn gốc là thầy cô cha mẹ. Thế cho nên tục ngữ mới có câu: "Công cha như núi Thái Sơn. Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra" và "Không thầy đố mày làm nên". Khi cầm bát cơm, ta nhớ tới công sức của người lao động đã "một nắng hai sương" làm ra hạt gạo củ khoai:

Cày đồng đang buổi ban trưa
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày

Ai ơi bưng bát cơm đầy
Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần.

Tấm áo ta mặc, cuốn sách ta đọc và bao thứ cần thiết khác, là thành quả lao động của bao cô chú công nhân, trí thức... ngày đêm miệt mài trong xưởng máy, nơi làm việc. Hôm nay ta sống trong hòa bình, độc lập là sự thừa hưởng thành quả đấu tranh của thế hệ đi trước đã đổi bằng xương máu.

Như vậy, trong cuộc sống, không có thành quả nào mà không có công lao của một ai đó tạo nên.

Những người hưởng thụ những thành quả của người đi trước phải biết ơn, quý mến, kính trọng công lao của người đi trước, thế hệ đi trước. Biết ơn các vua Hùng dựng nước, dân ta có ngày Giỗ Tổ Hùng Vương. Biết ơn cha mẹ sinh thành, thầy cô dạy dỗ, chúng ta cố gắng phấn đấu để trở thành con ngoan trò giỏi. Lòng biết ơn giúp con người đoàn kết với nhau hơn, sống thân ái với nhau hơn. Thiếu lòng biết ơn và hành động đền ơn, con người sẽ trở nên ích kỉ, vô trách nhiệm. Trong thực tế, không phải không có những kẻ vô ơn, thậm chí quay lưng phản bội lại những người đã có công lao với mình. Đó là những kẻ tự cắt đứt với nguồn cội, tự tách mình ra khỏi cộng đồng. Những kẻ đó bao giờ cũng bị xã hội lên án và sớm muộn sẽ bị nghiêm trị.

"Uống nước" thì phải "nhớ nguồn". Phải có những hành động cụ thể nào để thể hiện sự "nhớ nguồn"? Bác Hồ nói: "Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước". Câu nói ấy đã thể hiện cao nhất hành động "nhớ nguồn" của tất cả chúng ta. "Nhớ nguồn", nghĩa là phải giữ gìn, bảo vệ thành quả của những người đi trước đã tạo ra. "Nhớ nguồn" cũng có nghĩa là phải biết sử dụng thành quả lao động một cách hợp lí, đúng đắn, tiết kiệm. Chẳng hạn, nhớ công lao cha mẹ, thầy cô và bao người khác, ta hết sức giữ gìn bàn ghế, sách giáo khoa... để các bạn học sau ta vẫn còn sử dụng tốt các thứ đó. Một điều rất quan trọng nữa là ta đã hưởng thành quả của những người đi trước, do vậy ta còn phải biết tạo ra thành quả để lại cho những người đi sau, thế hệ sau ta. Có như vậy, ta mới xứng đáng với người đi trước, thế hệ đi trước.

"Uống nước nhớ nguồn" là đạo lí làm người của dân tộc ta. Một người có lòng biết ơn và có hành động đền ơn là một người có nhân cách đẹp. Đối với học sinh chúng ta, phấn đấu trở thành con ngoan, trò giỏi là cách đền ơn thiết thực nhất với công lao của cha mẹ, thầy cô và xã hội.

Đề: Người Tràng An luôn tự hào về truyền thống văn hóa của mình:

Chẳng thơm cũng thể hoa nhài,
Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An.

Em hãy giải thích ý nghĩa câu ca dao đó, đồng thời trình bày những suy nghĩ của em về truyền thống tốt đẹp này.

Bài làm 1

Ngày nay, nhiều thanh niên chạy theo lối sống ăn chơi đua đòi. Họ chạy theo những thị hiếu nhất thời, những màu sắc lòe loẹt lạ mắt của nếp sống xô bồ mà lầm tưởng là hiện đại. Họ quên đi những truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Họ thường đánh giá con người bằng vẻ bề ngoài mà không nghĩ đến phẩm chất tâm hồn bên trong. Để nhắc nhở cháu con biết sống đẹp, các bậc cao niên ở Thủ đô ta thường hay nói tới câu ca dao xưa với vẻ rất tự hào:

Chẳng thơm cũng thể hoa nhài
Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An.

Nói rằng "chẳng thơm", nói rằng "không thanh lịch" chỉ là cách nói phủ định để khẳng định một nét đẹp của người Thủ đô Thăng Long – Hà Nội: nét thanh lịch.

Hoa nhài là một loài hoa giản dị, mộc mạc, với sắc trắng ngần. Nó không lộng lẫy kiêu sa như hoa hồng, và cũng không rực rỡ như hoa phong lan. Nhưng sắc trắng của hoa mới thanh cao làm sao. Trắng là màu sắc bên ngoài, đồng thời cũng gợi ra sự trong trắng bên trong: sự kín đáo, dịu dàng của hương thơm. Hương hoa nhài không sực nức nồng nàn mà chỉ thoang thoảng, nhưng lâu bền.

Tràng An là nơi tụ hội kết tinh của những nét đẹp văn hóa cả nước, rồi sau trở thành bản sắc truyền thống của Tràng An, không đâu sánh bằng. Lâu dần Tràng An trở thành biểu tượng của nét đẹp kinh kì; được sử dụng như một danh từ chung, đồng nghĩa với kinh kì, kinh đô cả nước ta. Bởi vậy, cụm từ *"người Tràng An"* trong câu ca có nghĩa là nói Kinh đô, người Thăng Long. Người Kinh đô Thăng Long có lối sống rất tao nhã, thanh cao, cử chỉ rất văn minh, lịch sự. Lối sống đó đã trở thành bản sắc; dù có đi xuôi về ngược, vào Nam ra Bắc, bản sắc đó cũng không thay đổi. Dù ở đâu người ta vẫn có thể nhận ra người Hà Nội, cũng như người ta nhận ra hương nhài giữa "rừng hương". Ở đất kinh kì này, phụ nữ thì trang phục thanh nhã, dáng đi nhẹ nhàng, ăn nói dịu dàng, lời lẽ giản dị mà lịch sự, nổi tiếng cả nước về vẻ xinh tươi, đoan trang, dịu hiền mà vẫn lanh lợi tinh anh, người đàn ông thì

thông minh, nhạy bén trong giao tiếp, lịch sự với những người khác phái và cũng có một sự ưa nhìn không kém.

Ngày nay, tiếp thu nhiều luồng ánh sáng văn minh trên thế giới, người Hà Nội đích thực vẫn vừa thanh lịch vừa thông minh, sắc sảo hơn.

Nhưng trong quá trình "mở cửa" cũng không ít những sản phẩm văn hóa đồi trụy ngoài luồn đã du nhập vào Thủ đô ta, làm xuất hiện không ít những lối sống kém văn hóa, ảnh hưởng đến nét đẹp của con người kinh thành.

Vậy để gìn giữ những truyền thống tốt đẹp mà ông cha ta để lại, mỗi chúng ta phải làm gì?

Điều này tùy thuộc vào bản thân mỗi người, tùy thuộc vào sự cố gắng của họ để trở thành người Tràng An thanh lịch. Trong gia đình, chúng ta cần kính trọng người trên, nhường nhịn kẻ dưới. Trong quan hệ với hàng xóm, láng giềng, mỗi người đều cần tôn trọng lẫn nhau, cần cư xử đúng mực ăn nói, hành động lịch sự, nhã nhặn. Có việc gì xích mích xảy ra cũng phải bình tĩnh giải quyết không nên cãi cọ, chửi bới, ẩu đả. Ra ngoài thì ăn mặc sao cho đứng đắn. Đi làm, đi học thì nên mặc theo quy định của cơ quan, nhà trường. Ngày nghỉ, đi chơi, đi dự lễ hội hoặc theo lễ phục dân tộc, hoặc theo y phục mới cũng cần lựa chọn thích hợp với dáng người, với lứa tuổi... đua đòi ăn chơi theo mẫu mốt không thích hợp thực ra cũng không đẹp.

Tóm lại, chúng ta, thế hệ con cháu, cần phải giữ gìn nét thanh lịch của ông cha để lại và hơn thế nữa là giữ gìn những truyền thống, phong tục tốt đẹp, không để chúng phôi pha dần theo ngày tháng. Chúng ta cần cố gắng tự rèn luyện để đất nước có thể tự hào với truyền thống mà qua chặng đường lịch sử lâu dài vẫn giữ được và lấy đó làm cơ sở để xây dựng một xã hội tươi đẹp, hạnh phúc và có thể sánh vai với các cường quốc năm châu.

Bài làm 2

Chẳng thơm cũng thể hoa nhài,
Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An.

Vậy thế nào là người thanh lịch? Người thanh lịch là con người trong sáng (thanh) và lịch sự (lịch). Con người biết nói hai từ "xin lỗi" và "cảm ơn" đúng lúc, không nhỏ nhen tầm thường và ứng xử tốt.

Tại sao người Hà Nội lại được tiếng là thanh lịch? Vì từ thời nước Đại Việt ta nghìn năm trước, nơi đây có trường học lớn nhất nước. Nơi đây tổ chức các khoa thi, tụ tập anh tài từ bốn phương tám hướng. Nơi

đây như có ánh sáng, có khí thiêng sông núi kết tinh, như Bắc Đẩu rạng rỡ chiếu khắp giang sơn đất nước. Chính vì thế mà nhắc tới Thăng Long – Hà Nội, nhắc tới người Hà Nội, mọi người như nhắc tới một nơi đẹp đẽ, nhắc tới những người thông minh, thanh lịch. Thật diễm phúc cho ai được sinh ra và lớn lên trên đất Hà Nội, để trở thành người Hà Nội. Nhưng Hà Nội ngày hôm nay khác với Hà Nội ngày xưa. Chưa nói tới Hà Nội xa xưa của thời câu ca dao ra đời, chỉ xin so với Hà Nội những năm khói lửa chống Mỹ thôi, đã thấy Hà Nội nay mất đi không ít những nét đáng quý của con người Hà Nội. Người Hà Nội thuở ấy không sợ đạn bom, liều thân mình vì người khác, đối xử với nhau tốt đẹp. Họ có tấm lòng mộc mạc thôi nhưng sao mà ấm áp, sao mà chỉ gặp một lần cũng nhớ mãi và giữa một thời bom dội, họ luôn đứng thẳng, từ trong sâu thẳm nơi trái tim tràn ngập một niềm tin: *"Chân ta bước lòng ung dung tự hào, kìa nòng pháo vẫn vươn lên trời cao!"*. Nên *"Hà Nội đó niềm tin yêu hi vọng, của núi sông hôm nay và mai sau"*. Người Hà Nội ngày nay khá phức tạp. Có những người sống vì bạo lực và cũng vì bạo lực mà bỏ mạng uổng phí. Có kẻ suốt ngày trong ánh đèn mờ ảo của những vũ trường. Song cũng rất may là còn có rất nhiều người hiền lành tử tế, chăm chỉ. Nhờ họ mà đất Hà Nội, nếp sống người Hà Nội vẫn đẹp.

Không thể có một đất nước hạnh phúc khi không có cuộc sống an bình ổn định trên đất nước ấy. Mà cơ sở làm nên sự an bình ấy là cuộc sống có văn hóa. Cuộc sống văn hóa mới không thể cắt lìa với cội nguồn. Có lẽ vì thế mà những năm tháng gần đây, nhà trường và xã hội đều quan tâm giữ gìn và phát huy những truyền thống văn hóa dân tộc. Thủ đô ta cũng trong trào lưu đó. Một trong những nội dung đó là chúng ta có quan tâm giữ gìn và phát huy nếp sống thanh lịch của người thủ đô. Bởi thế chúng thường được nghe nhắc nhiều đến câu ca dao xưa, vốn là niềm tự hào của thủ đô.

Chẳng thơm cũng thể hoa nhài
Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An.

Đề: Bình luận câu tục ngữ sau đây: *Tốt gỗ hơn tốt nước sơn.*

Bài làm

Đánh giá về một đồ vật là một việc không dễ dàng, đánh giá cho được một con người là điều còn khó khăn hơn. Cha ông ta đã để lại nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc nhìn nhận này mà có lẽ chúng

ta rất cần phải học hỏi. Kinh nghiệm đó chú trọng đến hai mặt nội dung và hình thức. Hãy xem câu tục ngữ: "Tốt gỗ hơn tốt nước sơn", chúng ta sẽ hiểu được nhiều ý nghĩa sâu sắc. Trong thời đại của chúng ta hiện nay, câu tục ngữ này vẫn còn nguyên giá trị.

Muốn biết câu tục ngữ đúng hay sai, trước hết chúng ta cần tìm hiểu ý nghĩa của nó. Hiểu theo nghĩa đen, ở đây, gỗ là chất liệu bên trong để làm nên đồ vật, nước sơn là hình thức bên ngoài, góp phần làm cho đồ vật làm bằng gỗ thêm đẹp. Theo quan điểm của người xưa, gỗ là yếu tố quyết định giá trị của đồ vật hơn là nước sơn. Mặt khác, hiểu theo nghĩa bóng, gỗ ở đây có thể xem như là nội dung, còn nước sơn là hình thức bên ngoài. Tương ứng với nét nghĩa trên thì nội dung là khía cạnh quan trọng và quyết định hình thức.

Vậy ta phải hiểu thế nào là đúng về ý nghĩa của câu tục ngữ mà cha ông ta đã chắt chiu để lại?

Rõ ràng, với đồ vật bằng gỗ, gỗ là chất liệu để tạo thành. Nếu gỗ tốt, chắc chắn đồ vật ấy sẽ bền. Còn nếu gỗ xấu, đồ vật sẽ chóng hư hỏng. Nước sơn chỉ là lớp phủ bên ngoài để trang trí cho đồ vật. Nước sơn có tốt mấy nhưng nếu cái cốt bên trong là gỗ bị mục thì nước sơn ấy cũng không thể giữ được sự vỡ nát của đồ vật. Chúng ta ai cũng đã một lần nhìn ngắm chiếc tủ thờ bằng gỗ tốt, chỉ cần đánh một lớp vec-ni nhưng tồn tại rất nhiều năm, hoặc được ngả lưng trên một bộ phận phản lim láng bóng thì không còn sung sướng nào bằng. Đó là những đồ vật thật sự tốt, bởi chất liệu làm nên nó là gỗ tốt. Thế nhưng ngày nay, có những bộ bàn ghế, những chiếc giường, chiếc tủ tuy bên ngoài sơn hoặc bọc mica hào nhoáng nhưng dùng chẳng bao lâu thì đã hỏng. Lúc bấy giờ, lớp sơn hoặc lớp mica hoàn toàn chỉ là lớp vỏ vô dụng.

Nói về đồ vật thì vậy, còn với con người thì sao? Chúng ta dễ dàng nhận thấy, trong xã hội có nhiều loại người, nhiều tầng lớp, nhưng đánh giá đồ vật thì còn có quy luật, còn đánh giá con người quả là việc làm khó. Có lẽ nên căn cứ vào tư cách và phẩm chất đạo đức, vào năng lực làm việc để nhìn nhận con người. Đó là nội dung. Còn hình thức là vẻ đẹp biểu hiện qua cử chỉ, ngôn ngữ, cách ăn mặc...

Một người có thể ăn mặc chải chuốt, chưng diện, nhưng tư cách xấu, trình độ văn hóa thấp kém thì không thể xem là người toàn diện. Vì vậy, không nên căn cứ vào hình thức bên ngoài để nhận xét con người.

Câu tục ngữ mang ý nghĩa đúng đắn, trong đó cha ông ta đề cao giá trị nội dung, coi trọng cái chất bên trong hơn cái vỏ bên ngoài. Chẳng phải cũng đã có một câu tục ngữ tương tự: "Cái nết đánh chết

cái đẹp" đó hay sao? Vậy, mở rộng vấn đề từ ý tưởng của câu tục ngữ "Tốt gỗ hơn tốt nước sơn", ta hiểu muốn đánh giá cho chính xác một con người, chúng ta cần căn cứ vào năng lực làm việc, vào tư cách, vào đạo đức của người đó. Ngoài ra, còn cần phải căn cứ vào mối quan hệ tốt đẹp của người đó với mọi người xung quanh...

Tuy nhiên, coi trọng nội dung ta cũng không nên coi nhẹ hình thức. Bởi lẽ hình thức cũng góp phần không nhỏ trong công việc hoàn chỉnh một đồ vật hay một con người. Chính cha ông đã từng nhận định: "Cái răng cái tóc là góc con người", nhìn con người qua hình thức phần nào cũng sẽ hiểu được nội dung của họ. Nói cách khác, hình thức góp phần nâng cao giá trị của nội dung: đồ vật tốt, hình thức đẹp thì được ưa chuộng hơn: một người vừa giỏi giang vừa xinh đẹp và lịch sự sẽ được quý mến và trân trọng hơn. Tóm lại, cần xác định mối quan hệ tác động giữa nội dung và hình thức. Chúng bổ sung và hoàn chỉnh lẫn nhau. Bác Hồ khi bàn về tiêu chuẩn đánh giá cán bộ đã nói: "Có tài mà không có đức thì là người vô dụng. Có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó". Đó cũng chính là quan hệ của nội dung và hình thức, về các mặt đối lập để hoàn thiện một con người.

Đứng ở vị trí của thời đại mới, chúng ta vẫn xác định tính đúng đắn của câu tục ngữ "Tốt gỗ hơn tốt nước sơn". Là học sinh, chúng ta xem đây là bài học quý giá cho chúng ta trong việc nhìn nhận và đánh giá con người. Biết nhận xét chính xác về người khác, cũng có nghĩa là chúng ta sẽ có định hướng tốt trong việc tự rèn luyện mình. Xin cám ơn cha ông xưa để lại cho con cháu đời nay nhiều lời khuyên bổ ích.

Đề: Nhân dân ta thường nhắc nhở nhau *Đói cho sạch rách cho thơm.* Em hãy bình luận câu tục ngữ trên.

Bài làm

Nhắc nhở, khuyên dạy con cháu ăn ở trong sạch, lương thiện, ông bà ta nói bằng câu tục ngữ:

Đói cho sạch rách cho thơm.

Câu tục ngữ có giá trị ra sao? Chúng ta tìm được ở đó bài học gì cho bản thân?

Lời tục ngữ vang lên vài hình ảnh của cảnh đời cùng cực, như: Đói rách và lối sống tốt đẹp, như: sạch, thơm. Chúng ta tìm hiểu ý nghĩa những từ ngữ đó. Trước hết là từ "đói" diễn tả tình cảnh con người thiếu lương thực, thực phẩm nuôi sống bản thân. Cùng diễn tả cảnh

sống đó là "rách" là ăn mặc không lành lặn, áo quần chắp vá tả tơi. Nói chung, sự "đói - rách" cùng trình bày tình cảnh của ai đó sống thiếu ăn, thiếu mặc. Những người lâm vào cảnh đời khốn khổ, cùng cực, thiếu thốn vật chất. Kế đến là hai tính từ "sạch, thơm" diễn tả tính cách, bản chất tốt đẹp. Là sự trong trắng, đứng đắn, là phẩm chất đạo đức đáng được tôn vinh, ca ngợi.

Câu tục ngữ có hai vế. Vế đầu "đói cho sạch" nghĩa là tuy ăn uống khổ cực nhưng cũng phải cố giữ cho được sự thanh bạch, tránh làm điều xấu xa, tội lỗi. Vế sau "rách cho thơm" là dù sống thiếu thốn vật chất cũng phải ăn ở đàng hoàng, đứng đắn. Câu tục ngữ dạy chúng ta luôn luôn sống lương thiện, cho dù cảnh đời thiếu thốn, cùng cực. Tuy cảnh sống bị bóng ma nghèo đói đeo bám nhưng con người phải cố giữ mình lương thiện, trong sạch. Không vì cùng cực mà sinh ra làm điều gian manh, tệ hại. Đó là quan niệm sống phù hợp với đức độ của ông cha. Ca dao xưa có câu:

Người trồng cây hạnh người chơi
Ta trồng cây đức để đời về sau.

Người xưa khuyên con cháu đầu tư trồng cho được "cây đức" nghĩa là phải ăn ở đời cho thanh cao, giản dị. Không vì thiếu trước hụt sau mà làm điều phi đạo đức, trái nhân nghĩa.

Chúng ta có thể khẳng định đó là lời khuyên đúng đắn, hợp đạo lí làm người. Bởi vì con người sống hiền lương thì ai cũng yêu mến. Sống lương thiện thì không gây tội ác, không mang tai họa đến người khác. Ai cũng kính mến những người sống trong sạch, hiền lành. Trái lại, những kẻ vì hoàn cảnh sống chật vật, khốn khổ, mà làm điều xấu xa, thì bị người đời nguyền rủa, xa lánh, khinh bỉ. Có thể họ trở thành tai họa cho người khác. Vì quá túng thiếu, họ sẽ làm liều để có cái ăn, cái mặc. Họ trở thành trộm cướp, rồi cuộc đời sẽ bị chôn chặt chốn lao tù! Câu tục ngữ:

Bần cùng sinh đạo tặc.

Đã cảnh giác chúng ta phải quan tâm đến bọn người nghèo khổ quá đỗi rồi làm điều trái luật pháp như vậy.

Đó là hạng người chỉ sống vì tiền tài vật chất mà không có ý thức gì đến nhân cách, đạo lí. Sống nghèo khổ, mà trong sạch hoàn toàn đối lập với nghèo khổ mà lười biếng. Người nghèo khổ mà siêng năng làm việc sẽ dần dần thoát khỏi cảnh túng thiếu. Chỉ có kẻ bần hàn mà lại không làm gì cả thì chắc chắn suốt đời họ chìm ngập trong cảnh đói

rách triền miên. Để khuyên bảo con cháu không sa vào cảnh sống khốn khổ ông bà ta dạy như sau:

Đói thì đầu gối phải bò
Cái chân phải chạy, cái giò phải đi.

Cho dù gia đình sa sút thiếu ăn, thiếu mặc nếu biết "bò - chạy - đi" làm ăn lương thiện, gia đình ấy sẽ dần dần phục hồi kinh tế.

Bà chúa hạnh phúc đã không đến nhưng bệnh tật thiếu thốn vẫn gõ cửa từng nhà. Cảnh sống cùng cực là nhất thời chứ phẩm chất thanh bạch mới vĩnh cửu. Hãy chọn lối sống hợp đạo lí, đừng sa chân vào hố sâu tội lỗi!

Lời tục ngữ của người xưa có tác dụng răn dạy chúng ta luôn ăn ở đời sao cho trong sạch lương thiện. Cho dù nghèo khổ đến mức độ nào, con người cũng tránh xa những hành vi trái đạo, nghịch đời. Trên thế gian này không thiếu những tấm gương bần cùng nhưng sống sạch trong. Chúng ta tôn kính, mến yêu những con người đó. Lão Hạc sống chật vật trăm bề nhưng không nhẫn tâm làm điều bậy bạ, xấu xa. Chị Dậu thà ăn khoai luộc chứ không nhận đồng tiền nhơ nhớp. Mặc dù còng lưng, tắm mồ hôi trên chiếc xích lô nhưng có người phu xe vẫn trả lại cho hành khách bỏ quên hàng ngàn đô la. Những gương sáng đó mãi mãi được thiên hạ ca ngợi, mến yêu. Câu tục ngữ khác lại bảo:

Có đức mặc sức mà ăn.

Cái "đức" mà câu tục ngữ nêu lên chính là thái độ ăn ở trong trắng, hiền lương đó.

Tuy vậy, trên cõi sống này không phải chỉ có những con người tốt đẹp, mà còn phải điểm mặt bọn gian manh, độc ác, những bọn bất lương đang sống giữa thanh thiên bạch nhật. Chúng ta gay gắt lên án bọn này. Đó là kẻ vì hoàn cảnh sống đói rách mà làm điều gian tà phi đạo đức. Những kẻ ấy đã gieo tai họa cho đồng loại. Họ là gánh nặng của xã hội, là đối tượng hình sự. Nghèo, lại không chăm chỉ làm ăn, họ dễ trở thành kẻ phạm pháp. Cũng lắm khi họ tạm đủ sống rồi sinh ra đèo bồng ăn chơi phè phỡn quá độ, gia đình khốn đốn. Chúng ta cũng phải xa lánh bọn người:

Đói cơm mặt mũi tèm lem
No cơm ấm áo còn thèm nọ kia.

Kẻ thích "nọ, kia" bao giờ cũng không còn tư cách. Hễ mất tư cách đạo đức thì họ có thể làm những điều không thể tưởng tượng nổi, như: đâm thuê, chém mướn... Người xưa có câu:

Thứ nhất là sợ anh hùng
Thứ hai là sợ túng cùng làm ngang.

Những kẻ "túng cùng làm ngang" hoàn toàn hoặc "cố cùng liều thân" có tư cách trái ngược với người "đói sạch, rách thơm".

Mặt khác, câu tục ngữ cố tình nhắc nhở chúng ta, cũng phải chú ý đến những kẻ không đói, rách. Nghĩa là hạng người sống sung sướng, đầy đủ vật chất, vậy mà không lương thiện chút nào. Họ đầy quyền cao chức trọng vậy mà vẫn bị công lí trừng trị. Họ sống vinh thân phì gia với nhà cao cửa rộng, vậy mà trở thành bất lương, phạm pháp vào tù. Câu tục ngữ bảo dù đói nghèo cũng phải sống lương thiện. Từ đó chúng ta cũng nên hiểu thêm nếu được sống yên vui đầy đủ, sung sướng cũng phải sống cho trong sạch, tốt đẹp nữa.

Nhìn chung, câu tục ngữ truyền bá một lối sống hợp đạo lí, đúng nhân cách con người. Cho dù lâm vào hoàn cảnh nào, thì con người cũng lương thiện, trong sạch. Đừng bao giờ để bụi bặm xấu xa bám vào bản thân. Đừng để luật pháp truy nã, phán xét vì sống bất lương. Câu tục ngữ tặng cho đời bài học về cách sống an bần trong trắng. Theo em nghĩ, nếu mọi người cùng có quan niệm sống như câu tục ngữ dạy thì xã hội sẽ tốt đẹp biết bao.

Đề: Em hãy bình luận câu ca dao:

Ai ơi giữ chí cho bền
Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai.

Bài làm

Từ xa xưa, trải qua nhiều kinh nghiệm sống, ông cha ta đã khẳng định một điều: Con người làm bất cứ việc gì cho dù nhỏ nhặt hay lớn lao, nếu ý chí vững vàng, có lòng quyết tâm cao thì sẽ đi đến đỉnh cao của sự thành đạt. Muốn vậy, con người phải đủ bản lĩnh, vững lập trường, cho dù kẻ khác cố tình lèo lái buộc ta đi hướng này hướng nọ, ta cũng không nghe theo. Vấn đề này, ông cha ta đã đúc kết thành câu ca dao:

Ai ơi giữ chí cho bền
Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai.

Chúng ta cần ngẫm nghĩ để hiểu hết ý nghĩa lắng sâu trong lời ca dao này, để làm cơ sở bàn luận vấn đề một cách tích cực.

Lời ca dao chứa chan tình nghĩa. Câu thứ nhất là lời nhắn nhủ ân cần, lời kêu gọi thiết tha.

Ai ơi giữ chí cho bền.

"Giữ chí" nghĩa là vững vàng với ý chí, với lòng quyết tâm của mình, con người phải có lập trường kiên định đủ bản lĩnh chắc chắn. "Bền" nghĩa là bền bỉ, là sự kiên trì theo đuổi công việc mãi mãi, không bị tác động bên ngoài rồi lung lay, đổ vỡ. Câu thứ nhất bảo mọi người phải luôn luôn giữ vững ý chí, phải có lập trường vững chắc trong suy nghĩ hành động. Còn câu thứ hai ngầm ý ngăn cản, là lời cảnh giác khôn ngoan:

Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai.

Câu này hiện lên hình ảnh của sự "xoay hướng đổi nền" trong đó có hai hành vi "xoay đổi" nghĩa là bỏ qua việc đang làm, bắt tay làm việc khác, là thay thế việc này bằng việc khác một cách đột xuất, bất ngờ. Có sự thay đổi đó là do dư luận, do những tác động bên ngoài. Câu tám chữ khuyên chúng ta đừng để những lời bàn tán bên ngoài lôi kéo, làm cho tinh thần ta hoang mang, chao đảo, rồi sa ngã. Những tác động đó là gì? Có thể là những hành vi đố kị, sự ganh ghét của kẻ khác hay bọn người ích kỉ thường buông lời dị nghị, dèm pha. Họ thực hiện ý đồ làm cho ta bị mất phương hướng xa rời ý chí, đánh mất tính tự chủ, lúc ấy chúng ta hãy trấn tĩnh mình bằng câu ca dao:

Dù ai nói ngả nói nghiêng
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.

Đúng vậy, nếu chúng ta có đủ bản lĩnh có quyết tâm cao, có lập trường vững thì sự bàn ra tán vào của dư luận cũng thừa thãi mà thôi.

Câu ca dao chứa hai lời khuyên đều có giá trị. Trước hết nó khuyên người đời phải rèn luyện và giữ vững ý chí. Lời khuyên này rất đúng. Bởi vì con người thực hiện thành công một việc gì, người đó phải giữ đức tính kiên trì, nêu rõ lòng quyết tâm cao độ. Vậy thì, người ấy phải vững "chí", đã được chí thì phải "giữ chí cho bền", cố giữ lập trường vững như sắt đá. Con người còn phải phấn đấu không mệt mỏi mới đạt được mục tiêu mình đặt ra, theo ước mơ hoài bão riêng. Công việc làm dù đơn giản hay phức tạp, điều kiện quan trọng là phải cố sức, kiên quyết san bằng trở ngại, lướt qua mọi chông gai tiến đến thắng lợi vẻ vang. Ngoài đời đã biết bao nhiêu tấm gương kiên trì luyện rèn ý chí để vượt khó, rồi đứng thăng bằng trên cuộc sống. Tấm gương viết chữ bằng chân của Nguyễn Ngọc Kí, tấm gương kiên trì làm cách mạng của Phan Châu Trinh, của Cụ Hồ:

Sống ở trên đời người cũng vậy
Gian nan rèn luyện mới thành công.

Thiếu lòng nhẫn nại, không kiên trì chịu khó, con người làm sao đạt được ý muốn?

Người vững ý chí, đủ bản lĩnh chắc chắn sẽ thành đạt. Có câu ca dao khuyên chúng ta:

Chỗ nào chí quyết một nơi
Làm người nay đổi mai dời sao nên.

Đúng thế, kẻ thích "đổi đời" rốt cuộc chẳng làm nên trò trống gì đâu!

Câu ca dao có tác dụng nhắc nhở mọi người phải giữ vững lập trường cho bền bỉ, đừng để những tác động bên ngoài lung lạc tinh thần rồi hoang mang gục ngã. Chúng ta hân hoan chúc mừng những ai sống đủ bản lĩnh, ý chí vững vàng. Vì họ sống và làm việc mang đến lợi ích cho xã hội. Họ quyết tâm phấn đấu thực hiện thành công mục tiêu mà họ đã đặt ra. Một học sinh có ý chí quyết tâm, bao giờ cũng ham học và học giỏi. Trái lại, những kẻ không đủ lập trường, thiếu tính kiên trì rất dễ sa vào hố sâu thảm bại. Cuộc đời họ sẽ chìm đắm trong vũng lầy thiếu thốn đói nghèo. Tâm lí chung của con người, ai cũng muốn hướng về nơi đầy ánh sáng chứ không kẻ nào muốn chui vào bóng tối bao giờ. Có lòng quyết tâm, có ý chí vững vàng là điều kiện giúp ta tiến thẳng về nơi tràn đầy ánh sáng. Trong nhân gian có câu tục ngữ:

Có cứng mới đứng đầu gió.

Đúng là những ai có ý chí lập trường kiên định mới đứng vững trước bão táp của cảnh đời. Giữ vững ý chí cho bền hoàn toàn đối lập với thái độ bảo thủ, hay ngoan cố. Kẻ bảo thủ không hề muốn tiếp nhận cái mới, cái hay. Chúng ta nghiêm khắc phê phán chủ nghĩa bảo thủ.

Thực tế đôi khi những kinh nghiệm thành công hay thất bại hoặc những ý kiến dồn về ta nhằm mục đích xây dựng, ta phải sẵn lòng tiếp thu để bổ sung điều chỉnh. Tại sao ta bỏ qua? Như vậy, việc "giữ chí cho bền lâu" là cần thiết, nhưng chúng ta cũng phải sáng suốt, linh hoạt thay đổi cho phù hợp với hoàn cảnh cụ thể. Đó là cách nghĩ khôn khéo nhất.

Nói tóm lại, câu ca dao nhắc nhở mọi người phải giữ vững lập trường, rèn luyện ý chí, nêu cao quyết tâm. Những ai đủ bản lĩnh thì không bị dao động khi nghe lời bàn tán bên ngoài. Người xác định ý chí vững vàng thường có tinh thần khoa học, họ sẵn sàng tiếp nhận những sáng tạo mới mẻ. Họ không cố chấp mà luôn đổi mới trong suy nghĩ, trong hành động.

Đề: Bình luận câu tục ngữ: *Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.*

Bài làm 1

Xưa kia ông cha ta đã dạy dỗ chúng ta *"Uống nước nhớ nguồn"*, đó là câu tục ngữ có ý nghĩa sâu xa đối với con người sống trong một cộng đồng. Gần gũi và rõ ràng, cụ thể hơn nữa là câu tục ngữ:

Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.

Đi sâu vào ý nghĩa câu tục ngữ này, chúng ta sẽ hiểu sâu sắc hơn truyền thống sống ân nghĩa, thủy chung của nhân dân ta.

Câu tục ngữ có hai nghĩa: Nghĩa đen: được ăn một quả ngon ngọt ta phải nhớ đến người trồng cây. Nghĩa bóng: "ăn quả" ở đây chỉ sử dụng thành quả lao động của người khác, không hẳn chỉ là hoa quả. Nguyễn Trãi đã từng nói: *"Ăn lộc đền ơn kẻ cấy cày"*. Và ca dao đã có những câu sâu sắc vừa nhắc nhở vừa như khẳng định một lẽ sống phải có tình nghĩa:

Ai ơi bưng bát cơm đầy
Biết công hôm sớm cấy cày cho chăng.

Sâu sắc hơn, người nông dân nhắc đến sự vất vả trong lao động, phải đổ mồ hôi sôi nước mắt làm nên những hạt gạo cho ta ăn.

Ai ơi bưng bát cơm đầy
Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.

Những người sáng tạo, làm ra sản phẩm tinh thần nếu không phải "một nắng hai sương" thì cũng phải có những ngày đêm vật lộn với chữ nghĩa mới thành văn thơ, những đường nét thấm đẫm tâm huyết để có những bức tranh; dốc những xúc cảm được chắt lọc từ tim óc mới có được bài nhạc.

Nói chung, các nhà văn, nhà thơ, các nhà bác học, các nhà cách mạng cũng đã phải lao động gian khổ, chịu đựng bao đắng cay, nguy hiểm mới có thể đem lại cuộc sống tự do, hạnh phúc và văn minh cho con người.

Thừa hưởng những kết quả đó, chúng ta có bổn phận phải nhớ ơn người mang lại những thành quả ấy cho ta.

Câu tục ngữ chỉ có sáu tiếng mà in sâu trong đó truyền thống tốt đẹp về lòng nhân nghĩa của dân tộc. "Sáu chữ vàng" này không phải chỉ nằm sâu trong văn học dân gian, thể hiện giữa những con người còn đang hiện diện trên đất nước, quê hương, làng xóm mà còn khơi gợi trong ta bằng những hành động nhớ ơn những người đã khuất như những anh hùng liệt sĩ, các bà mẹ Việt Nam anh hùng, những người có công với tổ quốc... Lễ hội đền Hùng, kỉ niệm Hai Bà Trưng, Trần Hưng

Đạo... hàng năm và việc "đền ơn đáp nghĩa" cho những gia đình liệt sĩ, thương binh ngày nay chính là việc mà ta đang phát huy ý nghĩa của câu tục ngữ cao đẹp ngàn đời: "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây."

Thật ra, cũng có một số ít người đưa ra luận điểm "Sống ở trên đời, người đi trước có trách nhiệm chuẩn bị cho người đi sau. Do đó, ai cũng là người được hưởng thành quả của người đi trước... Vậy nói đến ơn huệ làm gì?"

Lại có người nói: "Người trồng cây hiện nay là muốn được ăn quả ngay, họ có nghĩ đến người đi sau đâu mà phải mang ơn họ" (Dĩ nhiên, người nói câu nói này cũng dùng ý nghĩa xã hội của câu tục ngữ).

Lại cũng là một câu nói có thật: "Thời nào cũng có kẻ sống vô ơn, bạc nghĩa, nói một cách hình tượng là họ không biết và không muốn sống cho tương lai, họ muốn dùng hết những gì họ làm ra".

Quan điểm sống của những người này là thực hiện quan điểm của câu thành ngữ: "Đời cua cua máy, đời cáy cáy đào". Cua và cáy là hai loài sống dưới đất, là loại động vật giáp xác, chúng phải đào hang để ở. "Máy" là chỉ một hoạt động chèo thuyền giống như cử động chân thứ tư và thứ tám (trông như mái chèo) của con cua để khoét đất làm hang hoặc để đi lại trong nước kiếm ăn. Cua đào hang xiên, cáy đào hang thẳng đứng. Hai cách "đào, máy" khác nhau cũng chỉ nhằm mục đích để tồn tại.

Trong câu thành ngữ trên, ý nghĩa của nó biểu thị phương thức lo liệu cuộc sống cho riêng bản thân con cáy và con cua. Đời cua kiếm sống theo cách của cua, đời cáy kiếm sống theo cách riêng của cáy, không ai hỗ trợ giúp đỡ ai cả. Câu thành ngữ này biểu thị lối sống ích kỉ, không có gì tốt đẹp.

Những người sống theo lối sống này là tự mình hạ mình xuống như một loại động vật, sống không cần quan hệ xã hội, không cần đến đạo lí.

Rõ ràng, chúng ta không thể thực hiện lối sống này vì nó xấu xa, không có tình nghĩa, "Cạn tàu ráo máng", từ bỏ truyền thống tốt đẹp của ông cha ta để lại. Chúng ta phải xây dựng cho mình đạo lí sống "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây" theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

Bài làm 2

Từ xa xưa, tục ngữ ca dao đã là một kho tàng vô giá, là túi khôn của nhân loại. Riêng tục ngữ vốn là những kinh nghiệm quý báu được đúc kết thành những lời súc tích nhằm khuyên bảo, rèn luyện cho ta những đức tính, tình cảm tốt đẹp trong quan hệ giữa người với người.

Nó không những góp phần hoàn thiện con người, cuộc sống hôm nay, mà còn nhắc chúng ta biết ơn, nhớ về quá khứ, nguồn gốc tổ tiên; răn dạy ta biết ơn đối với những người vun đắp cuộc sống cho chúng ta. "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây" là một trong những câu tục ngữ biểu hiện rõ nét lời khuyên bảo ấy. Chúng ta nhận xét gì về câu nói ngắn gọn đó?

Với từ ngữ đơn giản, mộc mạc, câu tục ngữ đã cho ta dễ cảm nhận được nghĩa của nó. Thoạt tiên, câu tục ngữ gợi lên một hình ảnh sinh động. Khi trông thấy bên đường có một cây xum xuê với những chùm quả chín mọng ngon lành, một người nào đó thèm và muốn hái quả. Nhưng người đó có nhớ tới kẻ trồng cây không? Kẻ ấy đã bỏ ra biết bao công lao và mồ hôi để chăm sóc cây từ nhỏ đến khi nó đơm bông kết trái. Có khi người trồng cây chưa được hưởng thành quả của chính mình. Câu tục ngữ không chỉ gói gọn trong phạm vi nhỏ hẹp ấy, ý nghĩa của nó còn rộng nhiều hơn. Kết quả ở đây chính là thành quả, kết quả là những gì mà con người đang hưởng thụ hôm nay. Câu tục ngữ mang ý nghĩa khuyên bảo sâu sắc, kín đáo: chúng ta sống phải biết ơn những người đã tạo nên của cải vật chất và tinh thần chúng ta đang hưởng thụ.

Tục ngữ như một chân lí, một lời nhắn gửi chân thành đối với những ai đang hưởng thụ. Mọi sự vật không tự nhiên hiện hữu trên cõi đời, chúng phát xuất từ đâu, do đâu mà có? Chúng ta xuất hiện trên cõi đời này là do cha mẹ đã sinh ra ta và nuôi ta khôn lớn, dạy bảo nên người. Theo thời gian lớn lên, ai giúp ta nhận thức sâu sắc hơn về cuộc sống, con người và đất nước xung quanh ta? Đó là thầy cô, người cha mẹ thứ hai hết lòng dạy dỗ và truyền đạt kiến thức cho ta. Trong từng giờ từng phút ta đã và đang hưởng thụ hay nói một cách khác là ta đang "ăn quả". Bát cơm ta cầm trên tay do đâu mà có? Đó chính là thành quả của những người nông dân đã tần tảo sớm hôm, dầm mưa dãi nắng. Tấm áo ta mặc là "quả" của những người dệt vải, in bông; sách vở ta đang học là "quả" của người làm giấy, người in ấn, của những nhà khoa học... Ta làm sao kể cho hết những "quả" trên đời này do những bàn tay cần cù lao động tích cực. Không những về vật chất mà cả về của cải, tinh thần, ta đã phải chịu ơn của biết bao người. Một bộ phim ta xem là do công sức của những người đạo diễn, diễn viên, người quay phim... Những tác phẩm nghệ thuật đặc sắc là kết quả lao động sáng tạo của các nhà văn, nhà thơ với các khối óc tuôn đầy cảm hứng văn học, là sự hiểu biết cuộc sống một cách tinh tế. Nhưng hơn hết, người trồng cây ở đây là thế hệ những người đã từng đổ máu

xương để mở mang, gìn giữ, xây dựng đất nước Việt Nam tươi đẹp từ ngàn xưa đến ngàn sau. Chúng ta là một người dân Việt Nam rất đỗi tự hào. Công lao của tổ tiên ta, của lớp người đi trước cũng như hôm nay, ta làm sao quên được. Chúng ta phải ghi khắc trong lòng những chiến công hiển hách của ông cha ta, những tấm gương sáng của bao thế hệ anh hùng, chiến sĩ đã ngã xuống cho nhân dân Việt Nam được sống hòa bình, ấm no, hạnh phúc; các cháu thiếu nhi vui tươi nhảy múa, hát ca dưới ánh trăng vàng.

Những người đã tạo nên những thành quả cho chúng ta hưởng thụ, chẳng lẽ chúng ta lại quay mặt làm ngơ, phản bội: "Cơm cha, áo mẹ, chữ thầy..." sống với thái độ "ăn cháo đá bát" ư? Không! Cuộc sống sẽ vô nghĩa và thiếu ý vị biết bao khi con người sống chỉ biết hưởng thụ chứ không biết nhớ ơn, chỉ biết có hiện tại mà không hề hoài niệm về quá khứ. Lòng biết ơn chính là một truyền thống, đạo lí dân tộc, là niềm tự hào kiêu hãnh của nhân dân Việt Nam từ bao đời nay. Nguyễn Trãi – một đại công thần, một danh nhân nổi tiếng về nhiều phương diện, khi đi ngang sông Bạch Đằng bồi hồi nhớ đến những người đi trước lập những chiến công, ông đã thốt lên:

Việc cũ, ngoảnh đầu ôi đã vắng
Tới dòng ngắm cảnh dạ bâng khuâng.

Lòng biết ơn là như thế!

Nhưng không chỉ biết ơn kẻ trồng cây là "nhớ" bằng những lời lí thuyết, hô hào mà phải bằng hành động cụ thể được thực hiện với cả tấm lòng chân thành. Để biết ơn "người trồng cây", nhân dân ta đã lấy tên họ đặt cho tên đường, tên trường, tên công viên như đường Nguyễn Huệ, Trần Hưng Đạo, trường Hai Bà Trưng, công viên Lê Văn Tám... Ta lại có những ngày kỉ niệm để tưởng nhớ, đặc biệt là có những đền đài, khắc tượng để lễ bái, chiêm ngưỡng. Ngày nay, chúng ta thực hiện lòng biết ơn ấy bằng những ngôi nhà tình nghĩa được mọi người ủng hộ hay Ngày Thương binh Liệt sĩ 27/7 hàng năm.

Đồng thời để thể hiện lòng biết ơn ấy, chúng ta cần sử dụng những thành quả một cách có ý thức, không phung phí. Ta bảo vệ, nâng niu, trân trọng chính là trân trọng sức lao động của những người đã tạo ra thành quả. Hơn nữa, ta không chỉ nâng niu, mà còn cần phải phát huy thành quả ấy, sự nghiệp ấy để làm cho đất nước ngày càng phồn vinh, ngày càng ấm no, hạnh phúc. Chúng ta lại tiếp tục "trồng cây" cho thế hệ đi sau bằng mọi sức lực và ý thức của ta.

Câu tục ngữ "Ăn quả nhớ kẻ trồng cây" có một ý nghĩa vô cùng rõ nét và phong phú. Nó có tác dụng sâu rộng trong quần chúng nhân dân, nó thực sự là một chân lí có giá trị đạo đức hết sức to lớn, là lời khuyên bảo chí tình, chí nghĩa của ông cha ta đối với thế hệ hôm nay và mai sau. Nó chính là một cái nền vững chắc để mọi người cùng vươn lên, sống tốt đẹp hơn "Ăn khế trả vàng, may túi ba gang mang đi mà đựng". Thế mà trong xã hội nào cũng vậy vẫn còn những tồn tại nhất định; có những kẻ vong ân bội nghĩa, những kẻ chỉ biết ăn chơi phung phí trên máu xương người khác mà không hề ân hận, một gã Lí Thông trong câu chuyện Thạch Sanh - Lí Thông là một tấm gương xấu điển hình mà mọi người đều phỉ nhổ lên án gắt gao.

Câu tục ngữ đã thấm sâu vào lòng người, để lại một ấn tượng và ý nghĩa nhân bản sâu sắc. Câu tục ngữ hãy còn mãi mãi ở bất cứ thời đại nào, con người vẫn cần phải ghi nhớ lời răn dạy ấy. Câu tục ngữ là hồi chuông cảnh tỉnh những kẻ đang ngủ mê quên đi quá khứ. Nó giúp ta tự hoàn thiện nhân cách mình, đồng thời nó thể hiện một nét đẹp truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Đề: **Giải thích câu ca dao:**

Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Bài làm

Mỗi người chúng ta đều sinh ra từ chiếc nôi gia đình, lớn lên trong vòng tay yêu thương ấp áp, đùm bọc nâng niu của mẹ của cha, của những người thân thiết ruột thịt trong gia đình. Bởi lẽ đó, tình cảm của gia đình thấm nhuần trong tâm hồn mỗi người, đồng thời là một dòng chảy dào dạt trong ca dao tục ngữ. Cho nên khi nghĩ đến những gì cha mẹ đã dành cho con cái, không ai lại không nhớ đến câu ca dao đầy gợi cảm:

Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Câu ca dao muốn nói điều gì? Núi Thái Sơn, nước nguồn ở đây có ý nghĩa như thế nào? Chúng ta hãy cùng tìm hiểu.

Trước hết, những hình ảnh trong bài gợi cho ta một cảm tưởng vừa to lớn vừa sâu xa. Công cha được so sánh với "núi Thái Sơn", thể hiện được tính cách mạnh mẽ vững chắc của người cha. Ngọn núi cao lớn ấy

vừa thể hiện được hình ảnh bức tường che chắn mọi bão táp cuộc đời cho đứa con, vừa tượng trưng công lao, khó mà cân lượng được của người cha. Tình mẹ được ví như *"nước trong nguồn"*. Đúng là còn tình cảm nào tươi mát cho tâm hồn con bằng tấm lòng thương dịu ngọt của mẹ. Tính chất của nước nguồn rất phù hợp với mấy đặc điểm của lòng mẹ thương con. Nước chảy ra từ nguồn vừa trong vừa ngọt, vừa mát mẻ chẳng bao giờ cạn, cũng giống như tình cảm vô cùng trìu mến, hết sức vô tư mẹ đã dành cho con. Đó là dòng sữa bổ dưỡng, làm nguồn sống vô giá và thiêng liêng mẹ trao trọn đời cho con cùng với tiếng ru mà *"Dù con đi hết cuộc đời - Cũng không đi hết được lời mẹ ru"*. Thật ra những hình ảnh ví von trên chỉ là tương đối. Có ông bụt, bà tiên, đá núi, nước nguồn nào sánh được với tình yêu cha - mẹ trao gởi cho con. Cha mẹ đã sinh thành ra ta, đã ban cho ta hình hài, sự sống, giọt lệ tiếng cười trên trái đất này. Ta là kết tinh của máu thịt, của tình yêu mẹ cha. Mẹ đã chín tháng mang nặng đẻ đau, ba năm bù trì bú mớm. Thuở ta còn trứng nước, chỗ ráo con nằm chỗ ướt mẹ chịu, mẹ đã hi sinh cho con rất lớn. *"Con phải có cha, không ai từ lỗ nẻ mà ra"*. Làm sao ta trả hết công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ? Ai có thể tính được những đêm không ngủ của mẹ: những ngày vất vả; long đong bươn chải của cha; lo cho ta từ li sữa, bát cơm, xe nôi, tấm áo. Mỗi lúc ta đau ốm; cha mẹ thường xuyên túc trực bên giường, dỗ dành từng múi cam, viên thuốc. Ánh mắt đăm chiêu, bàn tay nâng giấc... kể sao cho hết bao nỗi lo âu nhọc nhằn. Lo con biết đi biết nói, lo con đến lớp đến trường không thua kém ai... làm sao tính hết được công sức chăm lo hàng chục năm trời của cha mẹ?

"Nuôi con những ước về sau", cha mẹ hi vọng, đón đợi ở ta thành người có ích cho xã hội, đem lại niềm vui cho gia đình. Cha mẹ dạy dỗ ta từng lời ăn tiếng nói: uốn nắn ta từng cử chỉ tác phong, dắt dìu ta từ những bước chập chững vào đời. Người thầy đầu tiên, người cố vấn trọn đời cho ta cũng là cha mẹ ta. Thử tưởng tượng những đứa con hư đốn, bất hiếu, làm càn, thì cha mẹ sẽ đau đớn biết bao!

Hiểu được công lao to lớn tình cảm thiêng liêng và vô giá, những mong ước thiết tha của cha mẹ đối với con cái, chúng ta không thể phụ bạc, khiến cha mẹ đau lòng, thất vọng. Biết vâng lời cha mẹ, luôn phấn đấu tiến bộ, đó là cách báo hiếu thiết thực. Có vậy, công lao như núi Thái Sơn, tình nghĩa như nước nguồn của cha mẹ mới được đáp đền xứng đáng.

Đề: ***Công cha như núi Thái Sơn***
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

Phân tích bài ca dao trên. Dựa vào một số tác phẩm văn học cổ đã học trong chương trình Ngữ văn 9, em hãy làm sáng tỏ lòng hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ.

Bài làm

Ca dao là tiếng nói, là bài ca muôn thuở của trái tim con người. Từ ngàn xưa, ông cha ta đã sáng tác những bài ca dao nhằm nêu lên đạo lí ở đời, quan điểm sống của con người, quan hệ gia đình, cha mẹ, con cái và những điều đó đã được ca dao đề cập thật sâu sắc, đúng mực:

Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

Bài ca dao trên thuộc thể thơ lục bát, hình ảnh vừa cụ thể, vừa tượng trưng. Lời thơ êm ái, dịu dàng, từ ngữ chọn lọc, đặc sắc mà giản dị, chân chất.

Đọc bài ca dao, ta thấy: công cha, nghĩa mẹ được so sánh cụ thể:

Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Công đức của cha được so sánh với ngọn núi Thái Sơn, ngọn núi lớn nhất ở Trung Quốc, nhằm nêu lên cho chúng ta thấy được công cha to lớn, vĩ đại không gì sánh được, như ngọn núi Thái Sơn, sừng sững trước nắng mưa, trường tồn, bất biến mãi giữa không gian và thời gian.

Nghĩa mẹ được so sánh với nước trong nguồn, dòng nước không bao giờ cạn kiệt, tất cả đều trường tồn, bất biến. Ý nghĩa câu ca dao thật là sâu xa.

Công cha to lớn vì cha suốt đời phải lao động cực nhọc nơi đồng ruộng, công trường, nông trường, hầm mỏ, xí nghiệp... làm việc quần quật từ sáng đến tối để nuôi con khôn lớn. Vì thế từ ngàn xưa có nhiều câu tục ngữ, ca dao khẳng định vị trí quan trọng của người cha trong gia đình:

- Con có cha như nhà có nóc.
- Còn cha gót đỏ như son
Một mai cha mất, gót con lấm bùn.

Nghĩa mẹ to lớn vì mẹ cưu mang ta chín tháng mười ngày, sinh ta ra, lo từng miếng cơm, giấc ngủ, chăm sóc ta từng bước đi, dìu dắt cho ta đến trưởng thành trong nỗi lo âu xen lẫn vui mừng. Cả đời mẹ có thể là "Năm canh chầy mẹ thức đủ vừa năm" để lo cho con khôn lớn.

Rộng hơn, ta thấy hai câu ca dao đúng, nhưng chưa đủ. Núi Thái Sơn có thể bị bào mòn vì mưa gió, sương tuyết, vì thời gian; nước trong nguồn tuy không cạn kiệt, nhưng cũng có lúc vơi, lúc đầy chứ công ơn của cha mẹ đối với con cái không bao giờ lay chuyển, không được phép "vơi đầy". Vì thế hai câu sau nêu lên quan điểm sống ở đời là đạo làm con phải thờ kính, phụng dưỡng cha mẹ:

Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

Số từ "một lòng" cùng với những từ trang trọng "thờ, kính" cho ta thấy được công lao cha mẹ thật to lớn, vì thế ta phải luôn luôn nhớ ơn, thờ kính phụng dưỡng cha mẹ, vì cha mẹ đã tuổi già sức yếu. Cha mẹ cưu mang ta, sinh ta ra, nuôi ta lớn nên người, vì thế ta phải biết nhớ ơn, giữ chữ hiếu. Thúy Kiều khi bị "giam" ở lầu Ngưng Bích, đã nhớ về cha mẹ, lo lắng cho bậc sinh thành:

Sân Lai cách mấy nắng mưa
Có khi gốc tử đã vừa người ôm.

Kiều xót thương cho cha mẹ tuổi già xế bóng, không ai chăm sóc, hẩm hiu cô đơn, vì thế trong lời khuyên Từ Hải ra hàng, mục đích của Kiều là để được về quê thăm cha mẹ và quê hương:

Dần dà rồi sẽ liệu về cố hương.

Để cha mẹ được hạnh phúc:

Nở nang mày mặt, rỡ ràng mẹ cha.

Trong *Truyện Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu, Lục Vân Tiên là người con hiếu thảo. Trên đường đi thi, Vân Tiên nhận được thư báo tin mẹ mất, Lục Vân Tiên "Mình gieo xuống đất dật dờ hồn hoa". Người con hiếu thảo ấy bỏ cả thi cử để về quê chịu tang mẹ, vì nghĩ rằng mình chưa đền đáp chút gì cho mẹ mà mẹ đã không còn. Vân Tiên khóc đến nỗi mù cả đôi mắt:

Tiên rằng khô héo lá gan,
Ôi thôi con mắt đã mang lấy sầu.

Cùng với Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga cũng là đứa con hiếu thảo. Được thư cha bảo qua để "định bề nghi gia", Nguyệt Nga vẫn đi dù biết rằng đường sá xa xôi ngàn dặm vì:

Làm con đâu dám cãi cha,

Sau đó, Nguyệt Nga ép lòng đi cống giặc Ô Qua để cha khỏi bị liên lụy. Thúy Kiều, Lục Vân Tiên, Kiều Nguyệt Nga đều là những người con hiếu thảo trong dòng văn học cổ Việt Nam. Bằng ngòi bút sắc sảo của mình, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu, đã phản ánh trung thực lòng hiếu thảo của con cái trong xã hội phong kiến thời ấy.

Bài ca dao ngắn gọn, hàm súc, gợi cho ta thấy được quan điểm đạo lí của ông cha ta ngày xưa.

Bài ca dao thuộc thể thơ lục bát, hình ảnh sinh động, vừa cụ thể vừa tượng trưng, lời thơ êm ái, nhẹ nhàng, từ ngữ đặc sắc, như nhắn nhủ khuyên ta rằng ngay từ bây giờ ta phải cố gắng học tập, để mai sau lớn lên thành một người tài giỏi để phục vụ Tổ quốc và phải luôn luôn nhớ ơn và thờ kính cha mẹ.

Chữ hiếu, là đạo đức mà cha ông ta ngày xưa đã khuyên dạy chúng ta. Đó là truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam, cần phải được kế thừa và phát huy.

Chữ hiếu ngày nay phải được hiểu rộng hơn: "Trung với nước, hiếu với dân". Trong thực tế cuộc sống, không có người con nào bất hiếu với cha mẹ mà lại trung với nước cả.

Ta phải sống có hiếu vì chữ hiếu là đạo đức sống của con người, nếu bất hiếu thì còn thua loài cầm thú.

Đề: ***Công cha như núi Thái Sơn***
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

Hãy bàn luận về bài ca dao trên.

Bài làm

Thiên hữu tư thời xuân tại thủ
Nhân sinh bách hạnh hiếu vi tiên.
(Tục ngữ)

(Trời có bốn mùa, mùa xuân đứng đầu
Người đời có trăm tánh tốt, hiếu là trước hơn hết)

Đủ thấy *hiếu* với cha mẹ vốn là nền tảng nhân cách cá nhân, là cơ sở của đạo đức xã hội. Để khuyên răn về đạo làm con phải hiếu, từ xưa, cha ông ta đã có một bài ca dao ngắn rất nổi tiếng mà dường như bất cứ người Việt Nam nào cũng thuộc lòng:

Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

Bài ca dao mở đầu bằng hai hình ảnh so sánh, thật đẹp và thật trang trọng để ca ngợi công ơn lớn lao của cha mẹ. Tác giả dân gian dùng lối nói ví quen thuộc của ca dao để biểu hiện, lấy những cái to lớn mênh mông vĩnh hằng của thiên nhiên làm hình ảnh so sánh chỉ những hình ảnh to lớn không cùng và vĩnh hằng ấy mới diễn tả nổi.

Trước hết công cha được so sánh với chiều cao ngất trời của ngọn núi Thái Sơn sừng sững. Núi Thái Sơn là ngọn núi cao, xưa nay, trong thơ văn người ta thường dùng hình ảnh này để so sánh, nêu bật sự to lớn của sự vật. Tiếp đến, nghĩa mẹ được so sánh với nước trong nguồn chảy ra nghĩa là nguồn nước không bao giờ cạn, ý chỉ sự vô tận, vô cùng của nghĩa mẹ, của công mẹ.

Những hình ảnh so sánh ấy có cả bề cao, bề rộng, bề sâu nhưng không thể nào đo được cũng như công cha nghĩa mẹ đối với ta.

Bài ca dao khẳng định công lao cha mẹ là vô cùng to lớn không gì hơn được. Ca ngợi như vậy, là nhằm nhắc nhở mọi người đạo làm con phải hiếu với cha mẹ nghĩa là phải thờ mẹ kính cha.

Bài ca dao đã làm sáng đẹp thêm một nét son rực rỡ và thiêng liêng nhất trong con người Việt Nam. Lời khuyên của bài này hoàn toàn đúng vì đây là một chân lí hiển nhiên đã bám rễ vào huyết mạch, tâm cảm của mọi người.

Vì sao làm con phải hiếu? Điều này dễ hiểu. Đó trước hết là vì cha mẹ là người sinh thành ra chúng ta. Không có cha mẹ nhất định không có chúng ta. Do vậy, ơn cha nghĩa mẹ có từ khi bắt đầu của cuộc đời ta. Mẹ mang nặng đẻ đau, chín tháng cưu mang vất vả, đau đớn. Cha cũng hết lòng, hết sức nuôi nấng chăm sóc chúng ta khỏe mạnh cũng như lúc ốm đau. Làm sao kể hết bao nỗi gian lao, khổ nhọc, bao sợi tóc bạc đầu, bao vết nhăn vầng trán cứ nhiều thêm, cứ sâu thêm của cha mẹ do vất vả lo âu vì con cái.

Chim trời ai dễ đếm lông
Nuôi con ai dễ kể công tháng ngày.

Cha mẹ cũng là người uốn nắn, dạy dỗ chúng ta từ nhỏ bé đến lúc thành nhân. Từ bước chập chững ban đầu, lời bi bô tập nói, con cái đã có cha mẹ cầm dắt, bảo ban. Ai tạo mọi điều kiện tốt nhất để chúng ta đến trường hàng ngày nghe lời thầy cô giảng dạy bao điều hay lẽ phải nếu không phải là cha mẹ của chúng ta. Đủ thấy công lao trời biển của hai đấng sinh thành!

Hơn nữa, làm con phải hiếu, đó là đạo làm người, là nền tảng nhân cách của mỗi cá nhân, là cơ sở đạo đức của mọi quan hệ trong gia đình và ngoài xã hội. Do vậy, xã hội sẽ không còn là xã hội văn minh nữa khi đạo hiếu không được nâng niu gìn giữ.

Thế nhưng một người con hiếu thảo với cha mẹ là phải như thế nào?

Trước hết, người con có hiếu là người con biết yêu thương, kính trọng cha mẹ, biết vâng lời cha mẹ, biết tuân theo những lời dạy bảo đúng đắn của song thân. Người con có hiếu là phải làm cho cha mẹ vui lòng bằng những việc làm tốt đẹp của mình nghĩa là biết chăm chỉ học tập, rèn luyện tâm trí, lúc nhỏ là con ngoan trò giỏi để sau này trở thành người công dân tốt giúp ích thiết thực cho bản thân cho gia đình và xã hội.

Bài ca dao khuyên dạy ta phải thờ mẹ kính cha nghĩa là không chỉ bằng lời nói suông mà phải bằng cả hành động cụ thể: khi cha mẹ còn khỏe mạnh, chúng ta phải phụ giúp đỡ dần, khi cha mẹ già yếu, chúng ta phải tận tình chăm sóc phụng dưỡng. Có như thế, chúng ta mới mong đền đáp được phần nào ơn nghĩa sinh thành. Nói đền đáp phần nào vì công đức cha mẹ vô cùng lớn lao dù chúng ta có đáp trả đến thế nào cũng không sao đủ được.

Xưa nay, trong xã hội, đôi khi có nhiều hiện tượng đau lòng về việc con cái bất hiếu đối xử phũ phàng và tệ bạc với cha mẹ. Các hiện tượng xấu này cần phải được xã hội phê phán đúng mức thậm chí trừng phạt công minh để bảo vệ đạo lí làm người, phong hóa đạo đức của xã hội. Không gì sai lầm cho bằng có người cho rằng đạo hiếu chỉ là đạo đức phong kiến, tàn dư của chế độ cũ, một quan niệm lỗi thời, lạc hậu. Họ đã quên rằng đạo hiếu của chế độ phong kiến là tình cảm nghĩa vụ khô cứng, còn đạo hiếu của nhân dân ta là tình cảm rất tự nhiên. Xưa nay đạo hiếu vốn là truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta.

Ngày nay, chúng ta phải kế thừa và phát huy truyền thống quý báu đã có từ lâu đời đó. Phải coi đạo lí là một nét son của đạo đức, hơn thế nữa, là một trong các chuẩn mực của con người Việt Nam trong xã hội mới. Bác Hồ đã dạy quân đội ta: *trung với nước, hiếu với dân.* Như vậy, quan niệm về chữ hiếu ngày nay phải hiểu rộng lớn hơn, sâu sắc hơn. Hiếu đâu chỉ thu hẹp trong phạm vi gia đình mà cần được mở rộng ra. Đó là hiếu với dân, trung với nước như Bác Hồ của chúng ta đã dạy. Một người có hiếu trong gia đình còn phải là người công dân tốt của đất nước người con trung thành với sự nghiệp của Tổ quốc. Khi Tổ quốc và nhân dân cần người con ấy sẵn sàng tạm gác công việc phụng

dưỡng cha mẹ để hết lòng phục vụ cho nhân dân cho đất nước. Trong trường hợp này, hiếu với nhân dân cũng là hiếu với cha mẹ. Lâu nay, biết bao chiến sĩ cách mạng đã gác lại tình nhà lao vào cuộc đấu tranh sống chết với kẻ thù, lòng vẫn canh cánh một chữ hiếu chưa trọn. Tuy không được sớm thăm tối viếng phụng dưỡng cha mẹ nhưng họ vẫn là người con chí hiếu.

Tóm lại, bài ca dao trên nhắc nhở mọi người phải biết nhớ ơn, tôn kính và chăm sóc cha mẹ, phải xứng đáng với đạo làm con. Lời khuyên này có tác dụng giáo dục đạo đức con người mọi thời đại, ngày xưa ngày nay và cả mai sau nữa. Có điều muốn trở thành con người đạo đức toàn diện chúng ta phải biết kết hợp nội dung hiếu với cha mẹ với nội dung hiếu với dân trung với nước theo lời dạy của Bác Hồ kính yêu.

Đề: **Em có suy nghĩ gì về công ơn, trách nhiệm của cha mẹ?**

Bài làm

Từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây, loài người đã dùng không biết bao nhiêu từ của mọi ngôn ngữ, sử dụng không biết bao nhiêu giấy mực để diễn tả, ghi chép công ơn của cha mẹ đối với con cái.

Khi thì coi công ơn cha mẹ là cực kì to lớn, hơn cả biển trời, không thể đo lường được:

...Ba năm bú mớm còn thơ
Kể công cha mẹ biết cơ ngần nào
Chữ rằng: "Sinh ngã cù lao"
Biển sâu không ví, trời cao không bì.

(*Gia huấn ca* – Nguyễn Trãi)

Khi thì coi cha mẹ ngang tầm Thượng đế: *"Thượng đế không thể có mặt khắp nơi, vì thế Ngài đã tạo ra các bà mẹ"* (*Ngạn ngữ* Do Thái).

Khi thì mượn hình tượng núi Thái Sơn cao vời vợi, sự lai láng không bao giờ cạn của dòng nước đầu nguồn để so sánh công cha nghĩa mẹ:

Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

(Ca dao)

Chung cuộc, so sánh thì không đạt vì không có đối tượng diễn tả và không đủ từ nên một bài thơ đã viết:

Lòng mẹ bao la hơn biển khơi
Con yêu quý mẹ nhất trên đời
Con gom hết chữ trong thiên hạ
Chẳng đủ cho con tả hết lời.

Quả thật, công ơn cha mẹ to lớn vô cùng, không thể lấy gì đo lường được, không giấy mực nào viết hết cho được. Không lời lẽ nào tả cho xiết được. Bảo cha mẹ là trời - biển ư? Nhưng biển nào sâu bằng, trời nào cao bằng! Bảo cha mẹ là vũ trụ ư? Nhưng vũ trụ thiên nhiên còn xảy ra tai họa, gây bão tố, lụt lội, tai ương. Còn cha mẹ chỉ lo cho con êm đềm, ấm no hạnh phúc. Cha mẹ sinh con chăm lo ấp ủ nuôi dưỡng, rồi dạy dỗ, rồi chăm sóc về mọi mặt từ vật chất đến tinh thần, từ học hành thi cử đến hướng nghiệp lập thân, cho đến lúc trưởng thành. Sau đó lo công ăn việc làm, gây dựng gia đình. Và cho đến mãi mãi về sau cho đến khi cha mẹ già yếu, thậm chí cho đến lúc chết. Từ khi con còn thơ dại đến khi con khôn lớn, cả hai song thân không lúc nào nghỉ ngơi lo toan, mẹ thì lo bú mớm, cha thì lo săn sóc thuốc men, mẹ thì lo ấp ủ. Cha thì lo che chở, mẹ lo nuôi, cha lo dạy, mẹ lo về mặt tình cảm, cha lo về mặt lí trí, mẹ lo hướng nội về phía gia đình, cha lo hướng ngoại về mặt xã hội, mẹ thiên về đức dục, cha thiên về trí dục...

a) *Công sinh thành*

Cha mẹ là bậc sinh ra ta, không phải bỗng dưng mà ta có mặt trên đời này, có sự sống này. Ta hiện hữu là do khí huyết của cha mẹ tạo thành. Mẹ mang nặng đẻ đau, cha chăm sóc lo lắng, cưu mang suốt hơn chín tháng trời, lúc sinh ra lại chịu bao nguy hiểm:

Nặng nề chín tháng cưu mang
Công sinh bằng vượt biển sang nước ngoài.
(*Gia huấn ca* - Nguyễn Trãi)

b) *Công nuôi nấng*

Nuôi nấng con cái từ khi con cái mới sinh đến khi khôn lớn thật là vô cùng vất vả tốn kém về của cải, hao tổn về tinh thần, thật không sao tả xiết. Nhỏ thì nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa, chăm lo bú mớm, cơm cháo thuốc men, thức khuya dậy sớm, chăm sóc dỗ dành... Khi lớn lên thì lo cơm áo mặc, đồ dùng, sách vở, giấy bút, học hành thi cử, lớp này trường nọ, lo lắng từ sinh hoạt đến học tập... Còn sống ngày nào là chăm lo con ngày ấy với tất cả tấm lòng tận tụy hi sinh vô bờ bến.

Đúng là công đức cha mẹ vô cùng to lớn! Không có cha mẹ nuôi nấng ta làm sao sống và khôn lớn như ngày hôm nay? Đây là ân nhân lớn nhất đời ta, ta phải ghi tâm khắc cốt rồi làm sao có thể đền đáp được phần nào ơn sâu nghĩa nặng ấy. Vậy người hiếu thảo với cha mẹ là người trọng nghĩa. Thọ ơn là phải báo đáp, ơn càng sâu thì nghĩa càng nặng, và phải báo đền cho xứng, đó là đạo lí trên đời. Từ Hiếu phát sinh ra Nghĩa, có Hiếu ắt có Nghĩa vậy? Người ơn lớn nhất mà

không tôn kính, không đền đáp thì đúng là kẻ vô ơn bạc nghĩa, sao xứng đáng làm người. Kẻ bất Hiếu ắt bất Nghĩa.

c) *Công ơn dạy dỗ*

Trong suốt hành trình của cuộc đời, cha mẹ luôn luôn là thầy giáo dạy dỗ con cái về mọi mặt từ thơ ấu đến lúc trưởng thành và cho đến chừng nào cha mẹ còn tại thế. Từ lúc sơ sinh cha mẹ dạy ta tập đứng tập đi, tập ăn tập nói... rồi dạy tiếp xúc với giới tự nhiên để thích nghi với môi trường sống, sau đó dạy cách ăn ở trong gia đình, cư xử ngoài xã hội, rồi đến học vấn, luân lí đạo đức, đến điều hơn lẽ thiệt, tránh sai lầm lỗi đạo...

Cha mẹ dốc hết mọi sở học, mang hết mọi kinh nghiệm để dạy con với tình thương bao la, với nỗ lực triền miên, chỉ mong sao con trẻ nên tài giỏi, sao cho "Con hơn cha, nhà có phúc". Có thể nói rằng cha mẹ là thầy cô giáo tuyệt vời và toàn diện.

Lĩnh hội được các điều dạy bảo quý báu của cha mẹ mới là người khôn, mới là kẻ trí. Do đó người có hiếu ắt có trí tuệ. Chữ Trí đi đôi với chữ Hiếu là vậy. Làm con mà không nghe lời cha mẹ dạy chính là kẻ bất hiếu, là ngu độn, không biết lẽ phải trái, rõ ràng là kẻ bất Trí. Kẻ bất Trí còn mong gì thành đạt trên đời này nữa. Cách ngôn có câu:

Cá không ăn muối cá ươn
Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.

d) *Công ơn che chở, bảo vệ*

Với tình cốt nhục và theo tập tính nuôi dạy con từ nhỏ, nên bậc cha mẹ luôn nghĩ rằng phải có bổn phận bảo vệ con như bảo vệ chính bản thân mình, chấp nhận hi sinh mọi thứ cho con kể cả sinh mạng mình. Lúc con nhỏ thì che nắng chắn mưa, quạt mát khi nóng, ấp ủ khi lạnh, nâng dậy khi con té ngã, hỗ trợ khi con gặp khó khăn, tháo gỡ cho con các vướng mắc, sửa chữa cho con các lỗi lầm... Chỉ mong sao cho con được thành công, hạnh phúc. Tóm lại trước những bất trắc, đe dọa của cuộc sống cũng như các lỗi lầm sai trái của con cái, cha mẹ luôn xả thân che chở bảo vệ cho con với tất cả lòng hi sinh khoan thứ và độ lượng.

e) *Lòng tin và ước vọng kế thừa sự nghiệp tương lai*

Với mối liên hệ huyết thống, cha mẹ luôn coi con cái như là "hậu thân" là phần nối tiếp của chính cuộc đời mình sau này. Vì vậy, cha mẹ lấy lòng yêu thương chân thật, dồn hết tâm lực để khuyên răn dạy bảo, đặt trọn niềm tin yêu nơi con mình, truyền lại mọi tài sản, mọi sự nghiệp, chỉ mong sao cho con kế thừa và phát huy cao hơn sự nghiệp này, đạt được những thành tựu mong muốn của mình.

Ngoài các mối quan hệ giữa HIẾU với NHÂN - NGHĨA - LỄ - TRÍ - TÍN, ta còn thấy Hiếu có mối liên hệ chặt chẽ với TRUNG (Trung với dân, với nước). Thật vậy, gia đình là cái nôi, là trường học đầu đời, là xã hội tiền khởi của con người. Con người tiếp nhận sự giáo dục đầu tiên qua cha mẹ, ý thức cộng đồng xã hội cũng qua cha mẹ rồi cảm nhận được Tổ quốc, quê hương, ngôn ngữ dân tộc cũng qua cha mẹ, qua ngôi nhà mảnh đất ở của cha mẹ, qua lời kể, qua câu hát điệu ru của cha mẹ... ngay từ khi còn nằm đu đưa trên võng. Người nào có biết tôn kính cha mẹ, yêu thương người thân cùng chung một mái nhà thì sau này mới biết kính trọng thầy cô giáo, quý mến bạn bè, yêu thương nòi giống và mới ý thức được trách nhiệm đối với quốc gia xã hội. Như vậy HIẾU ắt có TRUNG. Cổ nhân từ ngàn xưa đã khẳng định "Hiếu tử ắt trung thần" (con hiếu ắt tôi trung). Có hiếu mới có trung là một chân lí vì lòng yêu nước xuất phát từ lòng yêu kính cha mẹ: nơi cha mẹ ở là đất Tổ quốc, tiếng cha mẹ nói là tiếng Tổ quốc... và biết bao người đã đồng hóa cha mẹ với Tổ quốc, là hiện thân cụ thể của Tổ quốc. Cách đây năm thế kỉ, một bậc danh nho, một nhà giáo uy tín - tiến sĩ Đàm Thận Huy, đã từng phát biểu "Trung hiếu không tách rời" đã khẳng định chân lí trên. Một nhà thơ hiện đại đã viết:

Kiếp này xin được làm người
Để nghe nơn nước vọng lời mẹ ru.

Sau khi đã phân tích như trên, ta thấy lòng hiếu thảo đối với cha mẹ quan trọng thế nào! Đó là xuất phát của mọi đức tính mà nền lí luận truyền thống đã xếp vào "Năm đạo luân thường" (ngũ thường): Nhân - Nghĩa – Lễ - Trí - Tín, dùng để làm mẫu mực của nhân cách. Sách có câu "Thiên kinh vạn điển, hiếu vi tiên" (trăm nết tốt của con người thì hiếu đứng đầu). Kinh Phật cũng viết: "Tột cùng thiện không gì bằng hiếu, tột cùng ác không gì bằng bất hiếu". Lòng hiếu thảo là bổn phận, là nghĩa vụ cơ bản nhất của con người, là thước đo chính xác về chuẩn mực đạo đức. Ca dao có câu:

Làm trai nết đủ trăm đường
Trước tiên điều hiếu, đạo thường xưa nay.

Để khuyến khích và đề cao lòng hiếu thảo, ca dao cũng đã có câu:

Tu đâu cho bằng tu nhà
Thờ cha kính mẹ mới là chân tu.

Thật là giản dị và chí lí!

Và cũng suy từ nhận thức trên, ta sẽ thấy kẻ bất hiếu ắt sẽ bất nhân, bất nghĩa, bất trí, bất tín và bất trung, nghĩa là không còn luân thường đạo lí, mất hết cả nhân tính.

PHẦN II. NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

A. VĂN HỌC TRUNG ĐẠI VIỆT NAM

Đề: Phân tích và nêu cảm nghĩ của em về *Hồi thứ mười bốn* trong tác phẩm *Hoàng Lê nhất thống chí*.

Bài làm

Hoàng Lê nhất thống chí là cuốn lịch sử chương hồi của một số tác giả trong *Ngô gia văn phái*. Tác phẩm đã khái quát một giai đoạn lịch sử với bao biến cố dữ dội đẫm máu từ khi Trịnh Sâm lên ngôi chúa đến khi Gia Long chiếm Bắc Hà (1868 - 1802) như: loạn kiêu binh, triều Lê - Trịnh sụp đổ, Nguyễn Huệ đại phá quân Thanh, Gia Long lật đổ triều đại Tây Sơn...

Sự sụp đổ không thể cưỡng nổi của triều đại Lê - Trịnh và khí thế sấm sét của phong trào nông dân Tây Sơn là hai nội dung lớn được phản ánh qua *Hoàng Lê nhất thống chí*. Đặc biệt *Hồi thứ mười bốn* đã thể hiện được một cách hào hùng sức mạnh quật khởi của dân tộc trước thù trong giặc ngoài và khắc họa hình tượng Nguyễn Huệ, người anh hùng dân tộc đã làm nên chiến công Đống Đa bất tử.

1. Ta như được sống lại những giờ phút lịch sử nghiêm trọng và hào hùng của dân tộc vào cuối năm Mậu Thân (1788), đầu năm Kỉ Dậu (1789) khi Lê Chiêu Thống đã rước 29 vạn quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị cầm đầu, kéo sang xâm lược nước ta. Tác giả *Hoàng Lê nhất thống chí* mở đầu hồi XIV đã viết:

Đánh Ngọc Hồi, quân Thanh bị thua trận,
Bỏ Thăng Long, Chiêu Thống trốn ra ngoài.

Vị cứu tinh của dân tộc thuở ấy là Nguyễn Huệ, người anh hùng áo vải đất Tây Sơn. Ngày 22 tháng 11 năm Mậu Thân, Tôn Sĩ Nghị chiếm Thăng Long, tướng Ngô Văn Sở lui binh về án ngữ tại Tam Điệp. Ngày 24, Nguyễn Huệ được tin cấp báo, và ngày 25 lên ngôi hoàng đế "tế cáo trời đất cùng các thần Sông, thần Núi", lấy niên hiệu là Quang Trung. Nguyễn Huệ đốc xuất đại binh ra Bắc. Ngày 29 đến Nghệ An tuyển thêm một vạn quân tinh nhuệ. Nguyễn Huệ tổ chức duyệt binh truyền hịch đánh quân Thanh, vạch trần âm mưu xâm lược của bọn chúng "mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện; kêu gọi tướng sĩ đồng tâm, hiệp lực, để dựng nên công lớn"... Nhà vua chia quân làm 5 doanh (tiền, hậu, tả, hữu, trung quân) rồi thần tốc ra Tam Điệp hội quân với

cánh quân Ngô Văn Sở. Quang Trung chia đại quân làm 5 đạo, cho quân ăn Tết Nguyên Đán trước, "bảo kín" với các tướng soái đến tối 30 thần tốc đánh quân Thanh, hẹn đến ngày mồng 7 năm mới thì vào thành Thăng Long "mở tiệc ăn mừng". Qua đó, ta thấy rõ Quang Trung có tầm nhìn chiến lược sâu rộng, sáng suốt, giàu mưu lược, nêu cao tinh thần quyết chiến, quyết thắng lũ xâm lăng. Các sự kiện như lên ngôi hoàng đế ở Phú Xuân, tuyển quân và truyền hịch ở Nghệ An, cho quân sĩ ăn Tết Nguyên Đán trước; đặc biệt, nhà vua đã tạo nên yếu tố bất ngờ đánh quân Thanh vào đúng dịp Tết khi chúng "chỉ chăm chú vào việc yến tiệc vui mừng, không hề lo chi đến việc bất trắc" đã thể hiện tinh thần quyết đoán của một thiên tài quân sự khi Tổ quốc lâm nguy.

Tác giả mượn lời người cung nhân cũ để làm nổi bật tính cách anh hùng phi thường của Nguyễn Huệ khi trận Ngọc Hồi chưa xảy ra:

"Không biết rằng, Nguyễn Huệ là một tay anh hùng lão luyện, dũng mãnh và có tài cầm quân. Xem hắn ra Bắc vào Nam, ẩn hiện như quỷ thần, không ai có thể lường biết. Hắn bắt Hữu Chỉnh như bắt trẻ con, giết Văn Nhậm như giết con lợn không một người nào dám nhìn thẳng vào mặt hắn. Thấy hắn trỏ tay, đưa mắt là ai nấy đã phách lạc hồn xiêu, sợ hơn sấm sét".

Nguyễn Huệ là một anh hùng có tài điều binh khiển tướng, trù hoạch quân mưu như thần. Ra quân đánh thắng như chẻ tre. Bắt sống toàn bộ toán quân Thanh đi do thám tại Phú Xuyên, dùng mưu gọi loa, vây kín làng Hà Hồi, quân Thanh "rụng rời sợ hãi" phải đầu hàng. Dùng kì mưu kết ba tấm ván thành một bức bên ngoài lấy rơm dấp nước phủ kín, tất cả là 20 bức; mỗi bức có 20 dũng sĩ, lưng dắt dao ngắn dàn thành trận chữ "nhất" xông thẳng vào đồn Ngọc Hồi. Súng quân Thanh bắn ra đều vô hiệu. Vua Quang Trung cưỡi voi đốc chiến. Sáng mồng 5, đồn Ngọc Hồi bị tiêu diệt, Sầm Nghi Đống phải thắt cổ tự tử, hàng vạn giặc bị giết "thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại". Vua đã đặt phục binh tại đê Yên Duyên và Đại Áng, hợp vây quân Thanh tại Quỳnh Đô, giặc trốn xuống đầm Mực bị quân Tây Sơn "lùa voi cho giày đạp, chết đến hàng vạn người". Thừa thắng, vua Quang Trung tiến vào giải phóng Kinh Thành Thăng Long đúng trưa mồng 5 tháng Giêng năm Kỉ Dậu, trước kế hoạch 2 ngày. Có tài thao lược vô song, có tin vào sức mạnh chiến đấu và tinh thần yêu nước của tướng sĩ, của nhân dân ta mới có niềm tin tất thắng ấy. Chiến thắng Đống Đa 1789 đã làm cho tên tuổi người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ sáng ngời mãi ngàn thu.

Các tác giả *Hoàng Lê nhất thống chí* đã từng ăn lộc của nhà Lê vốn có cảm tình với vua Lê nhưng trước họa xâm lăng và chiến công Đống Đa oanh liệt, họ đã đứng trên lập trường dân tộc, đã viết nên những trang văn đẹp nhất, dựng lên một tượng đài kì vĩ, tráng lệ về người anh hùng Nguyễn Huệ. Chỉ mấy năm sau, trong bài *Ai tư vãn* khóc vua Quang Trung qua đời, Ngọc Hân công chúa đã viết:

Mà nay áo vải cờ đào,
Giúp dân dựng nước biết cao công trình.

Đó là hình tượng người anh hùng Quang Trung trong văn học mà ta cảm nhận được với bao ngưỡng mộ.

2. Bằng biện pháp nghệ thuật tương phản đối lập, các tác giả *Hoàng Lê nhất thống chí* đã miêu tả và nêu bật sự thảm bại của quân Thanh xâm lược và số phận nhục nhã, bi đát của bọn vua quan phản nước hại dân.

Chỉ huy 29 vạn quân Thanh sang xâm lược nước ta là Tôn Sĩ Nghị. Sau khi chiếm được Thăng Long "không mất một mũi tên, như vào chỗ không người" hắn vô cùng "kiêu căng buông tuồng". Bọn tướng tá chỉ biết "chơi bời tiệc tùng, không hề để ý gì đến việc quân". Chúng huênh hoang tuyên bố là đầu xuân sẽ kéo quân thẳng đến sào huyệt của Tây Sơn để "bắt sống, không một tên nào lọt lưới!".

Thế nhưng, trước sức tiến công như vũ bão của Nguyễn Huệ, bao đồn giặc bị đánh tơi bời. Đồn Hà Hồi phải đầu hàng. Đồn Ngọc Hồi bị đập nát. Sầm Nghi Đống phải tự tử. Hàng vạn giặc phải bỏ mạng ở đầm Mực. Tôn Sĩ Nghị "sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc giáp... nhằm hướng Bắc mà chạy". Quân tướng "hoảng hồn, tan tác bỏ chạy". Chúng tranh nhau chạy, xô đẩy nhau rơi xuống sông. Cầu phao dứt, hàng vạn giặc bị rơi xuống nước mà chết, đến nỗi nước sông Nhị Hà bị tắc nghẽn. Bọn sống sót chạy tháo thân về nước!

Bọn Việt gian bán nước cầu vinh như Lê Chiêu Thống, Lê Quýnh, Trịnh Hiến trên đường tháo chạy trở thành lũ ăn cướp. Chúng bạt vía kinh hồn chạy đến Nghi Tàm, "thình lình gặp được chiếc thuyền đánh cá vội cướp lấy rồi chèo sang bờ Bắc".

Tại cửa ải, Lê Chiêu Thống và bọn cận thần "than thở, oán giận, chảy nước mắt" trông thật bi đát, nhục nhã. Còn Tôn Sĩ Nghị "cũng lấy làm xấu hổ". Chết nhưng nết không chừa! Lê Chiêu Thống hứa "lại xin sang hầu tướng quân", nghĩa là tiếp tục rước voi về giày mả tổ! Còn Tôn Sĩ Nghị vẫn khoác lác: "Nguyễn Quang Trung chưa diệt, việc này còn chưa thôi!".

Có thể nói, hình ảnh lũ xâm lược và bọn bán nước được miêu tả bằng nhiều chi tiết châm biếm, thể hiện một thái độ khinh bỉ sâu sắc.

Đọc *Hồi thứ mười bốn* (*Hoàng Lê nhất thống chí*) ta càng thấu rõ tim đen quân xâm lược phương Bắc và âm mưu của thiên triều, cũng như bộ mặt dơ bẩn của bọn Việt gian bán nước. Ta càng thêm tự hào về truyền thống yêu nước, anh hùng của dân tộc ta, vô cùng kính phục và biết ơn Nguyễn Huệ, nhà quân sự thiên tài của Đại Việt.

Nghệ thuật kể chuyện, bút pháp miêu tả nhân vật lịch sử (Nguyễn Huệ, Lê Chiêu Thống, Tôn Sĩ Nghị) rất chân thực và sinh động tạo nên những trang văn hào hùng tuyệt đẹp vừa giàu giá trị văn chương, vừa mang tính lịch sử sâu sắc.

Đề: Phân tích tính cách nhân vật Nguyễn Huệ qua *"Hồi thứ mười bốn"* trong *Hoàng Lê nhất thống chí* của Ngô gia văn phái.

Bài làm

Hoàng Lê nhất thống chí là bộ tiểu thuyết chương hồi nổi tiếng trong nền văn học nước ta. Các tác giả thuộc nhóm Ngô gia văn phái đã viết rất thực về các sự việc xảy ra, trong giai đoạn lịch sử dân tộc. Riêng *Hồi thứ mười bốn*, các tác giả dựng lên hình tượng anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ là người có tài mưu lược, điều binh khiển tướng, thần tốc tiến quân. Nguyễn Huệ nhận định sáng suốt, đúng đắn tình hình chiến sự, ý chí quyết chiến quyết thắng, dũng cảm và nghiêm minh. Ông lại là con người giàu nghĩa tình.

Trước tham vọng giựt giành đất đai của tập đoàn vua Lê - chúa Trịnh, trước vết thương chia cắt đất nước đôi đàng, trước cơn lũ xâm lăng của giặc Thanh, các anh hùng hào kiệt ra mặt. Trong đó, ba anh em nhà Tây Sơn có uy tín nhất và nổi bật là Nguyễn Huệ. Như một ngôi sao ngời sáng, Nguyễn Huệ xuất hiện khi vận nước gặp cơn đen tối.

Trước hết, qua nhận định của tướng giặc nhà Thanh, Nguyễn Huệ là một anh hùng mưu lược có tài năng hoạch định quân mưu. Viên tổng đốc họ Tôn nói về Nguyễn Huệ: "Nguyễn Huệ là một tay anh hùng lão luyện, dũng mãnh và có tài cầm quân". Tôn Sĩ Nghị nhận định vô cùng chính xác. Nguyễn Huệ là một anh hùng lão luyện, ông vừa là một con người văn võ song toàn, lại "lão luyện" kế hoạch tác chiến, đúng là con người "dũng mãnh" kiên cường, khỏe mạnh. Nhận định của viên tướng họ Tôn làm cho chúng ta cảm thấy vô cùng tự hào sung sướng vì Tổ quốc ta đã sản sinh được bậc anh hùng "có tài cầm quân" chống giặc, giữ nước, đem lại cảnh sống an lạc cho thần dân.

Đã vậy, Nguyễn Huệ còn là con người thông minh, sáng suốt nhận định tình hình chiến sự giữa ta với địch quân. Đây là lời đánh giá việc xưa của ông: "Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi". Từ suy nghĩ của ông, làm cho "người mình" thức tỉnh thấy hết các hành vi tội ác của quân xâm lược "cướp bóc, giết hại, vơ vét", bọn cướp nước đã gieo đau thương, tang tóc cho thần dân. Thần dân có "chịu nổi" không? Trước những tai họa đó, ông có ý thức giục nhân dân đoàn kết "đuổi chúng đi". Có như vậy mọi người mới vui hưởng cảnh sống yên bình. Từ đó, ông nhận định tình hình hiện thời: "Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quận huyện... Vì vậy ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng". Lời ông nói có cơ sở vững vàng, có bằng chứng cụ thể, nhờ vậy toàn quân hết lòng, răm rắp tuân lệnh "kéo quân ra đánh đuổi" giặc Thanh.

Anh hùng Nguyễn Huệ có tài điều binh khiển tướng thần tốc. Sau khi lên ngôi hoàng đế lấy hiệu Quang Trung, ông "tự mình đốc thúc đại quân thủy bộ". Bản thân nhà vua cho "mở cuộc duyệt binh" rồi thân chinh "cưỡi voi" an ủi quân sĩ. Hôm sau, vua Quang Trung "... hạ lệnh tiến quân. Các quân đều nghiêm chỉnh đội ngũ mà đi".

Vua "hạ lệnh tiến quân" không ai dám phản đối. Đó là do tài năng lãnh đạo quân pháp của ông. Các tướng sĩ, đều "nghiêm chỉnh đội ngũ" đó là tài năng chỉnh đốn, sắp xếp có tổ chức. Một đạo quân có tổ chức, ý thức kỉ luật cao như vậy, chắc chắn đem về chiến công vẻ vang. Quang Trung còn xử sự nghiêm minh. Ông tuyên bố "quân thua chém tướng" rồi nhà vua bộc lộ quyết tâm quyết chiến quyết thắng: "Lần này ta ra, thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh đã có tính sẵn. Chẳng qua mươi ngày có thể đuổi được người Thanh".

Ý chí của vua thật rõ ràng, dứt khoát "thân hành cầm quân" vì ông đã vạch sẵn chiến thuật, chiến lược và tin tưởng chỉ một thời gian ngắn "mươi ngày" sẽ đem đến thắng lợi, dứt khoát sẽ "đuổi được người Thanh" về nước mà thôi. Ý chí sắt đá của ông cũng là động cơ thúc giục, là ngọn lửa nung nấu tinh thần chiến đấu của nghĩa binh.

Do tài năng lãnh đạo nghĩa quân xuất chúng, do tổ chức, tiến quân khoa học, thần tốc, do ý chí quyết chiến, quyết thắng, vua Quang Trung mở tiệc khao quân rồi nghiêm chỉnh báo cho các tướng biết: "Ta với các ngươi hãy tạm sửa lễ cúng Tết trước đã. Đến tối 30 Tết lập tức lên đường, hẹn đến ngày mồng 7 năm mới thì vào thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng".

Lời tâm huyết của hoàng đế Quang Trung có tác dụng cổ vũ ý chí quyết tâm một mất, một còn với bọn xâm lược. Chỉ một thời gian ngắn ngủi bảy ngày vậy mà giải quyết được cuộc chiến. Đó là do tài cầm quân và mưu trí về chiến lược của ông, do óc tổ chức chiến thuật khoa học. Nhà vua ban lệnh: "... lấy sáu chục tấm ván, cứ ghép liền ba tấm làm một bức, bên ngoài lấy rơm dấp nước phủ kín, tất cả là hai mươi bức". Với cách tổ chức chiến thuật đó, nhà vua đã ngăn chặn được làn tên mũi đạn của kẻ thù. Vua còn dùng chiến thuật "phun khói mù" để tiến công, áp sát địch quân mà tiêu diệt. Vua dạy quân sĩ phương pháp tác chiến: "Khi gươm giáo của hai bên đã chạm nhau thì quăng ván xuống đất, ai nấy cầm dao ngắn chém bừa, những người cầm binh khí theo sau cũng nhất tề xông tới mà đánh".

Vâng lời vua, nghĩa binh thực hiện đúng kế hoạch tiến công. Ý chí quyết chiến quyết thắng trở thành hiện thực. Do vậy: Quân Thanh chống không nổi, bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết... Sầm Nghi Đống tự thắt cổ chết...

Thế là do tài năng lãnh đạo xuất chúng, nghĩa binh Tây Sơn vào thành Thăng Long đúng ngày hẹn của hoàng đế Quang Trung. Chiến thắng vang dội đó ghi đậm trang sử vàng của dân tộc.

Hồi thứ mười bốn này, các tác giả viết rất thực. Làm nổi bật hình ảnh oai phong lẫm liệt của vị anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ.

Thỉnh thoảng đọc lại giai đoạn lịch sử này, chúng ta vô cùng trân trọng, tôn vinh một thiên tài quân sự. Vua Quang Trung đã làm rạng rỡ trang sử vàng của đất nước. Mỗi lần được chiêm ngưỡng bức tượng đồng của anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ, chúng ta cảm thấy tự hào vì ông cha ta, thuở trước đánh giặc giỏi.

Đề: Phát biểu cảm nghĩ của em về *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh* qua tác phẩm *Vũ trung tùy bút* của Phạm Đình Hổ.

Bài làm

Nhắc tới Phạm Đình Hổ (1768 - 1839), người đời nhớ tới tác phẩm *Vũ trung tùy bút* của ông, một bút pháp nghệ thuật tinh tế, tài hoa, một phong thái thư nhàn tao nhã. Ông tiêu biểu cho cốt cách kẻ sĩ Bắc Hà cuối thời Lê - Trịnh và thời kì đầu nhà Nguyễn.

Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh là một trang tùy bút đặc sắc, rút trong *Vũ trung tùy bút* của Phạm Đình Hổ.

Tùy hứng mà viết, tùy bút mà viết, cảm hứng dào dạt, dâng trào. Cảnh ăn chơi xa hoa của chúa Trịnh Sâm, cảnh bán hàng của bọn nội

thần nội thị, cảnh tấu nhạc của bọn nhạc công cung đình tại chùa Trấn Quốc nơi Hồ Tây giữa thế kỉ XVIII, sự nhũng nhiễu của bọn hoạn quan khắp chốn dân gian... đã được tác giả *Vũ trung tùy bút* chấm phá qua một vài nét, thế mà ta chỉ đọc qua một lần là có thể nhớ mãi.

Chuyện cũ... đã xảy ra vào hai năm Giáp Ngọ - Ất Mùi (1774 - 1775), đó là lúc Đàng Ngoài "vô sự", là những năm tháng hoàng kim của Thịnh Vương (Trịnh Sâm); khi mà người ngọc Đặng Thị Huệ được chúa sủng ái trở thành nguyên phi. Trịnh Sâm sống trong xa hoa: Thích đi chơi ngắm cảnh đẹp, thường ngự ở các li cung trên Tây Hồ, núi Tử Trầm, núi Dũng Thúy. Chúa ra chơi cung Thụy Liên trên bờ Tây Hồ mỗi tháng ba bốn lần. Cảnh đón tiếp với các thứ nghi lễ thật tưng bừng độc đáo. Có "binh lính dàn hầu vòng quanh bốn mặt hồ". Có tổ chức hội chợ, do quan nội thần cải trang "đều bịt khăn, mặc áo đàn bà, bày bách hóa chung quanh bờ hồ để bán". Thuyền ngự đi tới đâu thì các quan hô tụng đại thần tùy ý ghé vào bờ mua bán các thứ... Gác chuông chùa Trấn Quốc trở thành nơi hòa nhạc của bọn nhạc công cung đình. Đình đài, cung điện được xây dựng "liên tục" nhằm thỏa mãn cuộc sống ăn chơi của vua chúa và bọn quan lại thời Lê - Trịnh. Bao nhiêu tiền của, vàng bạc, châu báu, nước mắt mồ hôi của nhân dân bị bòn vét đến kiệt cùng. Phạm Đình Hổ đã được mắt thấy tai nghe những chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh nên cách kể, cách tả của ông rất sống động.

Để được sống trong xa hoa, hưởng lạc đế vương, từ chúa đến quan đều trở thành bọn cướp ngày ra sức hoành hành, trấn lột khắp chốn cùng quê. Chúa thì "đều sức thu lấy" trân cầm, dị thú, cổ mộc, quái thạch và chậu hoa cây cảnh ở chốn dân gian "không thiếu một thứ gì". Có những cây cảnh "cành lá rườm rà... như một cây cổ thụ mọc trên đầu non hốc đá, rễ dài đến vài trượng" phải dùng đến một cơ binh mới khiêng nổi, từ bên bắc chở qua sông đem về. Trong phủ chúa "điểm xuyết" bao "núi non bộ trông như bến bể đầu non". Vườn ngự uyển, trong những đêm thanh cảnh vắng, tiếng chim kêu vượn hót ra khắp bốn bề, hoặc nửa đêm "ồn ào như trận mưa sa, gió táp, vỡ tổ tan đàn". Nếu như trong *Thượng kinh kí sự* Lê Hữu Trác ngạc nhiên viết:

Hoa cung thoảng ngạt ngào đưa tới,
Vườn ngự nghe vẹt nói đòi phen.
Quê mùa cung cấm chưa quen,
Khác gì ngư phủ đào nguyên thuở nào.

Thì ở đây Phạm Đình Hổ ái ngại nghĩ: "kẻ thức giả biết đó là triệu bất tường". Cuộc sống cực kì xa hoa ấy là nguyên nhân cho sự sụp đổ

ngai vàng ngày một ngày hai sẽ nổ ra. Đó là năm 1782, Trịnh Sâm qua đời; loạn kiêu binh nổ ra, kinh thành Thăng Long bị đốt phá tan hoang; năm 1786, Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc Hà lần thứ nhất, cơ nghiệp họ Trịnh tan tành trong nháy mắt! "Cái triệu bất tường" mà Phạm Đình Hổ nghĩ tới thật linh nghiệm. Quy luật cuộc đời vô cùng sòng phẳng, cay nghiệt:

Thịnh mãn lắm, oán thù càng lắm
Trăm loài ma mồ nấm chung quanh
Nghìn vàng không đổi được mình
Lầu ca viện hát, tan tành còn đâu?

(*Văn chiêu hồn* – Nguyễn Du)

Bọn hoạn quan trong phủ chúa vừa trắng trợn vừa xảo quyệt, như dân gian đã khinh bỉ chửi vào mặt: "Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan". Chúng dùng thủ đoạn "nhờ gió bẻ măng, ra ngoài dọa dẫm". Chỉ bằng hai chữ "phụng thủ" biên ngay vào chậu hoa cây cảnh, chim tốt khiếu hay của bất cứ nhà nào là chúng cướp được. Chúng còn lập mưu "đêm đến" cho tay chân sai lính lẻn vào "lấy phăng đi, rồi buộc cho tội đem giấu vật cung phụng để dọa dẫm lấy tiền". Chúng ngang ngược "phá nhà hủy tường" của dân để khiêng hòn đá hoặc cây cối gì mà chúng cướp được! Đối với nhà giàu thì chúng lập mưu vu cho là "giấu vật cung phụng" để hành hạ, để làm tiền, nhiều người phải "bỏ của ra kêu van chí chết", có gia đình "phải đập bỏ núi non bộ, hoặc phá bỏ cây cảnh để tránh khỏi tai vạ".

Gia đình tác giả thuộc hàng quan lại, quý tộc thời Lê - Trịnh. Trước sự nhũng nhiễu hoành hành, mẹ Phạm Đình Hổ bà cung nhân phải sai người nhà chặt cây lê "cao vài mươi trượng, lúc nở hoa, trắng xoá thơm lừng", hai cây lựu trắng, lựu đỏ "lúc ra quả trông rất đẹp". Chi tiết này, tình tiết này rất sống, rất thực. Tác giả đã kể lại một chuyện có thật của gia đình mình ở phường Hà Khẩu để vừa tạo nên niềm tin cho người đọc mai hậu, vừa phê phán bộ mặt tham lam, ghê tởm của bọn quan lại thời Lê - Trịnh, vạch trần sự thối tha trong phủ chúa.

Trang tùy bút *Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh* của Phạm Đình Hổ có giá trị lịch sử sâu sắc, nó đã làm hiện lên cảnh vật và con người, cuộc sống xa hoa ăn chơi của vua chúa, hành động ăn cướp, làm tiền trắng trợn của bọn quan lại trong phủ chúa.

Ngòi bút của Phạm Đình Hổ rất trầm tĩnh và sâu sắc. Mọi cảm xúc, ý nghĩ của ông về nhân tình thế sự được gửi gắm qua những chi tiết, tình tiết, mẩu chuyện rất sống, rất chọn lọc, đậm đà, nhã thú.

Đề: Hãy giải thích và chứng minh rằng: *Truyện Kiều của Nguyễn Du nói lên lòng xót thương vô hạn của ông đối với những lớp người bị áp bức, đau khổ*. (Trích Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc kỉ niệm 200 năm ngày sinh của Nguyễn Du).

Bài làm

Truyện Kiều một viên ngọc long lanh trong kho tàng văn học dân tộc, cùng với một số tác phẩm khác của Nguyễn Du, có giá trị hiện thực sâu sắc và chứa chan tinh thần nhân đạo cao quý, đã "nói lên lòng xót thương vô hạn của ông đối với những lớp người bị áp bức, đau khổ".

Thật vậy, Nguyễn Du, nhà thơ của thời đại, đã nói lên những đau khổ lầm than của những người bị chế độ đương thời đày đọa. Cái thế giới làm cho ông thương cảm, xót xa là thế giới của tất cả những con người bị giày xéo, đày đọa về thể xác cũng như về tinh thần. "Tính hiện thực vô cùng sinh động và sức tố cáo cực kì sắc bén của tác phẩm Nguyễn Du là hai ngọn lửa sáng chói của một cái lò đỏ rực, đó là trái tim đầy tình thương xót của Nguyễn Du đối với nỗi đau khổ của những con người bất hạnh dưới chế độ xã hội bất công, đó là tâm hồn cao cả của Nguyễn Du chan chứa một tình nhân đạo mà cảnh chiều tà của một chế độ trên bước đường diệt vong đã nhen lên ở ông mấy mươi năm, trong đó chính bản thân ông cũng đã chia sẻ với thế hệ của ông những nỗi cay đắng, tủi nhục" (Nguyễn Khánh Toàn). *Truyện Kiều* ca ngợi và đề cao tình yêu chung thủy, tình cảm kính yêu của con đối với cha mẹ, và nhất là đề cao ước mơ sống tự do trong xã hội đen tối bất công. Tinh thần nhân đạo bao la trong *Truyện Kiều* là kết tinh truyền thống nhân đạo của dân tộc ta hằng bao thế kỉ:

Tiếng thơ ai động đất trời
Nghe như non nước vọng lời nghìn thu.
(Tố Hữu)

Trong vô số nạn nhân của cuộc đời cũ, Nguyễn Du đặc biệt trân trọng và xót thương những người phụ nữ có tài có sắc. Với Nguyễn Du, họ là hình ảnh tập trung về số kiếp bi đát của con người trong một cuộc đời bế tắc. Tiêu biểu là hình ảnh Thúy Kiều. Thúy Kiều là một con người tài sắc tuyệt vời. Vẻ mặn mà nồng thắm, tài đánh đàn của Kiều cũng thể hiện cái tính của Kiều. Tình yêu của Kiều với Kim Trọng là một thứ tình yêu đắm say, mãnh liệt:

Tình trong như đã, mặt ngoài còn e
Chập chờn cơn tỉnh cơn mê,

Yêu nhau, nàng chủ động xây dựng hạnh phúc với người yêu. Gót chân Kiều đã thoăn thoắt, đã xăm xăm băng lối vườn khuya một mình sang nhà Kim Trọng. Thúy Kiều và Kim Trọng xứng đôi vừa lứa, gặp nhau và yêu nhau, tình yêu đó nồng nàn, chân thật, chính đáng. Nguyễn Du đã vượt ra ngoài thời đại của ông khi ca ngợi mối tình đầy thơ mộng của Kim và Kiều. Vì xã hội phong kiến phá hoại hạnh phúc, mối tình chung tình phải nửa đường đứt gánh, thân nàng bị hoa trôi bèo dạt, nhưng ngọn lửa chung tình vẫn luôn rực cháy, tình yêu vẫn chân thành và trong sạch. Nguyễn Du đã phát biểu quan niệm về tự do luyến ái, về chữ trinh, đối lập với quan niệm phong kiến thời đại ông. Vì phải bán mình chuộc cha, phải xa lìa Kim Trọng, Kiều vô cùng đau khổ, tự cho mình lỗi thề và phụ bạc với Kim Trọng. Nhưng vì mối tình đó vô cùng đẹp đẽ nên sau này trên bước đường hoa trôi bèo nổi, những kỉ niệm êm ái, say sưa luôn luôn hiện ra trước mắt Kiều.

Với Nguyễn Du, tình gắn bó chặt chẽ với nghĩa nên nhà thơ đã cho Kiều dặn em là Thúy Vân thay mình gá nghĩa với Kim Trọng:

Ngày xuân em hãy còn dài
Xót tình máu mủ thay lời nước non.

Đáp lại mối tình của Kiều, Kim Trọng đã vượt ra ngoài triết lí của thời đại về hai chữ "công danh", quyết tìm lại Kiều để đền bù tình xưa nghĩa cũ:

Rắp mong treo ấn từ quan,
Mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng qua.
Dấn mình trong áng can qua,
Vào sinh ra tử họa là thấy nhau.

Và phát biểu quan niệm mới về luyến ái, về chữ trinh:

Xưa nay trong đạo đàn bà,
Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường.
Có khi biến, có khi thường,
Có quyền nào phải một đường chấp kinh.

Tình cảm của con cái đối với cha mẹ trong *Truyện Kiều* cũng thật thống thiết và cảm động. Kiều đã dịu dàng khuyên cha:

Thà rằng liều một thân con
Hoa dù rã cánh, lá còn xanh cây.

Tuy phải hi sinh hạnh phúc, bán mình chuộc cha, Kiều chẳng hề oán trách. Trong cảnh tử biệt sinh li, nghe tiếng chim kêu vượn hót, trông cánh buồm thấp thoáng ngoài khơi, nhìn ra non nước một màu,

Kiều thương đau lòng tưởng nhớ tới cha mẹ. Đối lại, Vương Ông vô cùng thương xót Kiều vì ông mà Kiều đã lỗi ước với Kim Trọng mặc dầu mối tình ấy vượt quyền cha mẹ. Ông muốn vạch trời kêu oan và đập đầu định tự tử.

Trong *Truyện Kiều*, Nguyễn Du không chỉ kể về cuộc đời con gái họ Vương có tài, có sắc bị đày đọa bi thảm mà còn nói lên nỗi đau xót của mình trong trước số phận đầy khổ đau của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Nhiều lần, lời thơ Nguyễn Du nhói lên trong đau xót:

Đau đớn thay phận đàn bà,
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.

Hay:

Đã cho lấy chữ hồng nhan,
Làm cho, cho hại, cho tàn, cho cân.
Đã đày vào kiếp phong trần,
Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi.

Tóm lại, vẽ nên tấm gương oan khổ, câu chuyện thê thảm của cuộc đời nàng Kiều, tiếng nói Nguyễn Du là tiếng kêu thương não nùng đau đớn trước vận mệnh của con người trong xã hội phong kiến. Tinh thần nhân đạo chứa chan là cội nguồn của tiếng kêu thương ấy.

Đề: Về nội dung giá trị của văn học Việt Nam giai đoạn từ nửa cuối thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX, có ý kiến cho rằng: *"Về cơ bản, đây là một giai đoạn văn học sáng ngời tinh thần nhân đạo chủ nghĩa, vừa có bản sắc dân tộc, vừa có giá trị phổ quát toàn nhân loại"*. (Đặng Thanh Lê – *Lịch sử văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX*, trang 36 – Nhà xuất bản Giáo dục, 1991). Hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

Bài làm

Văn học Việt Nam từ xa xưa đã chịu ảnh hưởng của văn học Trung Quốc từ nội dung đến hình thức. Đó là một điều khó tránh khỏi khi nước ta bị phong kiến phương Bắc đô hộ cả nghìn năm. Mặt khác, đó cũng là quy luật tất yếu trong sự phát triển văn hóa của một nước trong khu vực văn hóa chung. Nhưng trải qua những thế kỉ xây dựng đất nước độc lập, văn hóa Việt Nam nói chung và văn học nói riêng ngày càng tự khẳng định mình, như giáo sư Đặng Thanh Lê đã viết, trong giáo trình *Lịch sử văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XVIII – nửa đầu thế kỉ XIX*: *"Về cơ bản, đây là một giai đoạn văn học sáng ngời*

tinh thần nhân đạo chủ nghĩa, vừa có bản sắc dân tộc, vừa có giá trị phổ quát toàn nhân loại".

Dựa trên cơ sở của nhận định trên và bằng những tác phẩm đã học và đọc thêm trong giai đoạn này, em xin được trình bày những hiểu biết của em về ý kiến trên.

Văn học Việt Nam từ nửa cuối thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX mang những giá trị nhân đạo sâu sắc. Văn học ngợi ca và khẳng định những giá trị cao đẹp của con người, nhất là người phụ nữ, những con người luôn luôn bị xã hội phong kiến coi thường, thậm chí khinh rẻ như nhân vật Thúy Kiều trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du bị coi như một đồ vật để cho bọn con buôn:

Đắn đo cân sắc cân tài
Ép cung cầm nguyệt, thử bài quạt thơ

Kiều bị đẩy đến chỗ tận cùng của sự cực khổ, tối tăm. Trong "đêm trường trung cổ", khi mà số phận và nhân phẩm con người bị chà đạp không thương tiếc thì các nhà văn giàu lòng nhân đạo đã lên tiếng ca ngợi những vẻ đẹp của con người.

Trước hết là những vẻ đẹp bên ngoài:

- Làn thu thủy nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.
- Hài văn lần bước dặm xanh
Một vùng như thể cây quỳnh cành dao.

Nếu như trong *Truyện Kiều* vẻ đẹp ngoại hình của con người được mô tả bằng bút pháp ước lệ, thì trong thơ Hồ Xuân Hương vẻ đẹp đó thường được mô tả rất hiện thực:

Thân em vừa trắng lại vừa tròn

Có khi nhà thơ còn rất táo bạo, dùng bút thơ vẽ nên bức chân dung lồ lộ của người phụ nữ, đẹp mà không hề dung tục chút nào:

Đôi gò bồng đảo sương còn ngậm
Một lạch đào nguyên suối chửa thông.

Nhưng giá trị con người được coi trọng nhất trong văn chương phải là những tài năng, phẩm chất và ý thức làm người của con người. Tiêu biểu cho những giá trị đó là nàng Kiều của Nguyễn Du. Ở nàng hội tụ nhiều tinh hoa của tài năng:

Thông minh vốn sẵn tính trời
Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm.
Cung thương làu bậc ngũ âm,
Nghề riêng ăn đứt Hồ cầm một trương.

Nàng lại là người con chí hiếu, người tình hết mực thủy chung, một con người có nghĩa, có tình. Hơn thế nữa nàng lại là một con người luôn có ý thức làm người, luôn đấu tranh để vươn lên đỉnh cao của giá trị nhân phẩm.

Văn học giai đoạn này còn mạnh dạn đấu tranh cho vấn đề giải phóng tình cảm con người. Đã xuất hiện không ít những truyện thơ ca ngợi tình yêu tự do, vượt khỏi lễ giáo phong kiến. Đó là tình yêu tha thiết của Phạm Kim và Trương Quỳnh Như (*Sơ kính tân trang*). Đó là thiên tình sử tuyệt vời Kiều – Kim. Họ đến với nhau thật mạnh bạo, nồng nàn. Chàng thì "Xăm xăm đè nẻo Lam Kiều lần sang", nàng thì *"Xăm xăm băng lối vườn khuya một mình"*.

Không chỉ vậy, người phụ nữ trong thơ Hồ Xuân Hương còn lên tiếng đòi sự bình đẳng nam nữ. Hình tượng người phụ nữ ấy thật sôi nổi, có một sức sống mãnh liệt. Nàng tự biết giá trị của mình không thua kém bất cứ loại đàn ông nào, từ các quan văn:

Khéo khéo đi đâu lũ ngẩn ngơ
Lại đây cho chị dạy làm thơ.

Đến các quan võ:

Ví đây đổi phận làm trai được
Thì sự anh hùng há bấy nhiêu.

Người phụ nữ ấy luôn luôn muốn nổi loạn chống lại mọi lễ giáo, đòi được sống, được yêu thương, được coi trọng. Trong xã hội nam quyền ngự trị thì đó là một người phụ nữ kì diệu.

Văn học đề cao con người nên cũng căm ghét sâu sắc cái xã hội tàn bạo hãm hại con người. Họ lên án chế độ phong kiến đã chà đạp lên những tài năng như Khuất Nguyên, những nhan sắc, những đức hạnh như Thúy Kiều, những sinh linh vô tội như binh sĩ tử trận trong các cuộc chiến tranh tương tàn (thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Du). Trong xã hội ấy con người luôn bơ vơ không đất dung thân. Bởi vì cuộc đời đầy những cạm bẫy nguy hiểm chực nuốt chửng con người.

Đời sau họ Thượng Quan hết thẩy
Khắp nơi dòng chảy Mịch La.

(Nguyễn Du – *Phản chiêu hồn*)

Giá trị nhân đạo của những tác phẩm văn học giai đoạn này, còn là những câu hỏi day dứt toát lên từ các tác phẩm, những câu hỏi nhân văn mà đến tự bây giờ vẫn chưa ai có thể trả lời hết:

– Hoa trôi man mác biết là về đâu?

- Trên trướng gấm thấu hay chăng nhẽ,
Mặt chinh phụ ai vẽ cho nên?

Điểm cuối cùng em muốn nói đến điều này trong bài thơ *Hàn dạ ngâm* của Cao Bá Quát, một bài thơ be bé và một vấn đề vừa vừa, song lại thật xúc động và sâu sắc. Đó là mối đồng cảm giữa những con người quyền quý và những người dân lao khổ bình thường:

Dầu hết gọi nhỏ rót
Nhỏ nằm cứ ậm ờ
Vội vàng đi lấy chiếu
Đắp thêm cho chú ta.

Cử chỉ ấy thật đơn sơ. Nhưng ẩn chứa trong cái đơn sơ ấy là cả một tình cảm lớn lao, ấm áp. Và đặc biệt hơn, đó là sự chăm sóc của chủ đối với tớ, một sự gần gũi hiếm thấy ở thời xưa. Thì bài thơ này đâu có nhỏ. Nó góp phần nét tô đậm thêm nội dung nhân đạo của văn học giai đoạn này.

Như trên em đã nêu, bản sắc dân tộc của văn hóa người Việt có một sức sống rất mãnh liệt, nghìn năm Bắc thuộc vẫn không bị tiêu diệt. Văn học Việt Nam thời kì này đã tiếp tục làm rõ thêm bản sắc đó. Dù viết bằng chữ Nôm hay chữ Hán, văn học Việt Nam vẫn ngời lên hình ảnh hào hùng của dân tộc, của những người anh hùng đánh giặc cứu nước. Đó là hình ảnh Quang Trung dẹp giặc Thanh mà tác phẩm *Hoàng Lê nhất thống chí* đã dựng lên, và hình ảnh Thánh Gióng oai hùng trong bài thơ *Vịnh Đổng Thiên Vương* của Cao Bá Quát. Họ là những anh hùng của dân tộc Việt Nam. Họ là sự khẳng định cho sức mạnh của một dân tộc. Đó cũng là ý thức tự tôn dân tộc, mà bài thơ *Đề đền Sầm Nghi Đống* của Hồ Xuân Hương là một minh chứng. Bà tả đền Sầm Nghi Đống bằng những lời thơ đầy coi thường khinh rẻ:

Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo
Kìa đền Thái thú đứng cheo leo.

Thói thường, người ta hay chú ý khi bắt gặp một điều gì đó quá phi thường, hay quá lố bịch. Với lời thơ của Hồ Xuân Hương đã gợi nhắc đến điều đó. Bà không coi trọng gì cái ngôi đền đó cả, vì bà chỉ "ghé mắt trông ngang". Thái độ ngạo ngược ấy, còn được bồi thêm cử chỉ bất kính: chỉ trỏ thản nhiên trước nơi thờ cúng "Kìa đền Thái thú".

Bà đã tả đền Thái thú như một vật lạ, lố bịch và tức cười: đền đài gì mà đứng chênh vênh trên đất Việt. Nhưng đó mới chỉ là bước đầu, là sự khinh bỉ với bọn đã từng xâm lược, cướp nước. Đến hai câu sau:

Ví đây đổi phận làm trai được
Thì sự anh hùng há bấy nhiêu.

Bà không mặc cảm mình là phụ nữ, không thừa nhận rằng phụ nữ là thấp kém. Vì cái sự nghiệp "anh hùng" của kẻ cướp nước kia bị bà coi cũng là quá kém cỏi. Bà ngang nhiên đặt tài năng của người phụ nữ Nam Việt này cao hơn cả cái kẻ đang được thờ trong ngôi đền đằng kia, kẻ đã từng làm lừng danh cho một đế quốc khổng lồ vùng Trung Á. Vậy thì bài thơ có phải là ý thức tự tôn dân tộc của Hồ Xuân Hương? Bà cho rằng một người phụ nữ nước Nam còn hơn một đấng đàn ông phương Bắc. Ý thức tự tôn dân tộc của Hồ Xuân Hương đã tô đậm thêm nữa cho bản sắc dân tộc của văn học Việt Nam thời kì này.

Bản sắc dân tộc còn được thể hiện qua từng lời từng chữ của các tác phẩm. Chỉ một chi tiết rất nhỏ "mây về Ngàn Hống" trong bài *Vịnh mùa đông* của Nguyễn Công Trứ đã cho thấy một sự cố gắng, nỗ lực của ông để thoát khỏi khuôn khổ ước lệ của thơ văn cũ. Bởi Ngàn Hống là tên nôm na của một ngọn núi miền Trung nước ta. Đặc biệt là thơ của Hồ Xuân Hương. Các bài thơ chữ Nôm của bà lời lẽ rất nôm na, dung dị như ca dao:

- Thân em vừa trắng lại vừa tròn.
(Bánh trôi nước)

- Quả cau nho nhỏ miếng trầu hôi.
(Mời trầu)

- Sau giận vì duyên để mõm mòm.
(Tự tình)

Nhà thơ không tuân theo lối văn chương bác học, mà ảnh hưởng sâu của văn học dân gian Việt Nam. Ngay đến cả tác phẩm *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, bên cạnh những lời lẽ chau chuốt tinh xảo, ý nghĩa, uyên bác, lại những câu phảng phất âm điệu của câu ca dao dân gian:

Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu.

Gợi nhớ câu ca dao:

Buồn trông con nhện giăng tơ...
Buồn trông chênh chếch sao mai...

Những câu thơ ấy rất nhiều trong tác phẩm, khiến cho tác phẩm giàu tính dân tộc, gần gũi với người dân, ngay cả những người ít học.

Qua một số ý đã trình bày và một số minh chứng trên đây, em hi vọng rằng mình đã góp phần làm sáng tỏ những giá trị nhân đạo và bản sắc dân tộc của văn học Việt Nam từ nửa sau thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX. Văn học thời kì này với sự đề cao giá trị làm người, khẳng định quyền sống của con người, lại được diễn đạt bằng ngôn ngữ dân tộc, cách cảm nhận và tâm hồn dân tộc... đã làm nên những tác phẩm văn chương rất đẹp của nền văn học cổ nước nhà.

Đề: Trong *Truyện Kiều* Nguyễn Du đã viết:

Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

Hãy giải thích hai câu trên. Qua *Truyện Kiều*, hãy làm sáng tỏ thêm hai câu thơ đó.

Bài làm

Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?

Nỗi băn khoăn ấy của Nguyễn Du làm chúng ta không thể nào quên được cuộc đời và tấm lòng của ông. Cho đến muôn đời sau tên tuổi Nguyễn Du vẫn sống mãi với mọi người. Ta quên sao được một nhà thơ có tấm lòng nhân hậu bao la, thông cảm sâu sắc với kiếp người lầm than. Tác phẩm *Đoạn trường tân thanh* luôn chói ngời trong nền văn học nước nhà. Câu thơ: *Trải qua một cuộc bể dâu - Những điều trông thấy mà đau đớn lòng* mang ý nghĩa của nhan đề và nội dung tác phẩm.

Cuộc bể dâu và những điều trông thấy mà đau đớn lòng ấy có nghĩa gì? Vì sao Nguyễn Du lại viết như thế? Điều đó được tác giả thể hiện rất rõ qua *Truyện Kiều*.

Hình ảnh bể dâu trong câu thơ được nhà thơ lấy ý từ câu chữ Hán "thương hải biến vi tang điền" (Biển xanh hóa thành ruộng dâu). Đó chính là hình ảnh của sự đổi thay, biến chuyển của cuộc đời. Nguyễn Du đã trông thấy những gì? Đó là cảnh bức tranh chân thực về xã hội loạn lạc thời phong kiến với cảnh ăn chơi sa đọa của vua quan, cảnh nghèo khổ của nhân dân và thế lực của đồng tiền. Đồng tiền ngự trị lên trên hết tất cả. Trong *Truyện Kiều*, điều này hiện ra rất rõ. Khi gia đình Kiều mắc oan, họ đi thưa kiện thì:

Có ba trăm lạng việc này mới xong.

Có tiền thì có thể giải quyết được tất cả. Kiều đã phải bán thân mình như một món hàng, mà kẻ mua:

Đắn đo cân sắc, cân tài
Giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm.

Thế có đau xót, nhục nhã không? Nhân cách và phẩm giá con người chỉ được đánh giá bằng tiền bạc. Bốn trăm lượng để đổi lấy cả đời con gái sắc tài bậc nhất!

Ngoài ra, Nguyễn Du còn đau lòng trước cảnh sống của những con người đau khổ, bất hạnh. Đó là kiếp sống của nàng Kiều, của Vương Ông, Kim Trọng, Thúy Vân,... mà Kiều là nhân vật trung tâm. Tất cả những nhân vật ấy trong *Truyện Kiều* đều là người bất hạnh. Vương Ông là người hình ảnh bất hạnh, người đàn ông đau khổ. Chính bản thân ông, người trụ cột trong gia đình lại để cho cô con gái thân yêu của mình phải bán mình. Kim Trọng, chàng thư sinh không gặp may, không cưới được người mình yêu. Thúy Vân phải chấp nhận một cuộc hôn nhân được định sẵn. Họ sống có hạnh phúc chăng trong khi Kim Trọng luôn canh cánh nghĩ đến Kiều, khi Thúy Vân vì nghĩ tình chị mà sống cùng chàng Kim?

Tất cả những con người ấy chưa làm Nguyễn Du đau đớn lòng bằng kiếp sống của Kiều. Một kiếp sống mà Nguyễn Công Trứ đã chỉ trích:

Đã biết má hồng thời phận bạc
Trách Kiều nhi chưa trọn tấm lòng vàng.

Nguyễn Công Trứ không biết đến tấm lòng vàng thực sự của Kiều, mặc dầu cô đã:

Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần.

Kiều bị xô đẩy vào tay Tú Bà rồi Sở Khanh rồi Hoạn Thư, Bạc Bà,... Tất cả bọn họ vùi dập đời Kiều xuống đáy sâu của xã hội:

Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh
Giật mình mình lại thương mình xót xa.

Hạnh phúc của Kiều mỏng như tờ giấy, như chiếc lá vàng trong cơn lốc. Cả cuộc đời Kiều có lẽ là tập hợp của bao kiếp người đau khổ mà Nguyễn Du chứng kiến. Nguyễn Du thông cảm và hiểu rõ nỗi đau của những người phụ nữ như Kiều và ông viết với cả tâm huyết của mình:

Đau đớn thay phận đàn bà

Mỗi lần Kiều bị đánh đập, trái tim Tố Như lại rỏ máu thành thơ:

Thịt da ai cũng là người,
Lòng nào hồng rụng thắm rời chẳng đau.

Vì sao nhà thơ có một tấm lòng nhân hậu sâu xa như thế để đau đớn lòng trước một cuộc bể dâu khốc hại? Đó chính là sự gần gũi của nhà thơ với nhân dân, với nỗi cơ cực lầm than của họ. Nhà Lê mục

nát, sụp đổ, Nguyễn Du luân lạc mười năm trời, bệnh tật, đói khát như những người cùng khốn. Chính vì thế, ông thông cảm với nỗi đau của con người, nhất là thân phận phụ nữ, những thân phận bị xã hội vùi dập. Nguyễn Du đã nhận ra mặt trái thối nát của thế lực cầm quyền. Ông chứng kiến tận mắt bức tranh đen xám tàn khốc của triều đình và cả xã hội phong kiến. Cho nên, tất cả những điều ấy chứng minh cho ta thấy hiện thực và tấm lòng của nhà thơ qua hai câu thơ:

Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.

Nguyễn Du đã có con mắt và trái tim rất tiến bộ lúc bấy giờ. Ông đã nhìn nhận được mâu thuẫn xã hội, nhìn nhận thấy sự đen tối đằng sau vỏ bọc nhung lụa của giai cấp mình mới có thể thốt lên những lời đau xót đến như thế.

Ngày nay, xã hội đã thay đổi nhưng thái độ tình cảm Nguyễn Du vẫn đáng trân trọng, phát huy. Vì có đau đớn lòng bởi những điều trông thấy thì mới xây dựng xã hội công bằng tiến bộ hơn.

Người xưa nhận xét không sai, Nguyễn Du viết *Truyện Kiều* mà như máu chảy ra đầu ngọn bút, nước mắt thấm cả trang giấy ... và giờ đây vẫn còn thấm cả trong lòng người đọc. Ông thật xứng đáng với danh hiệu đại thi hào của Việt Nam.

Đề: Hãy làm rõ cái hay về đoạn thơ trích sau đây trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du:

Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ dầu dầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

Bài làm

Nước Việt Nam, từ thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX, các chính quyền phong kiến suy đồi trầm trọng nhưng văn chương chữ Nôm lại phát triển rực rỡ bởi sự xuất hiện của những tác giả, dịch giả của những truyện thơ bằng chữ Nôm. Bà Đoàn Thị Điểm dịch *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn. Nguyễn Gia Thiều cho ra đời *Cung oán ngâm*

khúc. Ở tận đất Đồng Nai – Bến Nghé, dân chúng say mê đọc *Truyện Lục Vân Tiên*. Trong số những nhà thơ, những tác phẩm ấy, nổi bật lên một Nguyễn Du với *Truyện Kiều*. Từ một tiểu thuyết có nội dung và nghệ thuật đơn giản của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Hoa), với sự uyên bác về tam giáo, với tài làm thơ... cụ đưa truyện vào hàng các danh phẩm nghệ thuật. Xin đọc một đoạn thơ diễn tả tâm trạng buồn đau da diết, nỗi lo sợ bão bùng của cô gái chưa một lần sống xa nhà mà cụ đã viết và hãy phân tích để thấy rõ tài hoa của cụ Tiên Điền:

Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ dầu dầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

Không có chữ “Buồn trông” thì hai câu thơ vẫn mang giọng điệu buồn, nhớ của Kiều. “Cửa bể chiều hôm”, một hình ảnh mà người yêu thơ, yêu hội họa cần tưởng tượng nhiều mới thấy hết cái nên thơ, huyền ảo của nó. Dĩ nhiên người đọc sẽ tự hỏi: “Ai buồn, ai trông?”. Và lúc ấy, người đọc hiểu ngay trong cái đẹp, cái nên thơ huyền ảo kia bàng bạc những buồn! Sau giây phút đớn đau khôn lường của đời con gái, sau lần tự tử hụt, Kiều đang ngồi nơi đây, một mình. Nàng làm bạn với ai? Tất cả những kẻ kia chỉ là bọn giả nhân giả nghĩa. Chỉ còn có thiên nhiên. Nàng chợt nhận ra ở ngoài khơi “thuyền ai thấp thoáng”. Cái hình ảnh di động đưa người đi như đồng cảm với tâm trạng của Kiều. Hình ảnh lúc ẩn lúc hiện của cánh buồm kia đã chập chờn lại cô đơn, cô đơn như Kiều đang vò võ ở lầu Ngưng Bích. Nhưng thuyền sẽ về với bến, còn Kiều thì biết về nơi đâu?!

Hai câu thơ mang hình ảnh biển chiều đẹp, thanh vắng nhưng lại đượm buồn bởi tâm trạng của con người. Nỗi buồn của Kiều không dừng lại ở đó, nó như con nước xoáy quyện sâu vào tâm tư của nàng. Tố Như viết tiếp:

Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?

Nhà thơ đã mượn hình ảnh bên ngoài để diễn đạt nội tâm của Kiều. Nhìn thấy “hoa trôi”, Kiều lo buồn cho tương lai, thân phận đen tối của nàng.

Thần tình làm sao ở cách chọn từ cho hợp vần, trọn nghĩa! Thoáng hình ảnh "xa xa" thì đã thấy "ngọn nước mới sa", một hình ảnh gần. Một hình ảnh tình cờ có tính bao quát như báo hiệu cho người đọc chú ý đến một chi tiết, một hình ảnh khác trong hình ảnh "ngọn nước mới sa" ấy. Và điều ấy đã đến. Hình như hoa cũng biết "man mác" cho thân phận của mình. Nhìn hoa bị sóng dập, cát vùi Kiều không thể không liên tưởng đến hoàn cảnh hiện tại và tương lai của nàng. Mới hôm nào đó, Kiều sống trong cảnh:

Êm đềm trướng rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai.

thì bây giờ phải sống một mình cô đơn cùng với nỗi đau bị Mã Giám Sinh, Tú Bà lừa, hành hạ. Về đâu, tương lai của Kiều?!

Chỉ một hình ảnh "hoa trôi" trong nước, cụ Tố Như đã tiên đoán số phận bọt bèo của nhân vật. Nhớ gia đình, người yêu, nghĩ đến thân phận đen tối của mình từ những hình ảnh trên biển. Kiều lo sợ, muốn tránh những hình ảnh gợi buồn kia. Nhưng...

Buồn trông nội cỏ dầu dầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.

Kiều ở lầu Ngưng Bích trong buổi quá nửa chiều qua ngòi bút miêu tả của nhà thơ ở bốn câu trên đã buồn, thêm vào hai câu này lại càng buồn, càng quạnh quẽ hơn. Kiều trông xa rồi lại trông gần. Trông vời cửa bể, trông ngọn nước liếm bờ, nay Kiều lại trông vào "nội cỏ" vọng nhớ quê nhà vời vợi nghìn trùng. Nếu chỉ là "nội cỏ" thì chưa có gì đáng nói nhưng khi có thêm định tố "dầu dầu" thì hình ảnh "nội cỏ" trở nên nặng nề, héo úa. Cỏ mà "dầu dầu"? Đúng là nghệ thuật nhân hóa tài tình của Nguyễn Du. Chừng như cỏ cây sắp úa tàn vì nắng hạn kia đang mỏi mòn trông đợi từng giọt mưa long lanh. Cây cỏ chỉ có môi trường sống ấy đang khắc khoải cũng như Kiều đang bị tách rời khỏi quê nhà yêu dấu, sống vò võ một mình cùng với quá khứ hãi hùng. Nhà thơ đã gắn thiên nhiên với một tâm trạng. Không chỉ là sự "héo úa" của thiên nhiên mà đích thực là tâm trạng của nhân vật. "Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ", một trong những đặc điểm tả cảnh của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*.

Câu 8 "*Chân mây mặt đất một màu xanh xanh*" có âm hưởng nhè nhẹ với thanh bằng – ngang chiếm ưu thế nhưng không để diễn tả một tâm trạng đã qua rồi âu lo mà còn làm tăng thêm bởi hai từ "một màu". Tất cả như mở ra một không gian bao la hiu quạnh và không một đổi thay, chẳng thấy bóng người. Một màu "xanh xanh" kia chừng

như là hoàng hôn lạnh vắng, hoàng hôn phủ kín đường về, một hoàng hôn đời Kiều không lối thoát. Hoàng hôn trong thơ của Bà Huyện Thanh Quan cũng man mác buồn, nhưng dù sao vẫn còn:

Tiếng ốc xa đưa lẫn trống dồn
Gác mái ngư ông về viễn phố...

Nghĩa là vẫn còn bóng người, vẫn còn âm thanh... vẫn còn hướng mở ra, vẫn còn sự sống chứ không chờ chết, bế tắc như hoàng hôn của đời Kiều.

Sống giữa bức tranh thê lương, ảm đạm đó làm sao Kiều không lo sợ? Kịp khi *Buồn trông gió cuốn mặt duềnh - Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi* thì đúng Kiều đang hãi hùng lo sợ cho một hiện tại hàm chứa tương lai đen tối, não nề.

Ai đã từng ở biển chắc sẽ nhận ra sức gió hoàng hôn. "Gió cuốn mặt duềnh" nào ai thấy được nếu không có con sóng bạc đầu vươn dậy từ mặt biển bao la lăn dài vào bờ cát đá? Như thế thì các giác quan của nhà thơ quả là tinh tế thật! Lại càng tinh tế hơn khi liên tưởng đến nàng Kiều. Gió cuốn, sóng gào thét dữ dội đến đâu cũng là hiện tượng tự nhiên vô tri, vô giác. Nhưng khi có sự hiện diện của con người thì gió và sóng như có tâm hồn nghĩa là gió và sóng có ý nghĩa hẳn lên. Kiều đang trong tâm trạng buồn lo. Tâm trạng ấy tăng theo thời gian cũng như gió và sóng. Càng hoàng hôn, gió sóng càng mạnh càng cảm thấy cô đơn, quạnh quẽ, buồn lo. Cả hai nào có kém gì! Mới đây, Kiều đã bị lừa, bị hành hạ... Và ngày mai? Mịt mù sóng đêm! Tiếng sóng ầm ầm tự nhiên đã ập vào lòng Kiều, bao quanh Kiều như chực cuốn Kiều vào vũng xoáy... Tiếng sóng ấy đã đưa Kiều trở về thực tại, một thực tại hãi hùng đến tột đỉnh nàng mới mắc mưu Tú Bà mà đi theo Sở Khanh... bước vào nỗi truân chuyên khác càng thảm khốc và tồi tệ hơn nhiều!

Đoạn thơ như lời dự báo số phận lênh đênh, cực nhục của người con gái tài sắc vẹn toàn. Cả tám câu thơ, từng cặp đều sử dụng điệp từ nhuần nhị. Ngữ điệu buồn ở sáu câu đầu nhưng ở hai câu sau lại vào tiết tấu mạnh thật phù hợp với tâm trạng của con người bị giam lỏng trong hoàng hôn.

Nguyễn Du là nhà thơ tài hoa nhất trong nghệ thuật tả cảnh lồng tình, tình và cảnh trong đoạn thơ trên như chan hòa là một, khiến người đọc càng xót xa cho thân phận của Kiều. Cuộc đời như Kiều thì đời nào cũng có nhưng rõ ràng nguyên nhân mở đầu chuỗi ngày truân chuyên thì đã khác xa. Vấn đề còn lại ấy là những phụ nữ đang chìm trong bóng tối có nghị lực vươn tìm ánh sáng!

Cảm ơn cụ Nguyễn Du đã cho em được thưởng thức những dòng thơ hay. Khi đọc những dòng thơ ấy, chắc ai cũng rung động như nhà thơ Tố Hữu:

Tiếng thơ ai động đất trời
Nghe như non nước vọng lời nghìn thu.

(Bùi Thức Phước)

Đề: Em hãy phân tích đoạn trích *Chị em Thúy Kiều* để thấy *vẻ đẹp, tài năng và đức hạnh* của Thúy Vân, Thúy Kiều cũng như *tấm lòng nhân đạo mênh mông* của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du.

Bài làm

Nguyễn Du là một đại thi hào của dân tộc Việt Nam. Ông đã để lại cho đời kiệt tác *Truyện Kiều. Truyện Kiều* là một bài ca lớn về giá trị nhân bản, một bản cáo trạng nghiêm khắc về cái ác, cái phản nhân bản; một tập đại thành của nghệ thuật văn chương. Chỉ xét riêng về nghệ thuật miêu tả nhân vật, Nguyễn Du đã đạt đến đỉnh cao chói lọi nhất trong lịch sử tiểu thuyết bằng thơ. Trích đoạn *Chị em Thúy Kiều* đã thể hiện được trọn vẹn vẻ đẹp, tài năng và đức hạnh của hai chị em Thúy Kiều, đặc biệt là Thúy Kiều.

Sau khi giới thiệu vẻ đẹp chung về *hình thức lẫn tâm hồn* của hai chị em bằng bốn câu thơ, Nguyễn Du bắt đầu miêu tả *vẻ đẹp riêng của Thúy Vân*:

Vân xem trang trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang.
Hoa cười ngọc thốt đoan trang,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.

Chỉ vài nét chấm phá, bức chân dung của Thúy Vân hiện lên thật nghiêm trang, đứng đắn và phúc hậu. Gương mặt của nàng đầy đặn như mặt trăng tròn. Chân mày của nàng đẹp như mày của con bướm tằm. Đôi mắt của nàng đẹp như mắt của con phượng. Miệng của nàng nở nụ cười tươi như đóa hoa đang khoe sắc, tỏa hương. Tiếng nói của nàng trong như ngọc. Những làn mây trên không trung vẫn không đẹp bằng mái tóc mượt mà của nàng. Tuyết là biểu tượng của màu trắng nhưng phải nhường màu cho làn da mịn màng, trắng trẻo của nàng.

Bằng cách phối hợp các biện pháp nghệ thuật ước lệ, tượng trưng, ẩn dụ, nhân hóa, liệt kê, đối ngữ, thậm xưng và cách dùng các từ láy, từ Hán Việt một cách điêu luyện, Nguyễn Du không những miêu tả

được vẻ đẹp ưa nhìn của Thúy Vân mà còn dự báo được tương lai của nàng. Đặc biệt, các từ "thua", "nhường" cho chúng ta thấy số phận bình an, tốt lành của Thúy Vân trên những chặng đường đời.

Còn đây là bức chân dung của nàng Kiều:

Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn.

Đôi mắt của nàng Kiều được miêu tả bằng *hai hình ảnh ẩn dụ*:

Làn thu thủy, nét xuân sơn.

Cặp mắt của nàng trong trẻo và long lanh như làn nước mùa thu. Còn lông mày lại thanh nhẹ, tươi đẹp như nét núi mùa xuân nghiêng nghiêng, duyên dáng. Đây cũng là vẻ đẹp ước lệ, tượng trưng thường gặp trong thơ văn cổ. Những nghệ thuật nhân hóa, thậm xưng, so sánh, hoán dụ, ẩn dụ, điển cố, liệt kê, đối ngữ, tương hỗ đã tiếp tục đưa sắc đẹp của Thúy Kiều đến tuyệt đỉnh, khiến cho:

Hoa *ghen* thua thắm, liễu *hờn* kém xanh.

"Hoa" và "liễu" là những loài vô tri, vô giác vậy mà cũng phải "ghen" - "hờn", tức giận trước vẻ đẹp "sắc sảo mặn mà", "mười phân vẹn mười" của nàng. Còn đối với con người, nàng Kiều chỉ cần ngoảnh lại một cái thì thành người ta bị xiêu, ngoảnh lại cái nữa thì nước người ta bị đổ. Chao ôi! Thúy Kiều đúng là một tuyệt thế giai nhân!

Nhưng qua nghệ thuật miêu tả vẻ đẹp lộng lẫy, đài các, kiêu sa có sức cuốn hút mãnh liệt của Thúy Kiều, nhất là các từ "ghen", "hờn", Nguyễn Du đã hé mở cho chúng ta thấy những cơn sóng gió, bão tố của cuộc đời như chờ chực để vùi dập thân phận của nàng.

Nếu như ở Thúy Vân, Nguyễn Du chỉ miêu tả sắc đẹp thì ở Thúy Kiều, nhà thơ vừa miêu tả nhan sắc, vừa ca ngợi tài năng:

Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.

Như vậy, về sắc thì đành chỉ có một mình Kiều, về tài thì may ra, họa hoằn lắm mới có người thứ hai. Thứ nhất là trí thông minh sẵn có do tạo hóa ban tặng:

Thông minh vốn sẵn tính trời.

Thứ nhì là tài làm thơ, vẽ, ca hát, đánh đàn, sáng tác nhạc:

Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm
Cung thương lầu bậc ngũ âm,
Nghề riêng ăn đứt Hồ cầm một trương.
Khúc nhà tay lựa nên chương.

Xét riêng về tài đánh đàn thì Thúy Kiều vượt xa những người khác. Những nốt cung, thương, giốc, chủy, vũ trong âm giai của nhạc cổ

Trung Quốc và Việt Nam được nàng phối hợp một cách nhuần nhuyễn, tinh thông, dạt dào cảm xúc. Đặc biệt, một bản nhạc nhan đề là "Bạc mệnh"- đứa con tinh thần của Thúy Kiều – đã tác động vào cõi sâu thẳm trong tâm hồn của con người, khiến ai thưởng thức cũng phải đau khổ, sầu não đến rơi nước mắt, đến buốt nhói con tim. Phải chăng "Một thiên "bạc mệnh" lại càng não nhân" ấy như muốn dự báo những đau khổ, bất hạnh chồng chất bất hạnh trong suốt 15 năm ròng của đời người con gái tài-sắc vẹn toàn?

Nhìn chung, Nguyễn Du có dụng ý rất rõ trong việc nhấn mạnh tài sắc của Thúy Kiều. Nhà thơ đã cực tả Thúy Vân, tưởng như sắc đẹp của Thúy Vân không ai hơn được nữa, để rồi sau đó, Thúy Kiều xuất hiện thì Thúy Vân trở thành một cái phông nền làm tôn sắc đẹp của Thúy Kiều. Sắc của Thúy Kiều là tuyệt đỉnh. Còn tài của nàng cũng là tuyệt đỉnh *(Giáo sư Nguyễn Lộc).*

Có thể nói rằng, lần đầu tiên trong lịch sử văn học nước nhà, hình ảnh người phụ nữ hoàn mỹ về hình thức lẫn tâm hồn được thể hiện dưới ngòi bút của thiên tài Nguyễn Du một cách say sưa, nồng nhiệt, tập trung và trân trọng nhất. Đó còn là cái nhìn của một con người có tấm lòng nhân đạo mênh mông như ngọn nước triều dâng. Nguyễn Du đã mở đường cho tư tưởng của mình đi trước thời đại. Bởi lẽ, trong xã hội phong kiến đầy rẫy những bất công, ngang trái, hà khắc, người phụ nữ luôn bị lép vế, bị ruồng rẫy, chà đạp, xô đẩy đến bước đường cùng.

Một lần nữa, ở bốn câu kết thúc của trích đoạn *Chị em Thúy Kiều*, Nguyễn Du miêu tả cuộc sống phong lưu, êm đềm, khuôn phép, mẫu mực và ngợi ca đức hạnh của cả hai chị em:

Phong lưu rất mực hồng quần,
Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê.
Êm đềm trướng rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai.

Mặc dù đã đến tuổi búi tóc, cài trâm, có thể lấy chồng nhưng Thúy Vân và Thúy Kiều vẫn sống hòa thuận, vui vẻ trong cảnh trướng rủ màn che, không tơ tưởng đến những kẻ đi tìm tình yêu, đi ve vãn con gái như ong bướm tìm hoa. Chính những nét hồn nhiên, trong sáng, thơ ngây đã nuôi dưỡng, bồi đắp cho sự hình thành, phát triển nhân cách và ý thức làm người cao cả của hai chị em sau này, đặc biệt là Thúy Kiều.

Tóm lại, bằng một thế giới ngôn ngữ phong phú, tinh tế, kì diệu; bằng một bút pháp điêu luyện; bằng một thiên tài khám phá tuyệt vời kết hợp với lòng thương yêu con người, nhất là người phụ nữ, Nguyễn

Du đã vẽ lên bức chân dung vừa điển nhã, vừa có sức gợi cảm mãnh liệt của Thúy Vân và Thúy Kiều trong trích đoạn *Chị em Thúy Kiều*. Càng nâng niu, quý trọng *Truyện Kiều*, chúng ta càng cảm phục tài năng và đức độ của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du. Thật đáng tiếc cho những ai đầu đội trời Việt Nam, chân đạp đất Việt Nam mà trở nên xa lạ với *Truyện Kiều*.

Đề: Phân tích đoạn thơ *Mã Giám Sinh mua Kiều* trích *Truyện Kiều* - Nguyễn Du.

Bài làm

Nửa đêm qua huyện Nghi Xuân
Bâng khuâng nhớ Cụ, thương thân nàng Kiều...
(Tố Hữu – *Kính gửi cụ Nguyễn Du*)

"Bâng khuâng" là trạng thái tinh thần của con người tuy đứng trước thực tại nhưng tâm hồn không đặt ở thực tại mà hướng về, thậm chí đắm chìm trong quá khứ, trong tương lai, hay trong mộng tưởng. Vì đắm chìm trong quá khứ nên Tố Hữu cũng như chúng ta không thể nào quên được cụ Nguyễn Du, một đại thi hào đã để lại cho đời kiệt tác *Truyện Kiều* – một bài ca lớn về giá trị nhân bản; một bản cáo trạng nghiêm khắc về cái ác, phản nhân bản; một tập đại thành của nghệ thuật văn chương. Và chúng ta cũng không thể không *"thương thân nàng Kiều"* đang đau đớn, tủi nhục ê chề khi phải bán mình chuộc cha, rơi vào tay một kẻ *"buôn thịt bán người"* trong trích đoạn *Mã Giám Sinh mua Kiều*.

Trích đoạn này gồm 34 câu thơ, từ câu 619 đến câu 652 trong *Truyện Kiều*, thuộc phần *Gia biến và lưu lạc*. Câu chuyện trước đoạn này như sau: Trên đường về của chuyến đi tảo mộ và du xuân, ba chị em Thúy Kiều chợt gặp Kim Trọng – một chàng trai tài đức vẹn toàn, bạn đồng môn của Vương Quan. Trở về nhà, Thúy Kiều tơ tưởng đến bóng hình Kim Trọng mà "Ngổn ngang trăm mối bên lòng". Còn Kim Trọng, sau buổi gặp gỡ đầu tiên ấy, chàng cũng nặng lòng nhớ thương Kiều rồi tìm kiếm, dọn nhà đến kề cận vườn nhà Kiều. Nhờ vậy, đôi trai tài gái sắc có cơ hội làm quen, tìm hiểu và trao lời thề nguyền trọn đời bên nhau. Thế rồi ngay sau đó, Kim Trọng phải cấp tốc trở về Liêu Dương thọ tang chú. Và cũng cùng thời điểm ấy, gia đình Kiều bị thằng bán tơ vu oan, tất cả tài sản bị bọn sai nha vơ vét sạch. Để cứu cha và em thoát khỏi cơn tai biến, Kiều tự nguyện bán mình:

Hạt mưa sá nghĩ phận hèn,
Liều đem tấc cỏ, quyết đền ba xuân.
Sự lòng ngỏ với băng nhân,
Tin sương đồn đại, xa gần xôn xao.

Thúy Kiều buồn bã mang sự tình ngỏ với người mai mối. Lập tức, mụ mối dắt khách phương xa tới:

Gần miền có một mụ nào,
Đưa người viễn khách tìm vào vấn danh.

"Viễn khách" là từ Hán Việt có sắc thái trân trọng tao nhã. Phải chăng, "viễn khách" ấy là con người tử tế, cao thượng, nho nhã đến để xin hỏi cưới Kiều về làm vợ theo đúng tục lệ hôn nhân ngày xưa? Sắm vai là học sinh trường Quốc Tử Giám, trường lớn nhất ở kinh đô thời xưa, người khách phương xa bắt đầu xuất hiện:

Hỏi tên, rằng: "Mã Giám Sinh"
Hỏi quê, rằng: "Huyện Lâm Thanh cũng gần".

Cách ngắt nhịp thơ ở hai câu này rất trúc trắc, khác lạ. Câu lục nhịp: 2-1-3. Câu bát nhịp 2-1-3-2. Cách ngắt nhịp trùng với cách trả lời bất ổn của vị khách. "Mã" thì đúng là họ rồi. Nhưng "Giám Sinh" đâu có phải là tên người? Còn quê quán nghe rất mơ hồ: "Huyện Lâm Thanh cũng gần". Từ "cũng gần" được nhà thơ dùng rất đắt để biểu hiện một lí lịch, gốc gác không minh bạch của nhân vật. Nếu đúng là người tốt thì việc gì lại không dám giới thiệu cụ thể nơi ở của mình? Với cách trả lời cộc cằn ấy chứng tỏ Mã Giám Sinh là người vô văn hóa.

Còn đây là tuổi tác và diện mạo của gã:

Quá niên trạc ngoại tứ tuần
Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao.

"Ngoại tứ tuần" có nghĩa là ngoài bốn mươi tuổi, đã qua rồi thời trai tráng. Từ "quá niên" càng tô đậm hơn điều đó. Thế nhưng hắn vẫn ăn mặc theo kiểu trai lơ "áo quần bảnh bao" và chuẩn bị "mày râu nhẵn nhụi" trông rất bảnh chọe.

Nếu ở câu lục nhà thơ sử dụng toàn từ Hán Việt thì ở câu bát xuất hiện toàn từ thuần Việt để bày tỏ thái độ châm biếm. Riêng hai từ láy "nhẵn nhụi" và "bảnh bao" có sức gợi tả sự dung tục và lố bịch rất cao vì hắn là người bất chính nên đám tôi tớ đi theo hắn cũng toàn là lũ xô bồ, xô bộn:

Trước thầy, sau tớ lao xao.

Có thể khẳng định rằng diện mạo và cách xuất hiện của Mã Giám Sinh hoàn toàn đối lập với Kim Trọng. Kim Trọng xuất hiện với một

phong cách tao nhã, diện mạo khôi ngô tuấn tú, làm cho cả một vùng cũng hóa thành đẹp lây:

Dùng dằng nửa ở nửa về,
Nhạc vàng đâu đã tiếng nghe gần gần.
Trông chừng thấy một văn nhân
Lỏng buông tay khấu, bước lần dặm băng
Đề huề lưng túi gió trăng,
Sau chân theo một vài thằng con con.
Tuyết in sắc ngựa câu giòn
Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời,
Nẻo xa mới tỏ mặt người,
Khách đà xuống ngựa, tới nơi tự tình.
Hài văn lần bước dặm xanh,
Một vùng như thể cây quỳnh cành dao.

Thế nên, một con người bịp bợm như Mã Giám Sinh không thể nào xứng đáng với nàng Kiều tài sắc vẹn toàn. Và đây, chúng ta hãy xem cử chỉ thô lỗ của hắn:

Ghế trên ngồi tót sỗ sàng.

"Ghế trên" bao giờ cũng được đặt ở nơi trang trọng nhất của phòng khách, chỉ những thượng khách mới được mời an tọa, thường là người cao tuổi. Vậy mà một tên trâng tráo như hắn chưa kịp mời đã vội vã leo lên "ngồi tót" trông là biết thất học rồi. Chữ "ngồi tót" được nhà thơ dùng rất điêu luyện và đã giết chết Mã Giám Sinh ngay trong cõi sống. Liền sau đó còn bồi thêm từ "sỗ sàng". Cùng là từ "tót" nhưng khác xa một trời một vực với cách tả Kim Trọng:

Phong tư tài mạo tót vời
Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa.
(*"tót vời"* có nghĩa là hơn hết thảy)

Trong *Truyện Kiều*, nhiều lần Nguyễn Du đã giết chết nhân vật phản diện bằng nghệ thuật dùng từ. Nhà thơ giết chết tên Sở Khanh bằng một từ "lẻn" ở câu 1094:

Tường đông lay động bóng cành,
Rẽ song đã thấy Sở Khanh lẻn vào.

Và đại thi hào cũng đã *giết chết* Hồ Tôn Hiến bằng từ "*mặt sắt*" trong câu 2580:

Nghe càng đắm, ngắm càng say,
Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình!

Nhìn chung, qua dụng công miêu tả của Nguyễn Du, chân tướng con buôn Mã Giám Sinh đã dần dần được phơi bày:

Đắn đo cân sắc cân tài,
Ép cung cầm nguyệt thử bài quạt thơ.

"Đắn đo" là trạng thái suy nghĩ, tính toán đến căng thẳng. Trạng thái này thường gặp ở những kẻ làm nghề buôn bán. Tuy được nghe mụ mối giới thiệu Kiều là người tài sắc vẹn toàn nhưng hắn vẫn chưa chắc chắn lắm. Bởi vậy hắn mới "cân sắc, cân tài" có nghĩa là xem đi, xem lại, kiểm tra một cách tỉ mỉ, cẩn thận như mua một món hàng giữa chợ trời. Thật đúng là một con buôn dồi dào kinh nghiệm, lõi đời. Sau khi thấy dáng dấp của nàng, tài năng của nàng, vẻ nào cũng mặn mà dễ thương, hắn bằng lòng về món hàng và lựa lời trao đổi về giá cả:

Rằng: "Mua ngọc đến Lam Kiều,
Sính nghi xin dạy bao nhiêu cho tường?

Chỉ với một từ "mua", nhà thơ đã bóc trần bản chất đê tiện của gã họ Mã mặc dù hắn vẫn còn cố gắng trau chuốt lời ăn tiếng nói qua các từ: "Lam Kiều", "xin dạy".

Và đây là cuộc "mặc cả" giữa con buôn sành sỏi và mụ mối:

Cò kè bớt một thêm hai,
Giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm.

"Cò kè" là từ luôn luôn được dùng ở bất cứ chợ nào thuộc lĩnh vực buôn bán đồ vật. Từ "cò kè" còn tạo ra một không khí mua bán hết sức thô lỗ, mụ mối càng nói thách để được lời về phần mình thì tên "buôn thịt bán người" Mã Giám Sinh càng trả cho thật rẻ để tích lũy lợi nhuận cho lòng tham không đáy. Vì mãi "cò kè" công cuộc "ngã giá" mất nhiều thời gian nên "giờ lâu" con buôn mới đi đến quyết định mua Kiều hơn bốn trăm lượng vàng. Công cuộc "cò kè" này hoàn toàn có lợi cho mụ mối lẫn con buôn, duy chỉ Thúy Kiều là người thiệt hại. Thật phũ phàng và tàn nhẫn làm sao!

Tóm lại, bằng cách dùng những hình thái ngôn ngữ nghệ thuật trực diện, thiên tài Nguyễn Du vừa vẽ được chân dung ghê tởm và đê tiện của Mã Giám Sinh vừa thể hiện thái độ tố cáo bọn "buôn thịt bán người" nhơ nhớp vừa lên án gay gắt cái xã hội phong kiến bất công phi nghĩa đã xô đẩy người phụ nữ vào bước đường cùng, đã chà đạp lên nhân phẩm, danh dự của phận "liễu yếu đào tơ" một cách không thương tiếc.

Đối lập với màn kịch "vấn danh" và chân tướng Mã Giám Sinh là tâm trạng buồn bã, khổ đau, nhục nhã của Thúy Kiều:

Nỗi mình thêm tức nỗi nhà,
Thềm hoa một bước lệ hoa mấy hàng!
Ngại ngùng dín gió, e sương,
Ngừng hoa bóng thẹn, trông gương mặt dày
Mối càng vén tóc, bắt tay,
Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai.

Giờ đây, Kiều đang đau xót cho mối tình đầu tươi đẹp. Mới hôm nào, nàng và Kim Trọng thề nguyền cùng chung một lòng một dạ, có sự chứng giám của ánh trăng sáng vằng vặc nhưng xa xăm, lạnh lẽo, đơn côi:

Vầng trăng vằng vặc giữa trời,
Đinh ninh hai mặt một lời song song.
Tóc tơ căn vặn tấc lòng,
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương.

Vậy mà nay, đôi ngả nước mây cách vời, chỉ còn là kỉ niệm của một thời yêu nhau tha thiết. Ai? Ai đã gây ra bi kịch đắng cay này? Trong lòng nàng bỗng trào dâng một nỗi niềm oán hận. Lần đầu tiên trong đời nàng biết hận. Nàng hận thằng bán tơ đã vu oan cho gia đình nàng. Nàng hận bọn sai nha đã "sạch sành sanh vét cho đầy túi tham" và ra sức đánh đập, tra tấn cha và em trai nàng.

Cho nên, mỗi bước đi của nàng trên thềm hoa đều nặng nề và đong đầy nước mắt. Phép tăng cấp và đối ngữ tương hỗ trong câu: "Thềm hoa một bước lệ hoa mấy hàng!" đã nhấn mạnh nỗi thống khổ cùng cực của nàng. Và cũng lần đầu tiên trong đời, nhìn bóng mình nàng cảm thấy hổ thẹn, soi vào gương thấy mặt mình như dày ra vì xấu hổ, tủi nhục, vì phải mang thân lá ngọc cành vàng và nhan sắc "một hai nghiêng nước nghiêng thành" để cho một tên buôn người như Mã Giám Sinh đánh giá, bình phẩm. Ôi! Có nỗi ê chề nào hơn thế nữa!

Nàng để mặc mụ mối hướng dẫn, giới thiệu, khoe "hàng" mà cõi lòng tan nát như ai xé ai vò. Nàng buồn như hoa cúc mùa thu, ủ dột, gầy gò như cành mai:

Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai.

Phép so sánh tu từ, phép đối ngữ tương hỗ cùng nghệ thuật ước lệ, tượng trưng đã góp phần điểm tô thêm vẻ đẹp trong đau khổ của Kiều và hoàn toàn đối lập với nhân vật Thúy Kiều trong *KIM VÂN KIỀU TRUYỆN* của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc). Chúng ta hãy đọc lại đoạn truyện này:

"Chả giấu gì Ngài, cô nương đây không may gặp cơn gia biến, cần phải có tiền lo lót để cứu phụ thân, mà số tiền ấy phi 500 lạng thì thực không đủ.

Khách rằng: Sính lễ sao mà nhiều quá như vậy! Tôi đây chỉ có 300 mà thôi.

Kiều rằng: 300 thì thực không đủ, mang tiếng bán mình mà chẳng đủ việc thì bán làm chi.

Khách nói: Nếu vậy thì tôi cũng xin cố gắng thêm một trăm nữa cộng lại là 400.

Kiều nói: Khốn nạn, tôi đã nói thực là việc của tôi, phi 500 lạng không đủ cơ mà.

Khách ngẩn ngừ một lát rồi sau xin chịu đủ số và hỏi: Việc này ai đứng giấy tờ?

Kiều đáp: Lẽ tất nhiên là phụ thân tôi phải đứng chủ trương. Nói xong nàng quay lại bảo mụ mối:

Mụ ơi, vấn đề tiền bạc như thế cũng tạm xong ......"

(Theo *Truyện Kiều đối chiếu* – Phạm Đan Quế thực hiện NXB Hà Nội 1991 - tr. 123 - 124)

Qua trích đoạn văn xuôi trên đây, chúng ta thấy nhân vật Thúy Kiều của Thanh Tâm Tài Nhân trực tiếp tham gia việc "cò kè" giá cả trông rất thô lỗ, và nhân cách của nàng quá tầm thường, thậm chí thấp kém.

Còn nhân vật Thúy Kiều của thiên tài Nguyễn Du chỉ là người câm lặng suốt cuộc mua bán, nhân cách rất cao đẹp.

Nhìn chung, đoạn thơ miêu tả tâm trạng nàng Kiều đã cho chúng ta thấy tấm lòng nhân đạo mênh mông của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du đối với nhân vật Thúy Kiều cũng như những kiếp người đau khổ, bất hạnh. Nhà thơ bao giờ cũng dành cho những nhân vật chính diện một thái độ yêu thương, hết sức cảm thông, rất mực trân trọng, thấu hiểu, chia sẻ. Đặc biệt, càng dấn sâu vào bi kịch, nhan sắc - tài năng - lòng thủy chung - lòng hiếu thảo - đức hi sinh của Thúy Kiều càng đẹp - càng vẹn toàn - càng tuyệt vời – càng sâu sắc - càng cao cả.

Tóm lại, bằng bút pháp thủy mặc, "điểm nhãn", Nguyễn Du đã miêu tả thành công bức chân dung sống động, điển hình của nhân vật Mã Giám Sinh không còn ở trang thơ của đại thi hào mà đang hiện diện ở một nơi nhất định của cuộc đời thực. Bằng bút pháp đậm nét, nhân vật Thúy Kiều hiện lên với biết bao khổ nhục, đắng cay đồng

thời Thúy Kiều cũng là điển hình của nhân vật người phụ nữ đẹp trong đau khổ. Cùng với thiên tài ngôn ngữ và thiên tài khám phá, phân tích, miêu tả tâm lí con người trong mối quan hệ giữa tâm lí và hoàn cảnh sống của con người, qua trích đoạn *Mã Giám Sinh mua Kiều*, chúng ta thấy rằng Nguyễn Du đã đạt đến đỉnh cao chói lọi nhất của nghệ thuật tả người trong lịch sử tiểu thuyết bằng thơ.

Đề: Phân tích nhân vật Thúy Kiều trong *Truyện Kiều* của thiên tài văn học Nguyễn Du.

Bài làm

Thúy Kiều sinh ra là để yêu thương, để sống trong sự hài hòa nhưng chỉ gặp toàn những hắt hủi, chà đạp, những sự thô bạo hiểm độc. Kiều mới bước vào đời đã hiện ra trước mắt bóng ma oan khốc của Đạm Tiên. Rồi xảy ra bao nhiêu sự việc: cảnh sai nha lộng hành, đánh đập cha, em, rồi Mã Giám Sinh nghênh ngang đến mua Kiều như người ta mua một món hàng, rồi cái đêm tân hôn nhầy nhụa, rồi Tú Bà, rồi Sở Khanh, rồi trận đòn ở phủ đường, rồi cái địa ngục trần gian ở nhà mẹ con Hoạn Thư, rồi Bạc Bà, Bạc Hạnh và để kết thúc, là Hồ Tôn Hiến:

Sông Tiền Đường đó, ấy mồ hồng nhan.

Sư Tam Hợp đã gọi Kiều là *"Ở không yên ổn, ngồi không vững vàng"*. Thật là đúng theo nghĩa bóng lẫn nghĩa đen, theo nghĩa tâm hồn lẫn cả tư thế hành động.

Trước mắt là một Thúy Kiều nhiều màu nhiều vẻ và xiết bao sinh động. Ta bắt gặp Kiều trong những tư thế và tâm trạng khác nhau nhất. Trong buổi chơi xuân, vừa mới thở than đầm đìa nước mắt trên một nấm mộ ven đường, Kiều đã say đắm khi gặp Kim Trọng, tối về một mình lặng ngắm bóng trăng mà suy nghĩ về cuộc sống, về con người. Trong những lúc tự tình với Kim Trọng, Thúy Kiều vừa tràn ngập yêu thương, vừa ngại ngùng e ấp, tận hưởng hạnh phúc trước mắt mà lo sợ cho tương lai, với người yêu thì hết lòng chiều chuộng nhưng khi cần thì cũng cương quyết giữ mình. Gặp cảnh gia biến, Kiều hi sinh không chút do dự, khuyên giải cha già, gánh vác, lo tính mọi việc, xót xa cho thân phận mình, căm tức ghê tởm Mã Giám Sinh, hối tiếc cho Kim Trọng và nhìn thẳng vào cái chết... Khi cha, em bị nạn, cái xã hội bạc ác đã buộc Kiều phải đưa lên cán cân những cái không thể nào cân được:

Bên tình, bên hiếu bên nào nặng hơn.

Nhưng đối với Kiều, không thể có nặng, nhẹ, trước, sau. Kiều đã làm tất cả cho tình yêu, thì Kiều cũng sẽ làm tất cả cho cha mẹ khi lâm nạn.

- Ngay từ khi mới vào truyện, giữa ánh chiều sắp tắt, *Chị em thơ thẩn dan tay ra về,* ta đã cảm thấy cái thơ thẩn này không phải là của một kẻ thờ ơ vô sự, mà là sự sống đang ấp ủ, sẵn sàng bùng ra bất cứ lúc nào. Và nó đã bùng ra vì một nấm mộ bên đàng, trong một thoáng sơ ngộ hay khi gặp cơn gia biến. Nước mắt Kiều không phải để khóc người đời xưa, mà là nhỏ trên kiếp sống của những người bị hắt hủi trong xã hội cũ. Kiều khóc thương bên mộ Đạm Tiên cũng chính là Kiều thoáng gặp Kim Trọng mà "tình trong như đã ...". Kiều thiết tha được sống, được hưởng hạnh phúc, đến với Kim Trọng mà không hề mặc cả, cũng là Kiều không chút do dự hi sinh cuộc đời êm ấm, hi sinh tình yêu, sẵn sàng đón lấy cái chết để cho gia đình được sống. Kiều thiết tha với hạnh phúc của bản thân, không kém thiết tha hơn với hạnh phúc của người khác. Kiều đã hi sinh tình yêu để cứu cha, cứu em. Trong quan hệ với Thúc Sinh, Kiều không muốn Hoạn Thư vì mình mà chịu thiệt:

Bấy lâu khăng khít dải đồng
Thêm người, người cũng chia lòng riêng tây
Vẻ chi chút phận bèo mây
Làm cho bể ái khi đầy khi vơi.

Sau này Hoạn Thư sẽ được Kiều tha bổng.

Đến với Kim Trọng, lời đầu tiên của Kiều là:

Nàng rằng: Gió bắt mưa cầm
Đã cam tệ với tri âm bấy chầy
Vắng nhà được buổi hôm nay
Lấy lòng gọi chút sang đây tạ lòng.

Khi phải bán mình chuộc cha, nỗi đau đớn day dứt nhất của Kiều không phải là vì số phận riêng mà là vì nghĩ đến Kim Trọng:

Công trình kể biết mấy mươi
Vì ta khăng khít cho người dở dang
Thề hoa chưa ráo chén vàng
Lỗi thề thôi đã phụ phàng với hoa
Trời Liêu non nước bao xa
Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà tự tôi.

Sau này, trong cuộc tái hợp, tất cả những lí lẽ của Kiều để thoái thác trước Kim Trọng, đều quy tụ vào việc Kiều tự cho là mình không còn xứng đáng với người yêu nữa. Kiều không phải là người sinh ra chỉ biết có yêu, nhưng cũng không ai hơn Kiều để đáp lại mối tình của Kim Trọng. Kim Trọng thuê nhà ở bên cạnh nhà Kiều hơn một tuần trăng mới có dịp cất tiếng ướm tình, mới nghe lọt tiếng Kiều bên kia:

"Thoa này bắt được hư không
Biết đâu Hợp Phố mà mong châu về"
Tiếng Kiều nghe lọt bên kia:
"Ơn lòng quân tử sá gì của rơi".

Lời nói của Kim Trọng buông vào hư không nhờ có lời đáp của Kiều mà trở thành giai điệu. Mấy trăm năm sau người ta tưởng còn thấy Kiều "xăm xăm băng lối vườn khuya một mình" đến với Kim Trọng. Bây giờ còn có người chưa hết ngạc nhiên về sự táo bạo của nàng. Nhưng một lời Kiều đủ giải thích tất cả:

Nàng rằng: "Quãng vắng đêm trường
Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa
Bây giờ rõ mặt đôi ta
Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao".

Họ lấy sức mạnh của tình yêu để chống với sự ghẻ lạnh thù địch ở đời, họ muốn che chở cho nhau chống lại cái mênh mông vô định của trời đất. Cuộc chiến đấu thật là chênh lệch – tấm gương Đạm Tiên còn đó – nhưng cũng rõ ràng là không có gì có thể chia đứt họ ra khỏi nhau, họ vĩnh viễn là của nhau:

Vừng trăng vằng vặc giữa trời
Đinh ninh hai miệng một lời song song
Tóc tơ căn vặn tấc lòng
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương.

Tình cảm của Kiều luôn luôn thức tỉnh, bao giờ cũng nồng nàn, trung hậu, không chỉ trong tình yêu, không chỉ đối với Kim Trọng, mà đối với mọi việc, mọi người, trong mọi hoàn cảnh. Sự thiết tha gắn bó ấy Kiều đã gửi vào tiếng đàn, nó không chỉ mang cái buồn bạc mệnh, mà mang đủ cung bậc tình cảm, hình như Kiều đã gởi vào đấy tất cả sức sống của mình.

Không biết Nguyễn Du khi trao cho Kiều tài thơ, tài đàn, ngoài cái yêu cầu cho đủ lệ bộ cầm, thi đối với khách tài hoa, có nghĩ rằng Kiều sẽ là nghệ sĩ của đời sống không? Nếu Kim Trọng là khách tài hoa trong tình yêu, Từ Hải là khách tài hoa về khí phách anh hùng, thì Kiều cũng tỏ ra xứng đáng với họ ở chỗ đã đặt tất cả tâm hồn vào mọi việc, muốn đi đến tận cùng của sự việc. Kiều ở không yên ổn và cũng không chịu để ai yên ổn. Vương Quan chỉ thuộc làu tiểu sử của Đạm Tiên, Thúy Vân cười chị "khéo dư nước mắt khóc người đời xưa", còn Kiều, Kiều coi chuyện Đạm Tiên như là chuyện chung của cuộc đời, như là chuyện vận mệnh của chính mình. Đối với cha, em bị nạn, Kiều cũng

đã có hành động quyết liệt nhất, cũng quyết liệt như khi Kiều đến với Kim Trọng. Kiều:

Cậy em em có chịu lời
Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.

Làm sao có thể từ chối với Kiều được? Đối với Mã Giám Sinh là một tên vô lại cậy có tiền của đã làm ô nhục người Kiều, Kiều đã gọi nó là "giống hôi tanh", trút tất cả cái căm giận ghê tởm vào lời nói đó. Đến nhà Tú Bà, khi đã biết rơi vào cạm bẫy, Kiều không chút do dự kết liễu đời mình. Gặp Sở Khanh tỏ ý muốn cứu vớt mình, Kiều hàm ơn, không hề mặc cả, và khi Sở Khanh trở mặt, Kiều quật lại cũng ra trò. Kiều đã không chút do dự nhận lấy roi vọt trước phủ đường – kiện tụng đôi co lôi thôi là việc của cha con chàng Thúc. Kiều rơi vào lầu xanh, sống với Thúc Sinh, với Hoạn Thư nhẫn nhục hết đường, việc báo ơn báo oán như có cái gì quá đột ngột đối với tính cách Kiều, nhưng ngẫm cho kĩ, hành động quyết liệt ấy cũng là điều dễ hiểu đối với một con người như Kiều.

Đề:

- Ngày xuân con én đưa thoi,
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.
Cỏ non xanh rợn chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.
- Dưới trăng quyên đã gọi hè
Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông.

(Trích *Truyện Kiều* của Nguyễn Du; Đào Duy Anh hiệu khảo và chú giải, NXB Văn học, 1984).

Em hãy nêu nét đặc sắc nghệ thuật trong việc miêu tả thiên nhiên của Nguyễn Du ở những câu thơ trên.

(Đề thi học sinh giỏi quốc gia)

Bài làm

Nguyễn Du được mệnh danh là đại thi hào của Việt Nam. Nhắc đến ông chúng ta nhắc đến kiệt tác *Truyện Kiều* mà một trong những nét độc đáo, hấp dẫn của tác phẩm này là những đoạn miêu tả thiên nhiên rất hay và tài tình:

Ngày xuân con én đưa thoi
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi
Cỏ non xanh rợn chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

Trong đoạn thơ có một bức tranh thiên nhiên mùa xuân sáng tươi và rất thơ mộng. Nguyễn Du đã sử dụng rất thành công biện pháp tu từ nhân hóa làm cho cảnh vật trở nên có hồn thơ. Mùa xuân được mở đầu bằng cánh én chao lượn trên không gian. Điểm nhìn của nhà thơ từ thấp nhìn lên cao nên có cảm tưởng như cánh én đang đưa thoi một cách nhịp nhàng, đều đặn. Nhưng có lẽ đặc sắc hơn cả là cách miêu tả cỏ xuân của Nguyễn Du:

Cỏ non xanh rợn chân trời.

Trong thơ ca Việt Nam có rất nhiều câu thơ tả cỏ rất đặc sắc:

Cỏ xanh như khói bến xuân tươi.

(*Bến đò xuân đầu trại* – Nguyễn Trãi)

hay:

Ngoài đường đê cỏ non tràn biếc cỏ.

(*Chiều xuân* - Anh Thơ)

Cỏ trong câu thơ của Nguyễn Du mang một vẻ đẹp rất riêng, rất tạo hình. "Xanh rợn" là ẩn dụ chuyển đổi cảm giác gợi ra trước mắt người đọc một màu xanh bao la trải dài mãi trong không gian. Nhà thơ đã lấy cái hữu hạn để làm nổi bật cái vô hạn.

Trong màu "xanh rợn" ấy ta cảm thấy có một vị ngọt của mưa xuân, mặc dù trong câu thơ Nguyễn Du không hề nhắc đến, đó là cái tài của nhà thơ. Trong bức tranh thiên nhiên mùa xuân ta còn bắt gặp hình ảnh của những cành lê:

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

Mùa xuân đã tạo nên màu trắng kì diệu của những bông hoa. Trước mắt chúng ta có những đốm trắng lấm tấm, lưa thưa, có cảm tưởng như có ai vô tình để quên những bông hoa ấy trên cánh lê. Bên cạnh những bức tranh thiên nhiên mùa xuân, trong *Truyện Kiều* còn bắt gặp bức tranh thiên nhiên mùa hạ:

Dưới trăng quyên đã gọi hè
Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông.

Thiên nhiên được cảm nhận trong khoảnh khắc đặc biệt của đêm trăng. Chim quyên được nhân hóa như một vị sứ giả cất tiếng gọi hè. Tiếng chim ấy vang lên trong đêm trăng có cái gì rạo rực, say mê. Mùa hè đến từ từ, chậm chạp làm không gian cũng có một sự thay đổi. Nguyễn Du miêu tả mùa hè bằng những tín hiệu đặc sắc và quen thuộc của nó. Bên cạnh những tiếng chim tu hú, ta còn bắt gặp hình ảnh của những bông lựu đỏ:

Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông.

Bốn âm *l* đặt cạnh nhau làm cho câu thơ có âm điệu nhịp nhàng. Những bông lựu đỏ dưới ánh sáng của trăng trở nên lấp lánh được so sánh như những đốm lửa hồng sáng tươi. Những đốm lửa cứ lập lòe trên cành cây, cảnh rất ảo, rất gợi cảm. Mùa hè đã đến, đã thắp lên trên không gian những đốm lửa nhỏ in bóng trên tường. Ngôn ngữ gợi nhiều hơn tả của Nguyễn Du đã để lại cho người đọc ấn tượng sâu sắc.

Đề: **Sau khi bày mưu tính kế hiểm độc, lừa mị Kiều, dụ dỗ Từ Hải ra hàng rồi phục binh giết chết, Hồ Tôn Hiến đã giở trò sàm sỡ với Kiều đang tan nát cõi lòng. Tỉnh ra, Hồ Tôn Hiến liền ép gả Kiều cho một tên thổ quan. Thúy Kiều tiếp tục rơi vào bi kịch hết sức xót xa, tủi nhục:**

Nàng càng ủ liễu, phai đào,
Trăm phần nào có phần nào phần tươi?
Đành thân cát dập, sóng vùi,
Cướp công cha mẹ, thiệt đời thông minh!
Chân trời mặt biển lênh đênh,
Nắm xương biết gửi tử sinh chốn nào!
Duyên đâu, ai dứt tơ đào,
Nợ đâu, ai đã dắt vào tận tay?
Thân sao, thân đến thế này?
Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi!
Đã không biết sống là vui
Tấm thân nào biết thiệt thòi là thương!
Một mình cay đắng trăm đường,
Thôi thì nát ngọc tan vàng thì thôi!
Mảnh trăng đã gác non đoài,
Một mình luống những đứng ngồi chưa xong!

Em hãy phân tích đoạn thơ trên.

Bài làm

Nửa đêm qua huyện Nghi Xuân
Bâng khuâng nhớ Cụ, thương thân nàng Kiều.
(Tố Hữu – *Kính gửi cụ Nguyễn Du*)

"*Bâng khuâng*" là "trạng thái tinh thần của con người tuy đứng trước thực tại nhưng tâm hồn không đặt ở thực tại mà hướng về, thậm chí đắm chìm trong quá khứ, trong tương lai hay trong mộng tưởng". Vì đắm chìm trong quá khứ nên nhà thơ Tố Hữu cũng như chúng ta không

thể nào quên được cụ Nguyễn Du, một đại thi hào đã để lại cho đời kiệt tác *Truyện Kiều – một bài ca lớn về giá trị nhân bản, một bản cáo trạng nghiêm khắc về cái ác, phản nhân bản; một tập đại thành của nghệ thuật văn chương*. Và chúng ta cũng không thể không "*thương thân nàng Kiều*" đang rơi vào bi kịch hết sức xót xa, tủi hổ sau khi bị mắc lừa Hồ Tôn Hiến, bị làm nhục:

Nàng càng ủ liễu, phai đào,
Trăm phần nào có phần nào phần tươi?
Đành thân cát dập, sóng vùi,
Cướp công cha mẹ, thiệt đời thông minh!
Chân trời mặt biển lênh đênh,
Nắm xương biết gửi tử sinh chốn nào!
Duyên đâu, ai dứt tơ đào,
Nợ đâu, ai đã dắt vào tận tay?
Thân sao, thân đến thế này?
Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi!
Đã không biết sống là vui
Tấm thân nào biết thiệt thòi là thương!
Một mình cay đắng trăm đường,
Thôi thì nát ngọc tan vàng thì thôi!
Mảnh trăng đã gác non đoài,
Một mình luống những đứng ngồi chưa xong!

Đoạn trích thơ trên đây nằm từ câu 2603 đến câu 2618 trong *Truyện Kiều*, thuộc phần *Gia biến và lưu lạc*. Câu chuyện trước đoạn này như sau: trong những tháng ngày ở lầu xanh Châu Thai của Bạc Bà, bạn đồng môn với Tú Bà, Thúy Kiều may mắn gặp được Từ Hải, một bậc anh hùng cái thế, tài trí phi thường. Say đắm nhan sắc và mến mộ tài năng, đức hạnh của Thúy Kiều, Từ Hải chuộc nàng ra khỏi lầu xanh và cưới nàng về làm vợ chính thức. Từ Hải đã giúp Kiều báo ân, báo oán "có nghĩa có nhân" "trước sau trọn vẹn xa gần ngợi khen". Đến khi lập nên sự nghiệp vĩ đại: *Triều đình riêng một góc trời - Gồm hai văn võ rạch đôi sơn hà* và vững chắc "Năm năm hùng cứ một phương hải tần" thì Từ Hải nghe lời khuyên của Thúy Kiều đã trúng kế "Chiêu an dụ hàng" hiểm độc của tên Tổng đốc trọng thần Hồ Tôn Hiến, bị hắn đánh úp khiến cho "Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn", Từ Hải "chết đứng" giữa trận tiền một cách oan khốc. Lừa được Thúy Kiều, giết chết Từ Hải, Hồ Tôn Hiến bắt Thúy Kiều "thị yến dưới màn"

và đánh đàn "mua vui" trong tiệc mừng công của hắn để hắn giở trò sàm sỡ với nàng, tỉnh ra Hồ Tôn Hiến giật mình vì:

Nghĩ mình phương diện quốc gia
Qua trên ngó xuống, người ta trông vào.

Hắn ép gả nàng cho tên thổ quan để giữ thể diện. Trích đoạn mở đầu bằng lời thơ rất bi thương:

Nàng càng ủ liễu phai đào,
Trăm phần nào có phần nào phần tươi?
Đành thân cát dập, sóng vùi
Cướp công cha mẹ, thiệt đời thông minh!

Câu thơ sử dụng hình ảnh ước lệ: "ủ liễu phai đào". Liễu thường nở vào mùa thu, tượng trưng cho nỗi buồn bã, u hoài. Đào nở vào mùa xuân, mùa xuân biểu hiện niềm vui tươi, hạnh phúc. Nhưng "phai đào" tượng trưng cho sự tàn tạ, héo úa. Hình ảnh "ủ liễu phai đào" cùng với câu hỏi tu từ: *Trăm phần nào có phần nào phần tươi?* diễn tả vẻ buồn ủ rũ, sắc mặt thất thần, xanh xao của nàng Kiều. Nàng cam chịu và tự trách bản thân mình:

Đành thân cát dập, sóng vùi
Cướp công cha mẹ, thiệt đời thông minh!

Tấm thân ngà ngọc của nàng suốt 15 năm ròng đã chịu cảnh "cát dập, sóng vùi", nàng đành cam chịu, nhưng điều mà nàng hối tiếc là chưa trả được ơn sinh thành, dưỡng dục của mẹ cha. Nàng trách mình "cướp công cha mẹ". Nàng tự cho mình là kẻ bất hiếu. Ở phương xa đó, bây giờ ai thay nàng ở nhà "quạt nồng ấp lạnh", phụng dưỡng cho cha mẹ? Vương Quan và Thúy Vân còn thơ ngây quá, nàng lại là chị cả. Thật cao đẹp làm sao tấm lòng hiếu hạnh của nàng! Dù đang sống trong đau khổ, ê chề nhưng nàng vẫn không quên "chín chữ cao sâu" của đạo làm con. Nàng trách mình hay trách xã hội phong kiến đã xô đẩy, vùi dập đời nàng? Giữa bốn bề lênh đênh sóng nước, nàng nảy sinh ý định tự kết liễu cuộc đời mình:

Chân trời mặt biển lênh đênh
Nắm xương biết gửi tử sinh chốn nào?

Trước khi thực hiện ý định đó, nàng trách kẻ đã chia rẽ nhân duyên của mình:

Duyên đâu, ai dứt tơ đào,
Nợ đâu, ai đã dắt vào tận tay?

"Tơ đào" đồng nghĩa với "tơ hồng" là một điển tích chỉ việc se duyên vợ chồng, việc nhân duyên cho trời định. Theo tập *U Quái Lục*,

Vi Cố nhân một đêm trăng đi dạo chơi có gặp một ông lão ngồi tựa lưng vào một cái túi lớn, trong túi đựng đầy những sợi dây đỏ, hướng về phía mặt trăng mà kiểm sách. Vi Cố hỏi, ông lão trả lời đấy là văn thư kết hôn của thiên hạ. Còn những sợi dây đỏ thì dùng để buộc chân những đôi trai gái sẽ thành vợ thành chồng. Dù cho hai bên có thù oán nhau, ở xa nhau, không cùng quê quán, nhưng khi dây chỉ đỏ đã buộc chân họ lại rồi, tất sẽ ăn ở hòa hợp với nhau.

Nhưng trường hợp của Thúy Kiều thì ngược lại, dây chỉ đỏ không phải ông lão buộc mà do Hồ Tôn Hiến "ép tình mới gán cho người thổ quan". Cùng với điển tích "tơ đào", Nguyễn Du còn sử dụng phép đối ở câu trên: "Duyên đâu ai dứt tơ đào" với câu dưới "Nợ đâu ai đã dắt vào tận tay" để bày tỏ thái độ bất bình của Thúy Kiều đối với Hồ Tôn Hiến, người đã chia rẽ hạnh phúc của nàng với Từ Hải; sỉ nhục nàng và "ép tình" nàng một cách vô lí.

Giờ đây, Thúy Kiều phải sống trong cảnh đời thừa:

Thân sao, thân đến thế này?
Còn ngày nào cũng dư ngày ấy thôi!
Đã không biết sống là vui
Tấm thân nào biết thiệt thòi là thương!

Phép điệp từ "thân", câu hỏi tu từ và hai câu cảm thán đã nhấn mạnh nỗi tuyệt vọng, bế tắc của đời Kiều đồng thời thể hiện nỗi niềm xót thương vô hạn của đại thi hào đối với số kiếp "hồng nhan bạc mệnh" cũng như thái độ oán trách xã hội phong kiến đầy rẫy những bất công, ngang trái đã chà đạp nhân phẩm, danh dự và cướp đoạt quyền sống của Thúy Kiều. Vì chết ngay trong cõi sống nên Thúy Kiều muốn liều mình:

Một mình cay đắng trăm đường,
Thôi thì nát ngọc tan vàng thì thôi!

Nguyễn Du đã đưa lời ăn tiếng nói hằng ngày của quần chúng nhân dân vào câu thơ "Thôi thì nát ngọc tan vàng thì thôi!". Đó là cách nói phủ định để khẳng định: "thôi thì thôi" nhưng vẫn cứ là oán trách!

Bây giờ, mảnh trăng đã gác lên đỉnh núi phía Tây, gợi cho con người cảm giác lãng mạn, thơ mộng và những liên tưởng xa xăm: *Mảnh trăng đã gác non đoài* nhưng Thúy Kiều thực sự rơi vào bi kịch không lối thoát "*Một mình luống những đứng ngồi chưa xong*". Do đó, nàng đi đến quyết định chính thức là nhảy xuống sông Tiền Đường.

Tóm lại, bằng các thủ pháp nghệ thuật xuyên suốt cả trích đoạn như: ước lệ, tượng trưng, câu hỏi tu từ, câu cảm thán, điển cố – điển

tích, đối ngữ, ngôn ngữ dân gian, ngôn ngữ độc thoại nội tâm sắc sảo, đại thi hào dân tộc Nguyễn Du đã bày tỏ lòng xót thương vô hạn của mình đối với bi kịch cay đắng, nghẹn ngào, bế tắc của cuộc đời Kiều. Càng thương yêu nàng Kiều, càng trân trọng Nguyễn Du, chúng ta càng đồng cảm với nhà thơ Tố Hữu:

Tiếng thơ ai động đất trời,
Nghe như non nước vọng lời ngàn thu.
Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du,
Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày.

Đề: *"Có thể nói thiên nhiên trong "Truyện Kiều" cũng là một nhân vật, một nhân vật thường lặng lẽ, kín đáo nhưng không mấy khi không xuất hiện và luôn thấm đượm tình người"* (Đặng Thanh Lê). Em hãy giải thích ý kiến trên và chọn một số câu thơ, đoạn thơ tiêu biểu trong *Truyện Kiều* để minh họa cho ý kiến đó.

Bài làm

Đến với *Truyện Kiều*, đến với kiệt tác của thiên tài Nguyễn Du ấy, chúng ta không chỉ cảm nhận những vẻ đẹp tuyệt vời của con người ngời lên từ trong cuộc sống tối tăm đau khổ, từ những bi kịch oan trái của cuộc đời và những ước mơ, những khát vọng, những tình cảm đằm thắm thiết tha đầy ân tình của họ mà còn được chiêm ngưỡng những bức tranh tươi đẹp sống động của thiên nhiên, của tạo vật và *"Có thể nói thiên nhiên trong "Truyện Kiều" cũng là một nhân vật, một nhân vật thường lặng lẽ, kín đáo nhưng không mấy khi không xuất hiện và luôn thấm đượm tình người"*.

Thiên nhiên, đó là một thế giới tuyệt đẹp – một thế giới sống động với đủ màu sắc, đường nét và những âm thanh. Và cái đẹp của thiên nhiên là cái đẹp được tạo hóa ban phát, dinh dưỡng trong nguồn sữa ngọt ngào của trời đất. Thiên nhiên mở ra trước mắt ta một thế giới vô cùng phong phú và thi vị, gợi lên trong tâm hồn mỗi con người những tình cảm đắm say và tha thiết. Và với một tâm hồn nghệ sĩ giàu sức rung động trước tạo vật quyện hòa dưới ngòi bút trữ tình đằm thắm thiên tài Nguyễn Du đã để lại cho muôn đời những bóng dáng nên thơ của thiên nhiên trên những trang Kiều. Thi sĩ đã cảm nhận một cách sâu sắc và tinh tế những nét đẹp riêng biệt của từng cảnh vật, từng cảnh hoa, từng đám cỏ, từng tiếng chim hay một dòng sông nhỏ êm đềm. Mỗi chúng ta đều tìm thấy ở *Truyện Kiều* những nét đẹp đặc sắc

mang cái "thần" của thiên nhiên. Đọc *Truyện Kiều* ta như được thả mình vào một thế giới tuyệt diệu, thưởng ngoạn và chiêm ngưỡng tất cả những vẻ đẹp tinh túy của tạo vật. Nhưng thiên nhiên trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du không chỉ dừng lại ở vẻ đẹp tuyệt vời đó mà nó còn hàm ẩn một tầng ý nghĩa sâu sắc. Thiên nhiên trong *Truyện Kiều* trở thành một nhân vật bên cạnh con người và hài hòa với nội tâm con người. Những lúc buồn, hay những khi vui, những nhớ thương hay những khi sầu muộn, bóng hình của thiên nhiên xuất hiện giao hòa với tâm trạng của con người và thiên nhiên trở thành những bức tâm cảnh chan chứa tình cảm, trở thành những người bạn "lặng lẽ" và "kín đáo" sẻ chia những nỗi niềm, những suy tư trăn trở của mỗi con người. Bằng ngòi bút đầy tài hoa của mình, bằng sự tiếp thụ một cách sáng tạo bút pháp tả cảnh ngụ tình của người xưa, Nguyễn Du đã để lại trên những trang Kiều những bức tranh sống động chan chứa tình người:

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.

Và mỗi lần vật đổi sao dời, mỗi lần cảnh vật có một sự biến đổi là con người lại bước vào một chặng đường số phận khác, cảnh như báo trước cho con người những dự cảm về tương lai.

Những bức tranh thiên nhiên trong *Truyện Kiều* trở thành một bút pháp của Nguyễn Du – góp phần miêu tả và khắc họa tính cách nhân vật làm cho thế giới nội tâm của nhân vật càng thêm phong phú và sâu sắc.

Mỗi chúng ta hãy gác lại những suy tư trăn trở để thả mình vào thế giới thiên nhiên tuyệt vời trong *Truyện Kiều*, thả mình vào những cảm xúc đằm thắm những tình cảm thiết tha của thiên tài Nguyễn Du:

Cỏ non xanh rợn chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

Một bức tranh mùa xuân thật là tuyệt vời mà chỉ những tâm hồn nghệ sĩ mới có cảm nhận tinh tế và độc đáo như vậy. Không một ước lệ, không một điển cố mà chỉ là những cảnh vật rất chân thực của quê hương xứ sở. Một vạt cỏ xanh mơn mởn trải dài đến tận chân trời với một màu xanh mơn mởn căng đầy sức sống, một cành lê điểm vài bông hoa trắng muốt. Hai màu sắc tưởng chừng như đối lập ấy lại hòa quyện vào nhau thêu dệt nên một bức tranh tươi đẹp mang đầy đủ hương sắc của mùa xuân:

Cỏ non xanh rợn chân trời.

Và trong cái tươi đẹp của thiên nhiên ta vẫn thấy một dự cảm về số phận của con người. Cái từ "rợn" ấy gợi lên trong cảm giác chúng ta một nỗi sợ, "xanh rợn" – đúng là một màu xanh quá kì lạ. Thiên nhiên cũng trong cảnh chiều xuân ấy, thiên nhiên bỗng nhuộm một nỗi buồn khi chị em Thúy Kiều gặp mộ Đạm Tiên:

Nao nao dòng nước uốn quanh
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.

Một dòng nước trong xanh, một chiếc cầu nho nhỏ, cảnh vật thật nên thơ và mơ mộng nhưng lại thấm đượm một nỗi buồn. Cái nao nao của dòng nước ấy chính là cái "nao nao" là cái nỗi buồn của chị em Thúy Kiều. Đứng trước nấm mồ của người con gái tài hoa bạc mệnh Đạm Tiên, trong lòng họ dâng lên một nỗi buồn, một niềm thương cảm và cảnh vật cũng bỗng nhiên trở nên buồn lặng. Và cũng chính trong cảnh chiều xuân ấy khi tà tà bóng ngả về tây, khi Thúy Kiều - người con gái thông minh, tài sắc đối diện với ý trung nhân của đời nàng - chàng Kim Trọng, và trong giây phút "chập chờn cơn tỉnh cơn mê" của tình yêu vừa chớm hé, thiên nhiên bỗng trở nên tha thiết quyến luyến. Chia tay với người yêu, cảnh vật cũng như thấu hiểu tâm trạng của hai người:

Dưới cầu nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thiết tha.

Nhịp cầu và dòng nước trong sáng như mối tình tuyệt đẹp của Thúy Kiều và Kim Trọng và hàng liễu với bóng chiều thướt tha như tâm trạng quyến luyến bịn rịn của Thúy Kiều – một mối tình tha thiết đắm say nẩy nở trong tâm hồn nồng nhiệt của nàng. Lúc nào cũng vậy, thiên nhiên luôn trở thành một nhân vật kín đáo, lặng lẽ hài hòa với nội tâm con người. Trong đêm buồn, thương nhớ Kim Trọng, tất cả cảnh vật đều nghiêng nghiêng như tình cảm Thúy Kiều cũng nghiêng nghiêng:

Gương Nga chênh chếch dòm song
Vàng gieo ngấn nước cây lồng bóng sân...

Ánh sáng của mặt trăng loang loáng trải dài xuống mặt nước len lỏi vào các cành cây tạo nên một sắc màu lung linh lấp lánh và ánh trăng "như có bầu trời". Trong vẻ đẹp kì ảo của cảnh vật trong ánh trăng diệu kì ấy, ta đọc thấy tình cảm, nỗi tương tư của Thúy Kiều và hình như cảnh vật cũng thấu hiểu nỗi lòng của nàng. Cũng là ánh trăng nhưng mỗi một khi tâm trạng của con người biến đổi thì nó cũng trở nên khác lạ. Khi Thúy Kiều từ biệt Thúc Sinh, vầng trăng cũng vì thế mà:

Vầng trăng ai xẻ làm đôi
Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường...

Vầng trăng xẻ đôi ấy hay chính là sự chia lìa giữa Thúy Kiều, Thúc Sinh và hình như đó sẽ là sự chia lìa mãi mãi. Nàng Kiều và chàng Kì Tâm họ Thúc – mỗi người sẽ đi vào một cuộc đời khác nhau, một chặng đường khác nhau và cũng như vầng trăng lẻ kia *"Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường..."*.

Trước lầu Ngưng Bích, tất cả cảnh vật như nhòa đi trong nỗi đau của nàng – dần xa và xa mãi:

...Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa
Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu
Buồn trông nội cỏ dầu dầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi...

Thiên nhiên hiện hữu trước mắt ta, có chân mây mặt đất, có cánh buồm ngoài khơi xa, có tiếng sóng, có nội cỏ dàu dàu nhưng hình như tất cả đều là những ẩn dụ, phúng dụ cho số phận nàng Kiều. Chiếc buồm ngoài khơi xa và cánh hoa trôi nổi lênh đênh giữa dòng nước như số phận vô định của nàng Kiều, nội cỏ dầu dầu ấy hay chính là nỗi đau nỗi tủi nhục đang đè nặng trái tim nàng và tiếng sóng ầm ầm quanh ghế ngồi ấy phải chăng là nỗi sợ hãi trước một tương lai mù mịt đen tối? Và tất cả tạo dựng nên một bức tâm cảnh có ý nghĩa về cuộc đời và số phận bi kịch của nàng Kiều. Cuộc đời nàng từ đây sẽ trôi vào bể trầm luân khổ ải, vào những "bi kịch chua xót đớn đau". Và khi gặp Sở Khanh – nỗi lo sợ tràn ngập người nàng:

...Chim hôm thoi thót về rừng
Đóa trà mi đã ngậm trăng nửa vành...

Chiều đã buông xuống, bóng tối đã bao trùm lên cảnh vật và cánh chim hốt hoảng thoi thót về rừng ấy phải chăng là tâm trạng và nỗi sợ hãi của nàng, phó mặc số phận cho anh chàng Sở Khanh. "Chim hôm thoi thót về rừng" hay chính là bóng hình của Thúy Kiều cũng thoi thóp sợ hãi và khoảnh khắc thời gian của một ngày tàn kia khép lại trong bóng tối như cuộc đời của Thúy Kiều cũng sẽ khép mình sau cánh cửa ác độc của xã hội phong kiến. Thời gian cứ trôi, cánh chim cứ bay mãi và số phận của Thúy Kiều cũng lênh đênh chìm nổi. Nguyễn Du đã hòa mình vào cõi lòng sâu kín của Thúy Kiều, thấu hiểu nỗi lo lắng của người con gái ấy. Và khi Kim Trọng trở lại với Thúy, Nguyễn Du đã

biểu hiện chiều sâu tâm trạng của chàng sau hai năm xa cách bằng một bức ảnh cũng tan hoang xơ xác, chỉ có:

Cỏ lan mặt đất rêu phong dấu giày...

Tất cả những vẻ đẹp ngày xưa giờ đây bỗng trở nên hoang tàn, xơ xác và còn đâu vườn Thúy đẹp đẽ của thuở ấy, còn đâu? Tất cả giờ đây bỗng thành "rêu phong dấu giày" nhưng chàng còn tìm thấy trong sự tan hoang đó một niềm hi vọng:

Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông...

Bông hoa đào năm xưa vẫn còn đó như mối tình của Kim Trọng mãi mãi dành cho Kiều vẫn tha thiết đắm say như ngày nào.

Và cứ thế, thiên nhiên xuất hiện trong *Truyện Kiều* như một nhân vật lặng lẽ kín đáo, và "luôn thấm đượm tình người". Thiên nhiên trở thành một nhân vật văn học vô cùng phong phú và sinh động mà ở đó mỗi tâm hồn của con người sẽ tìm thấy những niềm rung cảm sâu sắc.

Với ngòi bút tài tình và tâm hồn nghệ sĩ giàu sức rung động trước tạo vật, Nguyễn Du đã để lại cho đời sau những bức tranh tuyệt diệu của thiên nhiên và mãi mãi cho đến muôn đời thiên nhiên trong truyện sẽ sống mãi trong tiềm thức của mỗi chúng ta, mang cái hồn của tâm trạng của lòng người và phải có một tình yêu thiên nhiên đến tha thiết đắm say thì thi sĩ Nguyễn Du mới đạt được những thành công như vậy. Thiên nhiên như ẩn chứa cả tâm hồn tư tưởng, cả sức sống diệu kì của thi sĩ Nguyễn Du.

Đề: Hãy phân tích các tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương*, *Truyện Kiều* và một số bài thơ của Hồ Xuân Hương để làm nổi bật hình ảnh người phụ nữ Việt Nam trong văn học trung đại.

Bài làm

Trong vô số những nạn nhân của xã hội phong kiến có một tầng lớp mà hết thảy các nhà văn nhân đạo đều đau xót, trân trọng và tập trung viết về họ - đó là người phụ nữ. Họ là hình tượng tiêu biểu cho những số kiếp bi đát của những con người trong cuộc đời bế tắc. Họ là những con người có đủ tài sắc, có đức hạnh thanh cao nhưng lại bị cuộc đời vùi dập, xô đẩy. Trong số những tác phẩm viết về đề tài này, nổi bật nhất phải kể đến những sáng tác thuộc trào lưu nhân đạo thế kỉ XVII - XVIII, những tác phẩm của những tác giả nổi tiếng như: Nguyễn Dữ với *Chuyện người con gái Nam Xương*, Nguyễn Du với *Truyện Kiều*, Hồ Xuân Hương với *Làm lẽ, Bánh trôi nước*... Đó là những tác phẩm mà

đến nay vẫn như còn vang vọng tiếng kêu cứu não nùng đau đớn của những con người quằn quại trong vũng lầy của xã hội cũ.

"Hồng nhan đa truân" – câu ấy có lẽ lại là một lời nhận xét rút ra từ hiện thực cuộc sống của người xưa. Có lẽ lời nhận xét ấy cũng phần nào đúng với thực tế vì trong hầu hết các tác phẩm, những người phụ nữ bất hạnh lại là những người phụ nữ đẹp. Đấy là những người có vẻ đẹp thuần hậu, dịu dàng của người phụ nữ nông thôn như nàng Vũ Nương trong *Chuyện người con gái Nam Xương*, có "tư dung tốt đẹp" hay vẻ đẹp khỏe mạnh tràn đầy sức sống của một cô gái đương độ xuân sắc với nước da trắng và thân hình khỏe mạnh:

Thân em vừa trắng lại vừa tròn.

(Hồ Xuân Hương – *Bánh trôi nước)*

đến những người con gái có sắc đẹp khuynh nước khuynh thành như nàng Kiều trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du:

Làn thu thủy nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh
Một hai nghiêng nước nghiêng thành...

Vẻ đẹp của nàng làm lu mờ tất cả những gì được gọi là thanh tao nhất, đẹp nhất của thiên nhiên: đôi mắt trong thăm thẳm như làn nước mùa thu, nét mày thanh tú mơn mởn như rặng núi mùa xuân. Và vẻ tươi thắm của hoa, dáng vẻ yêu kiều mềm mại của liễu cũng phải "hờn", phải "ghen" với người con gái tuyệt sắc đó.

Không chỉ đẹp ở tư dung bên ngoài, họ càng có đủ tài năng đức hạnh. Đó là Vũ Nương tính thùy mỵ, nết na, giữ gìn khuôn phép: chồng đi lính xa nhà, nàng ở nhà nuôi con phụng dưỡng mẹ già và chung thủy chờ chồng. Đó là nàng Kiều với lòng hiếu thảo cao cả. Nàng sẵn sàng hi sinh thân mình để cứu gia đình thoát khỏi cơn nguy biến, chấp nhận mọi sóng gió của cuộc đời.

Với nhan sắc và phẩm hạnh cao quý như thế, đáng lẽ họ phải được sống một cuộc đời êm đềm, hạnh phúc. Nhưng trớ trêu thay, bất hạnh lại rơi vào họ. Nỗi đau đớn nhất của người phụ nữ là gia đình tan vỡ và họ phải chịu nỗi giày vò cả về thể xác lẫn tinh thần. Nỗi oan nghiệp đã đổ ụp xuống đầu Vũ Nương. Khi chồng nàng trở về, chỉ vì lòng ghen tuông mù quáng, nghi vợ đã có tư tình, bèn đuổi nàng đi, để nàng nhục nhã đến nỗi phải tìm đến với cái chết. Đến khi chồng nàng hiểu ra thì đã quá muộn màng. Ước mơ lớn nhất của nàng là một cuộc sống bình dị, nhưng hạnh phúc mãi mãi không bao giờ trở thành hiện thực đối với nàng.

Với Kiều, người con gái mà "sắc đành đòi một, tài đành họa hai", cuộc đời nàng còn gian truân, lận đận hơn nữa. Mối tình tuyệt đẹp giữa nàng và Kim Trọng – một văn nhân hào hoa, phong nhã – vừa mới chớm nở cũng là lúc nàng đau đớn dứt bỏ với tiếng kêu như xé lòng:

Ôi Kim lang! Hỡi Kim lang
Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây.

Chỉ sau một cơn gia biến, vì sự vu oan trắng trợn của thằng bán tơ, vì "ba trăm lạng việc này mới xong" mà nàng trở thành một món hàng để cho bọn buôn thịt bán người cò kè ngã giá:

Cò kè bớt một thêm hai
Giờ lâu ngã giá vàng ngoài bốn trăm.

Người đọc đã không nén được xúc động trước nỗi đau khổ dằn vặt của người con gái liễu yếu đào tơ ấy: "Thềm hoa một bước lệ hoa mấy hàng". Nhưng đó mới chỉ là mở đầu cho cả những chuỗi ngày đau khổ nhất của cuộc đời nàng. Trong những chuỗi ngày ấy, nàng đã khóc không biết bao nhiêu lần. Từ tay Mã Giám Sinh, Kiều rơi vào tay Tú Bà, vốn nổi tiếng là mụ chủ thanh lâu. Là con gái của gia đình Vương viên ngoại "gia tư nghĩ cũng thường thường bậc trung" vốn có dòng dõi cao quý, là một cô gái con nhà gia giáo, Thúy Kiều không thể chấp nhận trở thành gái lầu xanh. Nàng đã chịu bao trận đòn tàn khốc với Tú Bà, sau cùng Tú Bà lại bày mưu thuê Sở Khanh lừa nàng để buộc nàng trở thành một cô gái lầu xanh thực thụ. Bắt đầu những ngày ảm đạm nhất trong cuộc đời nàng Kiều. Từ một cô gái trinh trắng, đức hạnh, nàng đã trở thành món đồ cho bọn khách làng chơi. Nàng xót xa thay cho số phận của mình:

Mặt sao dày gió dạn sương
Thân sao bướm chán ong chường bấy thân.

Không phải không có lúc dịp may đến với nàng. Nhưng đó chỉ là một chút ánh sáng lóe lên rồi chợt tắt ngấm khiến cho cuộc đời đen tối của nàng tưởng chừng hửng sáng nhưng rồi lại càng tối tăm, mịt mùng hơn. Ấy là khi nàng được Thúc Sinh, một khách làng chơi hào phóng, ái mộ tài sắc của nàng chuộc nàng ra khỏi lầu xanh và cưới nàng làm vợ. Nhưng nàng lại rơi vào tay vợ cả của Thúc Sinh là Hoạn Thư, một tiểu thư con quan, lại có thừa mưu mô xảo quyệt. Nàng đã bị tra tấn thật tàn nhẫn:

Làm cho cho mệt cho mê
Làm cho đau đớn ê chề cho coi.

Hoạn Thư đã bày ra một cảnh thật ngang trái. Ngay trong đêm hàn huyên của hai vợ chồng mụ, nàng đã phải đánh đàn, hầu rượu, mua vui cho cả hai vợ chồng, để cho nàng đau đớn cả cõi lòng, "người ngoài cười nụ" mà "người trong khóc thầm".

Đau khổ đến cùng cực, nàng đã định nương nhờ cửa Phật nhưng món nợ trần gian còn mãi đeo đẳng nàng. Nàng lại rơi vào lầu xanh lần thứ hai và lại được Từ Hải – vị anh hùng của cuộc khởi nghĩa chống lại triều đình cứu ra khỏi lầu xanh. Cuộc hôn nhân của hai con người "trai anh hùng, gái thuyền quyên" đó đã tưởng được bền lâu. Cho đến khi công thành danh toại "triều đình riêng một góc trời", đã báo ân, báo oán, nàng lại rơi vào cái bẫy hiểm độc của Hồ Tôn Hiến khiến cho nàng vô tình tiếp tay cho kẻ giết chồng mình. Lúc Từ Hải chết cũng là lúc Kiều tắt hết niềm hi vọng: "Sống thừa tôi đã nên liều mình tôi". Ngay sau cái chết của chồng, nàng bị ép gảy đàn mua vui cho chiến thắng của chúng. Tên tổng đốc Hồ Tôn Hiến bỉ ổi làm nhục nàng và khi chợt tỉnh hắn đã không ngại ngần gả nàng cho một viên thổ quan. Lần này nàng tự tử và lại được cứu thoát. Nàng may mắn trở về gặp gia đình, gặp lại người tình xưa nhưng đối với nàng, cuộc sống lứa đôi không còn ý nghĩa. Đó là niềm an ủi cuối cùng của nàng Kiều như một lời nhận xét của một nhà phê bình văn học: Đối với những người phụ nữ bình dân, thân phận của họ cũng không hạnh phúc. Bao người con gái đã chịu cảnh sống mà như chết trên cõi đời. Trẻ trung, có chồng nhưng sống như những góa phụ, thực chất họ chỉ là những đầy tớ không công, không hơn không kém. Hồ Xuân Hương có lần đã chua xót thốt lên:

Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng
Chém cha cái kiếp lấy chồng chung.

(*Làm lẽ*)

Người con gái trong xã hội phong kiến không được quyền định đoạt bất kì một vấn đề gì. Thông qua hình tượng chiếc bánh trôi bập bềnh, trôi nổi, Hồ Xuân Hương đã nói đến cuộc sống cũng như đức hạnh của người phụ nữ:

Rắn nát mặc dầu tay kẻ nặn
Mà em vẫn giữ tấm lòng son.

(*Bánh trôi nước*)

Như chiếc bánh trôi, thân phận người phụ nữ tùy thuộc vào bàn tay của người khác. Họ đành cam chịu số phận đã xếp đặt sẵn và cố giữ lấy cho mình một phẩm chất tốt đẹp, đó là tấm lòng kiên định, trong sáng.

Phản ánh những bi thảm của người phụ nữ, các nhà văn nhân đạo không thể giấu nổi tình cảm xót xa, đau đớn của mình. Nhiều khi tác giả đóng vai trò người ngoài cuộc nhưng cũng không thể bộc lộ cảm xúc:

Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.
(Nguyễn Du – *Truyện Kiều*)

Với nàng Kiều, người con gái đã được coi là biểu tượng của mọi nỗi đau khổ, Nguyễn Du dành cho tình cảm đặc biệt. Ông cũng nức nở như nàng khi mối tình đầu của nàng tan vỡ, cũng đau đớn khi bao lần roi quất lên da thịt nàng, cũng bao đêm cùng nàng thao thức: "Đĩa dầu vơi, nước mắt đầy, năm canh". Tình yêu thương con người đã khiến ông vượt lên chính bản thân mình. Sinh trưởng trong một gia đình đại quý tộc, ở một chừng mực nào đó, ông cũng là đại diện cho tầng lớp quý tộc phong kiến nhưng ông đã thẳng thừng lên án bọn quan lại, những kẻ đã gây nên cuộc đời đau khổ cho nàng Kiều. Đối với những phường buôn thịt bán người, ông chủ trương trừng trị đích đáng tội ác của chúng ngay tại kiếp này chứ không phải chờ đến kiếp sau.

Hồ Xuân Hương và một số nhà thơ khác cũng có thái độ tương tự. Chưa bao giờ cuộc sống gia đình và hạnh phúc riêng tư được đề cập đến nhiều như ở giai đoạn này. Thông qua hình ảnh một người phụ nữ chịu kiếp làm lẽ hẩm hiu, khao khát hạnh phúc. Hồ Xuân Hương đã nói lên tiếng nói đòi quyền được hưởng hạnh phúc, được sống trong mái ấm gia đình của người phụ nữ. Mặt khác bà cũng lột trần bộ mặt thật của những kẻ được gọi là văn nhân, tài tử trong xã hội phong kiến. Chúng mang bộ mặt đạo đức giả luôn tỏ ra cao đạo nhưng thực chất là những kẻ dâm ô nhất. Lên tiếng đòi quyền sống, quyền được hưởng hạnh phúc của người phụ nữ, đồng thời các nhà văn, nhà thơ cũng lên tiếng đả phá chế độ đa thê đã từng chôn vùi cuộc sống của nhiều cô gái trẻ. Đó là dấu hiệu của sự rạn nứt ý thức hệ phong kiến nặng nề đã tồn tại từ bao đời nay.

Viết về hình ảnh người phụ nữ là một sự tiến bộ vượt bậc của các tác giả văn học cổ Việt Nam. Khi phản ánh số phận của những người phụ nữ bất hạnh, các nhà văn đã không khỏi băn khoăn và tìm đến cách lí giải căn nguyên của những nỗi đau khổ đó. Tất nhiên sống trong xã hội còn bị ảnh hưởng rất nhiều bởi những giáo lí phong kiến, việc lí giải những nỗi khổ của người phụ nữ không tránh khỏi những sai lệch. Nguyễn Du đã lí giải nỗi đau khổ của nàng Kiều là bởi "Tài mệnh tương đố" vì "Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen". "Ông

trời", một thế lực tối cao vô hình vốn ghen ghét đối với những người đàn bà đẹp. Nhưng bằng hiện thực tác phẩm, Nguyễn Du đã lí giải khác hẳn. Những kẻ đê tiện, bỉ ổi, từng hãm hại cuộc đời nàng Kiều đã hiện lên rất thực, rất sinh động. Từ tên bán tơ giảo hoạt, mụ Tú Bà buôn thịt bán người hay viên quan xử vụ kiện nhà họ Vương ăn đút lót "Có ba trăm lạng việc này mới xong" tới tên tổng đốc trọng thần dâm ô, bỉ ổi Hồ Tôn Hiến ... cả xã hội hỗn loạn đó đã vùi dập cuộc đời nàng Kiều chứ không phải ai khác. Một thế lực tuy vô hình nhưng vô cùng tàn bạo cũng là nguyên nhân dẫn đến khổ đau của người phụ nữ, đó là thế lực của đồng tiền. Đồng tiền làm đảo điên mọi sinh hoạt của xã hội. Chẳng thế mà đã bao lần nhà thơ đau đớn thốt lên:

- Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền.
- Tiền lưng đã có việc gì chẳng xong.

Những hủ tục phong kiến như nam quyền, chế độ đa thê cũng tạo nên khổ đau cho người phụ nữ. Đứng trước nỗi đau đớn ấy, nhiều nhà văn đã không thể né tránh trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. Văn học thời kì này đã góp cho nền văn học Việt Nam một trào lưu văn học nhân đạo cao cả với nhiều tác phẩm có giá trị. Đó cũng là khởi đầu cho mọi trào lưu nhân đạo sau này.

Những tác phẩm văn học đó cho ta thấy lại cả một quãng đời đau thương, tủi nhục của cả một tầng lớp người xưa trong xã hội và nỗi cảm thương sâu sắc đối với họ của những nhà văn nhân đạo. Đó là những tác phẩm nghệ thuật chân chính cần được gìn giữ và lưu truyền.

Đề: Phân tích đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* để thấy rõ Lục Vân Tiên đã hành động đúng với lí tưởng của mình:

Nhớ câu kiến ngãi bất vi
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.

Bài làm

Nguyễn Đình Chiểu là ngôi sao sáng lung linh trên bầu trời văn học Việt Nam. Ông đã để lại cho đời kiệt tác *Truyện Lục Vân Tiên*. Đây là tác phẩm tiêu biểu và tâm huyết nhất cho giai đoạn sáng tác của nhà thơ trước khi Pháp bắt đầu xâm lược Tổ quốc ta. Trong *Truyện Lục Vân Tiên*, Lục Vân Tiên là nhân vật chính, có diện mạo khôi ngô tuấn tú, tài đức vẹn toàn, đồng thời có những hành động rất đúng với lí tưởng của chàng:

Nhớ câu kiến ngãi bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.

Trích đoạn *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* thể hiện rất rõ điều đó.

Trên đường lên kinh đô dự thi, Lục Vân Tiên gặp bọn cướp đường. Chàng không ngoảnh mặt làm ngơ mà dừng lại hỏi thăm dân chúng đầu đuôi sự việc:

Vân Tiên nổi trận lôi đình,
Hỏi thăm lũ nó còn đình nơi nao.
Tôi xin ra sức anh hào,
Cứu người cho khỏi lao đao buổi này.
Dân rằng: lũ nó còn đây,
Qua xem tướng bậu thơ ngây đã đành.
E khi họa hổ bất thành,
Khi không mình lại xô mình xuống hang?

Trong khi mọi người còn đang hoang mang, sợ sệt thì Lục Vân Tiên chẳng hề băn khoăn, suy tính thiệt hơn cho bản thân mình. Ngay tức khắc:

Vân Tiên ghé lại bên đàng,
Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô.

Đó là một hành động vì nghĩa lớn, đáng mặt "nam nhi đại trượng phu". Đứng giữa vòng vây của bọn cướp đông đúc, có tổ chức, có kẻ cầm đầu, Lục Vân Tiên chửi mắng bọn chúng rồi liền đánh vào bên trái, xông sang bên phải:

Vân Tiên tả đột hữu xông,
Khác nào Triệu Tử mở vòng Đương Dang.
Lâu la bốn phía vỡ tan,
Đều quăng gươm giáo tìm đàng chạy ngay.
Phong Lai trở chẳng kịp tay,
Bị Tiên một gậy thác rày thân vong.

Nếu Triệu Vân, tự Tử Long, một tướng trẻ có tài của Lưu Bị đời Tam Quốc, một mình phá vòng vây của Tào Tháo ở trận Đương Dang bảo vệ được A Đẩu, con nhỏ của Lưu Bị thì Lục Vân Tiên, một mình, một gậy đánh tan bọn cướp hung ác cứu được nàng Kiều Nguyệt Nga. Thật đúng là một con người "vị nghĩa vong thân" (vì việc nghĩa quên thân mình), một bậc anh hùng luôn hướng tới cái cao cả, không bao giờ chịu khuất phục trước cơn khốn khó, hiểm nguy, trước cảnh "chướng tai gai mắt".

Sau khi được thoát khỏi tay lũ cướp quỷ quyệt, bạo tàn, Kiều Nguyệt Nga bày tỏ lòng biết ơn hết sức chân thành, tha thiết và mong muốn được đền ơn cho Lục Vân Tiên:

Chút tôi liễu yếu đào thơ,
Giữa đường gặp phải bụi dơ đã phần.
Hà Khê qua đó cũng gần,
Xin theo cùng thiếp đền ân cho chàng.
Gặp đây đương lúc giữa đàng,
Của tiền chẳng có, bạc vàng cũng không.
Tưởng câu báo đức thù công,
Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi.

Xét cho cùng, việc "báo đức thù công" – đáp lại ơn đức, trả ơn công lao – là một việc phù hợp với những chuẩn mực đạo đức mà cha ông ta đã từng dạy bảo con cháu từ lâu đời. Lục Vân Tiên đã không những cứu mạng Kiều Nguyệt Nga mà còn cứu cả cuộc đời con gái trong trắng, thơ ngây của nàng. Cái ơn ấy cao như núi dài như sông, dù có bạc vàng châu báu cũng chẳng thể nào đền đáp cho tương xứng được. Tuy nhiên, Kiều Nguyệt Nga vẫn khát khao được báo đáp trong khả năng hiện có của gia đình. Giả sử Lục Vân Tiên là một người bình thường, chấp thuận đề nghị của nàng thì cũng chẳng có việc chi sai quấy. Thế nhưng Lục Vân Tiên là người "trọng nghĩa khinh tài", chính trực, đại lượng, chàng kiên quyết từ chối sự đền ơn:

Vân Tiên nghe nói liền cười.

Đó là "*Cái cười đáng yêu, đáng kính sao! Một là cái cười của anh hùng quân tử, hai là cái cười của anh con trai, ba là cái cười của quần chúng rộng lượng, đều ở trên môi Vân Tiên*". (Xuân Diệu)

Chàng đáp lại Nguyệt Nga bằng một lời lẽ khiêm nhường, khẳng khái, không vụ lợi, không tính toán:

Làm ơn há dễ trông người trả ơn
(...) Nào ai tính thiệt so hơn làm gì.

Phải chăng phẩm chất tốt đẹp ấy đã ngấm vào trong máu, vào hơi thở của Lục Vân Tiên cũng như của nhiều người dân Việt Nam tuy nghèo vật chất nhưng giàu tình nặng nghĩa "*Sống hiên ngang mà nhân ái chan hòa*" (Huy Cận)?

Sau này, khi Nguyệt Nga trao chiếc trâm vàng của nàng:

Thưa rằng: nay gặp tri âm,
Xin đưa một vật để cầm làm tin.

Lục Vân Tiên khăng khăng không nhận. Cho nên nàng đề nghị:

Đưa trâm chàng đã làm ngơ,
Thiếp xin đưa một bài thơ giã từ.

Là người có học thức, sẵn có tâm hồn văn chương phong phú, Lục Vân Tiên chấp nhận đề nghị chân thật nhưng cũng lãng mạn của nàng:

Làm thơ cho kịp bấy chờ chớ lâu.

Sở dĩ chàng đồng ý là vì thơ văn không phải là của cải vật chất, đó là sản phẩm của tâm hồn con người. Lòng người càng đẹp thì thơ càng hay. Thật vậy, Kiều Nguyệt Nga là cô con gái có tâm hồn trong trắng, giàu ân tình "ơn ai một chút chẳng quên". Còn Lục Vân Tiên là chàng trai hào hiệp. Bởi thế, hai tâm hồn cao đẹp cùng nhau xướng họa một bài thơ rồi thanh thản chia tay. Riêng Lục Vân Tiên không hề vương vấn rằng mình đã làm ơn cho người khác. Chàng chỉ ôm ấp và mong mỏi thực hiện một lí tưởng duy nhất:

Nhớ câu kiến ngãi bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.

Quan niệm của nhân vật Lục Vân Tiên phát xuất từ nhân dân "Kiến nghĩa bất vi vô dũng dã" – thấy việc nghĩa mà không làm thì không phải là người dũng cảm. Đây là nhân sinh quan của người anh hùng. Nhân sinh quan ấy biểu hiện cái đẹp của lí tưởng nhân nghĩa cũng như cái đẹp của đạo lí nhân dân. Bản thân Nguyễn Đình Chiểu là một nhà nho, sống gần dân, thân dân, từng cùng dân ăn những bát cơm hẩm với cà thiu, từng cùng dân chạy giặc, từng rơi nước mắt khi thấy nhân dân khổ đau, nghèo túng. Còn nhân vật Lục Vân Tiên trong truyện của ông cũng là một nho sĩ. Ông ngợi ca nhân vật Lục Vân Tiên anh hùng nghĩa hiệp, đầy tài năng – chí khí, sẵn sàng ra tay trừng trị kẻ ác độc, bênh vực người dân lương thiện yếu đuối, bất hạnh cũng chính là ca ngợi đạo lí nhân dân. Ông ca ngợi Hớn Minh, Lương Tử Trực hay những nhân vật không tên như ông Ngư, ông Quán, lão bà, ông tiều, cùng với những triết lí sống phong phú, súc tích do những con người ấy nói ra cũng chính là ca ngợi đạo lí nhân dân. Đó là đạo lí kẻ ác phải bị trừng trị thích đáng, người lương thiện phải được sống ấm no, hạnh phúc. Cái gốc đạo đức sâu xa, bền bỉ do nhân dân đề ra sẽ giúp con người vượt qua mọi lực cản để thực hiện biết bao hoài bão, lí tưởng trên những chặng đường đời đầy phong ba, bão tố, thác ghềnh.

Tóm lại, tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu là một khúc ca chiến thắng của những người kiên quyết vì chính nghĩa mà chiến đấu, là bản kết tội những kẻ bất nhân phi nghĩa. Riêng trích đoạn *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*, chúng ta thấy nhà thơ đã vẽ lên bức chân dung tuyệt vời của nhân vật Lục Vân Tiên gan dạ, dũng

cảm, sẵn sàng hi sinh vì việc nghĩa, sống đúng với lí tưởng cao đẹp mà chàng đã tự đặt ra cho chính bản thân mình. Do đó, càng yêu mến nhân vật Lục Vân Tiên, chúng ta càng quý trọng Nguyễn Đình Chiểu - một nhà thơ, "nhà văn có cái đẹp từ con người đẹp đến văn chương" - càng nhiệt liệt ủng hộ quan điểm sáng tác văn chương của ông:

Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà.

Đề: Tính cách nghĩa hiệp của Lục Vân Tiên qua đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga.*

Bài làm

Truyện Lục Vân Tiên là tác phẩm nổi tiếng của Nguyễn Đình Chiểu trong giai đoạn sáng tác trước khi thực dân Pháp xâm lược. Cuộc đời và tính cách Lục Vân Tiên có những nét trùng hợp với cuộc đời và tính cách của tác giả. Điểm nổi bật trong tính cách Lục Vân Tiên là tính nghĩa hiệp. Lục Vân Tiên là điển hình của con người nghĩa hiệp trong một xã hội đang suy thoái. Muốn hiểu con người nghĩa hiệp Lục Vân Tiên, ta cùng nhau phân tích đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga.*

Đang trên đường lên kinh đô dự thi thấy dân tình than khóc thảm thiết, Lục Vân Tiên đã dừng lại hỏi han. Nghe dân tình kể: có một bọn cướp nhóm ở Sơn Đài không ai đương nổi hiện đang xuống cướp thôn hương "gặp con gái tốt qua đường bắt đi" Lục Vân Tiên bèn "ghé lại bên đàng".

Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô.

Một người trong tay không có khí giới lại đơn độc vẫn "bẻ cây làm gậy" xông vào đánh bọn cướp. Chỉ riêng điều đó đã nghĩa hiệp lắm rồi. Vân Tiên không hề đắn do, tính toán. Người khác chắc phải nghĩ ngợi suy tính trước khi hành động. Nên nhớ là chàng đang đi thi. Công danh phú quý đang đợi chàng ở phía trước. Lại nữa bọn cướp rất đông, ai ai cũng đều khiếp sự chúng. Thế mà chàng quyết định một cách nhanh chóng. Điều đó chứng tỏ hành động vì việc nghĩa đã trở thành bản chất tốt đẹp của chàng.

Gặp bọn cướp, Lục Vân Tiên mắng ngay vào mặt chúng:

Kêu rằng: "Bớ đảng hung đồ,
Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân."

Lời mắng của chàng càng chứng minh cụ thể hơn tính cách nghĩa hiệp ấy. "Hại dân" là việc làm bất nghĩa. Vì dân diệt trừ lũ "hại dân"

là việc làm nhân nghĩa. Chính nhận thức được điều đó mà Lục Vân Tiên đã "tả đột hữu xông":

Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang.

Hình ảnh so sánh này càng làm nổi bật tính cách nghĩa hiệp của Lục Vân Tiên. Tài năng của chàng được ví với Triệu Tử Long – một danh tướng thời Tam Quốc. Một mình chống lại bọn cướp cứu giúp dân lành, Lục Vân Tiên là hiện thân của con người luôn hành động vì nghĩa lớn.

Tính cách nghĩa hiệp của Lục Vân Tiên còn được biểu hiện qua cử chỉ từ chối việc trả ơn của Kiều Nguyệt Nga – người mà chàng đã cứu thoát khỏi tay bọn cướp. Nguyệt Nga rất biết ơn chàng, nàng muốn tạ ơn để đáp lại hành động nghĩa hiệp của chàng:

Hà Khê qua đó cũng gần,
Xin theo cùng thiếp đền ân cho chàng.
Gặp đây đang lúc giữa đàng,
Của tiền chẳng có bạc vàng cũng không.
Gẫm câu báo đức thù công,
Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi.

Lời lẽ của Kiều Nguyệt Nga rất phù hợp với đạo lí. Người chịu ơn bao giờ cũng mong muốn được trả ơn. Đó là tấm lòng thành của nàng. Nhưng "Vân Tiên nghe nói liền cười". Nụ cười của chàng thật vô tư, hồn nhiên. Và chúng ta hãy nghe chàng giải thích với nàng.

Làm ơn há dễ trông người trả ơn.
Nay đà rõ đặng nguồn cơn,
Nào ai tính thiệt so hơn làm gì.
Nhớ câu kiến ngãi bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.

Nếu làm ơn mà trông người khác hoặc buộc người khác trả ơn, theo Lục Vân Tiên thì không phải là con người nghĩa hiệp. Chàng không chấp nhận những kẻ như vậy. Chàng hành động không phải để được đền đáp. Việc từ chối sự đền ơn của Kiều Nguyệt Nga càng tô đẹp thêm con người nghĩa hiệp Lục Vân Tiên. Chàng vốn trọng nghĩa khinh tài. Cử chỉ ấy của chàng làm cho chúng ta thêm khâm phục và yêu mến. Quan niệm của chàng cũng chính là quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu. Sách xưa nói: "Kiến ngãi bất vi vô dũng dã", Lục Vân Tiên coi đó là phương châm sống của chàng. Vì thế, thấy việc nghĩa chàng không hề đắn đo, cân nhắc đã lao vào đánh tan bọn cướp cứu Kiều Nguyệt Nga, mang lại cuộc sống bình yên cho dân lành.

Có thể nói qua đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga,* nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu đã khắc họa khá đầy đủ chân dung người anh hùng lí tưởng. Lục Vân Tiên là con người nghĩa hiệp mà hành động một mình với chiếc gậy thô sơ, đã đánh tan bọn cướp Phong Lai là một minh chứng. Hình ảnh Lục Vân Tiên sống mãi trong lòng người dân Việt Nam qua các thế hệ như một tấm gương về tính cách nghĩa hiệp của chàng.

Đề: **Phân tích đoạn thơ *Lục Vân Tiên gặp nạn* (trích *Truyện Lục Vân Tiên*) của Nguyễn Đình Chiểu.**

Bài làm

Lục Vân Tiên vì thương khóc mẹ mà mù cả hai mắt, đang bị cảnh cùng quẫn thì gặp Trịnh Hâm hỏng thi trở về. Hâm hậm hực vì thua tài Vân Tiên, sinh lòng đố kị, bèn lập mưu hãm hại thầy trò Vân Tiên. Hắn lừa trói tiểu đồng vào cây cho hổ ăn thịt, lại lừa Vân Tiên lên thuyền để xô chàng xuống sông. Đoạn thơ này kể việc Vân Tiên bị xô ngã xuống sông, nhưng được giao long và vợ chồng ông Ngư (ông chài) cứu mạng.

Việc Trịnh Hâm xô Vân Tiên xuống sông vẻn vẹn có tám dòng mà khắc họa được sự nham hiểm, giả dối của Hâm.

Khung cảnh ban đêm: "Nghênh ngang sao mọc mịt mờ sương bay" có cái gì không lành, nhất là những ngôi sao "nghênh ngang". Xô ngã Vân Tiên xuống sông, Trịnh Hâm còn "giả tiếng kêu trời", cho mọi người thức dậy để "lấy lời phôi pha" cho qua chuyện. Thế là hắn trà trộn vào đám người thương khóc Vân Tiên thật. Và mọi người cũng không ai nhận ra bộ mặt gian dối của Hâm. Đố kị tới mức hãm hại một người đã mù lòa, không còn khả năng hoạt động nữa, Trịnh Hâm đã hiện nguyên hình một kẻ ác độc, đê hèn, táng tận lương tâm. Việc giao long cứu dìu Vân Tiên vào bãi đã cho thấy loài thú vật còn tốt bụng hơn kẻ đố kị là con người như Hâm.

Cái cảnh cả nhà ông Ngư tíu tít cứu sống Vân Tiên thật là cảm động:

Ông chài xem thấy vớt ngay lên bờ.
Hối con vầy lửa một giờ
Ông hơ bụng dạ, mụ hơ mặt mày.

Đúng là những người lao động chất phác bao giờ cũng biết quý trọng mạng sống con người. Đặc biệt hơn nữa, khi thấy hoàn cảnh Vân Tiên, ông Ngư đã nhận nuôi chàng:

Ngư rằng: ngươi ở cùng ta
Hôm mai hẩm hút một nhà cho vui.

Những tiếng "hơ", "hẩm hút" thật chất phác dễ thương, hòa với tiếng "mùi" trong câu: "*Thân tôi như thể trái mùi trên cây*" của Lục Vân Tiên đã tạo thành một không khí dân dã mộc mạc.

Nhưng ông Ngư cũng là người sống theo đạo lí cao đẹp, cổ truyền, lấy câu "Kinh luân đã sẵn" làm phương châm sống:

Ngư rằng: Lòng lão chẳng mơ,
Dốc lòng nhân nghĩa, há chờ trả ơn.
Nước trong rửa ruột sạch trơn,
Một câu danh lợi chi sờn lòng đây.
Kinh luân đã sẵn trong tay,
Thung dung dưới thế, vui say trong trời.

Ông Ngư là người sống theo lối hiền triết, một người đã hiểu hết kinh luân mọi đàng, nhưng nuôi chí sống ngoài vòng danh lợi. Ông tìm thú vui trong sự thanh thản với thiên nhiên. Trong 10 dòng thơ tỏ chí, ông Ngư đã nói đến chữ "vui" ba lần: vui vầy, vui thầm, vui say. Cả cuộc sống là một thú vui liên tục với thiên nhiên, lúc nào cũng vui chơi thảnh thơi:

Rầy doi mai vịnh vui vầy,
Ngày kia hứng gió, đêm này chơi trăng.
Một mình thong thả làm ăn,
Khỏe quơ chài kéo, mệt quăng câu dầm.
Nghêu ngao nay chích mai đầm,
Một bầu trời đất vui thầm ai hay.

Các chữ "rày", "mai", "ngày kia", "đêm này", khi "khỏe", khi "mệt", "nay", "mai" thông báo một khoảng thời gian triền miên, liên tục, có thể nói là bất tận. Và chú ý thêm các chữ "doi", "vịnh", "gió", "trăng", "chích", "đầm", rồi "một bầu trời đất" bao quát một không gian bao la. Con người ngư ông như sống vĩnh viễn với đất trời rộng mở, vô tận. Cả đoạn văn này đã tạo thành một đối lập gay gắt giữa kẻ ham danh lợi tới mức độc ác, đố kị, hãm hại người tài và người ở ngoài danh lợi, sống hòa với thiên nhiên mênh mông, vô tận. Sự đối lập này vừa có tính chất đối lập ác và thiện như trong cổ tích, lại vừa có tính chất triết lí sâu xa của văn học bác học – đối lập giữa danh lợi, dối trá và tự do, thanh nhàn, trong sạch giữa thiên nhiên. Sự đối lập này đã bộc lộ đặc sắc tư tưởng của nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu.

Đề: Phân tích truyện *Chuyện người con gái Nam Xương* của tác giả Nguyễn Dữ.

Bài làm

Đau đớn thay phận đàn bà,
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.

Số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa kia đúng như nhận định của Nguyễn Du. Người phụ nữ dù được sinh ra trong gia đình thuộc thành phần giai cấp nào, dù tốt đẹp nết na cũng đều cùng chung số phận "bạc mệnh" như nhau. Số phận hẩm hiu đáng thương ấy đã được các nhà văn phản ảnh lại trong tác phẩm của mình. Có lẽ tiêu biểu nhất là *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ, một tác phẩm nổi tiếng của thế kỉ XVI (Trong tập *Truyền kì mạn lục*). Đây là tác phẩm có giá trị sâu sắc về nhiều mặt và đã gây được cảm xúc trong lòng người đọc ở mọi thế hệ.

Chuyện người con gái Nam Xương là một tác phẩm có giá trị hiện thực sâu sắc. Xã hội thời ấy là một xã hội loạn lạc, chiến tranh xảy ra liên miên đã làm cho cuộc sống của người dân thật điêu linh khốn khổ. Vì vậy mà họ rất chán ghét chiến tranh. Qua buổi tiễn đưa Trương Sinh ra trận, với những lời dặn dò của bà mẹ, lời tâm sự của Vũ Nương với chồng, ta cũng thấy được thái độ kinh sợ chiến tranh của người dân lúc bấy giờ. Chính chiến tranh đã làm cho vợ phải xa chồng, cha phải xa con... và nó còn là nguyên nhân gây ra bao nỗi bất hạnh cho người vợ nữa. Trương Sinh đi lính, Vũ Thị Thiết ở nhà một mực thủy chung với chồng, thay chồng gánh vác hết mọi công việc gia đình: sinh con, chăm sóc mẹ chồng, lo toan mọi công việc trước sau. Mẹ chồng bệnh lo thuốc thang, mẹ mất lo ma chay, cúng tế đàng hoàng. Vậy mà khi chồng trở về, nàng chưa được vui sum họp lại gặp tai họa bất ngờ. Bởi anh chồng thất học lại có tính đa nghi, ghen tuông mù quáng chỉ nghe theo lời đứa trẻ ngây thơ không biết xét suy đã vội nghi oan cho vợ. Chỉ vì "cái bóng" vô hình mà Vũ Nương bị mắc oan. Nỗi oan động đất trời lại không thể giãi bày được cùng ai. Bởi cái lễ giáo phong kiến, cái thế lực nam quyền không cho phép người phụ nữ được lên tiếng minh oan. Họ không có một quyền hành gì cả, không được ai bênh vực hay chở che. Cuối cùng nàng phải mang mối oan tình xuống dòng nước bạc.

Số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến là như thế đó! Sợi dây lễ giáo trói buộc người phụ nữ, họ phải mang số phận "bạc mệnh" đến hết cuộc đời. Thậm chí khi được giải oan, dẫu Vũ Nương rất thương nhớ chồng con nhưng cũng không thể nào trở lại cõi trần được vì nơi đó luôn gieo tai họa cho người phụ nữ. Đây là một chi tiết mang giá trị tố cáo cao. Nó khẳng định được bản chất xấu xa của xã hội phong kiến, một nhà tù giam hãm cuộc đời của người phụ nữ suốt bao thế kỉ. Cả tác phẩm là một bức tranh hiện thực sinh động phản ánh được thân phận đáng thương của người phụ nữ trong xã hội xưa kia.

Đằng sau nỗi khổ của Vũ Nương, ta còn thấy tấm lòng nhân đạo đáng quý của nhà văn. Xuất phát từ tấm lòng yêu thương trân trọng người phụ nữ, Nguyễn Dữ tập trung ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của người con gái Nam Xương: đảm đang, hiếu nghĩa, thủy chung. Khi chồng đi lính, nàng một mình làm hết cả vai trò của chồng lẫn vợ không một chút than van: nuôi dạy con thơ, chăm sóc mẹ già. Nàng luôn giữ trọn đạo hiếu đối với cha mẹ, phụng dưỡng mẹ chồng như mẹ ruột. Đối với chồng, trước sau nàng vẫn giữ trọn nghĩa tình. Biết chồng vốn tính đa nghi, "nàng cũng giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến bất hòa". Khi bị chồng nghi oan, không thể giải bày được, nàng đã lấy cái chết để chứng thực nghĩa tình của mình. Lời nguyện thề của Vũ Nương trước khi chết cũng chứng tỏ được tấm lòng trong trắng, thủy chung của nàng. "Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mỵ Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu Mỹ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ". Vũ Nương tin ở tấm lòng thủy chung trong trắng của mình nên sau khi chết đã được như lời nguyền. Tiết nghĩa của người con gái Nam Xương như thế! Câu chuyện càng thương tâm, tấm lòng nàng lại càng sáng tỏ. Vũ Thị Thiết là hiện thân của tâm hồn cao đẹp. Trong lòng nàng như không hề gợn một mảy may vẩn đục nào ngoài lòng yêu thương chồng, thương con. Tinh thần nhân đạo của tác phẩm còn bộc lộ rõ rệt trong việc phản ánh nỗi oan của Vũ Nương. Trong khi chế độ phong kiến coi thường quyền sống của người phụ nữ, không hề quan tâm đến nỗi khổ của họ, nguyện vọng của họ, thì truyện ngắn này đã đề cập tới nỗi khổ ấy, xót thương đến nỗi oan ấy. Bên cạnh đó,

Nguyễn Dữ còn đề cao một khát vọng của họ: được tôn trọng. Sau khi vợ chết không chỉ chàng Trương hiểu ra nỗi oan của nàng và lập đàn giải oan, mà tấm lòng trong sáng thủy chung ấy, nỗi khổ ấy còn cảm động đến thần linh. Hình ảnh "Vũ Nương ngồi kiệu hoa, theo sau đó có hơn năm mươi chiếc xe, cờ tán võng lọng rực rỡ" thật là đẹp đẽ. Đó là phần thưởng, là niềm an ủi cho nàng. Đồng thời nó cũng thể hiện được ước mơ của tác giả, của nhân dân ta ngày xưa.

Bên cạnh đó, truyện còn có nhiều thành công về mặt nghệ thuật. Đặc biệt là nghệ thuật dựng truyện giàu kịch tính. Những chỗ thắt nút, mở nút, bất ngờ mà vẫn hợp lí. Người đọc bất ngờ vì những câu nói ngây thơ của đứa trẻ lần đầu gặp cha, sửng sốt và thương tâm trước cái chết của người vợ, càng bàng hoàng khi đọc đến chi tiết: đứa con chỉ bóng cha in trên vách mà nói: "Cha Đản lại đến kia kìa!". Thì ra nguyên nhân nỗi đau khổ, nỗi oan ức của một con người, sự tan nát của một gia đình chỉ vì một "cái bóng" qua lời nói của trẻ thơ. Chính chi tiết đó làm nỗi oan nổi rõ lên với tất cả cái bi thảm của nó. Các nhân vật trong truyện tuy chưa thật sự có cá tính rõ rệt nhưng cũng biểu hiện được với một vài đặc điểm khá sắc sảo: đứa trẻ thì vô tư, người vợ thảo hiền thủy chung cam chịu, người chồng vừa nóng nảy hay ghen lại vừa cả tin nhẹ dạ. Truyện lại kết hợp chất hiện thực với những yếu tố hoang đường kì diệu gây hứng thú cho người đọc. Tuy nhiên do được viết bằng chữ Hán, với những cách diễn đạt bóng bẩy và ít nhiều công thức, ngôn ngữ của truyện còn gây cho ta cảm giác thiếu tự nhiên ta chưa biết được thực sự lời nói của cha ông ta ngày ấy. Nhưng dẫu sao, đây cũng là một truyện ngắn đầu tiên của văn học Việt Nam có những thành công sắc sảo.

Tóm lại, *Chuyện người con gái Nam Xương* là một câu chuyện tình đầy oan khuất. Qua truyện, ta hiểu được sự bất công phi lí của xã hội phong kiến đã đem đến nỗi đau khổ cho người phụ nữ đẹp trong văn chương Việt Nam thế kỉ XVI làm sáng ngời phẩm chất đáng quý của người phụ nữ Việt Nam. Dẫu đã trải qua nhiều thế kỉ, nhưng thời gian vẫn không làm giảm đi giá trị của tác phẩm văn học đặc sắc này. Tác phẩm là một trong những viên đá đầu tiên đã góp phần xây dựng nên ngôi nhà lớn văn xuôi Việt Nam.

B. VĂN HỌC HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

Đề: Phát biểu cảm nghĩ của em về tác phẩm *Mùa xuân nho nhỏ* của Thanh Hải.

Bài làm

Mùa xuân là mùa của thiên nhiên thắm tươi, của vạn vật sinh sôi nảy nở. Văn học Việt Nam ta từng có không ít vần thơ thể hiện cảm xúc rạo rực, trẻ trung trước mùa xuân. Ngay từ khi ra đời, *Mùa xuân nho nhỏ* của Thanh Hải đã chiếm được cảm tình của đông đảo bạn đọc. Bài thơ toát lên một không khí vừa rạo rực vừa trong sáng, êm dịu đến dễ thương, thể hiện tình yêu thiết tha đối với thiên nhiên, đất nước và một nguyện ước cống hiến thật đáng trân trọng.

Hình ảnh mùa xuân trong bài thơ của Thanh Hải mang nhiều tầng lớp ý nghĩa. Từ hình ảnh mùa xuân của thiên nhiên, đất nước trong lao động và chiến đấu, nhà thơ đi đến nguyện ước là "Một mùa xuân nho nhỏ. Lặng lẽ dâng cho đời", cất lên khúc hát xao xuyến, tươi vui hòa trong bản tình ca, anh hùng ca của cách mạng. Trong đó, mùa xuân nào cũng thật gợi cảm, cũng thật đáng yêu.

Bức tranh xuân của thiên nhiên, đất nước được tạo nên từ các chi tiết rất tiêu biểu, được vẽ bằng cả màu sắc lẫn âm thanh. Đó là dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, là lộc giắt đầy quanh lưng người ra trận và trải dài trên những cánh đồng (tượng trưng cho sự nảy nở sinh sôi, cho sự dồi dào, thành đạt). Đó là tiếng chim chiền chiện lảnh lót vang trời. Hình ảnh mùa xuân hiện lên trong cảm xúc thiết tha, trìu mến của nhà thơ, trong lời kêu, giọng hỏi: *ơi,... hót chi mà...* Đặc biệt, tình cảm nâng niu vẻ đẹp của mùa xuân, khát vọng thu nhận và giữ gìn vẻ đẹp ấy được thể hiện qua tư thế độc đáo: tôi đưa tay tôi hứng từng giọt âm thanh từ trời xanh rơi xuống. Tiếng chim chiền chiện thả vào không gian trong suốt của mùa xuân được cảm nhận thành từng giọt mang màu sắc long lanh. Cảm giác ấy, động tác ấy chỉ có ở một tâm hồn thi sĩ, ở một tấm lòng thiết tha yêu mến cuộc sống này. Từ hình ảnh mùa xuân gần gũi, nhà thơ liên tưởng khái quát đến truyền thống bốn nghìn năm, đến sức xuân cứ đi lên phía trước của đất nước. Khi đúc kết, khái quát như thế, lời thơ dễ khô khan. Nhưng khổ thơ thứ ba cứ như tự nhiên được cuốn đi trong dòng cảm xúc dịu dàng, đằm thắm, do đó vẫn nằm trong cái mạch tâm tình.

Từ rung cảm thiết tha trước mùa xuân đẹp của quê hương, đất nước, Thanh Hải bộc lộ một nguyện ước chân thành:

Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến...

Đó chính là hình ảnh "Một mùa xuân nho nhỏ - Lặng lẽ dâng cho đời" thể hiện khát vọng được hòa nhập, được dâng hiến. Đến đây ta bỗng thấm thía cái ý nghĩa nhan đề của bài thơ. Trước Thanh Hải quả chưa từng có hình ảnh thơ vừa lạ, vừa hồn nhiên, thân thương này. Hình ảnh *Mùa xuân nho nhỏ* chứa đựng sự khiêm nhường mà cũng tự tin, tự hào biết mấy của con người ý thức sâu sắc về giá trị cuộc đời, về hạnh phúc của hiến dâng và đón nhận. "Nốt trầm xao xuyến" của *Mùa xuân nho nhỏ* này cứ tự nhiên hòa vào mùa xuân lớn của đất nước nhờ sự chiếu sáng giữa hai phần của bài thơ. Khổ đầu đã xuất hiện hình ảnh bông hoa tím, con chim chiền chiện giữa trời xanh với tiếng hót "Từng giọt long lanh". Giờ đây, đến khổ thứ tư, nguyện ước của nhân vật trữ tình, của *Mùa xuân nho nhỏ* chính là sự láy lại của các hình ảnh ấy của mùa xuân.

Như vậy, giữa các khổ thơ, các phần của *Mùa xuân nho nhỏ* có sự gắn kết tự nhiên, chặt chẽ, vừa luyến láy vừa được nâng cao. Bài thơ này lay động tâm hồn chúng ta bởi chất họa gợi cảm, chất nhạc vấn vương, quyến luyến, bởi nguyện ước tha thiết, chân thành. Cái nguyện ước "Lặng lẽ dâng cho đời" một mùa xuân nho nhỏ kia đâu còn của riêng Thanh Hải mà có lẽ đã trở thành tiếng lòng của nhiều bạn đọc.

Đề: Phân tích bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* của Thanh Hải.

Bài làm

Thanh Hải là một nhà thơ được mọi người biết đến như một hiện tượng đặc biệt của thơ ca Việt Nam. Là con người tài hoa, giàu sức sống nghệ thuật và lắng nghe được nhiều âm thanh biến thái của cuộc đời, ngay cả những phút cận kề cái chết, Thanh Hải vẫn khát khao sống, làm việc, cống hiến cho đời. *Mùa xuân nho nhỏ* chứ không phải cái gì lớn lao ồn ã nhưng thật tinh túy, sâu xa, lắng đọng của Thanh Hải để lại cho đời trước lúc ra đi. Những vần thơ nhỏ nhẹ trầm bổng mà ý tứ lắng sâu lạ kì. Và không thể thiếu được ở làng thơ xuân nếu ta quên đi một *Mùa xuân nho nhỏ* của một nhà thơ tài hoa, mệnh bạc

Thanh Hải thì quả là thiếu sót. Bài thơ ra đời vào những năm 80 của thế kỉ XX được xem như một lời tâm niệm trẻ trung và đáng trân trọng của nhà thơ để lại cho đời trước lúc đi xa.

Mở đầu bài thơ, Thanh Hải đưa ta về với thiên nhiên, tạo hóa, đất trời. Sau những ngày đông lạnh lẽo, thiên nhiên lại được khoác một tấm áo tươi non, ấm áp của mùa xuân. Đất trời như rộng thêm ra, cao hơn được Thanh Hải phác họa bằng ba nét chấm phá. Một "dòng sông xanh", "bông hoa tím biếc", tiếng chim chiền chiện "hót vang trời" gợi ra một không gian cao rộng từ mặt đất đến bầu trời với những sắc màu tươi tắn, êm dịu, trong sáng. Những âm thanh vang vọng, tha thiết. Những đường nét đó đã khắc họa thành một bức tranh mùa xuân đẹp, yên ả, thanh bình, rạo rực niềm vui và tràn trề sức sống.

Đối tượng được nhà thơ miêu tả sâu sắc đó là hình ảnh:

Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng

Đây là chi tiết tạo hình và sự chuyển đổi cảm giác tuyệt vời trong thơ ca. "Giọt long lanh" ấy chính là những giọt xuân, mùa xuân đẹp, kì diệu với những sắc màu long lanh. Tác giả đã đưa tay hứng cả mùa xuân đất trời rất đỗi nâng niu, trìu mến, trân trọng và có cảm giác từng giọt xuân lung linh, ấm áp, mát dịu đang thấm vào da thịt, vào lòng người. Tất cả đang được tắm gội trong hương sắc mùa xuân say sưa, ngây ngất, ngọt ngào.

Và cảm hứng nhà thơ chuyển dần từ mùa xuân cảnh sắc thiên nhiên đất trời tươi đẹp sang mùa xuân đất nước, cách mạng:

Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy quanh lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ
Tất cả như hối hả
Tất cả như xôn xao...

Từ "mùa xuân" đã được chuyển nghĩa theo cách hiểu thứ hai với hai nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu, xây dựng và bảo vệ trong tư thế đất nước đi lên.

Điệp từ "lộc" láy lại đầu câu có nhiều nghĩa khác nhau: "lộc" là chồi non, sức sống, mùa xuân; lộc là do con người mang đến cho mùa xuân đến đó, mang chồi non, lộc biếc cho cuộc sống sinh sôi, nảy nở.

Âm hưởng của câu thơ, nhịp thơ hối hả, khẩn trương kết hợp tả thực, tượng trưng liên tưởng từ quá khứ đến hiện tại, tương lai đất nước:

Đất nước bốn nghìn năm
Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước.

Động từ "cứ" như một mệnh đề thẳng tiến khẳng định bước đi vững chãi, tự tin của dân tộc sau mỗi mùa xuân nhìn lại mình, vững bước đi lên.

Từ mùa xuân chung của đất nước và cách mạng, Thanh Hải ước nguyện làm một mùa xuân nho nhỏ đóng góp vào cuộc đời chung.

Nếu nhịp điệu thơ ở những khổ thơ trên vừa hối hả, vừa khẩn trương, vừa tả thực, vừa tượng trưng hàm chứa nhiều ý nghĩa về mùa xuân của đất nước lớn lao, tự hào thì mùa xuân ở những khổ thơ dưới như sau:

Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến.

Lại cất lên một cách nhỏ nhẹ, khiêm tốn nhưng thật tha thiết, cảm động, sâu lắng.

"Ta làm" là điệp ngữ vang lên ở đầu các câu thơ như một sự khẳng định những ước nguyện chính đáng, cao đẹp thể hiện tâm hồn khát khao được làm việc, được cống hiến nhiều nhất cho cuộc đời.

Hình ảnh đối ứng lặp lại ở đầu bài thơ "con chim", "cành hoa", "nốt trầm" là thể hiện mong ước cụ thể của nhà thơ được góp cái gì đó dù nhỏ bé nhưng có ích cho đời. Là con chim hãy mang lại những âm thanh vang vọng, những tiếng hót vui say lòng người. Là cành hoa hãy tỏa ngát hương thơm. Là nốt nhạc, nốt trầm trong bản nhạc nhưng không thể thiếu dàn hợp xướng, trong bản hòa ca tất cả mọi người.

Cũng trong khổ thơ này, Thanh Hải đã chuyển những cái bé nhỏ, riêng tư thành cái "ta" lớn lao, hòa chung mọi người. Giọng thơ nhỏ nhẹ, chân thành không khuôn thước, ồn ào mà ngược lại đằm thắm, lắng đọng, sâu xa tác động mạnh mẽ vào con tim, khối óc người đọc.

Tiếp theo là tiếng lòng cao cả của nhà thơ, của những con người biết hướng tới một mùa xuân đẹp, sống có lí tưởng, mục đích, ước mơ:

Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc

Tác giả nhắc lại nhan đề bài thơ như một lời nhắn nhủ, tâm tình, gợi ra một lẽ sống cống hiến cho đời chung lặng lẽ, khiêm tốn, sống đẹp, sống có ích, âm thầm đóng góp cho mùa xuân chung không kể gì tuổi tác, không kể gì thời gian.

Khổ thơ ánh lên và tỏa sáng vẻ đẹp tâm hồn luôn luôn khát khao vươn tới một cuộc sống tốt đẹp như một mùa xuân vang vọng đất trời để góp phần làm đẹp cho mùa xuân chung của đất nước. Tố Hữu viết:

Nếu là con chim chiếc lá
Con chim phải hót, chiếc lá phải xanh
Lẽ nào vay mà không có trả
Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình.

Thơ xưa và nay thường gắn nhiều định ngữ với mùa xuân nhưng mùa xuân của Thanh Hải nho nhỏ mà không nhỏ chút nào. Nó nói lên được nhiều ý nghĩa hơn cả bởi đó là lời tâm niệm chân thành, sâu lắng nhất của một tâm hồn trước lúc đi xa, giã từ cuộc sống ngàn lần đáng yêu về với cõi vĩnh hằng hư vô.

Có phải khi con người ta đến gần cái chết là lúc họ khát khao muốn sống hơn bao giờ hết. Nhưng chúng ta còn khâm phục hơn ở Thanh Hải đó là một tấm lòng rộng mở, thanh thản, cao đẹp, sống có ý nghĩa đến những phút chót trong cuộc đời. Đúng như mong ước của nhà thơ, *Mùa xuân nho nhỏ* được phổ nhạc. Bài thơ lại một lần nữa được chắp thêm cánh bay xa góp vào bản hòa ca trong dàn hợp xướng một nốt trầm làm xao xuyến lòng người.

Đề: Phân tích bài thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy.

Bài làm 1

Ta gặp đâu đây ngòi bút tài hoa của Nguyễn Duy trong tác phẩm: *Tre Việt Nam, Hơi ấm ổ rơm...* Nhưng khi hòa bình lập lại, ông đã chuyển sang một trang viết mới về sự chuyển mình của đất nước, của con người mà cuộc sống đời thường đang che lấp mất dần những điều đáng quý mà họ vốn có. Bài thơ *Ánh trăng* là một bài thơ tiêu biểu cho chủ đề đó. Bài thơ như một lời tự nhắc nhở của tác giả về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên đất nước, đồng thời thức dậy trong tâm hồn người lính lòng trung hiếu trọn vẹn với nhân dân.

Trước hết, đọc bài thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy, điều mà chúng ta cảm nhận đầu tiên là hình ảnh vầng trăng tình nghĩa hiếu hậu,

bình dị gắn liền với cuộc kháng chiến gian lao khiến mỗi chúng ta trân trọng tình cảm ấy.

Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể
hồi chiến tranh ở rừng
vầng trăng thành tri kỉ.

Bằng nghệ thuật nhân hóa, Nguyễn Duy đã gợi về trong lòng người đọc cả một kí ức tuổi thơ, một tình bạn tươi đẹp. Nhân vật trữ tình gắn bó với trăng trong những năm dài kháng chiến. Trăng vẫn thủy chung, tình nghĩa. Dẫu rằng cuộc sống nơi đồng, bể là khó khăn nhưng bằng tình cảm chân thành mộc mạc, cao quý, trăng đến với con người không một chút ngần ngại. Trăng với người như hai mà một, đều chung thủy, son sắt. Trăng xuất hiện không chỉ có hồn mà còn mang vẻ hoang sơ, mộc mạc.

Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ

Bằng cả tâm hồn đồng điệu, Nguyễn Duy đã viết lên những vần thơ chân thành đến thế. Trăng hiện lên bình dị, khác xa so với những gì giả tạo:

Từ hồi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương.

Từ những khó khăn, buồn bã, quạnh hiu nơi núi rừng, trăng và người xích lại gần nhau, tình cảm ấy càng mặn nồng. Dường như cuộc đời người lính không còn cô đơn lạnh lẽo, nó được sưởi ấm trong tình thương yêu, tình cảm bạn bè.

Vầng trăng hiện lên với mối quan hệ khăng khít với con người. Cuộc sống vô tư và chịu nhiều khó khăn đã đưa đẩy con người đến với thiên nhiên. Tâm hồn họ thật sự không khô héo cùng hoàn cảnh. Trăng hiện lên trong những vần thơ tiếp theo lại nhân ái, bao dung, tha thứ cho tất cả lỗi lầm của người lính. Ta tưởng rằng tình bạn ấy có thể sâu đậm lắm, mãi mãi vững bền nhưng đột nhiên trong lòng người đọc một cảm giác hụt hẫng. Hai hình ảnh đối lập khá tinh tế: *ngỡ không bao giờ quên* đối lập với *như người dưng qua đường.*

Một sự thay đổi phũ phàng khiến người ta không khỏi nhói đau. Tình cảm xưa kia nay chia lìa. Bởi một hiện thực, vầng trăng bị lãng quên từ khi về thành phố đầy đủ tiện nghi. Cuộc sống công nghiệp hóa, hiện đại hóa của điện gương đã làm át đi sức sống của ánh trăng trong tâm hồn con người. Anh lính đã lãng quên đi rằng chính ánh

trăng đã đồng cam cộng khổ cùng người lính; quên đi tình cảm chân thành, quá khứ cao đẹp nhưng đầy tình người.

"Người lãng quên ta nhưng ta không lãng quên người". Vâng! Trăng xuất hiện với một tình cảm tràn đầy, không mảy may sứt mẻ. Trăng xuất hiện đột ngột trong khoảnh khắc thay thế điện, khi đó nhân vật trữ tình "bật tung cửa sổ" - một phản xạ rất tự nhiên và hình ảnh ánh trăng lại xuất hiện trong tâm hồn anh lính:

đột ngột vầng trăng tròn

"Trăng tròn" một hình ảnh thơ khá hay, không chỉ là ánh trăng tròn mà còn là tình cảm bạn bè trong trăng vẫn trọn vẹn, vẫn chung thủy như năm xưa. Tình cảm ấy chân thành ở chỗ: trăng không hề đòi hỏi, chỉ biết thương hết mình. Chính sức tỏa sáng của ánh trăng đã tỏa sáng không gian, tỏa sáng tâm hồn, rọi về những quá khứ đẹp.

Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng.

Ánh trăng đánh thức lại những kỉ niệm quá khứ, đánh thức lại tình bạn năm xưa, đánh thức những gì con người đã quên. Trăng và nhân vật trữ tình đã đối diện thẳng, nhìn thẳng vào nhau. Cảm xúc "rưng rưng" là biểu thị của một tâm hồn vui sướng gặp lại bạn tri kỉ lại vừa cảm thấy ăn năn vì vô tình lãng quên đi quá khứ.

Trăng hiện lên đáng giá biết bao, cao thượng vị tha biết chừng nào:

Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc

Trăng không trách móc oán hờn mà vẫn khoan dung vị tha. Nhưng đôi khi sự im lặng chính là sự trừng phạt nặng nề nhất. Trăng tròn vành vạnh là hiện diện cho quá khứ đẹp đẽ không thể phai mờ. Ánh trăng chính là người bạn nghĩa tình mà nghiêm khắc nhắc nhở nhà thơ, khiến nhà thơ day dứt:

đủ cho ta giật mình

"Giật mình" biểu thị sự thức tỉnh với quá khứ tràn đầy bất diệt kia. Không một tòa án nào xét xử sự phản bội trong tình bạn, chỉ duy có tòa án lương tâm. Con người thực sự không thể sống thiếu quá khứ, không thể không biết đứng trên quá khứ để vươn tới tương lai. Đó mới là cách sống của một con người. Nguyễn Duy đã đưa ra một triết lí thật tự nhiên và sâu sắc về cuộc sống – tình người.

Thông qua hình tượng *Ánh trăng* phải chăng Nguyễn Duy muốn nói đến tình cảm của nhân dân trong thời kì kháng chiến. Tuy thiếu thốn vật chất nhưng họ không nghèo nàn về tình cảm, họ đã bao bọc, chở che cho người lính. Ánh trăng là biểu tượng đẹp đẽ về con người ấy.

Bài thơ khép lại nhưng để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc: Nguyễn Duy – một phong cách rất giản dị nhưng mang triết lí sâu xa. Nó gợi ra trong lòng chúng ta nhiều suy ngẫm sâu sắc về cách sống, cách làm người: "Uống nước nhớ nguồn" ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ.

Bài làm 2

Thời xưa cũng như nay, thiên nhiên là nguồn cảm hứng sáng tác vô tận cho các nhà văn, nhà thơ. Nguyễn Duy, một nhà thơ tiêu biểu cho thế hệ trẻ sau 1975 cũng góp vào mảng thơ thiên nhiên: *Ánh trăng*. Bài thơ như một lời nhắc nhở về một thời đã qua của người lính gắn bó với thiên nhiên bình dị, hiền hòa, với nghĩa tình đằm thắm sáng trong.

Bài thơ năm chữ nhỏ nhẻ, đơn giản, hiền lành và đẹp như thiên nhiên, như vầng trăng:

Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với biển
hồi chiến tranh ở rừng
vầng trăng thành tri kỉ.

Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngỡ không bao giờ quên
cái vầng trăng tình nghĩa.

Mở đầu bài thơ là hồi ức của người lính khi còn nhỏ với kỉ niệm về cánh đồng xanh, về con sông êm ả và về biển cả mênh mông... Nhưng khi chiến tranh ập đến đã làm thay đổi tất cả. Chàng trai ấy giã từ cuộc sống bình dị chốn làng quê để trở thành người lính. Cuộc sống bây giờ là ở rừng và vầng trăng xuất hiện để chia cho người lính một chút thơ mộng của tuổi thanh xuân, chút dịu êm, hiền hòa của thiên nhiên. Vầng trăng hồn nhiên càng lúc càng trở nên quen thuộc, gần gũi để rồi trở thành "tri kỉ", trở thành tình nghĩa. Đây là nghĩa tình của những đồng đội, đồng chí cùng chiến đấu cho hòa bình như nhà thơ Chính Hữu cũng đã từng có cảm nhận tương tự: "Đầu súng trăng treo".

Nhưng chiến tranh đã đi qua, người lính giã từ núi rừng, trở về thành phố. Và mọi chuyện bắt đầu đổi khác:

Từ hồi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường.

Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-đinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn.

"Từ hồi về thành phố", người lính xưa bắt đầu quen sống với những tiện nghi hiện đại như "ánh điện, cửa gương". Mới mẻ và hấp dẫn, nó đã cuốn hút mọi người bằng những cám dỗ chết người. Người lính quên hết thiên nhiên: sông, biển, đồng, rừng quên cả những gì là thiêng liêng, là tri kỉ, là tình nghĩa. Và vầng trăng giờ đây chỉ là người không quen biết, "một người dưng qua đường". Câu thơ dửng dưng – lạnh lùng – xa cách, miêu tả một điều gì bội bạc, nhẫn tâm vẫn thường xảy ra trong cuộc sống. Nhưng khi "đèn điện tắt, phòng tối om" người lính mới chợt nhận ra "vầng trăng tròn". Trăng vẫn tròn vành vạnh – vẫn thứ ánh sáng huyền diệu, trong ngần. Sự đổi thay của con người không làm vầng trăng cau mặt, trăng vẫn nguyên vẹn nghĩa tình, đầy ắp thủy chung.

Giật mình nhìn lại đoạn đường vừa đi qua để phát hiện mình vô tình, bạc bẽo, người lính ngửa mặt nhìn lại vầng trăng – một thời quá khứ – một sự đối diện ngậm ngùi.

Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng, là bể
như là sông là rừng.

Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.

Từ cái đối mặt trực diện với thiên nhiên thì cả cái quá khứ lại ào ạt hiện về nào "là đồng, là bể", nào "là núi, là rừng" và cả vầng trăng nữa "trăng tròn vành vạnh, trăng im phăng phắc", không giận hờn trách móc mà chỉ nhìn thôi. Cái nhìn thật sâu như soi tận đáy tim

người lính đủ để giật mình nghĩ về cuộc sống trong hòa bình hôm nay. Họ đã quên mất đi chính mình, quên những gì đẹp đẽ, thiêng liêng nhất của quá khứ để chìm đắm trong một cuộc sống xô bồ, phồn hoa mà ít nhiều rồi sẽ mất đi những gì tốt đẹp nhất của chính mình. Ánh trăng "im phăng phắc" như nhắc nhở người lính, nhắc nhở nhà thơ và cả mỗi người chúng ta: con người có thể vô tình, có thể lãng quên nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn tràn đầy, bất diệt. Câu thơ bình dị như lời nhà thơ thì thầm nhắc nhở với chính mình và cũng đồng thời nhắc nhở với chúng ta, những người đang sống trong hòa bình, hưởng những tiện nghi hiện đại, đừng bao giờ quên công sức đấu tranh cách mạng của biết bao người đi trước.

Bài thơ *Ánh trăng* là một lần "giật mình" của Nguyễn Duy về sự vô tình trước thiên nhiên, vô tình với những kỉ niệm nghĩa tình của một thời đã qua. Thơ Nguyễn Duy không hề khai thác cái đẹp của trăng, nhưng ánh trăng trong thơ ông vẫn mãi làm ray rứt người đọc – sự ray rứt về những điều được và mất, nên và không, khi sống trong cuộc đời. Vẻ đẹp ấy mới chính là vẻ đẹp của văn chương cách mạng vì thơ không chỉ ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, con người mà còn "dạy" ta cách học làm người.

***Đề:* Phân tích hình ảnh người mẹ trong bài thơ *Con cò* (Chế Lan Viên).**

Bài làm

Chế Lan Viên là đại biểu xuất sắc của nền thơ hiện đại Việt Nam. Đọc thơ ông người đọc có thể rút ra những triết lí sâu sắc về tình yêu, cuộc sống con người. Thơ Chế Lan Viên hấp dẫn người đọc không ở sự lấp lánh của từ ngữ mà từ chiều sâu của những suy ngẫm đầy nhân bản. Mỗi hình tượng thơ ông là một biểu tượng của những tầng lớp ý nghĩa hàm ẩn khác nhau. *Con cò* là một bài thơ như thế. Từ hình tượng con cò, nhà thơ đã đi đến những khái quát sâu sắc về tình yêu thương của mẹ trong cuộc đời mỗi con người: Mẹ là tâm hồn quê hương, mẹ là bàn tay chở che ấp ủ, là điểm tựa nâng đỡ cuộc đời.

Hình tượng người mẹ trong bài thơ được nhà thơ miêu tả gắn liền với từng đoạn đời của mỗi con người.

Ở đoạn đời đầu tiên khi con còn ẵm ngửa, tình mẹ gửi trong từng câu hát ru quen thuộc. Trong câu hát có hình ảnh quê hương, có hình ảnh những cuộc đời lam lũ, tảo tần một nắng hai sương nuôi con khôn lớn, thấm đẫm trong lời hát là những xúc cảm yêu thương trào dâng trong trái tim của mẹ:

Cò một mình, cò phải kiếm ăn,
Con có mẹ, con chơi rồi lại ngủ.

Hay:

Ngủ yên! Ngủ yên! Cò ơi, chớ sợ!
Cành có mềm, mẹ đã sẵn tay nâng.

Những xúc cảm yêu thương ấy làm nên chiều sâu của lời ru, mang đến cho con giấc ngủ yên bình. Vì thế, cho dù không hiểu, cho dù là cảm nhận vô thức nhưng trái tim bé nhỏ của con đã được hiểu thế nào là tình mẹ: "Sữa mẹ nhiều, con ngủ chẳng phân vân".

Lời ru mang tâm hồn quê hương ấy trở thành người bạn tuổi ấu thơ, thành tâm hồn của con lúc trưởng thành. Cánh cò và tình mẹ đã đi vào tâm hồn con như thế. Và sẽ theo con đến suốt cuộc đời:

Dù ở gần con,
Dù ở xa con.
Lên rừng xuống bể,
Cò sẽ tìm con,
Cò mãi yêu con.
Con dù lớn vẫn là con của mẹ,
Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con.

Dưới hình thức thơ tự do, nhà thơ đã dựng lên cả một bầu trời yêu thương bao la mà đặc điểm của nó là không gian và thời gian không giới hạn. Lên rừng – xuống biển – hai chiều không gian gợi nên ấn tượng về những khó khăn của cuộc đời: "gần" – "xa", khoảng cách địa lí diệu vợi cũng là một trở ngại có thể cản ngăn tình cảm nhưng chẳng thể nào là những cản trở đối với tình yêu thương mà mẹ dành cho con. Tình yêu thương của mẹ "luôn", "vẫn", "sẽ", "mãi" bên con cho dù có thể một ngày nào đó mẹ không còn có mặt trên đời. Tấm lòng người mẹ muôn đời vẫn vậy: vượt ra ngoài mọi khoảng cách và giới hạn, không chịu khuôn mình trong không gian và thời gian. Đó là quy luật mà nhà thơ đã trình bày và khái quát trong suốt cả bài thơ. Nguyễn Duy cũng đã từng khái quát về tình yêu ấy trong những câu thơ đầy triết lí:

Ta đi trọn một kiếp người
Cũng không đi hết một lời mẹ ru.

Từ những cảm xúc như thế về người mẹ của mình, bài thơ khép lại trong những câu thơ đúc kết về sự gắn bó máu thịt giữa cuộc đời mỗi con người và tình yêu thương của mẹ. Cuộc đời mỗi con người sẽ chẳng thể nào thiếu đi phần tình cảm thiêng liêng nhất ấy bởi đó còn là tình quê hương, là nguồn cội, là bến bờ che chở nâng đỡ mỗi con người.

Bằng con đường của sự suy tưởng, Chế Lan Viên đã dựng lên hình tượng người mẹ Việt Nam bằng tình yêu thương "vượt ra ngoài mọi bờ cõi và giới hạn", gắn với từng chặng đời, theo từng bước con đi. Mỗi người Việt Nam trưởng thành hôm nay đều bắt đầu từ đó. Trong văn học và trong tâm thức mỗi người, mẹ luôn và bao giờ cũng là hình ảnh đẹp đẽ nhất, rực rỡ nhất. Với người này là sự chăm sóc, nâng niu "Cơm con ăn tay mẹ nấu, nước con uống tay mẹ xách, mẹ đun". Với người khác là trước vấp ngã cuộc đời được bàn tay mẹ chở che bao bọc "Ba mẹ là lá *chắn, che chở suốt đời con". Tất cả để khẳng định một điều con người* lớn lên không thể thiếu được tình yêu thương của mẹ. Bài thơ *Con cò* đã được nhà thơ khái quát từ tất cả những tình cảm ấy. Bài thơ là lời ngợi ca tình yêu sâu sắc bao la của mỗi người mẹ trong cuộc đời này. Bài thơ ra đời cách chúng ta đã bốn mươi năm nhưng những triết lí về cuộc đời và tình yêu của mỗi con người vẫn chưa và không bao giờ cũ bởi vì chẳng có điều gì trên thế gian có thể vĩnh cửu bằng tình mẹ với con. Người mẹ chính là tượng đài bất tử về con người là như thế.

Đề: **Trong bài thơ *Viếng lăng Bác*, nhà thơ Viễn Phương có viết:**

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác,
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát.
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ,
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...

Em hãy phân tích hai khổ thơ trên.

Bài làm

Ôi Bác Hồ ơi, những xế chiều
Nghìn thu nhớ Bác biết bao nhiêu!
(*Bác ơi!* Tố Hữu)

Mặc dù "*Bác đã lên đường theo tổ tiên*" nhưng trong lòng của tất cả những người dân Việt Nam, Bác vẫn còn sống mãi. Và toàn thể nhân dân Việt Nam quyết định lưu giữ lại thi hài của Người để mỗi ngày lớp lớp cháu con được vào lăng để ngắm nhìn, thăm viếng Người. Sau ngày hòa bình, non sông Việt Nam thu về một mối, trong số những người

con vào lăng viếng Bác, có nhà thơ Viễn Phương. Quá xúc động, kính yêu, biết ơn, tự hào, đau xót trong những phút giây được ở bên Người, nhà thơ Viễn Phương đã viết bài thơ *Viếng lăng Bác*. Đây là hai khổ thơ đầu của bài thơ:

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác,
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát.
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.
Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng,
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ,
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...

Câu thơ mở đầu: *Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác* như một lời nói thầm, một lời thưa, một lời chào của nhà thơ Viễn Phương đối với vị cha già dân tộc nhưng có sức rung, sức gợi sâu xa. Câu thơ vừa thể hiện tâm trạng xúc động của "đứa con xa" vừa thể hiện tâm trạng chung của đông đảo đồng bào, chiến sĩ miền Nam trong một chuyến đi phải mất mấy mươi năm trường kì kháng chiến với biết bao gian lao, vất vả, khó nhọc, thậm chí phải đổ cả xương máu để chuẩn bị. Nhà thơ xưng "con" với vị cha già nghe thật ấm cúng, thắm thiết, nồng nàn. Cách xưng hô này cũng giống như cách xưng hô của bao thế hệ nối tiếp khác. Nhưng cái đặc biệt ở đây là *con ở miền Nam*. Hai tiếng thiêng liêng *miền Nam* luôn nằm trong trái tim và mơ ước của Bác, vì điều kiện khắc nghiệt của chiến tranh, Bác chưa một lần được đặt chân đến miền Nam để hôn lên mảnh đất miền Nam. Bác thường nói về miền Nam bằng những lời tràn ngập yêu thương: *Miền Nam là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam. Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn. Song, chân lí đó không bao giờ thay đổi.*

Và hàng triệu người Việt Nam không thể nào quên câu nói chan chứa tình cảm của Người đối với đồng bào miền Nam ruột thịt tại kì họp thứ 6 (12 - 1956) Quốc hội khóa I: *Miền Nam trong trái tim tôi!* Thế rồi, Bác lấy khăn ra lau những giọt nước mắt rơi rơi, làm cho cả hội trường cũng xúc động theo Người. Thật vậy, trái tim của Bác Hồ xúc động mãnh liệt mỗi khi miền Nam diễn ra những sự kiện quan trọng. Hình ảnh miền Nam quanh Bác Hồ, từ cây vú sữa đến cây dừa và những giàn hoa thơm, quả ngọt của miền Nam, được Bác vun xới, chăm sóc trong vườn của Bác, như miền Nam được Bác ấp ủ yêu thương...

Vậy nên, chỉ bốn tiếng *con ở miền Nam* cũng đủ gợi lên cả một trời thương nhớ mênh mang, một niềm hãnh diện. Ở tận đáy lòng nhà thơ như muốn bật lên tiếng nói chan chứa kính yêu "con ở miền Nam mới ra thăm Bác, Bác ơi!". Có thể nói, chỉ mới đọc câu đầu tiên, chúng ta cũng dự đoán được sự thành công tuyệt vời của bài thơ.

Trong đôi mắt của người *con ở miền Nam* ấy, hiện lên hình ảnh hàng tre trải dọc lối đi quanh lăng Bác:

Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.

Đó là hình ảnh thực mang đậm nét cái hồn của làng quê thôn dã Việt Nam. Quanh lăng Bác "cây và hoa khắp miền đất nước tụ hội, đâm chồi, phô sắc và tỏa ngát hương thơm" nhưng nhà thơ lại đưa vào bài thơ của mình hàng tre. Đây không phải là cách chọn lựa ngẫu nhiên. Chúng ta nên nhớ rằng cây tre là biểu trưng cho sức sống kiên cường, bất khuất, bền bỉ của dân tộc Việt Nam. Bằng cái nhìn liên tưởng sâu xa kết hợp với các thủ pháp nghệ thuật nhân hóa tu từ, tượng trưng, điệp ngữ, hình ảnh hàng tre đã hóa thân thành những người chiến sĩ "đứng thẳng hàng" để canh giấc ngủ cho Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Theo trường liên tưởng sâu xa ấy, nhà thơ tiếp cận lăng Bác:

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.

Trong hai hình ảnh "mặt trời" sóng đôi, hình ảnh thứ nhất chỉ mặt trời thực – mặt trời của tạo hóa có tính chất vĩnh hằng; hình ảnh thứ hai được xây dựng bằng nghệ thuật ẩn dụ tu từ. Nếu như mặt trời thực ngày ngày chuyên chở ánh sáng, mang sự sống đến cho mọi người trên thế gian thì Bác Hồ như một mặt trời đỏ rực soi đường dẫn lối cho cách mạng Việt Nam đi đến thành công và sưởi ấm tâm hồn của lớp lớp cháu con. Mặt khác, hình ảnh ẩn dụ "mặt trời" vừa trang trọng, vừa ngợi ca sự bất tử của Bác Hồ vừa thể hiện được lòng thành kính của toàn thể dân tộc đối với vị cha già.

Riêng hình ảnh dòng người xếp hàng vào viếng Bác được nhà thơ so sánh ngầm với những tràng hoa dâng nỗi thương nhớ, kính yêu lên Bác:

Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ,
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...

Cũng như hình ảnh "tràng hoa", "bảy mươi chín mùa xuân" là hình ảnh ẩn dụ tu từ. Nhà thơ muốn nói rằng Bác như mùa xuân, Bác là

mùa xuân. Bảy mươi chín tuổi đời của Bác như bảy mươi chín mùa xuân trong sáng. Trong *Di chúc*, Bác viết "Nay tôi đã ngoài bảy mươi xuân". Trong trường ca *Theo chân Bác*, Tố Hữu cũng viết "Bảy mươi chín tuổi xuân trong sáng". Do đó, lời thơ của Viễn Phương rất gần gũi với cách nói của Bác lúc sinh thời.

Phép điệp cấu trúc cú pháp *Ngày ngày / mặt trời đi qua trên lăng - Ngày ngày / dòng người đi trong thương nhớ* kết hợp với nghệ thuật điệp sóng đôi "ngày ngày" đã nhấn mạnh thêm sức sống đời đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lòng mọi người dân Việt.

Tóm lại, qua hai khổ thơ cô đúc, súc tích, giàu hình ảnh, giàu liên tưởng kết hợp với giọng điệu trang trọng, thâm trầm, tha thiết và khối tình cảm dồn nén, lắng đọng, nhà thơ Viễn Phương đã bày tỏ được trọn vẹn tình cảm của mình cũng như của nhiều thế hệ cháu con đối với Bác Hồ vô vàn kính yêu. Cũng chính vì sự thành công xuất sắc ấy, cả bài thơ *Viếng lăng Bác* đã được phổ nhạc, được đông đảo người thưởng thức nghệ thuật nhiệt liệt ủng hộ và hết lời khen ngợi.

Đề: Cảm nhận của em về bài thơ *Viếng lăng Bác* của Viễn Phương.

Bài làm

Ở mỗi người Việt Nam chúng ta, niềm kính yêu, lòng biết ơn Bác Hồ luôn luôn là tình cảm thiêng liêng, thành kính. *Viếng lăng Bác* của tác giả Viễn Phương là bài thơ nói lên một cách thiết tha, cảm động về tình cảm này.

Từ mảnh đất miền Nam mấy chục năm trời chiến đấu gian khổ, anh làm cuộc "hành hương" về đất Bắc. Bồi hồi xúc động, anh tìm đến viếng Bác ở Ba Đình – Hà Nội.

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam...

Đoạn thơ mở đầu thiêng liêng thành kính nhưng vẫn gợi một không khí ấm áp gần gũi. Không chỉ cách xưng hô mà còn nhờ tác giả đã chọn một hình ảnh rất thân thuộc: cây tre. Nói đến cây tre là ta nghĩ tới đất nước, tới con người Việt Nam với bao đức tính Việt cao quý, trong sáng nhất. Song, hình ảnh cây tre mới như một khúc dạo đầu để mở ra một loạt những suy tưởng khác, sâu lắng hơn, mênh mông hơn.

Bác nằm trong lăng giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi.

Vầng trăng... trời xanh... các hình ảnh kì vĩ, rộng lớn nối tiếp nhau xuất hiện khiến ta phải suy ngẫm. Ngẫm về cái bất diệt, cái vô cùng của vũ trụ đến cái bất diệt, cái vô cùng cao cả ở một con người.

Bài thơ được viết theo mạch cảm xúc thời gian. Còn đứng trên đất Bắc, tác giả đã phải bịn rịn nghĩ tới lúc chia tay, phải xa nơi Bác nghỉ. Và đây cũng là dòng cảm xúc được đẩy tới mức cao nhất, tuôn trào mạnh mẽ nhất:

Mai về miền Nam thương trào nước mắt.

Câu thơ như lời nói thường không cần dùng đến kĩ thuật. Giọng thơ không ồn ào. Thế mà đọc lên thấy xúc động. Trước hết bởi cách nói, cách bộc lộ có một cái gì rất Nam Bộ. Chân thành, bộc trực mà không thô. Tác giả thay mặt cho đồng bào miền Nam – những người con ở xa – bày tỏ niềm tiếc thương vô hạn. Người đọc đồng cảm với anh, bởi nỗi thương nhớ, xót xa, ân hận khi đến trước Bác, nào phải riêng ai!

Cả cái ước nguyện chân thành ở cuối bài thơ cũng không của riêng người nào.

Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.

Hình ảnh cây tre lại đến, thật tự nhiên nhuần nhị để khép bài thơ lại, song không còn là hàng tre – khách thể ở trên mà đã tan hòa vào chủ thể. Nhà thơ nói cho mình, cũng là nói hộ ý nguyện của mỗi chúng ta: muốn được hóa thân làm cây tre trung hiếu, giữa hàng ngàn cây tre trung hiếu khác mãi mãi đứng bên Bác.

Viếng lăng Bác giàu chất suy tưởng, chất trữ tình đằm thắm với cách sử dụng nhiều luyến láy trong ngôn ngữ, phong phú âm điệu, khiến bài thơ mau chóng được đông đảo bạn đọc tiếp nhận. Cũng chính vì vậy nó cũng đã sớm được phổ nhạc để trở thành một bài hát giàu sức truyền cảm, giờ đây quen thuộc với mỗi người chúng ta.

Đề: Cảm nhận về bài thơ *Nói với con* của Y Phương.

Bài làm

Tình cảm gia đình, tình yêu đối với quê hương xứ sở là những tình cảm nguyên sơ nhưng là những tình cảm thiêng liêng nhất đối với con người Việt Nam. Lòng yêu thương con cái, ước mong thế hệ sau tiếp nối xứng đáng truyền thống của tổ tiên, dân tộc, quê hương là sự thể hiện cụ thể của tình cảm cao đẹp đó. Nhiều nhà thơ đã giãi bày những sắc

thái tình cảm ấy lên trang giấy. Chúng ta bắt gặp trong bài thơ *Nói với con* của tác giả Y Phương những lời tâm tình thiết tha, những lời dặn dò ân cần của người cha đối với con được diễn đạt bằng cách nói mộc mạc, chân chất của người miền núi, bằng những hình ảnh giản dị tưởng như thô ráp nhưng vẫn mang vẻ đẹp tinh khôi của cảnh và tình nơi rừng núi quê hương.

Mở đầu bài thơ, bằng những lời tâm tình với con, Y Phương đã gợi về cội nguồn sinh dưỡng mỗi con người. Gia đình và quê hương là cái nôi êm, để từ đó con lớn lên, trưởng thành với những nét đẹp trong tình cảm, tâm hồn.

Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười.

Thoạt tiên, những câu thơ đầu của bài thơ rất dễ được cho là đang miêu tả một tình huống cụ thể thường gặp trong đời sống: con đang tập đi, cha mẹ vây quanh mừng vui, hân hoan theo mỗi bước chân con. Tuy nhiên, đằng sau lối nói cụ thể đó, tác giả muốn khái quát thành một điều lớn hơn, có tính chất chiêm nghiệm: con lớn lên bằng tình yêu thương, trong sự nâng đón, vỗ về, mong chờ của cha mẹ. Những hình ảnh ấm êm với cha và mẹ, những âm thanh sống động, vui tươi với tiếng nói, tiếng cười là những biểu hiện của không khí gia đình đầm ấm, quấn quýt, hạnh phúc tràn đầy. Không khí gia đình đầm ấm, thân thương ấy là một hành trang quý báu đối với cuộc đời, tâm hồn con. Đó cũng là yếu tố đầu tiên hình thành nên những phẩm chất tâm hồn mỗi con người.

Bên cạnh tình cảm gia đình thắm thiết, hạnh phúc, quê hương và cuộc sống lao động trên quê hương cũng giúp con trưởng thành, giúp tâm hồn con được bồi đắp thêm lên. Ở khổ thơ tiếp theo này, tác giả đã sử dụng những cách nói, những hình ảnh của người miền núi – nơi sinh dưỡng của chính mình – để nói những điều chân thực về quê hương rừng núi:

Người đồng mình yêu lắm con ơi
Nan lờ cài đan hoa
Vách nhà ken câu hát.

Khi tâm tình với con về cuộc sống lao động của "người đồng mình", tác giả đã lựa chọn đưa vào những hình ảnh đẹp đẽ "nan lờ cài đan hoa" và tươi vui "vách nhà ken câu hát". Những động từ *đan*, *ken*, *cài*

bên cạnh việc giúp cho người đọc hình dung được những công việc cụ thể của con người trên quê hương còn gợi ra tính chất gắn bó, hòa quyện, quấn quýt của con người và của quê hương xứ sở. Phải chăng đó chính là nguồn cội nuôi dưỡng tâm hồn con người?

Mỗi vùng quê, mỗi mảnh đất quê hương cụ thể trong mình nó chứa bao nhiêu truyền thống quý báu. Truyền thống đó có thể là những phẩm chất tâm hồn của cộng đồng người sống trên mỗi cùng quê đó và họ luôn tự hào về nó. Trong bài thơ *Nói với con* tiếp theo sự khái quát gia đình và sự lao động trên quê hương là nguồn cội sinh dưỡng mỗi con người, nhà thơ Y Phương đã tiếp tục đi tìm nơi sinh thành ra những phẩm chất của "người đồng mình" mà ông đã cất tiếng yêu tha thiết ngay ở khổ thơ đầu "Người đồng mình yêu lắm con ơi".

Nói đến quê hương cũng là nói đến cảnh quan đặc trưng của nơi con người cụ thể sinh ra và trưởng thành từ đó. Quê hương của "người đồng mình" với hình ảnh rừng, một hình ảnh gắn liền với cảnh quan miền núi, hiện ra thật thơ mộng, đẹp đẽ "rừng cho hoa". Hình dung về một vùng núi cụ thể, chắc hẳn mỗi người có thể gắn với nó những hình ảnh khác, và cũng có thể "rừng" hơn cách nói của Y Phương: là thác lũ, là bạt ngàn cây hay rộn rã tiếng chim thú hoặc cả những bí mật bất trắc của rừng. Y Phương chỉ chọn một hình ảnh thôi, hình ảnh hoa để nói về cảnh quan rừng. Trong tiếng Việt, hoa nhiều khi được hiểu như những gì đẹp, quý. Hoa trong *Nói với con* có thể là hoa thực – như một đặc điểm của rừng – và khi đặt trong mạch của bài thơ, hình ảnh này là một tín hiệu thẩm Mỹ đáng giá. Nó góp phần diễn đạt điều tác giả đang muốn khái quát: chính những gì đẹp đẽ của quê hương đã hun đúc nên tâm hồn cao đẹp của con người ở đó.

Quê hương còn hiện diện trong những gì gần gũi, thân thương với con. Đó cũng chính là một nguồn mạch yêu thương vẫn tha thiết chảy trong tâm hồn mỗi người, bởi "Con đường cho những tấm lòng". Vẻ thơ mộng ấy của thiên nhiên, nghĩa tình sâu đậm ấy của "những tấm lòng" đã che chở, nuôi dưỡng, bồi đắp tâm hồn cũng như lối sống của con.

Khi đọc những lời thơ này, chắc hẳn nhiều người liên tưởng đến một bài thơ quen thuộc: bài thơ *Quê hương* của Đỗ Trung Quân. Không chọn cách nói hoàn toàn giống Y Phương trong *Nói với con* song những điều tác giả muốn nói lại có những điểm tương đồng. Trong hình thức trả lời cho câu hỏi của một em bé "Quê hương là gì hở mẹ? Mà cô giáo dạy phải yêu! Quê hương là gì hở mẹ! Ai đi xa cũng nhớ nhiều?" Tác giả đã đi đến định nghĩa quê hương trong hàng loạt những cấu trúc

khẳng định: Quê hương là chùm khế ngọt! Đường đi học! Cánh diều! Con đò nhỏ! Cầu tre nhỏ! Đêm trăng tỏ. Nếu như những hình ảnh núi rừng được Y Phương chấm phá trong *Nói với con* thì hình ảnh một miền quê mang đậm cảnh sắc nông thôn yên ả cũng hiện ra trong bài thơ *Quê hương*. Và tác giả của quê hương cũng luôn láy lại rằng, mỗi cảnh vật cụ thể ấy đều gắn với những hành động của con, với hình dáng mẹ – hình ảnh thân thương nhất đời của mỗi con người. Hai tác giả dường như đã gặp nhau ở cùng một cách hiểu: quê hương là những gì gần gũi thân thương nhất và cũng là nguồn cội của những tình cảm sâu sắc, tha thiết nhất của con người. Và tình cảm cũng sẽ lại khởi nguồn cho những tình cảm lớn lao, bền vững hơn như tình yêu đất nước, như Xuân Diệu đã từng khái quát: "Tình yêu tổ quốc là đỉnh núi bờ sông". Trong *Nói với con* chỉ vài câu thơ ngắn, vài lời thơ giản dị nhưng đã mở ra những ý tứ sâu xa, thâm trầm gần như được nâng lên tầm triết lí. Sức mạnh của thơ, quyền năng, sự quyến rũ của thơ là ở đó chăng?

"Người đồng mình" không chỉ "yêu lắm" với những hình ảnh đẹp đẽ, giản dị gợi nhắc nguồn cội sinh dưỡng tâm hồn, tình cảm, lối sống cho con người mà còn với những đức tính cao đẹp, đáng tự hào. Trong lời chân tình của cha có niềm ước mong con sẽ kế tục, phát huy một cách xứng đáng truyền thống của tổ tiên, của quê hương xứ sở.

Tự hào con người quê hương với những phẩm chất, đức tính quý báu mà người cha muốn truyền đạt lại cho con:

- Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn
- Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
- Sống trong thung không chê thung nghèo đói
- Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc.

Tác giả dùng nhiều ảnh cụ thể để gợi ra cuộc sống nơi quê hương còn vất vả cực nhọc, đói nghèo. Nhưng đó chưa phải là tất cả những gì tác giả muốn gợi ra và nhắc tới. Tác giả tự hào về "người đồng mình" với những đức tính cao quý: khoáng đạt, mạnh mẽ, tình cảm thủy chung như nhất gắn bó với quê hương dẫu còn bao khó khăn cực nhọc.

Không chỉ vậy, "người đồng mình" còn có những đức tính khác nữa mà người cha rất đỗi tự hào: tuy có thể mộc mạc, thô sơ da thịt nhưng giàu chí khí, niềm tin, không hề nhỏ bé về tâm hồn, về ý chí và mong ước xây dựng quê hương. Chính những đức tính tốt đẹp cùng với sự lao động cần cù, nhẫn nại hàng ngày tạo nên sức mạnh để làm nên quê

hương với truyền thống, với phong tục tập quán tốt đẹp: "Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương, còn quê hương thì làm phong tục".

Gửi trong những lời tự hào không giấu giếm đó, người cha ước mong, hi vọng người con phải tiếp nối, phát huy truyền thống để tiếp tục sống có tình có nghĩa, chung thủy với quê hương đồng thời muốn con biết yêu quý, tự hào với truyền thống của quê hương. Không chỉ gửi ước mong của mình đầy tự hào, người cha còn bộc lộ trực tiếp niềm mong ước này trong lời thủ thỉ dặn dò con thiết tha, trìu mến: "Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn". Trong những bài thơ cuối cùng: "Con ơi tuy thô sơ da thịt! Lên đường! Không bao giờ nhỏ bé được! Nghe con" người cha dặn dò con cần tự tin mà vững vước trên đời, tiếp nối những truyền thống tốt đẹp của "người đồng mình".

Bài thơ *Nói với con* của Y Phương góp thêm một tiếng nói yêu thương của cha mẹ đối với con cái cũng như những kì vọng lớn lao, mong muốn thế hệ sau sẽ kế tục, phát triển những truyền thống quý báu của quê hương. Bằng cách diễn đạt mộc mạc "thô sơ", bằng những hình ảnh cụ thể mà giàu khái quát, bài thơ đã thể hiện một cách độc đáo mà cũng thật thấm thía về tình cảm thiết tha sâu sắc nhất của con người: tình cảm gia đình và tình yêu quê hương xứ sở.

Đề: **Ba câu thơ cuối cùng trong bài *Đồng chí* là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo và rất đẹp của nhà thơ Chính Hữu:**

Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.

Em hãy phân tích ba câu thơ đó để làm sáng tỏ nhận định trên.

Bài làm

Chính Hữu là nhà thơ trưởng thành trong quân đội. Chính Hữu làm thơ không nhiều nhưng có những bài thơ rất đặc sắc, giàu hình ảnh, giàu xúc cảm, ngôn ngữ trong sáng, cô đọng, súc tích. Bài thơ *Đồng chí* là một trong những kiệt tác của nhà thơ nằm trong tập thơ chính *Đầu súng trăng treo*. Bài thơ *Đồng chí* cũng được sáng tác vào đầu năm 1948, sau khi tác giả đã cùng đồng đội tham gia chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc thu đông 1947 của quân và dân ta đánh bại cuộc tấn công trên quy mô lớn của giặc Pháp lên chiến khu Việt Bắc. Ba câu thơ cuối cùng trong bài *Đồng chí* là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo và rất đẹp của nhà thơ Chính Hữu:

Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.

Ba câu thơ này đã làm toát lên vẻ đẹp chung của cả bài thơ.

Cả bài thơ *Đồng chí* đã ngợi ca vẻ đẹp bình dị, mộc mạc mà cao cả của anh bộ đội Cụ Hồ và tình đồng chí, đồng đội hết sức thắm thiết, cảm động, chân thành, thiêng liêng, bất tử.

Ở bài thơ *Đồng chí*, tình đồng chí, đồng đội được khơi nguồn sâu xa và nảy nở từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân đói nghèo, cực khổ. Từ đó, họ thấu hiểu, cảm thông, chia sẻ với nhau mọi niềm vui, nỗi buồn, mọi thiếu thốn, gian lao, ốm đau, hoạn nạn của đời lính:

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.

Với ba câu thơ cuối cùng, chúng ta thấy nhà thơ Chính Hữu đã vẽ lên một bức tranh rất đẹp và trữ tình về những người chiến sĩ. Vào hoàn cảnh đêm về, giữa rừng hoang, có sương muối, những người lính phải thao thức trong cảnh khắc nghiệt để chờ giặc. Chúng ta biết rằng, đêm là khoảng thời gian mọi người thường ngon giấc sau một ngày lao động mệt nhọc. Nhưng trong những chuỗi ngày dài kháng chiến chống thực dân Pháp, đặc biệt là những năm 1946, 1947, 1948, 1949, lực lượng quân sự của ta nếu so sánh với quân Pháp thì phần mạnh không thuộc về ta. Vì vậy, các anh bộ đội Cụ Hồ thường phải lợi dụng lúc màn đêm bao phủ để hành quân và tìm cách tiêu diệt giặc theo phương thức tấn công bất ngờ, chớp nhoáng rồi lui về vị trí phòng thủ. Do đó, bộ phận chỉ huy phải chọn địa bàn chiến đấu ở những nơi rừng hoang, địa hình địa vật có lợi cho ta mà bất lợi cho giặc. Giữa khu rừng mùa đông ở Việt Bắc, nhiều đêm xuất hiện sương muối. Sương muối là sương giá đọng thành những hạt nhỏ trắng xóa như muối trên cây cỏ hay mặt đất. Ở miền Bắc nước ta nói chung và ở Việt Bắc nói riêng, về mùa đông, những ngày có sương muối trời rất lạnh. "Sương muối làm buốt tê da như những mũi kim châm và đến lúc nào đó bàn chân tê cứng đến mất cảm giác" (Chính Hữu). Vậy mà các anh chiến sĩ vẫn đứng đó giữa gió sương lạnh lẽo, không một chút than van.

Nhưng trong những phút giây mỏi mòn chờ đợi giặc tới, trước mắt các anh bộ đội bỗng hiện lên một khung cảnh đẹp kì diệu và thi vị: một vầng trăng lửng lơ giữa bầu trời. Tại thời điểm này, trên bức tranh thơ tráng lệ có ba nhân vật: khẩu súng, người chiến sĩ vệ quốc và vầng trăng.

Mặt khác, ở ba câu thơ cuối cùng, chúng ta thấy nhà thơ Chính Hữu đã diễn tả sâu sắc vẻ đẹp của tâm hồn người chiến sĩ. Giữa hoàn cảnh "rừng hoang sương muối", những người lính đoàn kết bên nhau "chờ giặc tới" rất hồi hộp, căng thẳng thì xuất hiện hình ảnh:

Đầu súng trăng treo

Thật bất ngờ làm sao!

Lẽ ra, cái mà độc giả đón nhận một cách tự nhiên là các anh chiến sĩ "chờ giặc tới" thì phải gặp quân cướp nước đó. Rồi trận chiến giữa ta và giặc phải diễn ra một cách dữ dội, quyết liệt, một mất một còn vì sự tồn vong của dân tộc. Trái lại, những người đắm say, thưởng thức nghệ thuật lại bắt gặp một hình ảnh thanh bình, êm dịu, gợi cảm, tràn đầy chất thơ. Và nhờ sự xuất hiện bất ngờ của mạch thơ, chúng ta bất ngờ cảm nhận được một vẻ đẹp lung linh lãng mạn toát ra từ tâm hồn của các anh chiến sĩ. Các anh trong tay lăm lăm khẩu súng chờ đợi diệt quân thù nhưng tâm hồn vẫn luôn hướng đến ánh sáng của cái Đẹp thanh bình, tràn trề nhựa sống.

Đặc biệt, trong câu thơ *Đầu súng trăng treo*, từ *treo* được Chính Hữu dùng rất *"đắt"*. Thông thường, từ *treo* trong Tiếng Việt có các nghĩa: *1- Làm cho được giữ chặt vào một điểm cố định, thường là ở trên cao, để cho buông thòng xuống. 2- Làm cho được cố định hoàn toàn ở một vị trí trên cao, dựa vào một vật khác. 3- Nêu giải thưởng. 4- Tạm gác, tạm đình lại trong một thời gian (*Từ điển Tiếng Việt *của Minh Tân, Thanh Nghi, Xuân Lãm).* Còn từ *"treo"* trong bài thơ, vừa gợi tả vầng trăng như chợt hiện ra lơ lửng dưới mắt người chiến sĩ, vừa nói lên sự trẻ trung, tình tứ, thuần phác trong tâm hồn các anh khi trông thấy vầng trăng.

Hình ảnh *đầu súng trăng treo* chỉ có 4 chữ nhưng lại có "nhịp điệu như nhịp lắc của một cái gì lơ lửng chông chênh, trong sự bát ngát. Nó nói lên một cái gì lơ lửng ở xa chứ không phải là buộc chặt, suốt đêm vầng trăng từ bầu trời cao xuống thấp dần và có lúc như treo lơ lửng trên đầu mũi súng" (Chính Hữu).

Hình ảnh "*đầu súng trăng treo*" đúng là một sự đột phá thi vị của nghệ thuật thơ Chính Hữu. Lần đầu tiên trong thi ca Việt Nam mới có

được một hình ảnh cô đúc như vậy. Phải đến sáu năm sau, 1954, những người yêu thơ mới bắt gặp một hình ảnh tương tự:

Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan

(*Việt Bắc* – Tố Hữu)

Ngoài ra, hình ảnh *đầu súng trăng treo*, theo Giáo sư Nguyễn Văn Long, còn mang "ý nghĩa biểu tượng, được gợi ra bởi những liên tưởng phong phú. Súng và trăng là gần và xa, thực tại và mơ mộng, chất chiến đấu và chất trữ tình, chiến sĩ và thi sĩ ... Đó là các mặt bổ sung cho nhau, hài hòa với nhau của cuộc đời người lính cách mạng. Xa hơn, đó cũng xem là biểu tượng cho thơ ca kháng chiến – nền thơ kết hợp chất hiện thực và cảm hứng lãng mạn".

Tóm lại, một bài thơ hay không phải là một bài thơ có quá nhiều dòng mới hay hoặc cả bài thơ câu nào cũng hay. Đôi khi một bài thơ có một vài ba câu hay thì cả bài thơ đó cũng trở nên hay và tác giả đó có thể nổi tiếng. Vậy nên, cả cuộc đời làm thơ của Chính Hữu, chỉ một bài *Đồng chí*, chỉ ba câu thơ cuối cùng của bài thơ, nhất là hình ảnh "đầu súng trăng treo", cũng đủ giúp nhà thơ lưu danh trên thi đàn. Thật vậy, ba câu thơ ấy, nghĩ thì thấy sâu xa, đọc lên nghe thì xúc động. Chính vì sức sống mãnh liệt ấy, khi bài thơ được phổ nhạc, được chuyển lời vọng cổ, thính giả, khán giả khắp nơi đều nhiệt liệt ủng hộ và hết lời khen ngợi.

Đề: Phân tích bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* của Huy Cận.

Bài làm

Huy Cận là một nhà thơ của tình yêu cuộc sống thiết tha và say đắm, cũng giống như người bạn thơ gần gũi nhất của ông "Không muốn đi, mãi mãi ở vườn trần – Chân hóa rễ để hút màu dưới đất" (Xuân Diệu). Có khác chăng, một nét thường thấy trong thơ ông là cảm xúc về cuộc sống, về con người luôn gắn với cảm xúc về vũ trụ, dường như ông muốn tìm câu trả lời về ý nghĩa, sự tồn sinh của con người trong vũ trụ bao la, huyền bí, khôn cùng. Trong thơ ông, trước Cách mạng tháng Tám, cảm nhận đó thật cô đơn, nhỏ bé, lạc lõng, bơ vơ qua hình ảnh một cành củi khô, những cánh bèo dập dềnh, trôi nổi không biết về đâu giữa một không gian "Nắng xuống, trời lên, sâu chót vót – Sông dài, trời rộng, bến cô liêu" qua hình ảnh "Lớp lớp mây cao đùn núi bạc – Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa" (*Tràng giang*). Chính Cách mạng tháng Tám kì diệu và cuộc sống mới sau Cách mạng đã mang tới cho

ông một cái nhìn ấm áp, tươi trẻ, tràn đầy niềm tin vào con người, con người trong sự giao cảm với đất trời, vũ trụ. Bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* của ông là một minh chứng về điều đó.

Bài thơ ra đời năm 1958 trong nguồn mạch cảm xúc biết bao yêu thương về một cuộc sống "mỗi ngày lại sáng". Đó vừa là một bức tranh đẹp đẽ, vừa là một khúc ca hào hùng về những người đánh cá trên biển cả bao la của Tổ quốc, những người thật hào hứng, phấn khởi, say mê với công việc của mình trong tư thế thực sự làm chủ biển trời, làm chủ cuộc đời mới. Mở đầu bài thơ là cảnh hoàng hôn trên biển vừa diễm lệ, huy hoàng, vừa hùng vĩ đầy sức sống.

Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa.

Điểm nhìn của nhà thơ ở đây là điểm nhìn tưởng tượng, phải ở rất xa bờ mới thấy được vùng biển phía tây, nơi mặt trời đang lặn xuống giống như một hòn lửa rực cháy khổng lồ – cảnh này chỉ có thể thấy vào một buổi chiều hè. Cảm quan vũ trụ của nhà thơ mở ra trong trí tưởng tượng người đọc những liên tưởng so sánh thật bất ngờ thú vị: vũ trụ bao la, huyền bí như một cái nhà khổng lồ mà đêm tối là cánh cửa sập xuống và những con sóng chạy ngang trên biển là những chiếc then cài. Cái quang cảnh kết thúc thật kì vĩ, tráng lệ của một chu kì thiên nhiên ấy lại là sự mở đầu một ngày lao động mới của con người.

Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi
Câu hát căng buồm cùng gió khơi.

Từ "lại" cho thấy đây chỉ là sự tiếp diễn nhịp điệu lao động của họ, cảnh ra khơi khi hoàng hôn xuống nay diễn ra thường xuyên trong nhiều đêm. Và trên "con đường mòn" vô hình mà xiết bao thân thuộc ấy, cũng như mọi lần, tiếng hát họ vút cao, vang xa trên sóng nước mênh mông. Ở đây "buồm căng" là có thật (thật vì gió mạnh trên biển khơi), nhưng "câu hát căng buồm" lại là hư ảo. Tuy vậy, chính cái hư ảo ấy lại biểu hiện được một cái có thực, đó là khí thế mạnh mẽ của con người trong lao động tập thể. Tiếng hát chính là sự thể hiện niềm vui của những người đánh cá, khi họ cảm nhận rõ ràng sức mạnh vĩ đại của tập thể trong lao động, sức mạnh ấy sẽ tạo ra những điều kì diệu mà một vài cá nhân đơn lẻ không thể làm được. Chỉ một tiếng hát thôi mà nói được bao điều về thân phận, về sự tự ý thức của con người qua hai chế độ. Cũng không còn nữa cái cảm nhận từ nghìn xưa về sự nhỏ bé, yếu đuối của con người trước biển cả bí ẩn, chứa đầy sức mạnh tàn

phá, hủy diệt vô cùng dữ dội. Tiếng hát của họ là tiếng hát của từng con người chinh phục biển khơi:

Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng,
Cá thu biển Đông như đoàn thoi
Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng.
Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi!

Biển cả thật đẹp đẽ, giàu có và thân thiết biết bao đối với con người. Trong câu thơ thứ nhất, từ "bạc" là một định ngữ nghệ thuật, có ý nghĩa số lượng cá nhiều, phong phú, tạo nên sự giàu có, quý giá của biển. Cái giàu có đó còn được cụ thể hóa ở câu thơ thứ hai. Hình ảnh so sánh rất đẹp này được xây dựng trên một liên tưởng thực tế: cá thu mình lấp lánh ánh trăng lướt rất nhanh trên mặt biển như con thoi chạy đi chạy lại trên khung cửi dệt vải. Từ đó mới hiểu được hai câu thơ sau là những nhân hóa rất tinh tế. Trong sự tưởng tượng của những người đánh cá yêu quí biển cả quê hương của mình, cá đi biển là cá dệt biển và cá vào lưới là cá dệt lưới. "Đến dệt lưới ta", bắt đầu từ đây từ "ta" sẽ vang lên đầy tự hào, kiêu hãnh trong suốt bài thơ, không còn là cái tôi nhỏ bé, đơn côi như những ngày xưa nữa mà là cái ta tập thể đầy sức mạnh, trong đó có sự nhân lên đến vô hạn tiềm lực của mỗi cá nhân. Dường như đó mới là sức mạnh chính tạo nên cái phơi phới của đoàn thuyền đang lướt giữa trùng khơi:

Thuyền ta lái gió buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng
Ra đậu dặm xa dò bụng biển
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.

Đoàn thuyền đánh cá như đi trong sự vây bọc, nâng đỡ của thiên nhiên đầy yêu thương, gắn bó. Biển cả bao la mà êm ả, hiền hòa; gió như người bạn thân thiết lái con thuyền ra khơi, gió thổi phồng căng cánh buồm giống như vầng trăng khuyết; trời mây như cũng cao hơn, thoáng đãng hơn, tất cả được nhìn với con mắt chan chứa tình yêu thương của những con người đã giành được quyền làm chủ trời biển quê hương. Cảnh phóng khoáng, thoáng rộng bởi con người sảng khoái, tự do. Trong mối quan hệ giao hòa, thiên nhiên càng huy hoàng, kì vĩ bao nhiêu thì càng tôn vẻ đẹp của con người lên bấy nhiêu. Tầm vóc của họ vụt lên cao, sánh ngang với trời biển, vũ trụ. Đoàn thuyền, hay cũng chính là những con người đi giữa cái bao la, hùng vĩ của biển và trời – cảnh thực mà đẹp như trong mơ. Động từ "lướt" cho thấy đoàn thuyền chạy rất nhanh và rất nhẹ nhàng trên mặt biển, nó càng biểu hiện rõ

hơn khí thế của những người lao động đang thực sự làm chủ cuộc sống mới. Họ được tự do, chủ động tìm đến những vùng biển xa (*ra đậu dặm xa*) để thăm dò bụng biển xem nơi nào nhiều cá. Cũng chính tư thế làm chủ khiến họ có được quyết tâm cao độ và khí thế chuẩn bị lao động mạnh mẽ như trong chiến đấu (*Dàn đan thế trận lưới vây giăng*).

Huy Cận không chỉ tinh tế về cảm xúc thẩm mỹ mà còn phong phú về vốn sống. Bài thơ cho thấy ông hiểu biết khá tường tận công việc của những người đánh cá, ông cảm nhận được những gì đang diễn ra trong tâm hồn những con người hồn hậu, bình dị và rất đáng yêu mến ấy. Đoàn thuyền đã tìm đúng "bãi cá", lưới đã buông xuống. Những người đánh cá nghĩ gì trong những giây phút đợi chờ ấy? Đây là cảnh thực hay là tưởng tượng?

Cá nhụ, cá chim cùng cá đé,
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,
Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe.
Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long.

Đúng ra ở đây có sự pha trộn cả thực tế và ảo mộng, làm cho biển đêm có vẻ đẹp thật lãng mạn, huyền ảo. Những con cá song lấp lánh như những ngọn đuốc hồng giữa biển đêm thăm thẳm. Họ như đã nhìn thấy cái đuôi cá song quẫy chẳng khác gì mảnh trăng vàng lóe sáng trên mặt biển. Hình ảnh thật nên thơ ấy cùng với cách gọi cá là "em" biểu hiện niềm say mê cuộc sống thật hồn nhiên và mãnh liệt của những người đánh cá, và trước hết là của nhà thơ. Nhà thơ mở rộng hồn mình để đón nhận bao vẻ đẹp kì diệu của cuộc sống, để cảm thấy nhịp thơ của biển đêm qua những đợt sóng dâng lên và hạ xuống đầy ánh sao. Biển và trời như đã hòa vào nhau và hình ảnh con người càng hiện lên đẹp đẽ biết bao giữa cái vũ trụ lung linh ấy. Một lần nữa tiếng hát của họ lại cất lên giữa bao la trời nước:

Ta hát bài ca gọi cá vào,
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.
Biển cho ta cá như lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.

Có biết bao âu yếm và thân thiết với biển khơi, với vũ trụ mênh mông, huyền diệu trong tiếng hát ấy. Tiếng hát còn biểu hiện niềm vui trong lao động tập thể của họ, biểu hiện niềm mong muốn của họ sẽ đánh bắt được thật nhiều cá để làm giàu cho Tổ quốc. Cảm xúc của họ thật phóng khoáng, bay bổng, chan chứa niềm yêu đời: họ lao động khẩn trương, luôn tay gõ nhịp dồn cá vào lưới mà vẫn không quên vẻ

đẹp của biển cả, trăng gió, trời mây. Vầng trăng trên trời cao bao la được nhân hóa trở nên gần gũi, thân thiết; trăng như đồng cảm với tâm trạng của con người, trăng gõ nhịp cho tiếng hát của họ. Đó thật sự là một bài ca lao động vừa hào hùng vừa giàu chất thơ. Và bài ca say đắm nhất là bài ca về sự giao hòa xiết bao thân thiết, ưu ái giữa con người và biển cả. "Biển cho ta cá như lòng mẹ" – một so sánh thật đẹp: lòng biển bao la như lòng mẹ, nguồn tình cảm yêu thương vô hạn đã nuôi dưỡng mỗi con người. Biển không chỉ đẹp đẽ giàu có mà còn rất ân tình; biển không chỉ nuôi dưỡng con người hôm nay và mai sau; mà biển đã "nuôi lớn đời ta tự buổi nào", từ khi con người mới xuất hiện trên trái đất. Biển và ta thêm một lần nữa tầm vóc những người đánh cá vụt lớn cao hơn, và gắn bó với biển cả yêu thương.

Nhưng đêm sắp tàn rồi, một ngày mới đang đến:

Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng
Vẩy bạc, đuôi vàng lóe rạng đông
Lưới xếp, buồm lên đón nắng hồng.

Khổ thơ gợi hình dung một bức họa thật khỏe, đẹp. Câu chữ gân guốc, giàu sức tạo hình: "Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng". Chỉ một từ "xoăn" mà vừa tả được những bắp tay rắn chắc nổi cuồn cuộn khi kéo lưới, vừa nói được cái hăm hở, hồ hởi của những người lao động mong muốn thấy được kết quả công việc của mình. Và lưới rất nhiều cá, đúng với niềm mong muốn, ước ao của họ. Câu thơ thứ ba miêu tả thật đẹp hình ảnh những con cá đang được kéo từ biển lên: vẩy, đuôi của chúng lấp lánh ánh bình minh rực rỡ. Ở những từ "bạc", "vàng" vừa là những định ngữ thông thường chỉ màu sắc, vừa là những định ngữ nghệ thuật tượng trưng cho sự quí giá, giàu có của biển cả, đồng thời cho thấy thái độ trân trọng của những người đánh cá đối với thành quả lao động của mình, dường như đó còn là niềm biết ơn của họ trước sự hào phóng ưu ái của biển cả đối với con người. Công việc đã kết thúc tốt đẹp, họ chuẩn bị trở về. Những từ "đón ánh hồng" biểu hiện tâm trạng sảng khoái, phấn chấn của họ; họ như muốn chia sẻ niềm vui của mình với ánh bình minh, với mặt trời – một người bạn thiên nhiên cũng rất thân thiết với con người.

Hay nhất trong toàn bộ bài thơ là khổ thơ cuối cùng, miêu tả đoàn thuyền đánh cá trở về trong ánh bình minh. Bốn câu thơ dựng lên một quang cảnh kì vĩ về cuộc chạy đua giữa đoàn thuyền đánh cá với mặt trời trên biển cả, qua đó thêm một lần nữa Huy Cận khắc họa thật

đậm nét vẻ đẹp khỏe mạnh của những người đánh cá và vẻ đẹp giàu có, hùng vĩ của biển trời, của thiên nhiên Tổ quốc. Ý thơ phảng phất không khí thần thoại, anh hùng ca, anh hùng ca trong lao động.

Mở đầu là một câu thơ lặp lại gần nguyên văn câu cuối trong khổ thơ thứ nhất:

Câu hát căng buồm với gió khơi.

Có cảm giác đó là điệp khúc trong một bài hát, bài hát ca ngợi niềm say mê lao động trên biển quê hương. Đây là lần thứ ba tiếng hát vang lên, có khác chăng tiếng hát ở đây biểu hiện rõ hơn niềm vui của những người đánh cá khi họ thu được kết quả rực rỡ sau một đêm lao động vất vả, đó là niềm vui chiến thắng của con người khi thêm một lần nữa họ cảm nhận được sức mạnh vĩ đại, kì diệu của tập thể. Tiếng hát ấy vang lên say sưa, hùng tráng trên đoàn thuyền đang băng băng rẽ sóng trở về.

Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.

Hình ảnh hào hùng của câu thơ này là một nhân hóa mang tính chất ngọa dụ, những người đánh cá thức suốt đêm làm việc không mệt mỏi nhưng họ vẫn quyết tâm trở về trước khi trời sáng. Động từ "chạy đua" cho thấy sức lực của họ vẫn dồi dào, khí thế lao động của họ vẫn mạnh mẽ, đó thật sự là khí thế của những con người tự do, những chủ nhân chân chính của cuộc sống mới. Họ chạy đua với thời gian, chạy đua với một đối tượng thiên nhiên thật hùng vĩ là mặt trời, cái đích của cuộc chạy đua là bình minh. Đặt trong sự tương ứng với một đối tượng hùng vĩ như thế, sức mạnh của đoàn thuyền đánh cá, cũng là của những người đánh cá, càng được thể hiện nổi bật hơn. Câu thơ cũng nâng cao tầm vóc của con người trước vũ trụ rộng lớn, bao la.

Vẻ đẹp hùng vĩ, tráng lệ của bình minh trên biển được miêu tả thật gợi cảm, sinh động ở câu thơ thứ ba:

Mặt trời đội biển nhô màu mới.

Nhân hóa này gợi cảm giác thần thoại, hư ảo: sức mạnh của mặt trời thật vô cùng mạnh mẽ, dường như nó đang đội biển mà lên. Câu thơ làm toàn cảnh thiên nhiên sáng lên với màu mới, màu hồng của bình minh; và cái màu hồng rực rỡ tươi vui, đầy sức sống ấy chính là lời chào đón ân cần, thắm thiết của thiên nhiên với những người lao động cần cù, có nghị lực phi thường. Và "cái thần" của quang cảnh bình minh ấy là câu thơ cuối cùng:

Mắt cá huy hoàng muôn dặm khơi.

Câu thơ có thể gợi ra hai hình ảnh trong liên tưởng của người đọc. Một là hình ảnh đoàn thuyền nối đuôi nhau trở về, chiếc nào cũng cá đầy khoang, hàng triệu triệu mắt cá phản chiếu ánh mặt trời rực rỡ, lấp lánh huy hoàng trên biển cả một vùng biển rộng. Hai là hàng triệu triệu gợn sóng cũng phản chiếu ánh bình minh rực rỡ giống như vô vàn mắt cá trên muôn dặm khơi. Dù là hình ảnh nào thì câu thơ cũng thể hiện được vẻ đẹp bao la hùng vĩ, và sự giàu có, phong phú của biển cả, của thiên nhiên đất nước dưới con mắt của những con người được thực sự làm chủ biển trời Tổ quốc của mình.

Có thể nói, chính niềm tin yêu nồng nhiệt với cuộc sống mới, với những người lao động mới, chính khả năng suy tưởng sâu sắc trong cảm quan vũ trụ đã dẫn tới thành công của *Đoàn thuyền đánh cá*. Đây là một trong số không nhiều bài thơ hay viết về đề tài xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đề: Trong bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá*, nhà thơ Huy Cận có viết:

Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa.
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,
Câu hát căng buồm cùng gió khơi.

Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng,
Cá thu biển Đông như đoàn thoi
Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng
Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi!

Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng,
Ra đậu dặm xa dò bụng biển
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.

Em hãy phân tích ba khổ thơ trên.

Bài làm

Trong phong trào Thơ mới giai đoạn 1932 - 1945 xuất hiện nhiều cây bút tên tuổi: Thế Lữ, Vũ Đình Liên, Vũ Hoàng Chương, Bích Khê, Hàn Mạc Tử, Chế Lan Viên, Lưu Trọng Lư, Thâm Tâm, Huy Cận... Dù nổi tiếng trong phong trào Thơ mới nhưng Huy Cận không muốn kết thúc cái thời thơ của mình ở đó. Năm 1942, ông hăng hái tham gia mặt trận Việt Minh. Sau Cách mạng tháng Tám 1945, Huy Cận từng giữ

nhiều trọng trách trong chính quyền Cách mạng. Để tìm nguồn cảm hứng về thiên nhiên đất nước và niềm tin ở cuộc sống mới, năm 1958, nhà thơ đã nhiệt tình tham gia chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh. Bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* là thành quả của chuyến đi ấy. Đây là ba khổ thơ đầu khá đặc sắc của bài thơ này:

Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa.
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,
Câu hát căng buồm cùng gió khơi.

Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng,
Cá thu biển Đông như đoàn thoi
Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng
Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi!

Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng,
Ra đậu dặm xa dò bụng biển
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.

Bài thơ là một khúc tráng ca khỏe khoắn, say sưa, bay bổng về vẻ đẹp của lao động và người lao động trước khung cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp của vùng biển Hòn Gai thông qua cái nhìn hứng khởi của hồn thơ Huy Cận. Riêng ba khổ thơ trên, nhà thơ đã tập trung miêu tả cảnh lên đường và cảnh đoàn thuyền đánh cá giữa trời đêm thơ mộng.

Hai câu đầu của bài thơ, Huy Cận đã vẽ một bức tranh hoàng hôn buông mình trên biển khơi với vẻ đẹp kì vĩ, chất chứa sắc màu Mỹ học:

Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa.

Phép liên tưởng: mặt trời - biển - sóng; then - cửa kết hợp nghệ thuật so sánh tu từ (*Mặt trời xuống biển như hòn lửa*), nghệ thuật nhân hóa tu từ (*Sóng đã cài then, đêm sập cửa*), nghệ thuật đối ngữ tương hỗ (cài then >< sập cửa) đã giúp Huy Cận đặc tả và hòa mình vào sự vận động, tuần hoàn của tự nhiên, vũ trụ. Vũ trụ giống như một ngôi nhà to rộng. Màn đêm buông xuống là cánh cửa khổng lồ, còn những làn sóng nhấp nhô là chiếc then cài cửa một cách cẩn thận, chu đáo.

Trong cảnh thiên nhiên ấy, đoàn thuyền đánh cá bắt đầu xuất phát:

Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,
Câu hát căng buồm cùng gió khơi.

Hai câu thơ cho ta thấy tầm vóc hiên ngang của người lao động hòa quyện với thiên nhiên, vũ trụ bao la. Cảnh mặt trời tắt nắng không nặng nề, tăm tối đối với họ mà trở thành một thời điểm thích hợp để thực hiện công việc mang lại nhiều lợi ích. Do đó, đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi như một đoàn quân sung sức, tràn đầy khí thế. Sóng gió không làm con người lo sợ mà trở thành bầu bạn. Những câu hát tràn ngập niềm vui cũng có sức đẩy mạnh mẽ như gió khơi. Hình ảnh liên tưởng theo bộ ba sự vật và hiện tượng. Cánh buồm – gió khơi – câu hát rất độc đáo, khỏe khoắn, có sức gợi tả cao. Chính câu hát và gió khơi đã làm giương to cánh buồm khao khát đời giông tố. Hình ảnh cánh buồm trong câu thơ này chợt gợi nhớ, gợi thương cánh buồm trong thơ Tế Hanh:

Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió.

Bốn câu thơ tiếp theo, Huy Cận tiếp tục miêu tả vẻ đẹp tâm hồn của ngư dân:

Hát rằng: Cá bạc biển Đông lặng
Cá thu biển Đông như đoàn thoi
Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng
Đến dệt lưới ta đoàn cá ơi!

Trong câu thơ sảng khoái của những con người "ăn sóng nói gió" thể hiện niềm mơ ước về một chuyến đi biển thành công, mang về nhiều chiến lợi phẩm là cá. Nhà thơ khéo léo dùng hàng loạt hình ảnh nghệ thuật được xây dựng trên cơ sở của sự liên tưởng: so sánh tu từ, nhân hóa tu từ, ẩn dụ tu từ, để mang đến cho độc giả những cảm xúc thẩm Mỹ về vẻ đẹp lộng lẫy, rực rỡ đến huyền ảo của các loài cá trên biển, giữa ánh trăng và sao. Đó là các hình ảnh: "cá bạc", "đoàn thoi", "dệt biển", "luồng sáng", "dệt lưới". Có thể nói trí tưởng tượng nối dài của nhà thơ đã chắp cánh cho hiện thực khách quan, bay bổng, trở nên lung linh, kì vĩ, làm tôn thêm vẻ đẹp muôn đời của vùng biển rộng lớn, giàu tiềm năng của Việt Nam.

Khổ thơ cuối tả cảnh đoàn thuyền đánh cá giữa biển đêm thi vị:

Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng,
Ra đậu dặm xa dò bụng biển
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.

Biển thật khoáng đạt với gió, trăng, mây, với chiều cao (mây cao), chiều rộng (biển bằng) và chiều sâu (dò bụng biển).

Hình ảnh con người lao động hiện lên to cao, ngang tầm với vũ trụ hòa quyện với cảnh sắc lung linh của trời nước, gió mây. Con thuyền đánh cá lấy gió làm lái, lấy trăng làm buồm và lướt với vận tốc phi thường giữa cái vô hạn của trời, biển, giữa mây cao và biển bằng; vậy nên, con thuyền đánh cá không bé nhỏ mà khổng lồ. Lãng mạn hơn, con thuyền đánh cá còn là con thuyền thơ, nô đùa cùng cánh buồm no gió, ánh trăng thần tiên dịu mát. Do đó, công việc đánh cá cũng ngập tràn chất thơ. Và công cuộc đánh cá không đơn giản. Nó chẳng khác nào một trận đánh được thua. Ngư dân phải "thăm dò bụng biển" trước rồi sau đó "dàn đan thế trận". Mỗi lần tung ra một mẻ lưới cần đảm bảo trúng luồng cá để khi đoàn thuyền trở về, các khoang thuyền đều nặng oằn, ăm ắp cá tươi ngon.

Tóm lại, *Đoàn thuyền đánh cá* không chỉ là bài thơ miêu tả vẻ đẹp của thiên nhiên, con người mà còn là một bài ca cuộc đời mới giàu ý nghĩa. Điều này, trước Cách mạng tháng Tám, hồn thơ Huy Cận chưa có được. Chính ánh sáng chói chang của Cách mạng đã tái tạo hồn thơ ông, mạch thơ ông, soi đường dẫn lối cho ông đến những thành công vững chắc trên thi đàn. Có thể nói rằng, ba khổ thơ trên đây không chỉ khơi gợi ở độc giả niềm tự hào trước vẻ đẹp của biển Việt Nam, con người lao động Việt Nam mà còn đưa tinh thần chúng ta thâm nhập vào cái sâu xa, vô hạn của tự nhiên, nối cái khoảnh khắc hữu hạn của đời người vào cái vĩnh hằng, vô hạn của vũ trụ, thiên nhiên. Đó cũng chính là sức sống của thơ Huy Cận gần nửa thế kỉ qua.

Đề: Hãy phát biểu suy nghĩ của em về bài thơ *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* của Nguyễn Khoa Điềm.

Bài làm

Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm là một bài thơ hay. Cả bài thơ là một khúc ca giàu nhạc điệu dân tộc. Bài thơ chỉ có ba mươi tư câu chia làm ba đoạn nhưng nó đã vẽ nên một hình ảnh sinh động, chân thật. Đó là bà mẹ người dân tộc Tà-ôi căm thù giặc Mỹ, có tình cảm cách mạng sâu sắc, vừa địu con vừa làm đủ mọi việc: giã gạo, tỉa bắp, chuyển lán, trực tiếp chiến đấu.

Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi
Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ.

Tiếng gọi ấy, lời khuyên yêu thương ấy vuốt ve em bé và được lặp lại ở đầu mỗi đoạn thơ.

Giã gạo bằng chày tay thật vất vả. Nhưng trong cái vất vả ấy ta thấy bừng lên cái say sưa, lạc quan:

Nhịp chày nghiêng giấc ngủ em nghiêng
Mồ hôi mẹ rơi má em nóng hổi
Vai mẹ gầy nhấp nhô làm gối.

Và tấm lòng của mẹ là chiếc "nôi" xinh xắn. Không có con mắt quan sát tinh tế làm gì Nguyễn Khoa Điềm có được những vần thơ độc đáo ấy!

Rời tay chày, bà mẹ lên núi tỉa bắp: *Lưng núi thì to mà lưng mẹ nhỏ*. Mới đọc tưởng như là câu thơ so sánh thừa nhưng khi đọc đến hai câu:

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng.

Thì ta mới vỡ lẽ. Nói sự nóng bức của bà mẹ thôi mà sao tác giả làm cho người đọc thấm thía thế. So sánh hình tượng thật tài tình, cách dắt dẫn ý thơ của tác giả thật khéo.

Bà mẹ là người cuối cùng trong gia đình ra chiến trường:

Anh trai cầm súng, chị gái cầm chông
Mẹ địu em đi để giành trận cuối.

Chỉ hai câu thơ thôi, nhưng Nguyễn Khoa Điềm nói được khía cạnh toàn dân đánh Mỹ của đồng bào miền Nam nói chung và của đồng bào miền núi nói riêng.

Cái lắng đọng trong lòng người đọc vẫn là tiếng ru phát ra từ trái tim bà mẹ.

Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi
Mẹ thương a-kay, mẹ thương bộ đội
Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần
Mai sau con lớn vung chày lún sân...

Nhạc điệu của khúc ru được lặp đi lặp lại nhưng tùy theo công việc, tình cảm của bà mẹ ở mỗi đoạn mà tác giả thay vào vài từ thích hợp được nâng cao dần. Vì "thương bộ đội" nên mẹ "giã gạo" nuôi quân, "thương làng đói" nên mẹ "tỉa bắp trên núi Ka-lưi". Tình cảm và hành động của bà mẹ được phát triển cao nhất là lúc mẹ "chuyển lán, mẹ đi đạp rừng", mẹ "đến chiến trường". Lòng thương con trong lòng yêu đất nước. Việc làm và tình cảm của bà mẹ người dân tộc Tà-ôi gắn thành một khối. Hình ảnh bà mẹ người dân tộc Tà-ôi ấy được tác giả khắc họa tập trung nhất ở đoạn cuối của bài thơ.

Bà mẹ vừa địu con vừa làm việc cho cách mạng là người giàu ước mơ. Ước mơ cao nhất của bà mẹ là:

Mai sau con lớn làm người tự do.

Con người muốn tự do phải chắt chiu, phải hi sinh.

Đọc câu thơ ta càng thấm thía lời dạy của Bác Hồ: "Không có gì quí hơn độc lập tự do".

Bài thơ làm cho ta thêm tin yêu những người mẹ, người chị của ta ở miền Nam đang bám đất bám làng "một tấc không đi, một li không rời" vừa sản xuất vừa chiến đấu với quân thù.

Đề: ***Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi***
Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ
Mẹ đang tỉa bắp trên núi Ka-lưi
Lưng núi thì to mà lưng mẹ nhỏ
Em ngủ ngoan em đừng làm mẹ mỏi
Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng

Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi
Mẹ thương a-kay, mẹ thương làng đói
Con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều
Mai sau con lớn phát mười Ka-lưi...

(Trích *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*
– Nguyễn Khoa Điềm)

Em hãy phân tích đoạn thơ trên.

Bài làm

Nguyễn Khoa Điềm là người có học thức cao, có tâm hồn văn chương phong phú. Ông đã mang đến cho những người yêu thơ, say thơ nhiều tác phẩm: *Đất ngoại ô* (1971 – tập thơ), *Mặt đường khát vọng* (1972 – trường ca), *Ngôi nhà có ngọn lửa ấm* (1986 – tập thơ). Riêng bài thơ *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* ra đời năm 1971 khi tác giả còn đang công tác ở chiến khu miền tây Thừa Thiên là một sáng tác đặc sắc. Chúng ta hãy đọc một đoạn của bài thơ này:

Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi
Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ
Mẹ đang tỉa bắp trên núi Ka-lưi
Lưng núi thì to mà lưng mẹ nhỏ
Em ngủ ngoan em đừng làm mẹ mỏi
Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng

Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi
Mẹ thương a-kay, mẹ thương làng đói
Con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều
Mai sau con lớn phát mười Ka-lưi...

Bài thơ được viết dưới dạng lời ru những em bé được người mẹ dân tộc Tà-ôi địu trên lưng khi làm việc, qua đó thể hiện tấm lòng yêu thương con vô bờ bến của đấng mẹ hiền vùng núi non xa xôi, hiểm trở. Bài thơ cũng bộc lộ tình thương mến bộ đội, tình yêu nước thiết tha, tinh thần quyết tâm giết giặc Mỹ và niềm tin mãnh liệt vào chiến thắng ngày mai của bà mẹ Tà-ôi.

Phần trích dẫn trên đây thuộc đoạn 2 của bài thơ, miêu tả hình ảnh người mẹ đang tỉa bắp trên núi Ka-lưi cùng những tình cảm và ước vọng cao đẹp của mẹ.

Mở đầu trích đoạn là lời vỗ về của nhà thơ:

Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi
Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ.

Nhà thơ rất thương yêu em cu Tai mà cũng rất thương bà mẹ. Nhà thơ mong em say sưa giấc nồng để mẹ yên tâm lao động. Bởi vì theo tập tục của dân tộc Tà-ôi, người mẹ phải địu con trên lưng khi làm lụng.

Nguyễn Khoa Điềm đã xúc động và vẽ lên hình ảnh mẹ:

"Lưng núi thì to mà lưng mẹ nhỏ". Cùng với cách ngắt nhịp 4-4, hình ảnh thơ có sự tương phản: "lưng núi thì to" >< "lưng mẹ nhỏ".

"Lưng núi" bao giờ cũng mênh mông, rộng lớn là cái có sẵn của tự nhiên, hay nói khác đi là cái vô hạn. Còn "lưng mẹ", lưng của con người luôn bé nhỏ hay còn gọi là cái hữu hạn.

Sự đối lập giữa cái vô hạn và cái hữu hạn cho chúng ta thấy nỗi cực nhọc, vất vả, một nắng hai sương của mẹ trong quá trình lao động để tạo ra của cải vật chất nuôi sống gia đình và xã hội. Nhà thơ lại tiếp tục nhắc nhở em cu Tai một cách âu yếm, trìu mến:

Em ngủ ngoan em đừng làm mẹ mỏi.

Nhà thơ đưa ra hai hình ảnh mặt trời:

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng.

Hình ảnh so sánh ngầm "mặt trời của mẹ" trong câu thơ thứ hai đối lập với hình ảnh thực "mặt trời của bắp" trong câu thơ thứ nhất đã làm bật lên tình mẫu tử thiêng liêng, cao quý, đẹp đẽ vô ngần.

Cây bắp rất cần ánh sáng vĩnh cửu của thiên nhiên để tồn tại và phát triển. Còn em cu Tai chính là ánh sáng của đời mẹ, là nguồn sống của đời mẹ.

Nếu người mẹ miền xuôi ru con bằng những lời ngọt ngào, da diết:

Ầu ơ... gió mùa thu mẹ ru con ngủ
Năm canh chày thức đủ vừa năm.

thì người mẹ miền ngược ru con bằng một điệp khúc phát xuất từ trái tim yêu thương hòa quyện với những âu lo:

Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi
Mẹ thương a-kay, mẹ thương làng đói.

Đời sống của đồng bào miền ngược, vùng xa, vùng sâu bao giờ cũng khó khăn, gian khổ hơn đời sống của đồng bào vùng đồng bằng trù phú, phì nhiêu, màu mỡ. Đặc biệt, đối với đồng bào các dân tộc ít người, do điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt nên họ thường thất mùa, hay rơi vào cảnh thiếu ăn, đói kém. Do đó, trong lời ru lắng đọng của bà mẹ Tà-ôi vẫn canh cánh nỗi lo "làng đói". Tình thương của mẹ không chỉ dành cho đứa con thân yêu do mình rứt ruột đẻ ra mà còn lan tỏa sang tình thương cộng đồng. Ôi! Có tình thương nào bao la hơn thế nữa!

Mặt khác, người mẹ vô cùng kính yêu ấy luôn mong ước "hạt bắp lên đều" để cuộc sống ấm no cũng như hi vọng con mình sau này sẽ lớn khôn, khỏe mạnh hơn mẹ để lao động phục vụ bản thân, buôn làng và đất nước thân thương:

Con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều
Mai sau con lớn phát mười Ka-lưi.

Tóm lại đoạn trích thơ cũng như cả bài thơ *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm đã khắc họa thành công bức chân dung tuyệt vời của người mẹ dân tộc Tà-ôi. Qua đó, chúng ta còn thấy được sự quan tâm, thấu hiểu, cảm thông chia sẻ của nhà thơ đối với đồng bào dân tộc thiểu số cũng như vốn văn hóa dân gian sâu rộng của Nguyễn Khoa Điềm. Đặc biệt, tác giả còn thổi vào bài thơ những lời hát ru sâu đậm, trữ tình, đằm thắm, khi bổng khi trầm khiến bài thơ dạt dào nhạc điệu. Vì lẽ đó, bài thơ đã được nhạc sĩ Trần Hoàn phổ nhạc, truyền đi rộng rãi, được công chúng đón nhận bằng thái độ nâng niu, trân trọng suốt ba mươi mấy năm qua.

Đề: **Trong bài thơ *Bếp lửa*, nhà thơ Bằng Việt có viết:**

Một bếp lửa chờn vờn sương sớm
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.

Lên bốn tuổi, cháu đã quen mùi khói
Năm ấy là năm đói mòn, đói mỏi
Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy
Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu
Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay!

Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa
Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà?
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!

Mẹ cùng cha công tác bận không về
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học.
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc,
Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?

Đoạn thơ trên đã đọng lại trong tâm hồn của em những suy nghĩ và cảm xúc gì?

Bài làm

Bằng Việt là một trong những nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống đế quốc Mỹ. Ông đã để lại cho chúng ta nhiều tác phẩm thơ: *Hương cây – Bếp lửa* (in chung với Lưu Quang Vũ; 1968), *Những gương mặt, những khoảng trời* (1973), *Đất sau mưa* (1977), *Khoảng cách giữa lời* (1984). Bài thơ *Bếp lửa* là thành tựu nổi bật nhất của Bằng Việt trong số những bài thơ đầu tay, được sáng tác khi tác giả đang du học tại Nga. Đây là những khổ đầu của bài thơ:

Một bếp lửa chờn vờn sương sớm
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.

Lên bốn tuổi, cháu đã quen mùi khói
Năm ấy là năm đói mòn, đói mỏi
Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy
Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu
Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay!

Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa
Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà?
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!

Mẹ cùng cha công tác bận không về
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học.
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc,
Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?

Đoạn thơ trên đã gợi lại những kỉ niệm về người bà yêu kính của tác giả và tình bà cháu thiêng liêng, ấm áp, thâm sâu.

Ba dòng thơ đầu tác giả bày tỏ nỗi nhớ cháy bỏng về hình ảnh bếp lửa gắn bó với người bà:

Một bếp lửa chờn vờn sương sớm
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.

"Chờn vờn sương sớm" là một hình ảnh gợi cảm, quen thuộc với phong cách sinh hoạt của những người dân quê cần cù, chịu thương, chịu khó. Từ "ấp iu" là ôm ấp trong lòng một cách nâng niu. Với từ "ấp iu", nhà thơ đã diễn tả được tình cảm nồng nàn, sâu đậm và rất mực quý yêu của bà đối với cháu.

Vì nhớ đến bếp lửa nên nhà thơ nhớ thương bà một đời vất vả. Nghệ thuật điệp ngữ "một bếp lửa" đã nhấn mạnh tâm trạng xúc động của Bằng Việt về bà. Những câu thơ tiếp theo, nhân vật trữ tình khơi lại kỉ niệm buồn thời thơ ấu do chiến tranh gây ra:

Lên bốn tuổi, cháu đã quen mùi khói
Năm ấy là năm đói mòn, đói mỏi
Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy
Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu
Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay!

Cuối năm 1944, đầu năm 1945 (lúc nhà thơ lên bốn tuổi), miền Bắc nước ta có trên hai triệu đồng bào bị chết đói. Xác người đầy đường, đầy đồng. Đúng là "năm đói mòn, đói mỏi". Để chăm lo cho con, cha của nhà thơ phải lao động rất cật lực, làm nghề "đánh xe". Cụm từ "khô rạc ngựa gầy" có sức gợi tả lớn nỗi thống khổ của người lẫn vật, đồng thời nỗi xót xa, thương cảm trong lòng độc giả cứ thế trào dâng. Chính vì vậy mà đến năm 1963 (năm nhà thơ 19 tuổi, viết bài thơ này) cái cảm giác cay đắng, xốn xang của chuỗi ngày gian khổ, thiếu thốn vẫn còn in đậm trong tiềm thức của nhà thơ: "Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay!".

Vắng cha mẹ, suốt tám năm ròng, cháu sống trong sự đùm bọc, cưu mang, che chở của người bà. Hai bà cháu quây quần bên bếp lửa hồng:

Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa.

Hơn nữa, bà như một chỗ dựa tinh thần của cháu:

- Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
- Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học.

Đặc biệt, trong đoạn thơ, âm thanh của tiếng chim tu hú được nhắc đi nhắc lại nhiều lần để khơi gợi những hoài niệm tha thiết, những nỗi nhớ mong khắc khoải trong lòng đứa cháu đang ở phương trời xa:

- Tu hú kêu trên những cánh đồng xa
Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà?
- Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!
- Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?

Tu hú là một loài chim ăn sâu bọ, lớn hơn sáo, có lông màu đen huyền hoặc điểm những đốm trắng, hay kêu vào đầu mùa hè. Tiếng tu hú kêu báo hiệu một mùa lúa chín vàng cả cánh đồng. Tiếng tu hú thân thuộc là tiếng vọng đồng quê. Những âm thanh ấy đã khơi gợi những hoài niệm tha thiết, những nỗi nhớ mong khắc khoải trong lòng đứa cháu đang sống ở phương trời xa. Vậy nên, nỗi nhớ của nhà thơ đã chắp cánh bay cao hòa quyện với nỗi nhớ quê hương, đất nước trăm quý ngàn yêu.

Tóm lại, trong kho tàng thơ ca hiện đại Việt Nam có nhiều bài thơ viết về người bà, nhưng bài thơ *Bếp lửa* của Bằng Việt vẫn có một vị trí đặc biệt và để lại sức rung, sức gợi sâu xa trong lòng những độc giả yêu thơ, say thơ. Bằng ngôn ngữ cô đúc, truyền cảm, hàm súc, đoạn trích thơ trên đây như lời nhắn nhủ chúng ta hãy uống nước nhớ nguồn bằng hành động kính yêu, biết ơn ông bà ruột thịt. Đó là suối nguồn tình cảm đẹp muôn thuở, là đạo lí mà mỗi con người cần phải biết bồi đắp, nuôi dưỡng trong suốt cuộc đời mình.

Đề: Phân tích *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật.

Bài làm

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, những chiến sĩ lái xe trên đường Trường Sơn đã đi vào văn học với tư cách là những anh hùng. *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật là một trong những bài thơ hay viết về những chiến sĩ lái xe trên đường Trường Sơn.

Mở đầu bài thơ đã thấy cái dữ dội của chiến tranh và nổi bật tư thế của người chiến sĩ lái xe:

Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi
Ung dung buồng lái ta ngồi,
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.

Phạm Tiến Duật thuộc vào loại những nhà thơ thích đùa. Giọng điệu tưng tửng "không có kính không phải vì..." như được nhà thơ truyền tinh thần lạc quan của các chiến sĩ lái xe trước sự ác liệt của chiến tranh. Bằng giọng điệu bông đùa, nhà thơ giải thích lí do "xe không có kính".

Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi

Đối lập với hình ảnh dữ dội của chiến tranh là thái độ "ung dung" của người chiến sĩ lái xe. Hình ảnh "ung dung" được đảo ngược càng nhấn mạnh tư thế của người lái xe. Và nhà thơ đã dẫn đến phát hiện bất ngờ:

Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng

Phát hiện nào cũng gây ấn tượng về nỗi gian khổ của người lính lái xe ra trận (*Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng*); ấn tượng về tình yêu đất nước của người chiến sĩ lái xe (*Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim*), ấn tượng về tinh thần lãng mạn của họ:

Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa, như ùa vào buồng lái.

Những hình ảnh "như sa", "như ùa" diễn tả sự vận động gấp gáp của đoàn xe ra trận.

Tác giả lại thay đổi nhịp điệu, từ câu thơ nhịp 2/2/2 (*Nhìn đất/ nhìn trời/ nhìn thẳng*), nhịp 2/2/3 (*Như sa/ như ùa/ vào buồng lái*) đến câu thơ 3/1/3 (*Không có kính/ ừ/ thì có bụi*) và từng cặp đối lập vừa diễn tả nỗi gian khổ của người lính vừa diễn tả.

Không có kính, ừ thì có bụi
Bụi phun tóc trắng như người già
Chưa cần rửa phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha!

Cái hay ở đây là tác giả đã miêu tả được nét đặc trưng về nỗi gian khổ của người lính lái xe "không có kính". Câu thơ "Bụi phun tóc trắng như người già" gợi nhớ câu thơ của Quang Dũng "Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc". Thật đúng là một sợi tóc cũng làm ta kinh ngạc về hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ.

Hai cặp đối lập này, tác giả vẫn tiếp tục phát hiện nỗi gian khổ của người lính lái xe không có kính và cốt cách của họ:

Không có kính, ừ thì ướt áo
Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời
Chưa cần thay lái trăm cây số nữa
Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi!

Những hình ảnh "Bụi phun tóc trắng như người già" hay "Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời" gợi lên tình thương đối với những người chiến sĩ lái xe ra mặt trận. Câu thơ Phạm Tiến Duật chẳng những hay về hình ảnh mà còn hay về âm điệu. Những thanh trắc (có kính, ướt áo, xối, lái...) phô diễn được cái nghiệt ngã của người lái xe trên đoạn đường chiến tranh. Những thanh bằng, đặc biệt là câu kết của đoạn thơ gần như toàn thanh bằng êm ru, một phút yên ả trong tâm hồn người lái xe:

Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi

Tình đồng đội của người lái xe cũng được Phạm Tiến Duật phát hiện những nét riêng. Họ tập hợp lại "từ trong bom rơi", họ gặp bè bạn "Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi" ("Thương nhau tay nắm lấy bàn tay" – Chính Hữu), họ nấu ăn bằng bếp Hoàng Cầm (bếp gần như không có khói vì khói là tai họa đối với người lái xe Trường Sơn). Họ nghỉ ngơi bằng "võng mắc chông chênh đường xe chạy" và cũng không thiếu những phút thanh bình:

Lại đi, lại đi trời xanh thêm

Tác giả phát hiện tất cả mọi khía cạnh của cái không (xe không có kính) để dẫn đến một cái có (có một trái tim) thế là chủ đề sâu sắc của bài thơ được phát triển trọn vẹn:

Không có kính, rồi xe không có đèn
Không có mui xe, thùng xe có xước
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim.

Tác giả lại thay đổi giọng điệu, lối nói "tưng tửng" trong những khổ thơ đầu đã nhường cho lối nói nghiêm trang đượm vẻ thiêng liêng:

Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim.

Hình ảnh "miền Nam phía trước" vừa nói lên được nhiệm vụ nặng nề là tiếp viện cho chiến trường miền Nam của "tiểu đội xe không kính" vừa gợi lên tình cảm thiêng liêng của người chiến sĩ lái xe đối với miền Nam ruột thịt. Và tứ thơ cuối cùng (*Chỉ cần trong xe có một trái tim*) đã cân bằng lại tất cả những gian khổ, những tàn phá của chiến tranh. Sức mạnh của tình yêu nước đã chiến thắng kẻ thù hung bạo.

Bài thơ về tiểu đội xe không kính là bài thơ hay và độc đáo. Phát hiện được đề tài, nhà thơ đã khai thác mọi khía cạnh bất ngờ và thú vị. Giọng điệu thay đổi thích hợp, nhịp điệu luôn luôn biến hóa. Hình ảnh người chiến sĩ lái xe "Vì miền Nam phía trước" được khắc họa đậm nét, sinh động, nổi bật được cốt cách của những người anh hùng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Đề: **Phân tích văn bản *Phong cách Hồ Chí Minh* của Lê Anh Trà.**

Bài làm

1. Văn bản *Phong cách Hồ Chí Minh* được trích trong bài *Phong cách Hồ Chí Minh, cái vĩ đại gắn với cái giản dị* của Lê Anh Trà, in trong cuốn *Hồ Chí Minh và văn hóa Việt Nam* (Viện Văn hóa xuất bản, Hà Nội, 1990). Bài văn khẳng định nét nổi bật trong phong cách Hồ Chí Minh, đó chính là vẻ đẹp văn hóa với sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống văn hóa dân tộc với tinh hoa văn hóa nhân loại, giữa sự vĩ đại và sự giản dị.

2. Phần đầu của văn bản nói về vốn tri thức văn hóa nhân loại vô cùng sâu rộng của Hồ Chí Minh: "Trong cuộc đời đầy truân chuyên của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với văn hóa nhiều nước, nhiều vùng trên thế giới, cả ở phương Đông và phương Tây. Trên những con tàu vượt trùng dương, Người đã ghé lại nhiều hải cảng, đã thăm các nước châu Phi, châu Á, châu Mỹ. Người đã từng sống dài ngày ở Pháp, ở Anh. Người nói và viết thạo nhiều thứ tiếng ngoại quốc: Pháp, Anh, Hoa, Nga... và Người đã làm nhiều nghề. Có thể nói ít có vị lãnh tụ nào lại am hiểu nhiều về các dân tộc và nhân dân thế giới, văn hóa thế giới sâu sắc như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đến đâu Người cũng học hỏi, tìm hiểu văn hóa, nghệ thuật đến một mức khá uyên thâm".

Cha ông ngày xưa nói "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn". Bác đi nhiều nơi nên học hỏi được nhiều. Nhưng vấn đề là học bằng cách

nào? Để có được vốn văn hóa sâu rộng ấy, trước hết, Bác phải nắm vững phương tiện giao tiếp là ngôn ngữ: "Người nói và viết thạo nhiều thứ tiếng ngoại quốc: Pháp, Anh, Hoa, Nga..."; nắm vững ngôn ngữ để học qua sách vở, qua giao tiếp. Bên cạnh đó, còn phải học hỏi qua lao động, qua công việc: "Người đã làm nhiều nghề". Bằng những cách ấy, Bác đã có được một vốn tri thức đạt đến mức "sâu sắc", "uyên thâm". Điều đáng nói ở đây là Người đã tiếp thu một cách có chọn lọc tinh hoa văn hóa nước ngoài: "Người đã chịu ảnh hưởng tất cả các nền văn hóa, đã tiếp thu mọi cái đẹp và cái hay đồng thời với việc phê phán những tiêu cực của chủ nghĩa tư bản". Bác tiếp thu trên nền tảng sâu vững của văn hóa dân tộc để tạo nên những giá trị độc đáo: "... Điều kì lạ là tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó đã nhào nặn với cái gốc văn hóa dân tộc không gì lay chuyển được ở Người, để trở thành một nhân cách rất Việt Nam, một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại".

3. Phần thứ hai của văn bản nói về lối sống giản dị mà thanh cao của Hồ Chí Minh. Tác giả đã giới thiệu lối sống ấy một cách cụ thể bằng những chi tiết tiêu biểu, từ ngôi nhà cho đến trang phục và cách ăn uống. Mở đầu là một lời bình luận đầy ấn tượng: "Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam và có lẽ cả thế giới, có một vị chủ tịch nước lấy chiếc nhà sàn nhỏ bằng gỗ bên cạnh chiếc ao làm "cung điện" của mình. Nghệ thuật đối lập đã làm nổi bật vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh: vĩ nhân mà hết sức giản dị, gần gũi. Tác giả khiến người đọc hình dung trong sự đối chiếu các hình ảnh: cung điện của những ông vua ngày xưa, những tòa nhà nguy nga tráng lệ của các vị nguyên thủ quốc gia, và ngôi nhà sàn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. "Chiếc nhà sàn nhỏ bằng gỗ bên cạnh chiếc ao", có ai ngờ hình ảnh đơn sơ mang đậm hồn nông thôn như thế, "chỉ vẻn vẹn có vài phòng", "với những đồ đạc rất mộc mạc đơn sơ" lại là nơi ở, nơi làm việc của một vị Chủ tịch nước. Trong bài *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc, tinh hoa của thời đại*, khi nói về đức tính giản dị của Bác Hồ, bác Phạm Văn Đồng cũng nhắc đến ngôi nhà sàn "luôn luôn lộng gió và ánh sáng, phảng phất hương thơm của hoa vườn". Chủ nhân ngôi nhà sàn đơn sơ ấy "cũng trang phục hết sức giản dị, với bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ, đôi dép lốp thô sơ như của các chiến sĩ Trường Sơn". Và "việc ăn uống của Người cũng rất đạm bạc, với những món ăn dân tộc không chút cầu

kì, như cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa". Am hiểu văn hóa nhân loại mà cách sống lại hết sức dân tộc, rất Việt Nam. Khép lại đoạn văn kể về lối sống của Bác cũng là một lời bình luận đầy thuyết phục: "Tôi dám chắc không có một vị lãnh tụ nào, một vị tổng thống hay một vị vua hiền nào ngày trước lại sống giản dị và tiết chế đến mức như vậy". "Tiết chế" là hạn chế, là giữ không cho vượt qua mức. Tuy nhiên, không nên hiểu "tiết chế" là lối sống khắc khổ theo kiểu tu hành; cũng không nên hiểu là tự hạn chế mình để trở thành khác đời, hơn đời. Sống giản dị, đó không chỉ là một lối sống, thể hiện một quan niệm sống, mà còn gắn với một quan niệm thẩm Mỹ, quan niệm về cái đẹp: cái đẹp là sự giản dị tự nhiên. Cho nên, sống giản dị mà thanh cao chính là ở đó cái đẹp, cái thanh cao nằm ngay trong cái giản dị. Tác giả đối chiếu lối sống của Bác với lối sống của "các vị hiền triết ngày xưa như Nguyễn Trãi ở Côn Sơn hay Nguyễn Bỉnh Khiêm sống ở quê nhà với những thú quê thuần đức". Bác đã từng tâm sự: Ước nguyện của Bác là sau khi hoàn thành tâm nguyện cứu nước dân, Bác sẽ "làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh nước biếc để câu cá trồng rau, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, trẻ em chăn trâu, không dính líu với vòng danh lợi". Ta chợt nhận ra trong ước nguyện của Bác cái thú điền viên, thú lâm tuyền của những bậc triết nhân hiền giả ngày xưa gặp lúc thời thế nhiễu nhương không thể hành đạo giúp đời, đã từ bỏ công danh, tìm đến cuộc sống ẩn dật nơi núi rừng, bạn cùng hoa cỏ gió trăng, giữ tâm hồn trong sạch. Nguyễn Trãi xưa về lại Côn Sơn để làm bạn với suối chảy rì rầm, với bàn đá rêu phơi, với bóng mát của rừng thông, rừng trúc xanh mát một màu. Nguyễn Bỉnh Khiêm vui thú điền viên với cảnh sống nơi thôn dã "Một mai, một cuốc, một cần câu", với cảnh thanh bần "Thu ăn măng trúc, đông ăn giá – Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao" để tịnh dưỡng tinh thần. Nhưng có điều, Bác không phải là hiền triết ẩn dật, lánh đời. Lối sống của Bác là một lối sống rất dân tộc, in đậm nét đẹp của truyền thống, nhưng vẫn rất hiện đại.

Bằng một lối viết giàu sức thuyết phục, tác giả Lê Anh Trà đã cho người đọc thấy được vẻ đẹp văn hóa trong phong cách Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại, giữa dân tộc và nhân loại, giữa vĩ đại và giản dị. Bài văn có ý nghĩa bồi đắp tình cảm tự hào và kính yêu lãnh tụ.

Đề: Phân tích văn bản *Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới* của tác giả Vũ Khoan.

Bài làm

1. Vũ Khoan là nhà ngoại giao, nhiều năm là Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Bộ trưởng Bộ Thương mại; Phó Thủ tướng Chính phủ nước ta.

Bài viết *Chuẩn bị hành trang* của Vũ Khoan đăng trên tạp chí *Tia sáng* năm 2001 và được in vào tập *Một góc nhìn của trí thức*, NXB Trẻ, 2002. Khi đưa vào sách giáo khoa, người biên soạn đặt nhan đề bài viết là *Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới*.

2. Thời điểm bài viết ra đời là đầu năm 2001, năm đầu tiên của thế kỉ mới, thế kỉ XXI. Đó là thời điểm bắt đầu một chặng đường mới. Đứng ở thời điểm này, con người thường nhìn lại, kiểm điểm mình trên chặng đường đã qua và chuẩn bị hành trang đi tiếp chặng đường sắp tới. Năm 2001, đó là thời điểm chuyển giao giữa hai thế kỉ, hai thiên niên kỉ. Nó có ý nghĩa quan trọng đối với toàn nhân loại. Riêng đối với dân tộc ta, thời điểm ấy lại càng có ý nghĩa quan trọng: công cuộc đổi mới mở đầu ở cuối thế kỉ trước đã đạt được những thành quả vững chắc và chúng ta bước sang thế kỉ mới với mục tiêu phấn đấu rất cao, giải quyết nhiệm vụ cơ bản trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020.

Luận điểm cơ bản của bài viết được nêu ra ngay trong câu mở đầu: "Lớp trẻ Việt Nam cần nhận ra những cái mạnh, cái yếu của con người Việt Nam để rèn những thói quen tốt khi bước vào nền kinh tế mới."

Vấn đề ấy không chỉ có ý nghĩa thời sự trong thời điểm chuyển giao hai thế kỉ, mà còn có ý nghĩa lâu dài đối với quá trình đi lên của đất nước, bởi vì, nhận ra cái mạnh, cái yếu, phát huy cái mạnh, khắc phục cái yếu là điều kiện hết sức cần thiết để phát triển đối với mỗi người và mọi dân tộc. Điều đó lại càng cần thiết với dân tộc ta khi thực sự đi vào công cuộc xây dựng, phát triển trong xu thế hội nhập, trong nền kinh tế có xu hướng toàn cầu hóa hiện nay.

3. Hệ thống luận cứ của bài viết:

3.1. Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới thì quan trọng nhất là sự chuẩn bị bản thân con người.

Đây là luận cứ quan trọng mở đầu cho cả hệ thống luận cứ của toàn bài, có ý nghĩa đặt vấn đề, mở ra hướng lập luận của toàn bài.

Luận cứ này dựa trên hai lí lẽ:

+ Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử.

+ Trong thời kì nền kinh tế tri thức phát triển mạnh mẽ, vai trò của con người lại càng nổi trội.

3.2. Bối cảnh của thế giới hiện nay và những mục tiêu, nhiệm vụ nặng nề của đất nước.

Luận cứ này được triển khai trong hai ý:

+ Một thế giới mà khoa học công nghệ phát triển như huyền thoại, sự giao thoa, hội nhập giữa các nền kinh tế ngày càng sâu rộng.

+ Nước ta phải đồng thời giải quyết ba nhiệm vụ: thoát khỏi tình trạng nghèo nàn lạc hậu của nền kinh tế nông nghiệp; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đồng thời lại phải tiếp cận ngay với nền kinh tế tri thức.

3.3. Những cái mạnh, cái yếu của con người Việt Nam cần được nhận rõ khi bước vào nền kinh tế trong thế kỉ mới.

Đây là luận cứ trung tâm, quan trọng nhất của cả bài nên được tác giả triển khai cụ thể và phân tích khá thấu đáo.

Cách lập luận là nêu từng điểm mạnh và đi liền với nó lại là cái yếu. Cái mạnh, cái yếu không chỉ được nhìn trong lịch sử mà còn luôn được đối chiếu với yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

Tác giả chỉ ra những cái mạnh, cái yếu cụ thể như sau:

+ Thông minh, nhạy bén với cái mới nhưng thiếu kiến thức cơ bản, kém khả năng thực hành;

+ Cần cù, sáng tạo nhưng thiếu đức tính tỉ mỉ, không coi trọng nghiêm ngặt quy trình công nghệ, chưa quen với cường độ khẩn trương;

+ Có tinh thần đoàn kết, đùm bọc, nhất là trong công cuộc chiến đấu chống ngoại xâm, nhưng lại thường đố kị nhau trong làm ăn và trong cuộc sống thường ngày;

+ Bản tính thích ứng nhanh, nhưng lại có nhiều hạn chế trong thói quen và nếp nghĩ, kì thị kinh doanh, quen với bao cấp, thói sùng ngoại hoặc bài ngoại quá mức, thói "khôn vặt", ít giữ chữ "tín".

Từ ba luận cứ được triển khai rất chặt chẽ nói trên, tác giả kết thúc bài viết bằng việc nêu lên yêu cầu đối với thế hệ trẻ:

"Bước vào thế kỉ mới, muốn *sánh vai cùng các cường quốc năm châu* thì chúng ta sẽ phải lấp đầy hành trang bằng những điểm mạnh, vứt bỏ những điểm yếu. Muốn vậy thì khâu đầu tiên, có ý nghĩa quyết định là hãy làm cho lớp trẻ – những người chủ thực sự của đất nước trong thế kỉ tới - nhận ra điều đó, quen dần với những thói quen tốt đẹp ngay từ những việc nhỏ nhất".

Đề: Phân tích nhân vật Thu trong truyện *Chiếc lược ngà* của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.

Bài làm

Nguyễn Quang Sáng là một nhà văn đồng thời cũng là một chiến sĩ kiên cường trên chiến trường trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ của dân tộc Việt Nam. Trong sự nghiệp sáng tác văn học của ông có nhiều tác phẩm đặc sắc như: *Con chim vàng, Người quê hương, Chiếc lược ngà, Bông cẩm thạch, Người con đi xa, Đất lửa, Mùa gió chướng, Dòng sông thơ ấu,*... Truyện *Chiếc lược ngà* (1966) rút từ tập truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nguyễn Quang Sáng, được sáng tác trong thời kì tác giả tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam. Thu là nhân vật trung tâm của thiên truyện.

Trước tiên, chúng ta thấy Thu là một cô bé ương ngạnh, bướng bỉnh, có chút kiêu hãnh của trẻ thơ, có cá tính mạnh mẽ. Ban đầu, Thu có thái độ xa lạ với cha ruột của nó bởi vì anh Sáu đã không gặp mặt đứa con thân yêu trong suốt mấy năm kháng chiến dài đằng đẵng. Nghe cha gọi, Thu "tròn mắt nhìn", tỏ vẻ "ngơ ngác, lạ lùng", "chớp mắt nhìn" mặt "tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên". Anh Sáu càng vỗ về, con bé càng đẩy ra, chẳng chịu gọi một tiếng "ba" cho anh thỏa lòng mong ước, khát khao. Nó không mở lời mời ba của nó ăn cơm khi được mẹ yêu cầu: "Thì má cứ kêu đi". Khi bị mẹ nổi giận, quơ đũa bếp dọa đánh, nó chỉ nói trống như đang nói với bạn bè cùng trang lứa: "Vô ăn cơm" hoặc đứng trong bếp nói vọng ra: "Cơm chín rồi" (hàm ý kêu anh Sáu vào ăn) hay: "Con kêu rồi mà người ta không nghe". Ngay cả khi lâm vào thế bí (mẹ vắng nhà, nồi cơm to đang sôi, một mình không thể nhấc xuống để chắt nước được) cô bé cũng nhất định không gọi anh Sáu bằng "ba" để nhờ anh. Nó chỉ đưa mắt nhìn anh – một cái nhìn chờ đợi sự giúp đỡ – rồi kêu lên bằng giọng trống: "Cơm sôi rồi, chắt nước giùm cái!", "Cơm sôi rồi, nhão bây giờ!".

Bằng một suy nghĩ thông minh, đáo để, nó "nhón gót lấy cái vá múc ra từng vá nước". Vậy là nó đã gỡ được thế bí cho mình. Rất trẻ con, Thu phản ứng mạnh mẽ sự chăm sóc ân cần của anh Sáu. Nó bất thần hắt cái trứng cá to vàng ra khỏi chén cơm khi anh Sáu

để vào chén nó. Trong một phút nóng giận, không làm chủ được bản thân mình, anh Sáu vung tay đánh vào mông nó và hét lên: "Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?". Những tưởng "con bé sẽ lăn ra khóc, sẽ giãy, sẽ đạp đổ cả mâm cơm hoặc sẽ chạy vụt đi, nào ngờ nó vẫn "ngồi im, đầu cúi gầm xuống", "im lặng đứng dậy", "bước ra khỏi mâm". Sau đó, "xuống bếp, nó nhảy xuống xuồng, mở lòi tói, cố ý làm cho dây lòi tói khua rổn rảng, khua thật to, rồi lấy dầm bơi qua sông", "sang nhà ngoại, mét với ngoại và khóc ở bên ấy". Cái trạng thái tâm lí ấy cũng rất trẻ con. Vả lại, cử chỉ cứng đầu còn ẩn chứa thái độ kiêu hãnh của một con bé về khối tình cảm lớn lao dành cho người cha "khác" hiện diện trong bức ảnh chụp chung với mẹ. Nhìn chung, thái độ và hành động của Thu hoàn toàn không đáng trách. Em còn quá thơ dại nên không thể hiểu được những nỗi đau đớn, mất mát do chiến tranh gây ra. Ngày chưa xa cách, trên má phải anh Sáu – cha nó, chưa có vết thẹo. Ngày trở lại thăm con (dù bom đạn vẫn còn rơi), gương mặt của anh đã biến đổi, nhất là mỗi lần xúc động vết thẹo dài lại đỏ ửng lên, giần giật trông rất dễ sợ. Dĩ nhiên, bé Thu làm sao tin chắc đó là cha ruột của mình được?!

Mặt khác, Thu là một đứa bé có nguồn tình cảm tiềm tàng, dồn nén, khi có niềm tin thì bùng lên một cách mãnh liệt, chân thành. Giây phút chia tay người bạn đời, bà con, họ hàng để lại mặt trận đầy khói lửa, anh Sáu vẫn khẽ nói với con: "Thôi! Ba đi nghe con!". Những tưởng con bé sẽ đứng yên nhìn anh, nào ngờ, nó bỗng kêu thét lên: "Ba... Ba!". Tiếng kêu của nó như "tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa", "nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó nhảy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó... nói trong tiếc khóc: "Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!". Sự bùng nổ tình cảm ấy thể hiện tấm lòng kính yêu vô hạn của Thu đối với người cha mà có lúc nó xem thư xa lạ. Ở đây, có sự vang ứng, cộng hưởng giữa tình ruột thịt thiêng liêng, cao quý nhất của loài người với khối tình dồn nén bởi nhân tố thời gian. Và bây giờ, Thu đã thực sự hiểu và tự hào về vết sẹo trên mặt của ba.

Thêm vào đó, Thu là một cô bé rất hồn nhiên. Thương ba, yêu ba, tự hào về ba, Thu "không cho ba đi nữa", Thu muốn "ba ở nhà với con" nhưng rồi được mọi người, nhất là mẹ, bà ngoại dỗ dành,

an ủi thì bé xiêu lòng. Nhưng bé lại ra điều kiện, một điều kiện thật giản dị, làm xúc động lòng người: "Ba về! Ba mua cho con một cây lược nghe ba". Thu nói câu này trong tiếng nấc nghẹn, vừa nói vừa từ từ rời khỏi bàn tay nồng ấm của ba, để ba kịp thời trở lại đơn vị.

Đoạn cuối truyện, Thu còn là một cô giao liên thông minh, nhanh nhẹn, chu đáo, dũng cảm. Một lần, dẫn một đoàn khách sắp sửa qua sông, cô và một giao liên nữa, tiến trước dọn đường nhưng chẳng may, lọt vào ổ phục kích của giặc. Cô không bối rối. Cô vừa gọi người bạn của mình vừa nói, cô cố ý nói lớn cho bọn giặc nghe: "Tình hình yên, không có gì, anh trở lại dẫn khách đi, còn tôi sang sông lắc xuồng đem qua". Trong câu nói này có ám hiệu (dấu hiệu kín). Anh giao liên liền quay lại, êm ái và bình tĩnh đưa đoàn khách qua ngã khác an toàn. Riêng cô ta, khi qua sông còn gài lại hai trái lựu đạn. Cô không chỉ thoát nguy hiểm mà còn lừa được đám biệt kích: nghe lời nói của cô, chúng tưởng thật, định hốt cả đoàn khách nên chẳng dám rục rịch, chờ đợi mãi. Cuối cùng, lục tục kéo nhau về, vấp cả hai quả lựu đạn gài, thiệt mạng mấy tên. Một lần khác, trước khi chở các cán bộ cách mạng đi bằng xuồng, cô chu đáo dặn dò lễ phép: "Các bác, các chú, các anh có gì quan trọng nên để trong túi áo, hoặc để trong một cái gói riêng, hễ gặp trực thăng bắn hoặc biệt kích thì đồ quý không bị mất, bị cháy". Với giọng nói dịu dàng, dễ thương khác hẳn với giọng nói căng thẳng của ông trạm trưởng, Thu đã làm vơi đi nỗi lo cho các cán bộ và được họ dành cho những tình cảm tin yêu, quý mến. Còn khi xuống gặp trực thăng Mỹ đi soi, lên bờ lại đụng biệt kích địch, cô vẫn bình tĩnh chỉ huy đoàn khách tránh địch. Một mình cô dám ở lại chặn biệt kích. Đoàn khách tới địa điểm của trạm tiếp theo. Họ dừng lại nghỉ thì nhìn thấy cô về kịp trong bộ quần áo bùn đất bê bết và đẫm ướt. Vừa chặn địch, vừa bước ra khỏi chỗ nguy hiểm, ấy vậy mà mặt cô vẫn cứ phơi phới như vừa đi dự hội trở về.

Tóm lại, nhân vật Thu trong truyện ngắn *Chiếc lược ngà* là một hình tượng được xây dựng rất thành công của nhà văn Nguyễn Quang Sáng, nhất là ở đoạn đời cô còn là một đứa trẻ. Tình cha con thắm thiết của Thu trong thiên truyện đã khơi gợi, và càng làm tăng thêm tình yêu của em dành cho người cha ruột thịt của mình.

Vả lại, những phẩm chất thông minh, nhanh nhẹn, chu đáo, dũng cảm của Thu không chỉ làm cho em khâm phục, ngưỡng mộ mà còn đáng để cho em học hỏi và phát huy. Thế nên, gấp trang sách lại rồi mà hình ảnh nhân vật Thu vẫn hãy còn đọng lại trong tâm hồn của em sức rung, sức gợi sâu xa.

Đề: Phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật ông Hai trong truyện *Làng* của Kim Lân.

Bài làm

Kim Lân là nhà văn rất am hiểu cuộc sống của người nông dân ở nông thôn miền Bắc. Tất cả các truyện của ông đều xoay quanh cảnh ngộ và sinh hoạt của người nông dân. Truyện *Làng* được Kim Lân sáng tác trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp và đăng trên tạp chí *Văn nghệ* năm 1948. Nhân vật chính là ông Hai người làng Chợ Dầu. Tác giả đã miêu tả khá thành công diễn biến tâm trạng của ông khi nghe tin đồn làng ông theo giặc. Qua đó, tác giả ca ngợi tinh thần yêu nước của ông nói riêng và của người dân Việt Nam nói chung.

Ông Hai là người rất tự hào về cái làng Chợ Dầu của mình. Khi phải đi tản cư ông cứ nhắc đi nhắc lại với những người chung quanh cái không khí cách mạng của làng ông: “Cả giới phụ lão có cụ râu tóc bạc phơ cũng vác gậy đi tập một hai...”. Cứ như vậy, suốt cả buổi tối, ông lão ngồi vén quần lên tận bẹn mà nói liên miên về cái làng của ông. Ông nói cho sướng miệng và để cho đỡ nhớ làng chứ không chú ý người khác có nghe không? Sau những giây phút làm việc mệt nhọc, nằm gác tay lên trán, ông lại nghĩ về làng. Ông cứ muốn về làng, muốn được “cùng mọi người đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá...”. Vì quá yêu, quá tự hào về cái làng của ông mà ông “nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân”, “chết lặng đi tưởng như không thở được” khi nghe tin cả làng mình theo Việt gian! Lúc đầu ông không thể tin, ông hỏi đi, hỏi lại “giọng ông như lạc hẳn”, “Liệu có thật không hở bác?”. Khi có người quả quyết vừa ở dưới ấy lên và nói chắc như đinh đóng cột ở làng ông “Việt gian từ thằng chủ tịch mà đi...” thì ông Hai không thể nghe thêm được nữa. Ông đánh trống lảng rồi đi thẳng. Văng vẳng bên tai ông tiếng người đàn bà cho con bú: “Cha mẹ tiên sư chúng nó! Đói khổ ăn cắp, ăn trộm bắt được người ta còn thương. Còn giống Việt gian bán nước thì cứ cho mỗi đứa một nhát!”. Những lời nói ấy như những nhát

dao chém vào ông, tim ông se thắt lại. Bao nhiêu câu hỏi giằng xé trong ông. Tức quá, ông nắm chặt hai tay lại mà rít lên: "Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này!..." Rồi ông nghĩ lại: "chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được. Ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà...". Trong ông đang diễn ra sự giằng xé. Nửa tin, nửa ngờ.

Đêm đó, ông Hai không sao ngủ được, "ông hết trở mình bên này lại trở mình bên kia thở dài". Khi mụ chủ nhà nói xa nói gần không chứa chấp người làng làm Việt gian, ông lão ngồi lặng đi. Bao nhiêu ý nghĩ đen tối, ghê rợn nối tiếp bời bời trong đầu ông, ông định quay về làng. Vừa chớm nghĩ như vậy, lập tức ông phản đối ngay: "Về làm gì cái làng ấy nữa. Chúng nó theo Tây cả rồi. Về làng tức là bỏ kháng chiến". Nghĩ vậy nước mắt ông giàn giụa. Nhớ lại thuở xưa – thuở cuộc đời đen tối, lầm than, ông "rợn cả người"... Chỉ chừng ấy chi tiết, Kim Lân đã cho người đọc hiểu tình cảm của ông Hai đối với cách mạng, đối với đất nước như thế nào. Nếu không yêu nước, không tin tưởng vào cách mạng làm sao ông uất nghẹn, đau khổ đến như thế. Và cũng chính điều đó mà ông đã mừng rơn lên khi biết đích xác những lời kia chỉ là sự đồn đại láo toét. Ông đi tìm bác Thứ để thanh minh: "Chính cái tin làng Chợ Dầu chúng tôi đi Việt gian ấy mà. Láo! Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả!". Ông cứ lặp đi lặp lại câu "láo hết, toàn là sai sự mục đích cả". Ông Hai còn múa tay lên mà khoe tin ấy với mới người... Và tối hôm ấy, ông lại sang bên nhà bác Thứ, lại ngồi trên chiếc chõng tre, vén quần lên tận bẹn mà nói chuyện về cái làng của ông... Kim Lân đã chọn được một tình huống khá độc đáo. Cách thể hiện lòng yêu nước của nhà văn cũng có nét riêng không giống với bất cứ nhà văn nào cùng thời.

Có thể nói *Làng* là một truyện ngắn khá hay. Thành công lớn nhất về mặt nghệ thuật là khả năng miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật. Đoạn ông Hai nghe tin đồn làng ông làm Việt gian đã thể hiện tài năng miêu tả tâm lí nhân vật của Kim Lân. Thông qua nhân vật ông Hai, tác giả muốn ca ngợi tình yêu quê hương, tình yêu đất nước, sự giác ngộ cách mạng của những người nông dân hiền lành, chất phác. Chính tình yêu quê hương đất nước, ý thức giác ngộ cách mạng ấy mà họ một lòng theo Đảng, theo cách mạng, đứng lên giành quyền sống, giữ vững nền độc lập tự chủ của dân tộc trước mọi gian nan, thử thách.

Đề: Trình bày cảm nghĩ của em về vẻ đẹp của các nữ thanh niên xung phong trong tác phẩm *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê.

Bài làm

Lê Minh Khuê là một nữ nhà văn xuất hiện vào những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ. Bà thường viết về những cô gái, chàng trai thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. *Những ngôi sao xa xôi* là tác phẩm tiêu biểu viết về ba cô gái thanh niên xung phong làm việc trên tuyến đường Trường Sơn, trên một cao điểm ở một tuyến đường trọng điểm. Họ (Định, Thao, Nho) hiện lên với vẻ hồn nhiên, dũng cảm, lạc quan, yêu đời với những cá tính riêng biệt. Đó là những điểm gây ấn tượng cho người đọc, làm cho chúng ta cảm phục, trân trọng họ.

Ba cô gái thanh niên xung phong bước vào trang viết của Lê Minh Khuê với những cái tên đầy nữ tính, rất riêng biệt: Định, Thao, Nho. Họ là những cô gái từ thành thị tình nguyện xung phong ra chiến trường với ước muốn giải phóng đất nước. Họ ra đi mang theo bao ước mơ, hoài bão của tuổi trẻ. Dưới lời kể của nhân vật tôi (Phương Định), người đọc như đang sống lại cùng cô với những kỉ niệm ấu thơ: "Cái bàn học kê ở góc phòng, rồi con phố nhỏ..." tất cả đều là những hành trang mang theo trong cô, giúp cô chiến đấu.

Ba cô gái – ba sở thích. Ba cô gái – ba tính cách nhưng họ sống gắn bó với nhau như chị em ruột thịt.

Phương Định luôn thích hồi tưởng lại những kỉ niệm quá khứ. Ở sâu trong rừng, cô vẫn luôn hướng về gia đình, về căn gác nhỏ nơi cô sống suốt tuổi ấu thơ, nhớ cả những con người quanh đó nữa. Từ nhỏ, Phương Định đã mê hát. Ban đêm đứng trên căn gác nhỏ, nhìn xuống khoảng đất sâu thẳm, Định khẽ cất tiếng hát, ông bác sĩ bên cạnh lại ra hiệu qua bức tường. Cứ như vậy hồi tưởng lại quá khứ cô sống vui hơn, quên đi phần nào những nguy hiểm luôn rình rập. Dù đã là một phụ nữ, nhưng Phương Định lại ngây thơ hồn nhiên như một đứa trẻ. Hoàn cảnh không làm giảm tình yêu quê hương đất nước, yêu cuộc sống của cô.

Khác Định, Nho là người nhỏ tuổi nhất. Tính cô lại càng trẻ con hơn. Nho thích mút kẹo, uống sữa. Hằng ngày, Nho luôn được hai chị cưng chiều, luôn được phần việc nhẹ hơn. Tuyệt nhiên, không phải vì vậy mà Nho ỷ lại công việc vào Thao và Định. Vẫn cứng rắn và đầy sự

dũng cảm, Nho cùng hai chị đi phá bom. Người tuy nhỏ nhưng ý chí không nhỏ, Nho vẫn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình: xử lí hai quả bom dưới lòng đường. Cô phá được bom nhưng bị thương do bom nổ khá gần. Vui mừng đã xóa tan đi cái cảm giác đau đớn về thể xác của cô.

Đại diện cho tuổi trẻ yêu nước, không ngại khó khăn, Thao đã chiến đấu ở chiến trường này được mấy năm rồi. Là một cô gái thành thị, Thao không yểu điệu, chị rất cương quyết khi làm việc. Lớn tuổi nhất, nhiều kinh nghiệm nhất, Thao trở thành "thủ trưởng" của hai cô "em gái" trong đơn vị. Càng chú ý, ta càng thấy chị Thao thật đặc biệt. Trong những lúc nguy hiểm nhất thì chị lại bình tĩnh đến nỗi khiến người ta phát bực. Thao – cô chị cả, luôn chăm sóc Định và Nho. Nhìn cảnh Nho bị thương, Thao còn thấy đau đớn hơn cả Nho. Từ bao giờ, ba cô gái Thao, Định, Nho đã gắn bó với nhau như chân với tay.

Hình ảnh những cô gái trên cao điểm thật trẻ trung, hồn nhiên nhưng gan dạ. Ba cô gái giữ ba nét riêng biệt, ba cá tính riêng nhưng vẫn đầy tình yêu, đầy nữ tính. Sống trong hoàn cảnh khốc liệt của chiến tranh, bằng tình yêu thương của họ, đã làm dịu đi những mất mát đau thương.

Và cũng từ đó, nhận thức, ước nguyện giải phóng quê hương, họ – những cô gái thanh niên xung phong hiện lên với tinh thần trách nhiệm cao trước công việc; với sự dũng cảm của những cô gái khiến mỗi chúng ta khi lật lại những trang viết lại thấy cảm phục, trân trọng họ hơn. Liệu rằng Lê Minh Khuê đã dùng mấy trang viết đủ để viết lên tinh thần chiến đấu, công việc gian lao vất vả của ba cô gái thanh niên xung phong? Không chỉ với vẻn vẹn một trang viết mà Lê Minh Khuê đã diễn tả được điều ấy. Tuy hoàn cảnh sống của họ là một nơi trên chiến trường ác liệt luôn luôn phải đối diện với tử thần, dẫu công việc có nguy hiểm: Sau mỗi trận bom của địch thả xuống, họ lại lao ra trận địa phá bom... Nhưng họ vẫn đầy tinh thần trách nhiệm, vì nhiệm vụ họ vẫn hoàn thành công việc. Đã có lúc họ nghĩ đến ... nhưng đó chỉ là mờ nhạt mà thôi! Bởi chính tinh thần trách nhiệm cao họ đặt lên làm "tiêu chí" làm việc của họ, với công việc phá bom nguy hiểm, đôi bàn tay của họ khéo léo nhẹ nhàng luôn từng chút một gạt từng chút đất lấp xung quanh quả bom. Lê Minh Khuê đã miêu tả tỉ mỉ, đan xen bởi cảm giác ghê rợn hãi hùng của ba cô gái thanh niên xung phong Định, Thao, Nho: "Thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu,

chân chạy mà vẫn biết rộng khắp xung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa".

Chỉ với mấy câu văn nhưng Lê Minh Khuê đã diễn tả sự dũng cảm gan dạ của những cô gái thanh niên xung phong. Mặc dù suốt cả mấy năm trời, ngày nào họ cũng làm công việc đó. Họ là những người phụ nữ Việt Nam có tinh thần gan dạ, dũng cảm, kiên trung, bất khuất. Họ thật xứng đáng với tám chữ vàng mà Bác Hồ trao tặng: "ANH HÙNG, BẤT KHUẤT, TRUNG HẬU, ĐẢM ĐANG".

Vượt lên trên tất cả những khó khăn, gian lao vất vả là tình đồng chí, đồng đội gắn bó. Dù họ là ba cô gái với ba tính cách, ba sở thích khác nhau nhưng họ coi nhau như chị em ruột thịt trong gia đình, yêu thương, đùm bọc lẫn nhau: nhất là khi Nho bị thương trong hầm bị sập, Định đã băng bó, chị Thao sốt ruột và cảm thấy đau đớn hơn người bị thương, chăm sóc tận tình cho Nho.

Tình đồng đội gắn bó keo sơn là đặc điểm vốn có của người chiến sĩ Việt Nam. Những cô gái thanh niên xung phong mở đường cho xe vào miền Nam là những hình tượng, những đề tài cho các nhà thơ, nhà văn. Khai thác từ hình tượng ấy, Lâm Thị Mỹ Dạ có bài *Khoảng trời hố bom*.

Chuyện kể rằng em cô gái mở đường
Để cứu con đường đêm ấy khỏi bị thương
Cho đoàn xe kịp giờ ra trận
Em đã lấy tình yêu Tổ quốc của mình thắp lên ngọn lửa
Đánh lạc hướng thù, hứng lấy luồng bom.

Phạm Tiến Duật cũng viết về những người chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong bài *Bài thơ về tiểu đội xe không kính.* Họ – những người thanh niên xung phong – một thế hệ trẻ làm nên lịch sử, làm nên đại thắng mùa xuân 1975. Chúng ta ấn tượng về ba cô gái trong truyện: *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê, đó là cảm xúc chân thực mà nhà văn đã bộc lộ.

Thời gian vẫn cứ trôi, ba cô gái ngày càng lớn, chiến tranh lại càng khốc liệt, *Những ngôi sao xa xôi* vẫn luôn soi đường cho họ, thêm sức mạnh cho họ để họ tiếp tục đóng góp cho đất nước. Họ cũng chính là những ánh sao nhỏ bé lấp lánh góp phần tỏa sáng cho đất nước Việt Nam sáng bừng lên từ trong đêm tối.

Từ hình tượng Phương Định, Nho, Thao, Lê Minh Khuê đã khắc họa đậm nét những con người đại diện cho giới trẻ trong thời kì kháng

chiến chống Mỹ. Đồng thời qua ba nhân vật này, tác giả cũng muốn đề cao vai trò người phụ nữ trong mọi lúc, mọi nơi. Mở rộng ra tác phẩm còn để lại cho người đọc một bức tranh về con người kháng chiến mà đặc biệt là những cô thanh niên xung phong gan dạ, phi thường. Đọc xong truyện, ba cô gái trong truyện đã để lại trong em sự cảm phục và quý mến đặc biệt, mà hơn thế nữa, em càng thấy tự hào hơn khi mình cũng là một cô gái và có thể em sẽ trở thành một nữ thanh niên xung phong trong thời kì kinh tế công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đề: **Cảm nghĩ của em về nhân vật Nhĩ trong truyện *Bến quê* của Nguyễn Minh Châu.**

Bài làm

Quê hương nếu ai không nhớ
Sẽ không lớn nổi thành người.

Nhà thơ Đỗ Trung Quân đã thật tài tình khi đưa ra một triết lí - triết lí về quê hương, về mối quan hệ khăng khít giữa sự trưởng thành của mỗi người với quê hương. Nhà văn Nguyễn Minh Châu chắc đã có sự đồng điệu trong tâm hồn với thi sĩ Đỗ Trung Quân ở điểm này khi viết về câu chuyện *Bến quê*. Truyện gợi cho ta một cảm giác nhẹ nhàng cùng những suy nghĩ sâu xa về quê hương xứ sở mà nhân vật Nhĩ là hình bóng một con người rất thực với đời sống nội tâm phong phú đầy trải nghiệm.

Câu chuyện viết về số phận của Nhĩ, một người đàn ông đã từng bôn ba, được tiếp xúc nhiều nơi, chiêm ngưỡng bao vẻ đẹp kì quan của thế giới, nhưng đến cuối đời, khi bị một căn bệnh hiểm nghèo phải nằm liệt giường, anh mới cảm nhận ra vẻ đẹp tâm hồn của vợ cũng như vẻ đẹp bình dị của bãi bồi bên kia sông, bến quê của vợ mà chưa một lần anh đặt chân đến.

Đọc truyện, từ những hình ảnh thiên nhiên lướt qua lăng kính của Nhĩ gợi ta liên tưởng đến những biểu tượng của cuộc sống giàu ý nghĩa.

Trước hết đó là vẻ đẹp của bãi bồi bên kia sông theo tầm nhìn của Nhĩ từ gần tới xa trong buổi sáng thu. Bức tranh ấy gợi lên vẻ trong trẻo tươi mát cả một vùng quê ven sông nông thôn qua những hình ảnh quen thuộc: dòng sông Hồng uốn lượn, bầu trời cao rộng, bãi cát phẳng lì, những bông hoa bằng lăng tím tô điểm thêm vẻ dịu dàng duyên dáng. Đó là những hình ảnh rất thực, rất quen thuộc gần gũi nhưng lại

rất mới mẻ với Nhĩ, bởi anh có cảm giác như lần đầu tiên anh mới nhìn thấy. Bức tranh đó cũng là vẻ đẹp của cuộc sống, những cái bình dị quen thuộc của quê hương xứ sở.

Hình ảnh những bông hoa bằng lăng cuối mùa màu sắc như đậm hơn, cùng những tảng đất lở ở bờ sông bên này khi cơn lũ đầu nguồn sắp về đổ ụp vào giấc ngủ của Nhĩ lúc gần sáng, là những chi tiết gợi cho ta liên tưởng tới sự sống của Nhĩ đang ở những ngày cuối cùng. Đặt trong suy nghĩ của nhân vật trước lời anh hỏi vợ, ta cảm nhận được cuộc sống buồn tẻ chán ngán và đầy tuyệt vọng, cái chết đến dần với anh.

Có thể nói nghệ thuật tạo dựng hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng của câu chuyện giúp ta hiểu sâu hơn về tâm lí nhân vật và khám phá thêm nhiều điều trong tâm hồn của một con người đang tàn tạ ấy. Đặc biệt đi sâu vào tìm hiểu những suy ngẫm và khát vọng của anh ta mới thấy đó là những triết lí sâu xa.

Biểu hiện đó trước hết trong cảm nhận của Nhĩ về Liên (vợ anh). Lần đầu tiên Nhĩ để ý thấy Liên đang mặc tấm áo vá, những ngón tay gầy guộc, âu yếm vuốt ve bên vai của anh, và Nhĩ nhận ra tất cả tình yêu thương, sự tần tảo và đức hi sinh thầm lặng của vợ. Anh nói với chị Liên: “Suốt đời anh chỉ làm em khổ tâm... mà em vẫn nín thinh”. Còn Liên đã trả lời: “Có hề sao đâu... Miễn là anh sống, luôn luôn có mặt anh, tiếng nói của anh trong gian phòng này...”. Chính trong những ngày cuối đời, Nhĩ mới thực sự thấu hiểu với lòng biết ơn sâu sắc người vợ của mình: “cũng như cánh bãi bồi đang nằm phơi mình bên kia, tâm hồn Liên vẫn giữ nguyên vẹn những nét tảo tần và chịu đựng hi sinh từ bao đời xưa, và cũng chính nhờ có điều đó mà sau nhiều ngày tháng bôn tẩu, tìm kiếm... Nhĩ đã tìm thấy được nơi nương tựa là gia đình trong những ngày này”.

Niềm khao khát của Nhĩ là được đặt chân lên bãi bồi bên kia sông để được chiêm ngưỡng và tận hưởng vẻ đẹp rất đỗi bình dị và gần gũi qua ô cửa sổ căn phòng, đồng thời cũng hiểu rằng mình sắp phải giã biệt cõi đời, ở Nhĩ bừng dậy một niềm khao khát vô vọng là được đặt chân một lần lên cái bãi bồi bên kia sông. Điều ước muốn ấy chính là sự thức tỉnh về những giá trị bền vững bình thường và sâu xa của cuộc sống – những giá trị thường bị người ta bỏ qua, lãng quên, nhất là lúc còn trẻ, khi những ham muốn xa vời đang lôi cuốn con người ta tìm đến. Sự thức tỉnh này chỉ đến được với người ta ở cái độ đã từng trải,

với Nhĩ thì đó là lúc cuối đời, khi phải nằm liệt trên giường bệnh, bởi đó là sự thức tỉnh có xen với niềm ân hận và nỗi xót xa: “Họa chăng chỉ có anh đã từng trải, đã từng in gót chân khắp mọi chân trời xa lạ mới nhìn thấy hết sự giàu có lẫn mọi vẻ đẹp của một cái bãi bồi sông Hồng ngay bờ bên kia...”

Không thực hiện được điều ước muốn bằng khả năng của mình, anh đành nhờ cậu con trai đến bãi bồi bên kia sông để giúp anh thỏa niềm mong ước cuối cùng ấy. Nhưng nó làm một cách miễn cưỡng và bị cuốn hút vào trò chơi phá cờ thế trên đường mà có thể lỡ chuyến đò sang ngang duy nhất trong ngày. Những hành động cử chỉ của cậu con trai phải chăng chính là hình ảnh của Nhĩ thuở nào, chính vì vậy anh đã ngẫm ra một triết lí về cuộc sống: “con người ta trên đường đời thật khó tránh được những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình”. Triết lí ấy là của một con người đã trải nghiệm, đã có ước muốn xa vời mà cuộc đời khi trẻ vô tình bỏ qua những cái bình dị ngay bên ta. Nhìn đứa con không hiểu được điều anh nhờ nó nên anh đã rút ra triết lí sâu xa đó như nỗi niềm đau đớn pha lẫn sự ân hận của riêng anh. Vậy là không phải triết lí của một mà của hai thế hệ anh nhìn thấy nên có tính chất quy luật tâm lí của con người. Hiểu được triết lí đó ta mới hiểu được ý tưởng sâu xa của tác giả như muốn khuyên mỗi chúng ta đừng lãng phí thời gian vào những điều vòng vèo chùng chình mà cần trân trọng những giá trị bền vững, những vẻ đẹp bình dị của cuộc đời ở ngay quanh ta.

Hành động anh khoát tay ra hiệu cho con như giục nó cùng với việc anh nhoài người về phía cửa sổ như cố truyền lấy những khát vọng tâm hồn đẹp đẽ chân thành để thức tỉnh đứa con hay mỗi chúng ta về những cái vòng vèo, chùng chình mà chúng ta đang sa vào trên đường đời để dứt ra khỏi nó, để hướng tới những giá trị đích thực, vốn rất giản dị, gần gũi và bền vững.

Nhân vật Nhĩ trong truyện là nhân vật tư tưởng, một loại nhân vật nổi lên trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu trong giai đoạn sau năm 1975. Nhà văn đã gửi gắm qua nhân vật nhiều điều quan sát, suy ngẫm triết lí về cuộc đời và con người. Những chiêm nghiệm, triết lí đã được chuyển hóa vào cuộc sống nội tâm của nhân vật, với diễn biến của tâm trạng dưới sự tác động của hoàn cảnh được miêu tả tinh tế, hợp lí. Nhân vật gợi cho ta nhiều suy ngẫm về cuộc sống, về chính bản thân mình một cách nhẹ nhàng, thấm thía.

Đề: Phân tích truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long.

Bài làm

Gấp lại truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* lòng ta cứ xao xuyến, vấn vương trước vẻ đẹp của con người, trước những tình cảm chân tình, nồng hậu trong một cuộc sống đầy tin yêu. Viết về một mảng hiện thực trên miền đất Sa Pa trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, thiên truyện như muốn nói với ta rằng: Bên trong cái vẻ đẹp lặng lẽ, cuộc sống ở đây chứa bao vẻ đẹp đáng yêu, đang có không ít sự hi sinh thầm lặng.

Dù được miêu tả nhiều hay ít, trực tiếp hay gián tiếp, nhân vật nào trong *Lặng lẽ Sa Pa* cũng hiện lên với nét cao quý đáng khâm phục. Đó là anh thanh niên làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu sống một mình trên đỉnh Yên Sơn cao hai nghìn sáu trăm mét. Đã mấy năm nay, công việc hằng ngày của anh là đo gió, đo nhiệt độ, đo mưa, đo nắng rồi ghi chép, rồi gọi vào máy bộ đàm báo về trung tâm. Nhiều mùa, nhiều đêm, anh phải đối chọi với gió tuyết và lặng im. Vậy mà anh rất yêu công việc của mình: "Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất" (Lời anh thanh niên nói với ông họa sĩ già). Đó là ông kĩ sư ở vườn rau dưới Sa Pa đang thầm lặng kiên nhẫn nhân giống su hào, là người cán bộ khoa học ngày đêm chăm chú miệt mài lập bản đồ sét riêng cho đất nước. Đó là một họa sĩ già xin anh em ở cơ quan hoãn bữa tiệc ông nghỉ hưu để đi "thực tế" lần cuối ở Tây Bắc. Ông gặp người, gặp cảnh, ông hỏi chuyện và mải miết vẽ mà trong đầu hiện lên bao ý nghĩ, xúc cảm về những con người và công việc cụ thể, về đất nước và tâm hồn. Đó là cô kĩ sư nông nghiệp mới ra trường, lần đầu rời Hà Nội, hăm hở lên miền Tây cheo leo núi, ngút ngàn sương mây nhận công tác, là bác lái xe dễ thông cảm, vui tính. Tất cả hình ảnh những con người trong truyện làm cho ta tin yêu cuộc sống, tin yêu chế độ mới biết bao.

Những con người có lẽ sống cao đẹp, tâm hồn trong sáng như thế khi gặp nhau sẽ tự nhiên nảy nở tình cảm nồng hậu, chân tình. *Lặng lẽ Sa Pa* còn đẹp ở mối quan hệ thân ái, tin cậy giữa con người với con người. Dù gặp gỡ tình cờ trên một chuyến xe nhưng giữa người họa sĩ già và cô kĩ sư trẻ có mối quan hệ vừa trân trọng nhau vừa cởi mở, thân thiết như tình cảm bố con. Anh thanh niên làm khí tượng hồ hởi đón hai người lên thăm "nhà" mình theo lời "giới thiệu" của bác lái xe.

Việc làm đầu tiên của anh là hái một bó hoa rực rỡ sắc màu tặng người bạn gái chưa hề quen biết. “Anh con trai, rất tự nhiên như với một người bạn đã quen thân, trao bó hoa đã cắt cho người con gái, và cũng rất tự nhiên, cô đỡ lấy”. Sau đó, anh cũng không quên tặng củ tam thất cho vợ bác lái xe vừa ốm dậy, làn trứng, bó hoa tiễn người họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ tiếp tục cuộc hành trình. Cuộc gặp gỡ bất ngờ, ngắn ngủi nhưng vô cùng thú vị khiến người họa sĩ già thêm suy ngẫm về vẻ đẹp của cuộc đời mà mình không bao giờ thể hiện hết được, khiến cô kĩ sư trẻ lòng bao cảm mến, bâng khuâng.

Từ một cốt truyện khá nhẹ nhàng, những chi tiết chân thực, tinh tế, bằng ngôn ngữ đối thoại sinh động, Nguyễn Thành Long đã kể lại một cuộc gặp gỡ tình cờ mà thú vị nơi Sa Pa lặng lẽ. Với truyện ngắn này, phải chăng nhà văn muốn khẳng định: Cuộc sống của chúng ta được làm nên từ bao phấn đấu, hi sinh lớn lao và thầm lặng? Những con người cần mẫn, nhiệt thành rồi sớm muộn gì họ cũng gặp nhau và quý mến nhau ngay. Một cuộc sống như thế, mối quan hệ như thế thật đáng trân trọng thật đáng tin yêu.

Đề: **Trong bài *Trường hợp viết “Lặng lẽ Sa Pa”*, tác giả Nguyễn Thành Long có viết: “Sa Pa không chỉ là một sự yên tĩnh. Bên dưới sự yên tĩnh ấy, người ta làm việc”. Rồi tác giả lại tiếp: “Nghĩ cho cùng, *Lặng lẽ Sa Pa* là một bức chân dung”.**

Em có đồng ý với nhận xét trên không? Hãy phân tích truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* để làm rõ ý kiến của mình.

Bài làm

Nguyễn Thành Long viết truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* trên một chuyến xe khách lên vùng cao. Xây dựng truyện ngắn này, ông cố tình nêu lên chủ đề: “Sa Pa không chỉ là một sự yên tĩnh. Bên dưới sự yên tĩnh ấy, người ta làm việc”. Sau đó ông rút lại: “Nghĩ cho cùng, *Lặng lẽ Sa Pa* là một bức chân dung.”

Từ hình tượng, chân dung của nhân vật chính, chúng ta có đủ cơ sở làm rõ nhận định của nhà văn.

Ra mắt bạn đọc truyện ngắn này trong tập *Giữa trong xanh*, xuất bản năm 1972, sau đó ông viết bài “*Trường hợp viết Lặng lẽ Sa Pa*” để trình bày rõ thêm nguyên nhân đưa đến cảm hứng sáng tác. Ở vùng núi đồi chập chùng này có nhiều con người, phụ trách nhiều ngành

nghề khác nhau, cùng góp phần làm phong phú cuộc sống chung. Điều đáng nói là họ làm việc tận tình sôi nổi, tích cực giữa không gian yên tĩnh ấy. Trong số những con người âm thầm làm việc đó, có một chàng thanh niên với nhiều nét độc đáo. Ông gọi đó là "Bức chân dung" vì anh là người ý thức đầy đủ trách nhiệm, rất yêu nghề, yêu cuộc sống, giàu tình người. Bức chân dung do nhà nghệ thuật tạo hình có công dựng nên qua ngọn bút điêu luyện. Chàng trai ấy, cũng như những con người âm thầm làm việc giữa núi rừng, có nhiều nét độc đáo. Một khía cạnh đáng ghi nhận là anh sống, làm việc một mình trên trạm khí tượng, đỉnh Yên Sơn, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Cho nên có người cường điệu cho rằng, đó là "con người cô độc nhất thế gian". Bức chân dung ấy, được nhà văn giới thiệu như thế này:

"Một thanh niên hai mươi bảy tuổi! Đây là đỉnh Yên Sơn, cao hai nghìn sáu trăm mét. Anh ta làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu".

Với tuổi đời hai mươi bảy đầy nhựa sống, nhà khoa học chấp nhận tìm đến một nơi vắng vẻ để làm việc là điều hiếm thấy. Vì lứa tuổi ấy biết bao trai tráng đang hưởng thụ, trụy lạc nơi ánh sáng đô thành. Chàng trai đặc biệt chọn nơi sống và làm việc rất độc đáo, nơi: "Bốn bề chỉ cây cỏ và mây mù lạnh lẽo". Anh sống trong một căn nhà ba gian chung quanh đủ các loại máy móc đo đạc.

Nơi "bốn bề" suốt ngày vi vu tiếng thông reo, gió rít. Một nơi thiên nhiên khắc nghiệt "lạnh lẽo" triền miên. Ngoài những báo cáo định kì, bằng số liệu chính xác, anh còn: "Dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu".

Chỉ một thân, một bóng, vậy mà chàng trai nuốt trôi cả khối công việc: "đo mưa, đo nắng, đo chấn động mặt đất". Mặt khác, anh còn "phục vụ sản xuất" và "phục vụ chiến đấu". Anh đã góp phần tạo cuộc sống ổn định của bà con nông dân. Anh đã góp công bắn rơi máy bay phản lực Mỹ. Chính vì vậy nên nhà họa sĩ rất hài lòng khi xác nhận đúng đối tượng để ông sáng tác. Do đức tính siêng năng, yêu nghề nên chàng trai mới chấp nhận sống, làm việc giữa núi rừng yên lặng đó.

Chàng trai còn tỏ rõ thái độ vô cùng quý yêu cuộc sống, cho dù công việc vất vả, gian khổ, anh tâm tình với bác họa sĩ: "Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất."

Tình cảm anh dành cho công việc chẳng khác gì tình cảm của thanh niên khác dành cho tình nhân. Nhiệm vụ dù "gian khổ" giữa thiên nhiên mênh mông, nhưng anh vẫn gắn bó, đằm thắm, nồng nàn.

Nghe anh tâm sự "cháu buồn đến chết mất" có lẽ nhà họa sĩ hài lòng lắm. Vì ông đã bắt gặp một bức chân dung ưng ý, thiết tha yêu nghề. Thử hỏi cùng lứa tuổi như anh, được bao nhiêu người nói như thế?

Chàng trai lại ý thức đầy đủ, sâu sắc về công việc được giao. Anh nhận định rất khoa học về tình hình thời tiết: "Dãy núi này có một ảnh hưởng quyết định tới gió mùa đông bắc đối với miền Bắc nước ta." Chàng trai rất am hiểu tình hình khí hậu, đó là do anh đọc, nghiên cứu tài liệu địa lí của đất nước. Có tinh thần trách nhiệm lắm nên anh ra công đọc sách báo và san bằng mọi gian khổ khó khăn như thế.

Anh thanh niên sống lành mạnh và tự lực, rất sáng tạo trong hoàn cảnh đơn độc: chăn nuôi để cải thiện bữa ăn, vườn hoa đa sắc hương làm vui cảnh sống, tự tìm nguồn vui qua sách báo, tài liệu... Anh tâm tình với cô bạn kĩ sư: "Cô cũng thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện. Nghĩa là có sách ấy mà. Mỗi người viết một vẻ".

Đọc sách, báo, tài liệu cũng là cách để người đọc tiếp xúc, trò chuyện với tác giả. Anh nghĩ vậy. Mỗi tác giả viết bằng phong cách khác nhau "mỗi người mỗi vẻ" không ai giống ai cả. Đọc để nhận định vấn đề, để đánh giá phong cách viết, việc đọc sách của anh có mục đích rõ ràng.

Sống một mình, con người dễ lâm vào cảnh buông thả quá đáng, nhưng chàng trai không bê bối tồi tệ. Anh chỉ đọc sách bổ sung kiến thức, làm phong phú việc làm mà thôi. Công việc gian khổ, anh không tỏ ý kênh kiệu, cáu gắt. Anh không muốn người khác đề cao. Khi nhà họa sĩ định tạo chân dung, anh tìm cách giới thiệu "con người làm việc âm thầm" khác giữa núi đồi Sa Pa:

"Đồng chí đang làm một cái bản đồ sét riêng cho nước ta. Có cái bản đồ ấy thì lắm của lắm bác ạ".

Đó là một trong những con người tích cực làm việc đằng sau cái lặng yên của Sa Pa. Dưới kia có thêm ông kĩ sư vườn rau, chàng trai trên đỉnh Phăng-xi-păng... đúng như nhà văn viết:

"Trong cái lặng im của Sa Pa, dưới những dinh thự cũ kĩ của Sa Pa... có những con người làm việc".

Mỗi người một việc làm khác nhau, nhưng có điểm chung như nhau: cùng góp sức làm đẹp cuộc sống. Được dịp tiếp xúc, chuyện trò với những người từ dưới xuôi lên, là dịp may của chàng trai, là khát vọng của anh. Anh là nhân tố tuyệt đẹp về sự hi sinh các thú vui cá nhân, để chăm lo cuộc sống của cộng đồng. Đó là một bức chân dung đã được nhà văn trang trọng giới thiệu với bạn đọc.

Thật đúng như ông nhận định nơi vùng cao, dưới đồi núi chập chùng kia, rất nhiều bàn tay, khối óc âm thầm miệt mài với công tác chuyên môn được xã hội trao cho. Nổi bật và điển hình là chân dung của chàng trai sống làm việc trên đỉnh Yên Sơn.

Nhìn chung, nhà văn có nhận định chính xác, *Lặng lẽ Sa Pa* là một bức chân dung. Bức chân dung điển hình cho những tài năng đang lặng lẽ tích cực làm việc nơi núi rừng âm u. Họ có chung các đức tính: yêu nghề, yêu cuộc sống giàu tình cảm và xác định đúng lí tưởng để phục vụ. Chọn chàng trai nơi Yên Sơn để tạc thành "bức chân dung" tích cực lao động là đúng.

***Đề:* Em hãy phân tích nhân vật anh thanh niên trong *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long.**

Bài làm

Nghệ thuật hướng tới cái đẹp. Nếu cái đẹp là một cái gì gắn liền với cuộc sống, bắt nguồn từ lao động, tiêu biểu cho cái đẹp của cuộc sống phải được coi là đối tượng miêu tả chủ yếu của nghệ thuật. Có lẽ xuất phát từ quan điểm ấy, Nguyễn Thành Long trong truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* đã tập trung xây dựng các hình tượng nhân vật đẹp cả trong tâm hồn và tính cách. Trong số các nhân vật ấy, anh thanh niên làm công tác khí tượng ở *Sa Pa* gây một cảm xúc mạnh mẽ trong lòng người đọc.

Là một thanh niên hai mươi bảy tuổi, cái tuổi sôi nổi yêu đời ham hoạt động, anh đã tự nguyện nhận công tác một mình ở đỉnh Yên Sơn cao hai nghìn sáu trăm mét. Công việc tưởng như đơn giản, chỉ cần đo gió, đo mưa, tính mây, tính nắng cho chính xác nhưng anh phải vượt qua bao nhiêu khó khăn thử thách. Anh tâm sự với ông họa sĩ già: "Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung...". Nhưng có lẽ cái khó khăn nhất là phải sống một mình trên đỉnh núi, bốn bề chỉ có cây cỏ và mây mù lạnh lẽo, không một bóng người quanh năm suốt tháng. Ở đó, muốn gặp người khác, nhìn trông và nói chuyện là một điều khó. Vậy mà anh vượt qua tất cả vì sự gắn bó với công việc đến say mê khiến anh không cảm thấy cô độc, lẻ loi... "Khi ta làm việc, ta với công

việc là đôi, sao gọi là một mình được" vì anh thấy công việc của mình gắn liền với việc của bao anh em đoàn viên. Và nhất là anh thấy rõ với công việc của mình, anh đã được "dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu". Có hiểu được như vậy mới thấy được hạnh phúc của anh khi được biết mình cũng góp phần vào cuộc chiến đấu hạ phản lực Mỹ trên cầu Hàm Rồng. Đẹp đẽ biết bao, càng đọc tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa,* ta càng phát hiện những nét đáng yêu, đáng quý của người thanh niên ấy. Anh ham mê đọc sách và nghiên cứu sách vở, tự lo liệu để thường xuyên có sách đọc. Anh tâm sự với cô gái trẻ: "Cô cũng thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện". Anh đã tạo cho mình cuộc sống sôi nổi, năng động, đầy hứng thú. Anh nuôi gà lấy trứng, trồng hoa lay ơn, thược dược, vàng, tím đỏ, rực rỡ. Anh trồng vườn cây thuốc quý, anh sắp xếp một căn nhà ba gian sạch sẽ... Cuộc sống tinh thần của anh sáng như pha lê, không vương hạt bụi. Trong cuộc tiếp xúc ngắn ngủi ba mươi phút với bác lái xe, ông họa sĩ già và cô kĩ sư nông nghiệp trẻ, tính hiếu khách, thái độ nhân hậu, ấm tình người của anh làm ta cảm động. Anh lo lắng tìm thuốc quý để chữa bệnh cho vợ bác lái xe, anh hái hoa tặng cô gái, biếu làn trứng làm thức ăn trưa cho những vị khách quý bất chợt ghé thăm. Những nét tính cách trên ánh lên vẻ đẹp tâm hồn của anh, người thanh niên sống trong chế độ mới, làm chủ tập thể. Thường, các tác giả rất quan tâm đến việc đặt tên cho các nhân vật. Nhưng trong *Lặng lẽ Sa Pa* thì lại không như vậy. Nhân vật chính của chúng ta không có tên. Tác giả chỉ gọi đơn giản là "Anh thanh niên" kèm theo là một bản vẽ đơn sơ "tầm vóc nhỏ bé, nét mặt rạng rỡ". Có lẽ đó cũng là một dụng ý nghệ thuật của tác giả, nó phù hợp với tính cách quên mình của anh. Khi nói về sự làm việc lẻ loi, anh không muốn nói về mình mà nói về người khác: "Một mình thì anh bạn trên đỉnh Phăng-xi-păng ba nghìn một trăm bốn mươi hai mét kia mới một mình hơn cháu". Khi ông họa sĩ già định vẽ anh thì anh giới thiệu ông kĩ sư ở vườn rau dưới Sa Pa, đồng chí cán bộ khoa học nghiên cứu làm bản đồ sét riêng cho nước nhà. Tính khiêm tốn, anh không muốn mình được đề cao.

Viết đến đây, ta lại nhớ đến bài thơ *Dáng đứng Việt Nam* của Lê Anh Xuân. Nhân vật trữ tình trong bài thơ của anh cũng là một người anh hùng "Không một tấm hình, không một dòng địa chỉ" mà tác giả gọi bằng cái tên chung – Anh Giải phóng quân. Những con người của đất Việt đó đã gặp nhau ở đức tính hi sinh quên mình chăng? Những

con người anh hùng vô danh ấy đã "ngày đêm làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước" một cách thầm lặng, không chút ồn ào khoa trương. Họ làm việc, công tác rất sôi nổi hăng hái nhưng không lên gân, tâm hồn họ đẹp đẽ và trong sáng nhưng không đơn giản. Trong *Lặng lẽ Sa Pa* ta thấy họ là cả một tập thể: người bạn ở đỉnh núi Phăng-xi-păng, ông kĩ sư, người cán bộ khoa học. Qua thân thế, cuộc đời của một con người bình thường từ quần chúng mà ra ấy, nhà văn đã phản ánh được tư tưởng mới của thời đại cách mạng chúng ta. Vì thế, nhân vật ấy trở thành điển hình và có tác dụng giáo dục mạnh mẽ.

Mặt khác, các nhân vật trong truyện từ bác lái xe, đến ông họa sĩ già, cô gái trẻ đều góp phần làm cho hình ảnh anh thanh niên được sinh động và đậm nét hơn. Bác lái xe xuất hiện chỉ có tác dụng dẫn dắt, giới thiệu nhân vật chính, nhưng chính lời nói của bác lại gây sự chú ý, hứng thú cho người đọc. Ông họa sĩ già với niềm say mê và sự suy tư trầm lắng trước sự xuất hiện bất ngờ của một đối tượng nghệ thuật, mà bao lâu ông khó nhọc săn tìm, đã đem đến cho hình tượng anh thanh niên một vẻ đẹp hồn nhiên, chân thật mà cũng hết sức độc đáo.

Đặc biệt, cuộc gặp gỡ bất ngờ của cô kĩ sư nông nghiệp với anh cán bộ khí tượng trẻ tuổi. Cô gái bàng hoàng khi đột nhiên khám phá trên mấy trang sách đọc dở của anh cuộc sống tinh thần tuyệt đẹp.

Những nét miêu tả tinh tế của tác giả về tâm tư, dáng điệu, cử chỉ góp phần tô điểm thêm một cách ý nhị, duyên dáng cho bức chân dung của nhân vật chính.

Trong tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa* không có nhân vật tiêu cực nhưng không phải vì thế mà tác phẩm kém giá trị hiện thực. Nhân vật của Nguyễn Thành Long gần gũi, quen thuộc với chúng ta vì tính cách nhân vật được bộc lộ qua những quan hệ thường ngày, qua những nỗi niềm, tâm sự, suy nghĩ... chứ không qua những biến cố, sự kiện ồn ào.

Những thắng lợi và thất bại, niềm vui sướng và sự đau xót, cuộc đấu tranh giữa cái cũ và cái mới... ngày nay đang diễn ra xáo trộn suốt đêm ngày. Những mầm mống, những yếu tố mới, những hi vọng mới cứ kế tiếp nhau ngày càng nảy nở. Đó là cảm nghĩ của chúng ta sau khi đọc xong những trang cuối cùng câu chuyện. Những con người rõ nét, xinh đẹp, say sưa lao động, nhiệt tình yêu cuộc sống hiện lên trong sách. Những hình tượng thu hút trí tưởng tượng và tình cảm của ta, làm ta thiết tha yêu mến và đồng tình, mong muốn noi gương sống như những con người đó.

C. VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

Đề: Hãy phân tích bài văn *Đấu tranh cho một thế giới hòa bình* của G.G. Mác-két.

Bài làm

Đấu tranh cho một thế giới hòa bình mang ý nghĩa như một bức thông điệp của Mác-két, người Cô-lôm-bi-a, nhà hoạt động xã hội lỗi lạc, nhà văn được Giải thưởng Nô-ben văn học năm 1982, gửi cho các dân tộc trên hành tinh chúng ta.

Để làm sáng tỏ luận đề *Đấu tranh cho một thế giới hòa bình*, Mác-két đã đưa ra ba luận điểm đầy sức thuyết phục: một là, nhân loại đang đứng trước hiểm họa hạt nhân; hai là, cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân là cực kì tốn kém; ba là, lời kêu gọi chống nguy cơ hạt nhân, đấu tranh cho hòa bình.

1. Nhân loại đang đứng trước hiểm họa hạt nhân: cái "nguy cơ ghê gớm đang đè nặng lên chúng ta như thanh gươm Đa-mô-clét". Với hơn 50.000 đầu hạt nhân bố trí khắp hành tinh, mỗi con người đang ngồi trên một thùng 4 tấn thuốc nổ. Với số vũ khí hạt nhân ấy có thể hủy diệt 12 lần mọi dấu vết sự sống trên trái đất; có thể "tiêu diệt tất cả các hành tinh đang xoay quanh Mặt Trời, cộng thêm 4 hành tinh nữa...", Mác-két ghê tởm lên án nguy cơ hạt nhân là "dịch hạch hạt nhân" vì "cái cảnh tận thế tiềm tàng trong các bệ phóng cái chết"...

Những con số mà Mác-két đưa ra đã nâng cao nhận thức cho mọi người về nguy cơ chiến tranh hạt nhân, và sự hủy diệt khủng khiếp của vũ khí hạt nhân.

2. Tiếp theo, Mác-két đã chỉ ra cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân là vô cùng tốn kém. Đây là những số liệu cụ thể mà tác giả đã đưa ra:

- Chi phí bỏ ra cho 100 máy bay ném bom chiến lược B.1B của Mỹ và cho dưới 7.000 tên lửa vượt đại châu là 100 tỉ đô la. Số tiền ấy có thể cứu trợ về y tế, giáo dục sơ cấp, cải thiện điều kiện vệ sinh và tiếp tế thực phẩm, nước uống cho 500 triệu trẻ em nghèo khổ nhất thế giới.

- Giá 10 chiếc tàu sân bay Ni-mít mang vũ khí hạt nhân đủ để thực hiện một chương trình phòng bệnh trong 14 năm cho hơn 1 tỉ người khỏi bệnh sốt rét và cứu hơn 14 triệu trẻ em ở châu Phi.

- Số lượng ca-lo trung bình cho 575 triệu người thiếu dinh dưỡng tốn kém không bằng 149 tên lửa MX...; chỉ cần 27 tên lửa MX là đủ trả tiền mua nông cụ cần thiết cho các nước nghèo để họ có được thực phẩm trong 4 năm tới. Chỉ cần 2 chiếc tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân là đủ tiền xóa nạn mù chữ cho toàn thế giới.

Nhà văn được Giải thưởng Nô-ben đã nghiêm khắc cảnh cáo: "Chạy đua vũ trang là đi ngược lại lí trí", lí trí con người, cả lí trí tự nhiên. Sự sống trên Trái Đất phải trải qua 380 triệu năm thì con bướm mới biết bay; rồi 180 triệu năm nữa bông hồng mới nở; trải qua 4 kỉ địa chất (trên dưới 40 triệu năm), con người mới hát được hay hơn chim và mới chết vì yêu. Nhưng chỉ cần "bấm nút một cái" là sẽ "đưa cả quá trình vĩ đại và tốn kém đó của hàng bao nhiêu triệu năm, trở lại điểm xuất phát của nó", nghĩa là Trái Đất bị hủy diệt hoàn toàn.

Nghệ thuật lập luận của Mác-két rất sắc bén. Những con số về tiền bạc mà ông nêu lên đã cho thấy ngân sách quân sự, chi phí chạy đua vũ trang hạt nhân là cực kì tốn kém! Tác giả sử dụng lối biện luận tương phản về thời gian: quá trình hình thành sự sống và văn minh nhân loại phải trải qua hàng triệu triệu năm, còn sự hủy diệt Trái Đất chỉ diễn ra trong nháy mắt, "chỉ cần bấm nút một cái" thì tất cả sẽ trở thành tro bụi – ông đã chỉ cho mỗi người, mỗi dân tộc, mỗi quốc gia thấy rõ hiểm họa vũ khí hạt nhân, chạy đua vũ trang hạt nhân khủng khiếp như thế nào!

3. Luận điểm thứ 3 là lời kêu gọi của Mác-két.

- Ông kêu gọi mọi người "chống lại việc đó" – cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân; hãy "tham gia vào bản đồng ca của những người đòi hỏi một thế giới không có vũ khí và một cuộc sống hòa bình, công bằng".

- Ông đề nghị "mở ra một nhà băng lưu trữ trí nhớ, có thể tồn tại được sau tai họa hạt nhân" để cho nhân loại tương lai biết rằng "sự sống đã từng tồn tại"... để nhân loại tương lai "biết đến những thủ phạm đã "gây ra những lo sợ, đau khổ" cho hàng tỉ con người, để "biết đến" tên những kẻ "giả điếc làm ngơ trước những lời khẩn cầu hòa bình, những lời kêu gọi làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn"...

Mác-két đã có một cách nói đặc sắc, độc đáo lên án những kẻ hiếu chiến đã và đang gây ra cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân, đe dọa cuộc sống hòa bình yên vui của các dân tộc và nhân loại.

Văn bản *Đấu tranh cho một thế giới hòa bình* thể hiện trí tuệ và tâm hồn của Mác-két. Ông đã sáng suốt và tỉnh táo cho nhân loại thấy rõ nguy cơ hạt nhân là một hiểm họa đáng sợ – "dịch hạch hạt nhân". Tâm hồn của ông cháy bỏng một niềm khao khát hòa bình cho nhân loại.

Mác-két đã có một lối nói, lối viết rất độc đáo. Những số liệu của ông nêu ra có một sức thuyết phục to lớn, làm cho mọi người, mọi dân tộc nhận thức một cách sâu sắc về sự nghiệp đấu tranh bảo vệ hòa bình là sự sống còn của nhân loại.

Đề: Hãy phân tích đoạn trích *Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em.*

Bài làm

1. Văn bản được trích từ phần đầu bản "Tuyên bố" của Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em họp tại trụ sở Liên Hợp Quốc, Niu-oóc ngày 30 - 9 - 1990, in trong cuốn *Việt Nam và các văn kiện quốc tế về quyền trẻ em* (NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997).

Hội nghị diễn ra trong bối cảnh những năm cuối thế kỉ XX, khoa học kĩ thuật phát triển, kinh tế tăng trưởng, tính cộng đồng, hợp tác giữa các quốc gia trên thế giới được củng cố, mở rộng. Đó là những điều kiện thuận lợi đối với nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Song bên cạnh đó cũng có không ít khó khăn, nhiều vấn đề cấp bách đang đặt ra: sự phân hóa rõ rệt về mức sống giữa các nước, về giàu – nghèo, tình trạng chiến tranh và bạo lực ở nhiều nơi trên thế giới, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bị tàn tật, bị bóc lột, và nguy cơ thất học ngày càng nhiều...

2. Văn bản gồm 17 mục.

Sau hai mục đầu khẳng định quyền được sống, quyền được phát triển của mọi trẻ em trên thế giới, khẩn thiết kêu gọi toàn nhân loại hãy quan tâm đến vấn đề này, 15 mục còn lại được bố cục thành 3 phần, mỗi phần được đặt tiêu đề rõ ràng, thể hiện tính chặt chẽ, hợp lí của văn bản.

2.1. Phần "Sự thách thức": gồm 5 mục (3, 4, 5, 6, 7) nêu lên những thực tế, những con số về cuộc sống khổ cực trên nhiều mặt, về tình trạng bị rơi vào hiểm họa của nhiều trẻ em trên thế giới hiện nay.

Phần này liên kết với phần trên bằng một câu văn chuyển ý rất khéo: "Tuy nhiên, thực tế cuộc sống thời thơ ấu của nhiều trẻ em lại không như vậy" (mục 3). Tiếp đó, ba mục 4, 5, 6 đưa ra những dẫn chứng đầy sức thuyết phục để làm rõ cuộc sống khổ cực trên nhiều mặt, về tình trạng bị rơi vào hiểm họa của nhiều trẻ em trên thế giới hiện nay, cụ thể là:

+ Bị trở thành nạn nhân của chiến tranh và bạo lực, của sự phân biệt chủng tộc, chế độ a-pác-thai, sự xâm lược, chiếm đóng và thôn tính của nước ngoài.

+ Chịu đựng những thảm họa của đói nghèo, khủng hoảng kinh tế, của tình trạng vô gia cư, dịch bệnh, mù chữ, môi trường xuống cấp.

+ Chết do suy dinh dưỡng và bệnh tật.

Trên cơ sở thực tiễn đó, mục 7 khái quát: "Đó là những thách thức mà chúng tôi, với tư cách những nhà lãnh đạo chính trị, phải đáp ứng".

2.2. Phần "Cơ hội":

Phần này gồm 2 mục (8, 9), khẳng định những điều kiện thuận lợi cơ bản để cộng đồng quốc tế có thể đẩy mạnh việc bảo vệ, chăm sóc trẻ em, cụ thể là:

+ Sự liên kết lại của các quốc gia cùng ý thức cao của cộng đồng quốc tế trên lĩnh vực này. Đã có Công ước về quyền trẻ em làm cơ cở, tạo ra một cơ hội mới.

+ Sự hợp tác và đoàn kết quốc tế ngày càng có hiệu quả cụ thể trên nhiều lĩnh vực: phong trào giải trừ quân bị được đẩy mạnh tạo điều kiện cho một số tài nguyên to lớn có thể được chuyển sang phục vụ các mục tiêu kinh tế, tăng cường phúc lợi xã hội.

Trong xu thế chung của thế giới, vấn đề bảo vệ và chăm sóc trẻ em ở nước ta đang được Đảng và Nhà nước quan tâm cụ thể, nhận thức trong cộng đồng về vấn đề này ngày càng sâu sắc, nhiều tổ chức xã hội và cá nhân đang tích cực tham gia vào các phong trào vì trẻ em...

2.3. Phần "Nhiệm vụ": gồm 8 mục (từ mục 10 đến mục 17), xác định những nhiệm vụ cụ thể mà từng quốc gia và cả cộng đồng quốc tế cần làm vì sự sống còn, phát triển của trẻ em.

Trên cơ sở những thách thức và cơ hội, văn bản nêu lên những nhiệm vụ cấp bách cần làm:

+ Tăng cường sức khỏe và chế độ dinh dưỡng của trẻ em.

+ Quan tâm, chăm sóc trẻ em bị tàn tật và trẻ em có hoàn cảnh sống đặc biệt khó khăn.

+ Tăng cường vai trò của phụ nữ nói chung và phải đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ để thực hiện lợi ích của trẻ em, đặc biệt là các em gái.

+ Bảo đảm sao cho trẻ em được học hết bậc giáo dục cơ sở và không để cho một em nào mù chữ.

+ Thực hiện kế hoạch hóa gia đình, tạo điều kiện để trẻ em lớn khôn và phát triển trên nền móng gia đình.

+ Phải chuẩn bị để các em có thể sống một cuộc sống có trách nhiệm trong một xã hội tự do.

+ Vì tương lai của trẻ em, cần cấp bách bảo đảm hoặc khôi phục lại sự tăng trưởng và phát triển đều đặn nền kinh tế ở tất cả các nước.

Các nhiệm vụ được nêu ra vừa cụ thể, vừa toàn diện bao quát trên mọi lĩnh vực (y tế, giáo dục, xã hội), mọi đối tượng (trẻ em bị tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh sống đặc biệt khó khăn, em trai, em gái) và mọi cấp độ (gia đình, xã hội, quốc gia, cộng đồng quốc tế).

Điều quan trọng là các nhiệm vụ đó được nêu lên với một thái độ dứt khoát, thể hiện quyết tâm cao độ của cộng đồng quốc tế. Mục 17 nhấn mạnh: "Các nhiệm vụ đó đòi hỏi tất cả các nước cần phải có những nỗ lực liên tục và phối hợp với nhau trong hành động của từng nước cũng như trong hợp tác quốc tế".

Tóm lại, bảo vệ quyền lợi, chăm lo đến sự phát triển của trẻ em là một trong những vấn đề quan trọng, cấp bách có ý nghĩa toàn cầu. Bản "Tuyên bố" của Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em ngày 30 - 9 - 1990 đã khẳng định điều đó và cam kết thực hiện những nhiệm vụ có tính toàn diện vì sự sống còn, phát triển của trẻ em, vì tương lai của toàn nhân loại.

Đề: Hãy trình bày cảm nhận về nhân vật Rô-bin-xơn Cru-xô trong trích đoạn *Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang* (tiểu thuyết *Rô-bin-xơn Cru-xô* của đại văn hào Đ. Đi-phô).

Bài làm

Đ. Đi-phô (1660 – 1731) là đại văn hào của Vương quốc Anh, sống ở cuối thế kỉ XVII, đầu thế kỉ XVIII. Những độc giả yêu văn khắp nơi trên thế giới đều biết đến tên tuổi của Đ.Đi-phô qua kiệt tác *Rô-bin-xơn*

Cru-xô. Đặc biệt, hình ảnh của nhân vật Rô-bin-xơn trong trích đoạn *Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang* của tiểu thuyết này đã đọng lại trong tâm hồn người đọc nhiều suy nghĩ và cảm xúc.

Rô-bin-xơn là một chàng trai thích hoạt động, ưa phiêu lưu, say sưa đến những miền đất lạ, bất chấp sóng to, gió lớn và bao nỗi gian nan, nguy hiểm khác. Rô-bin-xơn xuống tàu ở Hơn, theo bạn đi Luân Đôn bằng đường biển. Cuộc hành trình không gặp may mắn, con tàu bị đắm chìm ở Y-ac-mao. Thế nhưng, tai họa ấy không làm chàng nản lòng. Cha mẹ khóc lóc, bạn bè can ngăn vẫn không lay chuyển được quyết tâm của chàng – chàng làm quen với một viên thuyền trưởng tàu buôn; lần này rời bến ở Ghi-nê. Chuyến đầu tiên thuận buồm xuôi gió. Chuyến thứ hai gặp cướp biển, Rô-bin-xơn bị bắt làm nô lệ ở Xa-lê, hai năm sau trốn thoát sang Bra-xin lập trang trại trồng trọt. Chàng vẫn không hề nao núng; vài năm sau nghe lời các bạn rủ rê, chàng xuống tàu đi Ghi-nê dự định thực hiện một chuyến buôn bán, trao đổi lớn. Nào ngờ, tàu gặp bão lớn, mất phương hướng rồi bị đánh đắm. Các thủy thủ trên tàu đều mạng vong. Ngoại trừ Rô-bin-xơn một mình sống sót trôi giạt vào một đảo hoang không có dấu chân người.

Trong trích đoạn *Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang*, nhà văn kể chuyện Rô-bin-xơn ở trên đảo hoang vào khoảng từ năm thứ 9 đến năm thứ 15 (tính từ ngày bị đắm tàu).

Trước tiên, chúng ta thấy Rô-bin-xơn là một chàng trai có ý chí và nghị lực phi thường. Sớm gặp hoàn cảnh bất hạnh nhưng anh không nản chí, tuyệt vọng. Mặc dù sống cô đơn, không bạn bè, không người thân, nhưng anh "không ngồi rỗi, bằng lòng với những thứ mình đã có". Anh say sưa làm việc đến quên cả mệt mỏi, nhọc nhằn. Anh luôn luôn được hưởng "cái thú hoàn thành một kết quả lao động mà trước kia mình phải bó tay", nhờ phương pháp và tư tưởng tích cực: "Không còn nghĩ ngợi vẩn vơ". Tính siêng năng, tháo vát đã giúp anh ngày càng "lành nghề trong nhiều ngành thủ công". Anh trở thành thợ nặn rất khéo; ngoài bát đĩa, chum vại, bình vò thường dùng để cất trữ mọi thứ lương ăn, anh còn nặn được một cái tẩu hút thuốc, một công trình tuyệt mĩ đối với anh và anh lấy làm thích thú. Anh cũng trở thành một tay đan giỏi. Anh dùng miên liễu – một loại cây nhỏ, cành mềm rủ

xuống, đan nhiều đồ dùng như: thúng (để mỗi lần săn bắn được hoặc kiếm được thức ăn thì bỏ vào thúng quẩy về nhà); bồ đựng thóc,... Ngoài ra, anh còn nảy thêm sáng kiến khác: chăn nuôi. Anh cảm thấy cần phải nuôi dê để cải tạo bữa ăn vì nguồn thực phẩm ngày càng cạn kiệt. Anh tâm sự: "Trong khoảng một năm rưỡi, tôi đã có một đàn mười hai con dê vừa lớn vừa nhỏ. Hai năm sau, số dê lên tới bốn mươi ba con và tôi bắt đầu giết thịt để ăn. Tôi làm thêm tất cả năm chuồng nữa nhỏ hơn, mỗi chuồng có nhiều ngăn để lúc cần thì bắt dê cho tiện". Dường như chưa bằng lòng với năng lực sáng tạo của chính mình, anh ngẫm nghĩ đến chuyện vắt sữa dê – dù anh "nghĩ đến hơi muộn". Nghĩ là làm; anh bắt tay ngay vào công việc. Có ngày anh vắt được bảy tám chai sữa! Do đó, việc thừa sữa uống là rất bình thường. Nhưng chưa dừng lại ở đây, anh cố công "thử làm bơ và pho mát". Thất bại là mẹ của thành công. Sau vài lần bị hỏng, anh đã được như ý. Giờ đây, bữa ăn của anh vừa dồi dào nguồn thực phẩm, vừa ngon, vừa có nguồn giá trị dinh dưỡng cao. Thế nên, anh thốt lên bằng niềm tự hào mãnh liệt: "Các bạn thử nghĩ, một mình trên một hòn đảo hoang vắng mà bữa sáng có sữa tươi, bữa ăn thường ngày có bánh mì, bánh bột gạo tẻ, thịt dê, trứng rùa, bơ và pho mát, tráng miệng thì có các thứ hoa quả, nhất là nho tươi, nho khô, thiết tưởng cũng thịnh soạn, không kém ở những khách sạn bình thường tại các thành phố lớn".

Mặt khác, chúng ta thấy Rô-bin-xơn là một chàng trai có lòng yêu đời tha thiết. Phải là một con người ham sống mới tồn tại được ở một nơi cách biệt hoàn toàn với thế giới con người như thế. Một thân, một mình giữa nơi hoang đảo, anh vẫn muốn sống đàng hoàng, sống cho ra sống, sống một cách mạnh mẽ, đẹp đẽ, dũng cảm, sáng tạo, vượt lên trên mọi hiểm nguy, thiếu thốn. Như vậy, quan niệm "sống" của anh không chỉ có ý nghĩa về mặt sinh học mà còn có ý nghĩa sâu xa về mặt triết học (phần nhiều nghiêng về mặt triết học). Ngày lại ngày, anh lạc quan "chu du trong địa hạt của mình giống như một người đi dạo phố ở thời hiện đại". Dù không có ai nhìn ngắm (ngoại trừ anh) nhưng anh vẫn cứ "diện" theo sở thích của mình. Anh mặc một bộ quần áo bằng da rất kì lạ, kì lạ đến nỗi giá có người nào trông thấy "nếu không kinh sợ thì cũng bò ra mà cười!". Cái áo chẽn bằng da dê, "tà áo chấm ngang

đầu gối". Quần thì ngắn nhưng "rộng thùng thình, may bằng tấm da lông một con dê xồm, lông dê dài lê thê, buông thõng xuống đến gần mắt cá, thành ra quần đùi mà cũng không khác quần dài". Còn cái mũ cũng được làm bằng da dê "cao lêu đêu trông thật không ra cái hình thù gì". Đã vậy, thắt lưng cũng làm bằng da lông. Riêng cái tư thế của anh chẳng khác nào một nhân vật trong truyện xưa đang phòng thủ: "Một cái cưa và một cái búa ở hai bên hông. Một sợi dây da vòng qua cổ sang phía tay trái, đeo lủng lẳng hai cái túi hình dáng lạ lùng, một cái túi đựng thuốc súng, một túi đựng đạn ghém. Sau lưng cõng một cái gùi, vai mang súng và trên đầu là cái dù xoè ra, bao che tất cả thân mình". Bởi trang phục như vậy nên khuôn mặt của anh "rám nắng, đen sạm lại", râu "đâm ra như cái chổi xể", trên mép lại để một cặp ria theo kiểu người Thổ Nhĩ Kì "vừa dài vừa rậm khác thường". Rõ ràng, cách trang phục càng "tô đậm thêm nét cổ quái" vào diện mạo của anh – đúng như anh tự nhận xét là lệ bộ kì dị ấy đã khiến con chó người bạn thân của anh tỏ vẻ "kinh ngạc và khiếp sợ. Nó nghi nghi hoặc hoặc, chạy nép vào một góc nhà đứng nhìn ra, có ý dò xem cái con vật quái dị kia là bạn hay là thù". Ấy vậy mà anh không hề cảm thấy đau khổ, tủi thân. Trái lại, anh kể cho chúng ta nghe bức chân dung tự họa của mình bằng giọng điệu vui tươi, pha lẫn những tiếng cười. Chẳng những thế, anh còn tự nhận mình là một vị "chúa đảo". Có thể khẳng định rằng, giữa nơi hoang vu, vắng bóng dáng thân thương của con người, chất hoang dã đã nổi dậy lấn chiếm con người, hoang dã hóa con người nhưng chàng trai bất hạnh Rô-bin-xơn đã giành được chiến thắng, chiến thắng một cách vinh quang, vĩ đại, một chiến thắng mà đến 300 năm sau, trên hành tinh này chưa có người thứ hai đạt được.

Tóm lại, Rô-bin-xơn là một chàng trai có ý chí, nghị lực phi thường và lòng yêu đời mãnh liệt, mãnh liệt ngay cả trong hoàn cảnh hết sức khó khăn. Chính những phẩm chất tốt đẹp của chàng đã khơi dậy trong tâm hồn thơ ngây, trong sáng của em một tình yêu, niềm tin mãnh liệt vào cuộc sống hiện tại; một ý chí sắt đá, một nghị lực thép trong học tập và rèn luyện đạo đức để mai này em không chỉ giúp ích được cho bản thân mình mà còn cho xã hội yêu thương.

Đề: Phân tích bài thơ *Mây và sóng* của Ta-go.

Bài làm

Mây và sóng là tên một bài thơ của nhà thơ Ấn Độ vĩ đại R. Tago (1861 - 1941), được in trong tập *Trăng non* bằng tiếng Anh năm 1915. Nếu tìm về nguyên tác bằng tiếng Ấn Độ thì *Sisu* có nghĩa là trẻ thơ và đã được xuất bản năm 1909. Điều này ghi nhận tình cảm trong sáng, cao thượng và sự quan tâm nhiều mặt của nhà thơ nổi tiếng này về thế giới trẻ thơ. Đây là một bài thơ hay, yếu tố tưởng tượng cao.

Bài thơ gồm hai phần: Phần mây và phần sóng, nhưng không phải là để tả lại những cảnh mây và sóng mà chỉ là những câu chuyện do em bé tưởng tượng ra. Em bé đóng vai chính trong bài thơ, bên cạnh em còn có người mẹ. Mỗi phần của bài thơ được tạo ra bằng lời kể của em bé về những gì em biết, em nghe được. Em bé kể những gì mà các bạn mây và sóng rủ rê em. Từ đó, bài thơ bắt đầu bằng lời gọi mẹ âu yếm, để mách với mẹ điều mà em bé cảm nhận:

Mẹ ơi, kìa ai đang gọi con trên mây cao

Thì ra đó là các bạn mây. Các bạn mây đang nói chuyện với em. Rồi em kể cho mẹ những gì mà "họ bảo" với em:

Chúng ta vui chơi từ tinh mơ đến hết ngày
Chúng ta đùa giỡn với bình minh vàng rồi lại đùa cùng trăng bạc

Hóa ra họ đang vui chơi, họ muốn cùng em vui chơi. Họ muốn cùng em đi khắp bầu trời.

Nhưng mà làm thế nào tôi lên trên ấy được?
Phải rồi, muốn đi chơi cùng với họ thì phải lên được bầu trời đã chứ.

Họ trả lời:

Con hãy đi hết cõi đất,
Rồi giơ tay lên trời,
Con sẽ bay bổng lên mây

Trí tưởng tượng thật hồn nhiên kì diệu, như thực như mơ. Trẻ thơ nào cũng ham chơi, cũng thích được chơi. Còn gì thú vị hơn là được chơi "từ tinh mơ đến hết ngày", được đùa giỡn trong nắng vàng buổi sớm và trong ánh bạc đêm trăng. Ánh vàng, ánh bạc trải rộng trong không gian và thời gian, tạo ra một nơi vui chơi không bao giờ chán.

Nhưng em bé vẫn không quên là mình đang kể cho mẹ nghe và thế là em mách lại cho mẹ nghe lời đối đáp của em:

Mẹ đợi tôi ở nhà,
Tôi có lòng nào bỏ được mẹ tôi

À ra thế, dù chơi đâu, dù chơi với ai, em bé vẫn nhớ tới người mẹ, nhớ tới ngôi nhà ở đó có mẹ. Mẹ là tất cả. Không nỡ "lòng nào bỏ được mẹ tôi". Các bạn mây "mỉm cười" hiểu ra vấn đề và "lửng lơ họ bay mất". Giấc mơ của em bé với các bạn mây kết thúc. Cuộc trò chuyện cũng kết thúc.

Và bây giờ còn lại em bé với mẹ. Em mách mẹ về một "trò chơi còn hay hơn". Đó là trò chơi mà em nghĩ ra. Ở đó: Con làm mây, mẹ làm mặt trăng, hai tay con ôm mặt mẹ, mái nhà là trời xanh. Thật là một trò chơi ngộ nghĩnh nhưng rất thơ mộng. Trong trò chơi đó, có hai nhân vật mẹ - con. Ở đó có sự phân vai: Mẹ trở thành trăng bạc, trong ngôi nhà là không gian xanh, còn con hóa vầng mây ôm lấy vầng trăng như cánh tay trẻ thơ ôm lấy gò má của người mẹ. Ở đó, cũng có mây, có trăng, có trời cao, nhưng quan trọng nhất là có hai mẹ con. Mẹ con mãi mãi bên nhau.

Em bé lại kể tiếp:

Mẹ ơi, kìa những ai đang gọi con dưới sóng rì rào

Em lại mách mẹ những gì họ nói với em, những con sóng miệt mài miên man trên biển cả:

Chúng ta ca hát sớm chiều,
Chúng ta đi mãi mãi,
Không biết là đi qua những đâu

Như vậy là sóng đi nhiều nơi lắm, "đi mãi mãi" trong cuộc viễn du không bao giờ ngừng lại và còn "ca hát sớm chiều"... Thật là một cuộc sống vui vẻ, đầy hấp dẫn đối với trẻ thơ. Nhưng làm thế nào mà đi với họ được, làm thế nào "đuổi được theo?"

Họ bảo:

Cứ đi, con cứ đi đến bên bờ biển, đứng im,
Con nhắm mắt lại, sóng sẽ cuốn con đi.

Cách đi cũng dễ dàng, các bước thực hiện cũng rất rõ và cụ thể. Nhưng đối với em bé vẫn chưa đủ, các con sóng chưa thoả mãn những điều kiện của em. Đáp lại các con sóng, em trả lời:

Nhưng đến tối, mẹ tôi nhớ thì sao?
Tôi làm thế nào rời mẹ tôi được?

Những con sóng cũng biết là thua cuộc, là không rủ được em: "Họ bèn mỉm cười và nhảy nhót, họ dần đi xa". Còn lại em bé một mình, em bé hiếu động lại nghĩ ra trò chơi mới "hay hơn của họ". Hay hơn là trò chơi của em chỉ hai mẹ con, ở đó mẹ con không rời nhau: "con làm sóng – mẹ làm mặt biển" ở đó:

Con lăn, lăn như làn sóng vỗ,
Tiếng con cười giòn tan vào gối mẹ.

Cái hay của trò chơi là ở chỗ đó. Các bạn sóng và các bạn mây chỉ đi chơi một mình thôi mà không nghĩ đến mẹ của họ, còn em bé, chắc em cũng muốn đi chơi quá chứ. Nhưng phải cùng với mẹ cơ!

Tình mẹ con hòa quyện vào nhau, không tách rời nhau. Em không thể nào thiếu mẹ cũng như mẹ cũng không thể nào thiếu em. Tình mẹ con bao trùm tất cả, có mặt muôn nơi đến mức "không ai trên đời này biết được là mẹ con ta đang ở đâu". Bởi lẽ, ở đâu có mẹ, ở đó có con; ở đâu có con, ở đó có bóng hình mẹ. Tình mẹ con – tình mẫu tử từ giấc mơ bước ra cuộc đời, rồi lại từ cuộc đời ẩn tàng vào tâm tưởng, vào suy tư, vào các trò chơi để cho người mẹ quanh năm vất vả thêm được niềm vui và thêm nụ cười. Tình mẫu tử từ xa xưa hiện về trong hiện tại, tình mẫu tử từ hiện tại lan tỏa tới tương lai. Nó được lồng trong các trò chơi về mây và về sóng và ở mọi lĩnh vực,...

Mây và sóng là các hiện tượng thiên nhiên cụ thể nhưng tạo ra được một khung không gian với chiều thời gian. Mây và sóng được nhân hóa trở thành những người bạn cùng trò chuyện rủ rê em bé, để từ đó em bé nói ra những suy nghĩ của mình về người mẹ, về tình mẹ con. Mây và sóng cũng gắn quyện với nhau, mãi mãi như tình mẹ con bất tử.

***Đề:* Phân tích hình ảnh con chó Bấc trong truyện ngắn *Tiếng gọi nơi hoang dã* của nhà văn Giắc Lân-đơn.**

Bài làm

Trong nghệ thuật văn chương, miêu tả tâm lí, tình cảm đã là khó (miêu tả tâm lí nhân vật là một bước tiến lớn trong lịch sử văn học), miêu tả tình cảm của một con chó lại càng khó hơn, dẫu rằng trong số các loài vật nuôi, chó được coi là loài gần gũi nhất, tình nghĩa nhất đối với con người.

Thế nhưng khi Giắc Lân-đơn viết *Tiếng gọi nơi hoang dã*, điều đó dường như không gây ra bất cứ một trở ngại nào. Câu chuyện về chú

chó Bấc, mọi tâm tư, tình cảm của nó được dựng lên hết sức sinh động, gần gũi đến mức nếu chưa nắm bắt được cốt truyện, bất chợt đọc một đoạn nào đó, bạn đọc dễ lầm tưởng nhân vật chính trong truyện là một con người. Mặc dù câu chuyện được kể từ ngôi thứ ba nhưng có thể coi đó là sự hóa thân toàn vẹn của nhà văn vào nhân vật.

Đoạn trích hầu như không có sự kiện nào đáng kể, chỉ là những tâm tư, tình cảm của Bấc đối với chủ, thế nhưng đây lại là một trong nhiều đoạn văn thành công của tác phẩm. Một phần nguyên do là bởi trong đó, những tâm tư, tình cảm của Bấc đã được miêu tả hết sức sâu sắc, thể hiện khả năng quan sát và cảm nhận nhạy bén, tinh tế của nhà văn.

Đoạn mở đầu chỉ có tính chất giới thiệu, nhưng không vì thế mà kém sức hấp dẫn. Đó là một thứ tình cảm hoàn toàn mới mẻ mà Bấc chưa từng cảm thấy bao giờ. Đối chứng cụ thể là mối quan hệ của Bấc với các thành viên trong gia đình thẩm phán Mi-lơ:

– Với những cậu con trai của ông Thẩm, tình cảm ấy "chỉ là chuyện làm ăn cùng hội cùng phường".

– Với những đứa cháu nhỏ của ông Thẩm, là "trách nhiệm ra oai hộ vệ".

– Với ông Thẩm, đó là thứ "tình bạn trịnh trọng và đường hoàng".

Trong những mối quan hệ này, Bấc có vị thế hoàn toàn khác với một con chó thông thường. Đó không phải là mối quan hệ của một con vật nuôi đối với chủ mà là mối quan hệ bình đẳng giữa một con người với một con người. Nhưng điều quan trọng nhất là trong khoảng thời gian đó, Bấc chưa bao giờ cảm thấy một "tình thương yêu sôi nổi, nồng cháy, thương yêu đến tôn thờ, thương yêu đến cuồng nhiệt" như tình cảm đối với Thoóc-tơn. Đó là một cách mở đầu thực sự ấn tượng.

Trong mối quan hệ với Thoóc-tơn, vị thế của Bấc cũng không thay đổi. Nó tự coi mình là một người bạn trung thành. Có lẽ điểm mấu chốt tạo nên sự khác biệt trong tình cảm của Bấc chính là cách nghĩ của Thoóc-tơn. Đối với Thẩm phán Mi-lơ và những người chủ khác, Bấc chẳng qua cũng chỉ là một con vật nuôi mà thôi (nói như ngôn ngữ của Bấc thì đó là quan hệ thuần túy vì công việc), dù nó có lập được bao nhiêu chiến tích đi chăng nữa. Nhưng Thoóc-tơn thì khác. Anh thực sự coi Bấc như một người bạn và đối xử với nó cũng như với một người bạn.

Những sự việc hằng ngày diễn ra trong mối quan hệ giữa Thoóc-tơn và Bấc được tác giả kể lại rất giản dị nhưng có sức hấp dẫn thật đặc

biệt. Những cử chỉ, hành động được miêu tả xen kẽ với những chi tiết cụ thể, sinh động cho thấy tình cảm của Thoóc-tơn dành cho Bấc đã vượt qua mối quan hệ chủ tớ thông thường. Anh chăm sóc những con chó "như thể chúng là con cái của anh vậy". Bấc vốn là một con chó thông minh, nó hiểu những cử chỉ của chủ có ý nghĩa như thế nào, bởi vậy, nó cũng đáp lại bằng một tình cảm chân thành nhưng không kém phần nồng nhiệt. Bản thân nó quá đỗi vui sướng, đến độ "tưởng chừng như quả tim mình nhảy tung ra khỏi cơ thể vì quá ngây ngất". Mỗi cử chỉ của Bấc cũng thể hiện quá nhiều ý nghĩa khiến cho Thoóc-tơn cũng như muốn kêu lên, tưởng như con chó đang nói với anh bằng lời chứ không phải chỉ qua hành động.

Cách biểu lộ tình cảm của Bấc cũng rất khác thường. Cái cách nó ép hai hàm răng vào tay chủ một lúc lâu cho thấy tình cảm của Bấc dành cho Thoóc-tơn mãnh liệt đến mức nào. Mặt khác, nó lại không hề vồ vập, săn đón như những con chó khác mà chỉ lặng lẽ tôn thờ, quan sát chủ theo một cách rất riêng mà chỉ nó mới có thể bộc lộ như vậy. Sự giao cảm bằng ánh mắt giữa nó và Thoóc-tơn đã nói lên tất cả sự ngưỡng mộ, thành kính, tình thương yêu của Bấc đối với người chủ mang trong mình những tình cảm mà trước đó nó chưa từng cảm nhận được bao giờ.

Sự gắn bó về tình cảm giữa Bấc và chủ được thể hiện sâu hơn trong phần cuối của đoạn trích. Càng yêu chủ bao nhiêu thì Bấc lại càng sợ mất bấy nhiêu. Bởi vậy, nó luôn bám theo Thoóc-tơn và không rời anh nửa bước. Chi tiết Bấc không ngủ "trườn qua giá lạnh đến tận mép lều, đứng đấy, lắng nghe tiếng thở đều đều của chủ..." rất sống động, có sức diễn tả lớn hơn cả những lời giải bày trực tiếp, nó biểu hiện khả năng quan sát và miêu tả rất tinh tế của tác giả.

Sức hấp dẫn của đoạn trích này nói riêng và cả truyện ngắn *Tiếng gọi nơi hoang dã* nói chung đối với bạn đọc còn ở ý nghĩa xã hội sâu sắc mà nó đã gợi lên. Trong cuộc đua tranh khốc liệt để giành giật của cải, giành giật sự sống của con người, mọi quan hệ tình cảm đều bị đẩy xuống hàng thứ yếu. Tình cảm, lòng yêu thương sâu sắc giữa Bấc và Thoóc-tơn là lời ca ca ngợi những tình cảm nhân hậu, cao quý, kêu gọi con người hãy tạm gác lại những đam mê vật chất để hướng đến một cuộc sống tốt đẹp, có ý nghĩa hơn.

MỤC LỤC

PHẦN I. NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

Khuyên mọi người chăm chỉ lao động, tục ngữ có câu: *Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ.* Đồng thời lại có câu: *Giàu đâu những kẻ ngủ trưa,* *Sang đâu những kẻ say sưa tối ngày.* Em hãy giải thích ý nghĩa các câu tục ngữ trên và lấy dẫn chứng để chứng minh.	50
Trong lời di chúc, Bác Hồ viết: *"Tôi để lại muôn vàn tình thương yêu cho toàn dân, toàn Đảng, cho toàn thể bộ đội, cho các cháu thanh niên và nhi đồng".* Dựa vào những tác phẩm đã học hoặc đã đọc cũng như những mẩu chuyện sinh động trong thực tế, em hãy chứng minh rằng Bác Hồ đã dành cho toàn dân ta, đặc biệt là thiếu niên, nhi đồng một tình thương yêu bao la sâu nặng.	52
Nhiều người còn chưa hiểu rõ thế nào là *"học đi đôi với hành"* và vì sao ta rất cần phải *"theo điều học mà làm"* như lời La Sơn Phu Tử trong bài *Bàn luận về phép học.* Hãy viết một bài văn nghị luận để giải đáp những thắc mắc nêu trên.	54
Hãy làm sáng tỏ câu tục ngữ: *Có công mài sắt có ngày nên kim.*	57
Ai cũng biết tàn phá rừng là tự thắt cổ mình, vì sự tàn phá đó chính là sự tàn phá môi trường sinh thái. Em hãy giải thích và chứng minh điều đó để người có hành động phá rừng hiểu việc làm sai lầm của họ. Từ đó, họ có ý thức tốt hơn trong việc bảo vệ rừng.	59
Nhân dân ta xưa có câu: *Một cây làm chẳng nên non* *Ba cây chụm lại nên hòn núi non.* Dựa vào lịch sử đấu tranh bảo vệ đất nước và lao động xây dựng đất nước của nhân dân ta để chứng minh sự đúng đắn của câu ca dao trên.	61

Hãy làm rõ cái hay về đoạn thơ trích trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du: *Buồn trông cửa bể chiều hôm,* *Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?* *Buồn trông ngọn nước mới sa,* *Hoa trôi man mác biết là về đâu?* *Buồn trông nội cỏ dầu dầu,* *Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.* *Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,* *Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.*	111
Em hãy phân tích đoạn trích *Chị em Thúy Kiều* để thấy *vẻ đẹp, tài năng và đức hạnh* của Thúy Vân, Thúy Kiều cũng như *tấm lòng nhân đạo mênh mông* của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du.	115
Phân tích đoạn thơ *Mã Giám Sinh mua Kiều* (*Truyện Kiều* – Nguyễn Du*)*.	118
Phân tích nhân vật Thúy Kiều trong *Truyện Kiều* của thiên tài văn học Nguyễn Du.	124
Sau khi bày mưu tính kế hiểm độc, lừa mị Kiều, dụ dỗ Từ Hải ra hàng rồi phục binh giết chết, Hồ Tôn Hiến đã giở trò sàm sỡ với nàng Kiều đang tan nát cõi lòng. Tỉnh ra, Hồ Tôn Hiến liền ép gả Kiều cho một tên thổ quan. Thúy Kiều tiếp tục rơi vào bi kịch hết sức xót xa, tủi nhục: *Nàng càng ủ liễu, phai đào,* *Trăm phần nào có phần nào phần tươi?* *Đành thân cát dập, sóng vùi,* *Cướp công cha mẹ, thiệt đời thông minh!* .... *Một mình cay đắng trăm đường,* *Thôi thì nát ngọc tan vàng thì thôi!* *Mảnh trăng đã gác non đoài,* *Một mình luống những đứng ngồi chưa xong!* Em hãy phân tích đoạn thơ trên.	129

B. VĂN HỌC HIỆN ĐẠI VIỆT NAM

Hãy phát biểu suy nghĩ của em về bài thơ *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* của Nguyễn Khoa Điềm.	184
Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi *Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ* *Mẹ đang tỉa bắp trên núi Ka-lưi* *Lưng núi thì to mà lưng mẹ nhỏ* *Em ngủ ngoan em đừng làm mẹ mỏi* *Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi* *Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng* *Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi* *Mẹ thương a-kay, mẹ thương làng đói* *Con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều* *Mai sau con lớn phát mười Ka-lưi...* (Trích *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* – Nguyễn Khoa Điềm) Em hãy phân tích đoạn thơ trên.	186
Trong bài thơ *Bếp lửa*, nhà thơ Bằng Việt có viết: *Một bếp lửa chờn vờn sương sớm* *Một bếp lửa ấp iu nồng đượm* *Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.* .... *Mẹ cùng cha công tác bận không về* *Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe* *Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học.* *Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc,* *Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà* *Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?* Đoạn thơ trên đã đọng lại trong tâm hồn của em những suy nghĩ và cảm xúc gì?	189
Phân tích *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của nhà thơ Phạm Tiến Duật.	192

C. VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI

BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC TẬP LÀM VĂN 9

Th.s PHẠM NGỌC THẮM

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc – Tổng Biên tập

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG

Biên tập: TRẦN THỊ LY
Sửa bản in: SƠN CA
Trình bày: TƯỜNG NGHI
Bìa: TƯỜNG LINH

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
NHÀ SÁCH TỔNG HỢP
62 Nguyễn Thị Minh Khai – Q.1 – TP. HCM
Điện thoại: 38225340 – 38296764 – 38220405 – 38296713
Fax: 84.83.822726
Email: tonghop@nxbhcm.com.vn
Website: www.nxbhcm.com.vn/ www.sachweb.vn

Thực hiện liên kết:
Nhà sách SAO MAI

In lần thứ: 1. Số lượng: 2000 cuốn, khổ 16 x 24 cm.
Tại CÔNG TY TNHH MTV in Đường Sắt Sài Gòn.
Địa chỉ: 136/1A Trần Phú, Quận 5, TP. HCM.
GPXB số: 1098-13/CXB/16-135/THTPHCM.
QĐXB số: 1393/QĐ-THTPHCM. ISBN: 978-604-58-0794-1
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2014.

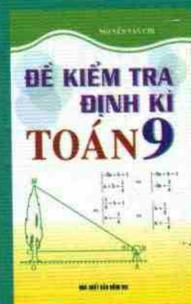










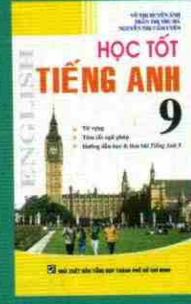




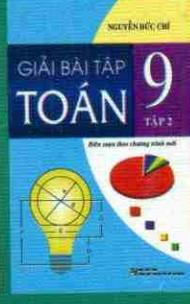




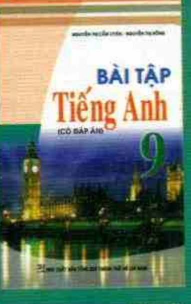


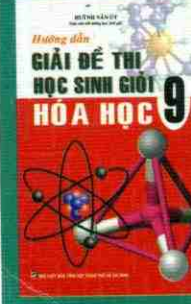


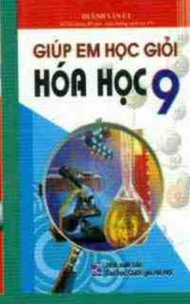


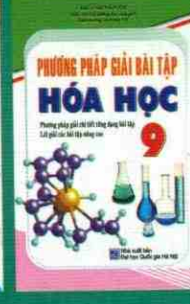




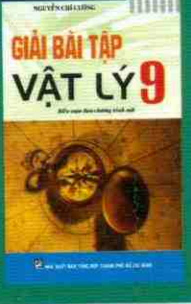












Phát hành tại:

Nhà sách SAO MAI

284 Bà Hạt - P.9 - Q.10 - TP.HCM

Điện Thoại: (08) 3927 1553 - 0903 823 701

Fax: (08) 3927 3281

Email: saomaibookstore@yahoo.com

Xin liên hệ trực tiếp với chúng tôi



Giá: 49.000đ